

United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization
Tổ chức Giáo dục,
Khoa học và Văn hóa
của Liên Hợp Quốc

Ha Noi Office
Office of the Representative to
the Socialist Republic of Viet Nam
Member of United Nations Team
Văn phòng Hà Nội
Văn phòng Đại diện tại nước
Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Thành viên của Liên Hợp Quốc


United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization
Tổ chức Giáo dục,
Khoa học và Văn hóa
của Liên Hợp Quốc

**Viet Nam
National Commission
for UNESCO**
**Ủy ban Quốc gia
UNESCO Việt Nam**

Báo cáo tổng kết việc thực hiện Bản ghi nhớ giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) giai đoạn 2010 - 2015

*Văn phòng UNESCO Hà Nội và Ủy ban Quốc gia
UNESCO Việt Nam*

Lời nói đầu

Bản ghi nhớ hợp tác giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) giai đoạn 2010 - 2015, được ký kết tại Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2010, giữa Thứ trưởng Bộ Ngoại giao kiêm Chủ tịch Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và Tổng Giám đốc UNESCO nhân chuyến thăm của Bà tới Việt Nam.

Mục đích của Bản ghi nhớ này là nhằm thúc đẩy sự hợp tác giữa Việt Nam và UNESCO trong 05 lĩnh vực chuyên môn của UNESCO, đó là: Giáo dục; Khoa học Tự nhiên; Khoa học Xã hội và Nhân văn; Văn hóa; Thông tin và Truyền thông, cũng như trong khuôn khổ phối hợp liên ngành nhằm triển khai các sáng kiến liên quan đến phát triển bền vững. Việc thực hiện những hoạt động này góp phần hiện thực hóa Kế hoạch Chung Liên Hợp Quốc giai đoạn 2012-2016, khung chương trình chung trong đó đề ra những hỗ trợ của Liên Hợp Quốc cho Chính phủ và nhân dân Việt Nam trong thời kỳ này.

Báo cáo được cập nhật định kỳ và cung cấp các thông tin liên quan đến thành tựu và tiến độ thực hiện từng điều khoản của Bản ghi nhớ hợp tác. Đây là nỗ lực chung của toàn thể gia đình UNESCO, bao gồm Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam; các Bộ, ngành hữu quan và các cơ quan là Phó chủ tịch hoặc Ủy viên của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, Trụ sở UNESCO, Văn phòng Giáo dục UNESCO khu vực châu Á-Thái Bình Dương tại Băng Cốc, Văn phòng Khoa học Khu vực châu Á - Thái Bình Dương của UNESCO tại Jakarta, các Viện trực thuộc UNESCO đã đóng góp kỹ thuật cho Việt Nam, và Văn phòng UNESCO Việt Nam.

Chúng tôi bày tỏ sự hài lòng về những tiến bộ đáng kể đạt được đến năm 2015 hướng tới các mục tiêu đề ra trong Bản ghi nhớ hợp tác. Kinh nghiệm và bài học thu được trong suốt quá trình này sẽ tiếp tục củng cố và tăng cường việc thực hiện Bản ghi nhớ hợp tác giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và UNESCO giai đoạn 2016-2020, ký tại Pa-ri, Pháp, ngày 01 tháng 12 năm 2015.

Chúng tôi mong Việt Nam và UNESCO tiếp tục hợp tác giữa nhằm phát triển bền vững đất nước, nâng cao vị thế của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế, cũng như hỗ trợ các ưu tiên quốc gia nhằm đưa Việt Nam trở thành xã hội học tập hòa nhập, có khả năng thích ứng và bền vững.



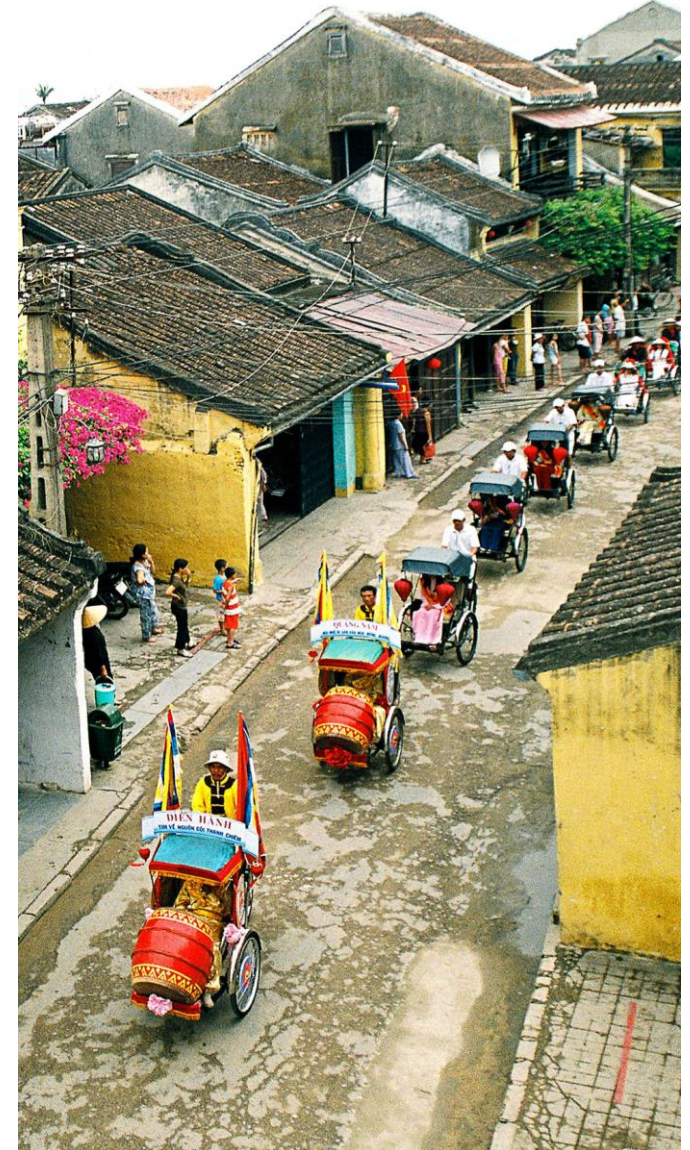
Phạm Sanh Châu

Tổng Thư ký Ủy ban Quốc gia UNESCO
Việt Nam



Katherine Muller-Marin

Trưởng Đại diện UNESCO tại Việt Nam, Giám đốc Văn
phòng UNESCO tại Hà Nội



Mục lục

Lời nói đầu	02
Tổ chức, Cơ quan và Ủy ban tham gia Báo cáo	04
Bản ghi nhớ Việt Nam-UNESCO và Kế hoạch chung Liên Hợp Quốc tại Việt Nam 2012-2016	05
Giáo dục.....	06
Khoa học tự nhiên	40
Khoa học Xã hội và Nhân văn	65
Văn hóa.....	73
Thông tin và Truyền thông	90
Ủy ban Quốc gia	104



Các tổ chức, cơ quan, ban ngành tham gia xây dựng báo cáo:

Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam

Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT)

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH&TT&DL)

Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT)

Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN)

Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT)

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT)

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (Viện KHXH)

Ủy ban Quốc gia Chương trình Con người và Sinh quyển Việt Nam (MAB Việt Nam)

Ủy ban Quốc gia Chương trình Ký ức Thế giới Việt Nam

Ủy ban Liên Chính phủ về Hải dương học Việt Nam (IOC Việt Nam)

Ủy ban Quốc gia Chương trình Thủy văn quốc tế (IHP Viet Nam)

Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV)

Đài Truyền hình Việt Nam (VTV)

Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN)

Đầu mối Quốc gia về Công viên địa chất Toàn cầu

Trụ sở UNESCO

Văn phòng Khu vực về Giáo dục châu Á và Thái Bình Dương của UNESCO tại Băng Cốc

Văn phòng Khu vực về Khoa học châu Á và Thái Bình Dương của UNESCO tại Jakarta

Trung tâm Quốc tế về Đào tạo Nghề UNESCO (UNEVOC)

Viện Học tập Suốt đời UNESCO (UIL)

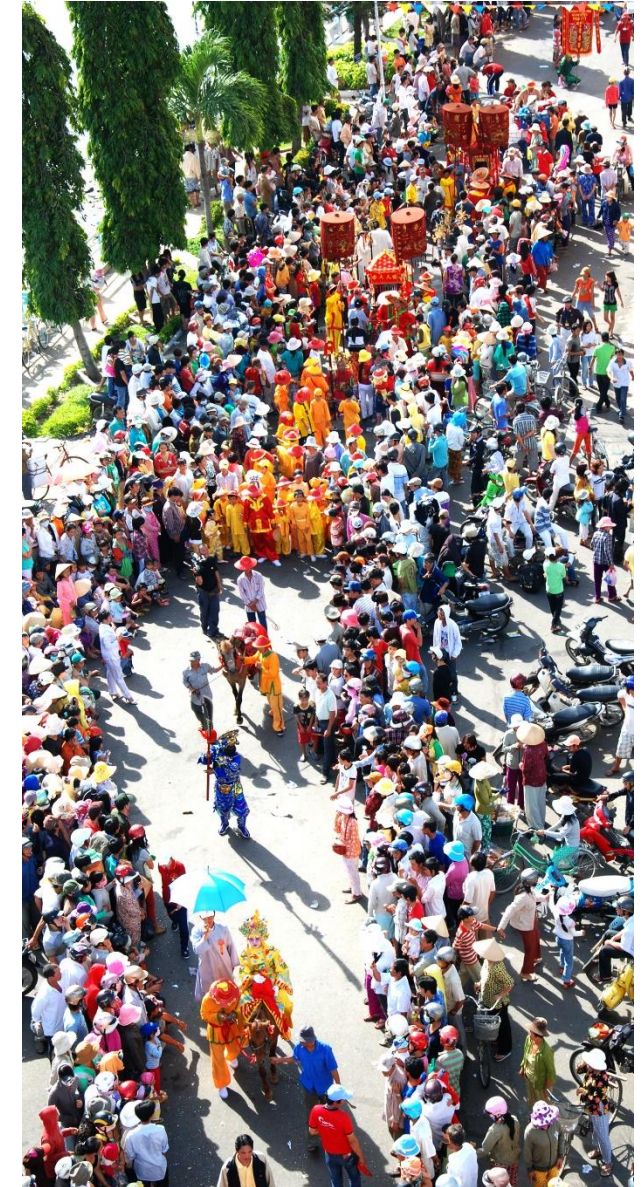
Viện Kế hoạch Giáo dục UNESCO (IIEP)

Ủy bản Hải dương học Quốc tế UNESCO (IOC)

Viện Thống kê UNESCO (UIS)

Văn phòng Quốc tế về Giáo dục của UNESCO (IBE)

Văn phòng UNESCO tại Việt Nam



Bản ghi nhớ Việt Nam-UNESCO và Kế hoạch chung Liên Hợp Quốc tại Việt Nam 2012-2016

Kết quả kế hoạch chung 2012-2016	Các điều của MOU
LĨNH VỰC TRỌNG TÂM THỨ NHẤT CỦA LHQ: TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG, CÔNG BẰNG VÀ CHO TẤT CẢ MỌI NGƯỜI	
Mục tiêu 1.1: Đến năm 2016, các cơ quan trung ương chính xây dựng và giám sát các chính sách phát triển kinh tế - xã hội lấy con người làm trung tâm, phát triển xanh và dựa vào bằng chứng nhằm đảm bảo chất lượng tăng trưởng của một nước có thu nhập trung bình	21, 22, 23, 24, 27, 28, 29, 30, 32, 33, 35, 36, 37, 43.
Mục tiêu 1.2: Đến năm 2016, các thể chế tạo cơ hội việc làm tốt cho những người trong độ tuổi lao động, đặc biệt cho các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi nhất, để họ được hưởng lợi từ quá trình chuyển đổi kinh tế-xã hội	9, 31
Mục tiêu 1.3: Đến năm 2016, các cơ quan trung ương và địa phương chủ chốt phối hợp với khu vực tư nhân và các cộng đồng xây dựng và giám sát các chiến lược, cơ chế và nguồn lực đa ngành để hỗ trợ thực hiện các công ước quốc tế phù hợp và giải quyết hiệu quả việc thích nghi và giảm thiểu biến đổi khí hậu cũng như quản lý nguy cơ thảm họa.	7, 12, 15, 16, 19, 22, 23, 27, 29, 42
Mục tiêu 1.4: Đến năm 2016, các cơ quan trung ương và địa phương chủ chốt phối hợp với khu vực tư nhân và các cộng đồng thực hiện và giám sát việc thực hiện các pháp luật, chính sách và chương trình nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và quản lý môi trường, đồng thời thực hiện các cam kết trong các công ước quốc tế	12, 13, 14, 17, 18, 20, 25, 33
LĨNH VỰC TRỌNG TÂM THỨ HAI CỦA LHQ: TIẾP CẬN AN SINH XÃ HỘI VÀ CÁC DỊCH VỤ THIẾT YẾU CÓ CHẤT LƯỢNG	
Mục tiêu 2.3: Đến năm 2016, chất lượng và quản lý hệ thống giáo dục và đào tạo được nâng cao đồng thời với việc tăng cường tiếp cận với giáo dục mầm non, tiểu học và giáo dục thường xuyên đặc biệt dành cho nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi nhất	1, 2,3, 4, 5, 6,7, 8, 9, 10, 11, 34
Mục tiêu 2.4: Đến năm 2016, các cơ quan trung ương và địa phương, phối hợp với cộng đồng giải quyết bất bình đẳng một cách tích cực hơn thông qua thực hiện và giám sát các luật, chính sách và chương trình nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, ứng phó hiệu quả và bền vững với vấn đề HIV, giảm kỳ thị và phân biệt đối xử.	10
LĨNH VỰC TRỌNG TÂM THỨ 3 CỦA LHQ: QUẢN TRỊ VÀ SỰ THAM GIA	
Mục tiêu 3.1: Đến năm 2016, các cơ quan dân cử có khả năng tốt hơn trong việc xây dựng luật và giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, đồng thời đại diện cho nguyện vọng của nhân dân Việt Nam, đặc biệt là phụ nữ, dân tộc thiểu số, các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi khác.	23, 28
Mục tiêu 3.2: Đến năm 2016, tất cả công dân, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi nhất, được hưởng lợi từ tăng cường cải cách pháp luật và tư pháp, tăng khả năng tiếp cận công lý, nâng cao năng lực cán bộ pháp luật và tư pháp, và củng cố các khuôn khổ pháp lý quốc gia để hỗ trợ thực hiện các công ước quốc tế mà Việt Nam đã phê chuẩn.	23, 28, 44
Mục tiêu 3.3: Đến năm 2016, chất lượng hoạt động của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được cải thiện, thông qua việc tăng cường điều phối, trách nhiệm giải trình, tính minh bạch và các nỗ lực chống tham nhũng, sẽ làm giảm sự chênh lệch và bảo đảm tiếp cận dịch vụ công cho các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi nhất	23, 28, 33, 38, 39, 40, 42

Giáo dục

Điều 1: Hỗ trợ thực hiện Kế hoạch Hành động Quốc gia về Giáo dục cho Mọi người (2003 - 2015) thông qua việc thường xuyên rà soát, theo dõi và tăng cường phối hợp giữa các đối tác trong ngành giáo dục và huy động nguồn lực nhằm đạt các Mục tiêu về Giáo dục cho Mọi người vào năm 2015.

Bộ GD&ĐT và UNESCO - Cơ quan Điều phối Quỹ Đối tác Toàn cầu về Giáo dục (GPE: trước đây còn gọi là Sáng kiến Giải ngân Nhanh Giáo dục cho Mọi người) đã rà soát và cập nhật Kế hoạch hành động quốc gia Giáo dục cho mọi người 2003-2015. Thông qua hoạt động này, các bên đã **nhận thức được những ưu tiên mà Việt Nam cần phải đạt được đến 2015**, đó là những thách thức trong cả phổ cập giáo dục tiểu học và chú trọng đến chất lượng và bình đẳng, phù hợp với Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 (EDSP). Bộ GD&ĐT chủ trì cập nhật và xây dựng dự toán tương ứng cho Kế hoạch Hành động đã được xem xét với sự hỗ trợ kỹ thuật của Văn phòng Giáo dục UNESCO khu vực châu Á Thái Bình Dương. Thông qua quá trình này:

- Bộ GD&ĐT đã tiếp cận Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về đánh giá thực hiện GDCMN do UNESCO xây dựng khi tham gia Hội nghị Kỹ thuật Khu vực tại Băng Cốc. **Một Nhóm công tác trong nước đã được thành lập để tiến hành đánh giá tình hình thực hiện GDCMN năm 2015**, gồm một tư vấn trong nước Vai trò và trách nhiệm của từng bên liên quan chủ chốt được xác định rõ trong kế hoạch công tác. Đề cương báo cáo đánh giá tình hình thực hiện GDCMN được phác thảo, bao gồm những thông tin cơ bản, số liệu và chỉ số cần được trình bày, những ưu tiên và mục tiêu của Bộ GD&ĐT trong việc thực hiện các mục tiêu GDCMN, vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan chủ chốt và dự toán cho từng hoạt động.
- **Báo cáo thực hiện GDCMN của Việt Nam được tổng hợp vào báo cáo Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và được trình bày tại Hội nghị Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương** tại Băng Cốc vào tháng 8 năm 2014. Các cuộc họp kỹ thuật được Nhóm đánh giá GDCMN của Bộ GD&ĐT chủ trì nhằm thảo luận việc viết báo cáo. Có ít nhất 6 cuộc họp kỹ thuật diễn ra tại Băng Cốc thảo luận các chủ đề liên quan đến GDCMN, như vấn đề chất lượng và bình đẳng trong giáo dục, đồng thời chia sẻ những kinh nghiệm về GDCMN. Theo đề nghị của Bộ GD&ĐT, UNESCO đã hỗ trợ biên tập báo cáo bằng tiếng Anh và in báo cáo bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh để phổ biến rộng rãi.
- Những khuyến nghị chính sau đây được trình bày sau khi Kế hoạch hành động quốc gia GDCMN giai đoạn 2003-2015 được hoàn thiện: i) đảm bảo rằng những đối tượng thiệt thòi nhất được tiếp cận ít nhất một năm giáo dục mầm non có chất lượng, ii) tăng cường ngôn ngữ tiếng Việt thông qua tiếng mẹ đẻ và giáo dục hòa nhập và iii) cải thiện cơ chế đảm bảo chất lượng (GDCMN) bằng việc tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục địa phương.
- Trên cơ sở Kế hoạch Hành động GDCMN hoàn thiện giáo dục mầm non (phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi) và giáo dục tiểu học có chất lượng được xác định là những ưu tiên GDCMN cần hỗ trợ kinh phí. Bộ GD&ĐT đã quyết định ưu tiên đề xuất Dự án mô hình trường tiểu học mới (VNEN) để xin kinh phí của GPE, trong khi Ngân hàng Thế giới đã nhất trí tăng giá trị khoản vay cho dự án giáo dục mầm non.

Hội nghị Ban Giám đốc Quỹ Toàn cầu vào ngày 31 tháng 7 năm 2012 đã phê duyệt kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án của Việt Nam trong khuôn khổ sáng kiến mô hình nhà trường kiểu mới của GPE (GPE-VNEN), dựa trên Mô hình Escuela Nueva ở Cô-lôm-bi-a. Việt Nam đã nhận được khoản tài trợ trị giá 84,6 triệu USD cho dự án này. Trong quá trình hình thành dự án, với việc chú trọng vào công tác đổi mới sư phạm toàn hệ thống lấy người học làm trung tâm, UNESCO luôn tham vấn và khuyến khích sự tham gia của các đối tác Nhóm Công tác Ngành Giáo dục (ESG), đồng thời đóng vai trò là cầu nối giữa Việt Nam và Ban thư ký GPE, đặt tại Thủ đô Washington D.C., Hoa Kỳ.

Dự án VNEN chính thức được khởi động vào tháng 3 năm 2013. Những thay đổi bước đầu trong nhà trường do sự tác động của dự án đã được Đoàn đánh giá chung của Bộ GD&ĐT, ESG và Ngân hàng Thế giới ghi nhận, đặc biệt là việc trẻ em đã phát huy thái độ tích cực như tính sáng tạo, tự tin, trách nhiệm và kỹ năng giao tiếp cho học tập suốt đời. Ghi nhận ban đầu cho thấy thành tích học tập của học sinh và sự hăng say của các em trong học tập là nguồn cổ vũ đối với giáo viên và phụ huynh, đồng thời sự hỗ trợ của phụ huynh và cộng đồng tăng lên; phương pháp học tập đồng đẳng và giải quyết vấn đề theo nhóm nhỏ của VNEN giúp phát huy thái độ tích cực chủ động, sáng tạo, tự trọng, tự lực, trách nhiệm, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng xã hội; các nhà trường thuộc dự án VNEN



tao nhiều cơ hội học tập cho học sinh trong nhà trường. Những thách thức cũng được phân tích bao gồm động lực của hiệu trưởng và giáo viên; cơ sở vật chất, trang thiết bị và đồ dùng dạy học; giảm chênh lệch vùng miền trong kết quả học tập; sự tham gia của phụ huynh/bảo hộ, đặc biệt là từ những gia đình nghèo khó nhất; và tiếp cận cộng đồng và doanh nghiệp địa phương. Những phát hiện của đoàn Đánh giá được thảo luận tại buổi họp tổng kết.



Kinh nghiệm về “Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non” tại Việt Nam và các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy giáo dục mầm non có chất lượng ở Việt Nam được thảo luận tại một Diễn đàn do UNESCO, Ngân hàng Thế giới, UNICEF, Tổ chức Plan tại Việt Nam, Cơ quan Phát triển Quốc tế New Zealand (NZAID), Tổ chức Cứu trợ Trẻ em (Save the Children), Tổ chức Hợp tác Phát triển và Hỗ trợ kỹ thuật vùng Fla-măng, Vương quốc Bỉ (VVOB) và các tổ chức phi chính phủ và đối tác phát triển khác. Có 3 đại biểu của Trung tâm học tập cộng đồng TP. Hải Dương và Sở GD&ĐT Hải Dương, và một đại biểu của Sở GD&ĐT Bình Dương đã tham dự Diễn đàn và chia sẻ kinh nghiệm về chương trình giáo dục các bậc phụ huynh thông qua TTHTCĐ.



Việt Nam đã và đang **đảm nhiệm vai trò tích cực trong dự án hợp tác giữa UNESCO và SEAMEO: “Phát triển giáo viên mầm non khu vực Đông Nam Á”**, do Chính phủ Nhật Bản tài trợ. Dự án nhằm mục đích góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non thông qua chuyên môn hóa và nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên mầm non. Sau Hội nghị các quan chức giáo dục cấp cao lần thứ 38 của các nước thành viên SEAMEO (tháng 11 năm 2015), Việt Nam đã phê chuẩn “Tài liệu hướng dẫn phát triển và quản lý giáo viên mầm non khu vực Đông Nam Á” - sản phẩm chính của dự án.

- Những đóng góp chính của Chính phủ Việt Nam, thông qua Bộ GD&ĐT, bao gồm:
 - (1) Hoàn thiện Bản phiếu hỏi điều tra liên quan đến giáo viên mầm non
 - (2) Tham gia 2 hội thảo khu vực tại Băng Cốc (tháng 7 năm 2014 và tháng 3 năm 2015)
 - (3) Xây dựng dự thảo lộ trình quốc gia để triển khai áp dụng tài liệu hướng dẫn (tại hội thảo thứ 2)
 - (4) Đóng góp ý kiến cho dự thảo tài liệu hướng dẫn
 - (5) Phê chuẩn tài liệu rà soát (bởi một vị quan chức cấp cao – là đại diện tham dự Hội nghị các quan chức giáo dục cấp cao lần thứ 38 của các nước thành viên SEAMEO).



Thành tựu của Việt Nam trong việc nâng cao chất lượng, xây dựng và thực hiện các chính sách và biện pháp đổi mới nhằm thúc đẩy hệ thống giáo dục quốc dân phát triển cũng như nâng cao vị thế cạnh tranh trên trường quốc tế được trình bày tại Diễn đàn Giáo dục Thế giới (Incheon, Cộng hòa Hàn Quốc) vào tháng 4 năm 2015. Với hỗ trợ của UNESCO, Thứ trưởng Bộ GD&ĐT đã tham gia đoàn chủ tọa phiên thảo luận về chất lượng giáo dục tiểu học và trung học.



Trong vai trò là cơ quan điều phối Dự án mô hình trường tiểu học mới của Quỹ Đối tác Toàn cầu về Giáo dục (GPE-VNEN), UNESCO đã hỗ trợ kỹ thuật cho Bộ GD&ĐT và khuyến khích lệ đóng góp của ESG cho cam kết của Việt Nam tại Hội nghị bổ sung kinh phí lần 2 của Quỹ Đối tác Toàn cầu về Giáo dục (GPE). Cam kết của Việt Nam tập trung vào 5 lĩnh vực ưu tiên, bao gồm: dành 20% ngân sách quốc gia cho giáo dục, tăng cường chất lượng và bình đẳng trong giáo dục, lồng ghép bình đẳng giới, tích hợp Giảm thiểu rủi ro thảm họa và biến đổi khí hậu vào chương trình giáo dục, và cải thiện công tác thống kê, đo lường. UNESCO Việt Nam đã có nhiều hỗ trợ cho các Đoàn công tác chung của GPE-VNEN. Ngoài ra, UNESCO Việt Nam còn có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng Biên bản ghi nhớ của Đoàn.



Tuần lễ hành động GDCMN toàn cầu vào các năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014 và 2015, do Bộ GD&ĐT chủ trì, với sự hỗ trợ của UNESCO cùng với các đối tác GDCMN tại Việt Nam tiến hành vận động GDCMN.

- Tại Tuần lễ hành động GDCMN toàn cầu năm 2010, buổi lễ hưởng ứng Tuần lễ toàn cầu hành động vì Giáo dục với thông điệp “Tăng cường đầu tư cho Giáo dục” đã được tổ chức ở Việt Nam ngay cả trong những thời điểm khó khăn về kinh tế. Nhân dịp FIFA World Cup 2010, chiến dịch Tuần lễ toàn cầu hành động vì giáo dục dùng hình ảnh quả bóng để thể hiện khẩu hiệu “Một bàn thắng - Một mục tiêu: Giáo dục cho Mọi người”. Các tổ chức đối tác tham gia bao gồm Action Aid, ChildFund, World Vision, Aide de Action, Oxfam, Mạng lưới Hiệp ước Toàn cầu Việt Nam - Phòng Thương mại và Công



ngiệp Việt Nam (VCCI), Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam (VAPCR), Trung tâm Chuyển giao Công nghệ Giáo dục, Sức khỏe và Môi trường (DHA), Trung tâm Hỗ trợ Giáo dục và Nâng cao Năng lực Phụ nữ (CEPEW), Hội Khuyến học Việt Nam (VLPA), và UNESCO cùng với Trung tâm Hỗ trợ Giáo dục Không Chính quy và Phát triển Cộng đồng (CENEV).

- Trong Tuần lễ hành động GDCMN toàn cầu năm 2011, chiến dịch truyền thông được tổ chức ở Việt Nam với chủ đề “Giáo dục cho phụ nữ và trẻ em gái thiệt thòi”. Có 9 tổ chức, bao gồm Bộ GD&ĐT, Action Aid, Aide et Action, Child Fund, ILO, UNICEF, Ủy ban quốc gia Giáo dục cho Mọi người, World Vision và UNESCO đã hỗ trợ chiến dịch này bằng việc xây dựng một trang web về Tuần lễ toàn cầu hành động giáo dục cho mọi người, đồng thời chia sẻ các thông điệp qua các buổi tọa đàm trên phát thanh và truyền hình với sự tham gia của các cơ quan giáo dục, giáo viên và người học là người dân tộc thiểu số. Cuốn sách với các câu chuyện kể về việc giáo dục đã thay đổi cuộc đời của nhiều phụ nữ và trẻ em gái thiệt thòi như thế nào đã được xuất bản bằng tiếng Việt và đăng tải trên trang web của UNESCO.
- Trong Tuần lễ hành động GDCMN toàn cầu năm 2012, Tuần lễ GDCMN được tổ chức ở Việt Nam nhằm nâng cao nhận thức của công chúng và các cơ quan của Chính phủ về chăm sóc và giáo dục mầm non thông qua buổi lễ với chủ đề: “Chung tay vì sự phát triển toàn diện của trẻ”. Mục tiêu của năm 2012 nhằm nêu bật tầm quan trọng của các bậc phụ huynh, những người chăm sóc chính, các cơ quan của nhà nước và các ban, ngành xã hội, đồng thời thúc đẩy mối quan hệ giữa các bên liên quan chủ chốt tham gia công tác chăm sóc và giáo dục mầm non.
- Sự kiện Tuần lễ hành động GDCMN toàn cầu năm 2013 được tổ chức với chủ đề “Học sinh nào cũng có quyền có giáo viên tốt”. Chiến dịch vận động bao gồm một chuyên mục mang tên “Giáo viên tốt cho người học thế kỷ 21” được đăng tải trên Báo Giáo dục và Thời đại và Tạp chí Khoa học Giáo dục, kéo dài trong 3 tháng, nhằm khuyến khích công chúng, đặc biệt là các nhà khoa học, người học, phụ huynh và các công dân có trách nhiệm, chia sẻ ý tưởng và khuyến nghị thông qua các bài viết về cách hỗ trợ giáo viên tốt hơn để đáp ứng nhu cầu của người học và của xã hội trong thế kỷ 21. Số lượng phát hành của Báo Giáo dục và Thời đại là 23.000 bản trên mỗi số và của Tạp chí Khoa học Giáo dục là 7.000 mỗi số, được xuất bản định kỳ 2 tháng một lần. Số lượng độc giả tiếp cận được chuyên mục này lên tới hàng trăm nghìn. Lịch đề bàn năm 2014 về chiến dịch vận động năm 2013, cùng với các hình ảnh và thông tin về những hoạt động giáo dục quan trọng từ các tổ chức tham gia, được in và phân phát vào tháng 12 năm 2013.
- Trong Tuần lễ hành động GDCMN toàn cầu năm 2014, Việt Nam đã tăng cường thực hiện các chính sách, chương trình và biện pháp nhằm đảm bảo giáo dục hòa nhập có chất lượng, giúp người khuyết tật vượt qua trở ngại để tiếp cận giáo dục và thụ hưởng quyền giáo dục, thông qua các cuộc thảo luận giữa người khuyết tật, phụ huynh, giáo viên, chính quyền địa phương và các nhà hoạch định chính sách, với chủ đề “Người khuyết tật có quyền thụ hưởng một nền giáo dục chất lượng, thân thiện và bình đẳng”. Lễ phát động được tổ chức tại thành phố Huế với sự tham gia của hơn 200 đại biểu. Các hoạt động hưởng ứng được tổ chức trên khắp cả nước ở cấp địa phương. Năm 2014, nhiều hoạt động do Bộ GD&ĐT chủ trì với sự hỗ trợ của UNESCO được thực hiện với sự tham gia tích cực của các cơ quan LHQ (ILO, UNESCO, UNICEF và UNDP) cũng như các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế bao gồm ChildFund Việt Nam, Tổ chức Cứu trợ Nhân đạo CRS Việt Nam, Oxfam Anh, Tổ chức Plan International, Liên minh vì Giáo dục cho mọi người Việt Nam, World Vision, Save the Children, Hội trợ giúp Người khuyết tật Việt Nam, World Concern, ActionAid, Trung tâm Hành động vì sự phát triển cộng đồng, Hội người khuyết tật thành phố Hà Nội, Chi hội người khiếm thính Hà Nội, Ban hành động vì sự phát triển hòa nhập (IDEA) và Hội Khuyến học Việt Nam.
- Tuần lễ hành động GDCMN toàn cầu năm 2015, do Bộ GD&ĐT chủ trì, phối hợp với ChildFund, Save the Children, Liên minh vì Giáo dục cho mọi người Việt Nam, World Vision, UNESCO, ILO và UNICEF được phát động với chủ đề “Quyền giáo dục 2000-2030 – Hãy bỏ phiếu cho Giáo dục!”. Chiến dịch xoay quanh 5 lĩnh vực trọng tâm: Quyền giáo dục, Giáo dục chất lượng, Học tập suốt đời, Giáo dục hòa nhập và Bình đẳng trong giáo dục. Chiến dịch Tuần lễ hành động GDCMN toàn cầu năm 2015 gồm các nội dung chính sau: một cuộc đối thoại chính sách vào ngày 28 tháng 5, một cuộc triển lãm vào các ngày 28-29 tháng 5 năm 2015 tại Bảo tàng Hồ Chí Minh và chiến dịch truyền thông trước, trong và sau sự kiện Tuần lễ nhằm phát đi các thông điệp của Tuần lễ hành động GDCMN toàn cầu bao gồm một thông cáo báo chí, bản tin trên đài phát thanh và truyền hình, áp phích và băng rôn. Tại hội thảo đối thoại chính sách, Bộ GD&ĐT đã nhìn lại những thành tựu và thách thức GDCMN; UNESCO chia sẻ những phát hiện chính trong



Báo cáo Giám sát Toàn cầu GDCMN năm 2015. Hội thảo đối thoại này góp phần tăng cường nâng cao nhận thức về Giáo dục cho Mọi người, với những thông điệp chính bao gồm: Bộ phiếu cho giáo dục, Mọi người đều có quyền được hưởng một nền giáo dục chất lượng; Giáo dục mầm non mang lại những lợi ích dài lâu cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; Trẻ em cần hoàn thành giáo dục trung học để tiếp thu những kỹ năng cơ bản; Độ ngũ giáo viên chất lượng là điều kiện tiên quyết cho một nền giáo dục chất lượng; Học không bao giờ là quá sớm và không bao giờ là quá muộn; Những bậc phụ huynh được giáo dục thường có con em được giáo dục; Giáo dục hòa nhập không chỉ đơn giản là một chỗ ngồi trong lớp; và, Trang bị cho mọi phụ nữ ở các quốc gia nghèo giáo dục trung học để giảm thiểu tử vong ở bà mẹ và trẻ sơ sinh.

Tóm tắt của Báo cáo Giám sát Toàn cầu GDCMN các năm 2013/2014 và 2015 được dịch sang tiếng Việt và phổ biến nhằm vận động cho vấn đề liên quan đến bình đẳng và chất lượng trong giảng dạy và học tập. Tài liệu này được một cán bộ nghiên cứu chính kiêm dịch giả có uy tín của Việt KHGD Việt Nam thực hiện và được UNESCO hiệu chỉnh. Tài liệu được in thành 280 bản và được gửi tới Bộ GD&ĐT, các Viện trực thuộc, các Sở GD&ĐT và các Tổ chức phi chính phủ sử dụng.

Trong Báo cáo Giám sát Toàn cầu GDCMN, Việt Nam đã được đề cập nhiều hơn trong những những tấm hình và nội dung phỏng vấn được thực hiện tại các nhà trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Với sự phối hợp giữa UNESCO Việt Nam, Trụ sở UNESCO và Bộ GD&ĐT vào tháng 9 năm 2013, một phóng viên nhiếp ảnh Việt Nam do Trụ sở UNESCO lựa chọn, cùng một chuyên gia của Bộ GD&ĐT với sự hỗ trợ của Phòng GD&ĐT cấp huyện và Sở GD&ĐT tỉnh Lào Cai, đã đến thăm và làm việc tại các nhà trường và cộng đồng nơi đây. Kết quả của chuyến công tác được nộp lên Nhóm soạn thảo Báo cáo Giám sát Toàn cầu GDCMN tháng 9 năm 2013.

Kỹ năng biết đọc biết viết, yếu tố sống còn trong xã hội tri thức hiện nay, để nâng cao nhận thức của người dân về xây dựng xã hội học tập và kinh tế tri thức tại Việt Nam được UNESCO nhấn mạnh tại lễ kỷ niệm 74 năm ngày tiếng Việt được sử dụng làm chữ quốc ngữ tại Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Nguyễn Văn Tố trong khuôn khổ Ngày Quốc tế xóa mù chữ và Ngày Việt Nam xóa mù chữ. Vụ Giáo dục Thường xuyên thuộc Bộ GD&ĐT và UNESCO Việt Nam đã tham gia các sự kiện và các buổi thảo luận do Câu lạc bộ “Chiến sĩ diệt dốt” Nguyễn Văn Tố, được thành lập dưới sự bảo trợ của Hiệp hội UNESCO Việt Nam, tổ chức. Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Nguyễn Văn Tố, là nơi Câu lạc bộ “Chiến sĩ diệt dốt” được thành lập cách đây hơn 100 năm, đang tiến hành các chương trình xóa mù chữ cho thanh thiếu niên, người lớn thất học và người học có hoàn cảnh khó khăn ở Vùng Đồng bằng Sông Hồng. Các thành viên của câu lạc bộ bao gồm các cựu giáo chức và những người ủng hộ phong trào bình dân học vụ vào năm 1945. Hơn 80-90 năm trôi qua nhưng phong trào này vẫn tiếp tục vận động xây dựng và thực hiện các chương trình giáo dục xóa mù chữ và giáo dục không chính quy tới Đảng, Quốc hội và truyền thông. Vụ Giáo dục Thường xuyên, Bộ GD&ĐT cũng tham vấn ý kiến trong quá trình xây dựng và giám sát các chương trình và chính sách xóa mù chữ.

Hội thảo quốc gia “Đẩy mạnh công tác xóa mù chữ trong tiến trình xây dựng Xã hội học tập đã nâng cao nhận thức về biết chữ, kể cả biết chữ cơ bản lẫn biết chữ hành dụng, trong xây dựng xã hội học tập tại Việt Nam Thế kỷ 21 cho 90 đại biểu thuộc các bộ, ngành văn hóa, giáo dục, nông nghiệp và lao động. Những kinh nghiệm ở cấp trung ương và địa phương trong việc triển khai các chương trình xóa mù chữ đã được chia sẻ tại hội thảo; các nhà hoạch định chính sách, nhà nghiên cứu, chính quyền địa phương và người học thuộc các lứa tuổi được khuyến khích đối thoại về cách thức điều phối các chương trình xóa mù chữ từ nhiều nguồn hiệu quả hơn để góp phần nâng cao hiệu quả điều phối giữa các ngành. Hội thảo cũng đã truyền đi thông điệp, biết chữ là điều kiện căn bản để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững được đề ra nhằm thúc đẩy “giáo dục hòa nhập, bình đẳng và học tập suốt đời cho mọi người”.

Hội thảo quốc tế “Giáo dục cho khu vực nông thôn trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế do Viện KHGD Việt Nam chủ trì, với sự hỗ trợ của UNESCO và Cơ quan trao đổi Hàn lâm Đức (DAAD), phối hợp với Bộ GD&ĐT đã đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng và sự bình đẳng đối với khu vực nông thôn và đẩy mạnh giáo dục nông thôn Thế kỷ 21, khi mà Việt Nam đang có những nỗ lực tái cấu trúc kinh tế to lớn.

Hội thảo “Tích hợp năng lực tổng hợp: Từ chính sách đến thực tiễn” được tổ chức tại Trụ sở Viện KHGD Việt Nam, với sự tham gia của Lãnh đạo Bộ GD&ĐT và các chuyên gia trong nước và quốc tế đã giúp tăng cường nghiên cứu và tích hợp năng lực tổng hợp trong bối cảnh đổi mới chương trình, sách giáo khoa. Hội thảo này UNESCO hỗ trợ; đại diện của UNESCO đã đồng chủ trì các phiên thảo luận trình bày các bài thuyết trình và những minh chứng sinh động trong khu



vực Châu Á – Thái Bình Dương. Sau hội thảo, các báo cáo nghiên cứu (Giai đoạn 2 và Giai đoạn 3) được hoàn thiện, góp phần vào nghiên cứu khu vực do UNESCO Băng Cốc thực hiện.

UNESCO và Bộ GD&ĐT, phối hợp với các thành viên ESG, thúc đẩy giáo dục hòa nhập cho chiến lược thực hiện các mục tiêu GDCMN. Một số hoạt động tiêu biểu gồm:

- **Nghiên cứu đánh giá đa quốc gia về giáo dục hòa nhập trong hệ thống đào tạo giáo viên** do UNESCO Băng Cốc thực hiện, phối hợp với Văn phòng UNESCO các nước, trong đó có Việt Nam. Nghiên cứu nhấn mạnh rằng vận động chính sách là yếu tố then chốt để thay đổi tư duy của các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý giáo dục, giảng viên sư phạm, giáo viên và các đối tượng liên quan khác, đồng thời đặt nền móng vững chắc để thúc đẩy giáo dục hòa nhập trong và thông qua đào tạo giáo viên.
- Một tập tài liệu hướng dẫn gồm 5 quyển về **Thúc đẩy đào tạo giáo viên hòa nhập: Hướng dẫn vận động, được xây dựng làm công cụ hướng dẫn vận động về giáo dục hòa nhập trong lĩnh vực đào tạo giáo viên phù hợp với bối cảnh và tình hình địa phương.** Nhằm thúc đẩy giáo dục hòa nhập ở Việt Nam, UNESCO đã phối hợp với Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội dịch sang tiếng Việt và điều chỉnh bộ tài liệu hướng dẫn. UNESCO Việt Nam hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật trong dịch thuật và các nghiên cứu trường hợp mới của Việt Nam được đưa vào bộ tài liệu hướng dẫn.
- Hội thảo 3 ngày **đã nâng cao sự hiểu biết và áp dụng phương pháp giáo dục hòa nhập** cho hơn 100 đại biểu (gồm các nhà quản lý giáo dục và giảng viên thuộc các trường đại học và cao đẳng sư phạm ở miền Bắc). Hội thảo, do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Bộ GD&ĐT phối hợp tổ chức với sự tài trợ của UNESCO, giới thiệu tập sách hướng dẫn **Thúc đẩy đào tạo giáo viên hòa nhập: Hướng dẫn vận động để đại biểu thảo luận nhằm xác định nhu cầu, cơ hội và thách thức trong việc tổ chức và quản lý đào tạo giáo viên hòa nhập trên thế giới và tại Việt Nam.**
- **Hội nghị Quốc tế về Giáo dục cho Trẻ khuyết tật học tập hoặc khuyến tật trí tuệ**, do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội phối hợp với Bộ GD&ĐT tổ chức với tài trợ của UNESCO đã **nâng cao nhận thức cho đại diện về tầm quan trọng của giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật.** Hội nghị tập trung vào 4 chủ đề: i) đánh giá học sinh khuyết tật học tập hoặc khuyến tật trí tuệ; ii) can thiệp, giáo dục và hỗ trợ học sinh khuyết tật học tập hoặc khuyến tật trí tuệ; iii) đào tạo, bồi dưỡng giáo viên về chuyên ngành giáo dục trẻ khuyết tật học tập hoặc khuyến tật trí tuệ, và iv) phúc lợi xã hội cho học sinh khuyết tật học tập hoặc khuyến tật trí tuệ. Nhằm tăng cường phổ biến kết quả hội nghị, UNESCO đã hỗ trợ in ấn và xuất bản một số bài viết tham dự hội nghị trên Tạp chí Thông tin Khoa học và Giáo dục của Bộ GD&ĐT.
- UNESCO Băng Cốc với sự hỗ trợ của các Văn phòng UNESCO quốc gia, trong đó có UNESCO Việt Nam đã thực hiện nghiên cứu điển hình về nhà trường hòa nhập trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. **Trường Tiểu học Hồ Thị Kỳ ở Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Tiểu học Phan Bội Châu ở tỉnh Đắk Lắk, trong đó có nhiều học sinh có hoàn cảnh đa dạng học tập trong môi trường giáo dục chính quy,** là những đơn vị nằm trong khuôn khổ nghiên cứu do Viện KHGD Việt Nam thuộc Bộ GD&ĐT thực hiện. Báo cáo nghiên cứu điển hình sẽ được phổ biến về giáo dục hòa nhập hiệu quả, thành công, đồng thời đóng góp vào kho tri thức toàn cầu về các phương pháp dạy và học theo hướng hòa nhập hiện đang được UNESCO xây dựng.
- UNESCO Băng Cốc thực hiện, phối hợp với các Văn phòng UNESCO quốc gia, trong đó có UNESCO Việt Nam tiến hành nghiên cứu khu vực về **Sử dụng ngôn ngữ trong lớp học tại các đồng bào dân tộc ngôn ngữ thiểu số.** Nghiên cứu này nhằm mục đích phân tích mối liên hệ giữa việc sử dụng ngôn ngữ (tiếng mẹ đẻ/ngôn ngữ địa phương hay ngôn ngữ chính thống/ngôn ngữ đa số) và tỷ lệ đi học, tham gia, duy trì và thành tích học tập của trẻ em đồng bào dân tộc ngôn ngữ thiểu số ở 4 quốc gia thuộc khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Số 1 Sín Chéng, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai và Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai là các đơn vị thuộc phạm vi nghiên cứu do Viện KHGD Việt Nam thực hiện. Những bài học vaf kinh nghiệm hay đã được tổng hợp. Kết quả của nghiên cứu này sẽ được đưa vào báo cáo tổng hợp khu vực và được trình bày tại Hội nghị Quốc tế lần thứ 5 về Ngôn ngữ và Giáo dục diễn ra vào tháng 10 năm 2016. Nghiên cứu sẽ tăng cường kiến thức và hiểu biết về các cách sử dụng ngôn ngữ trong lớp học theo tinh thần hòa nhập cũng như ý nghĩa sư phạm của nó đến các thực tiễn lớp học và khả năng học tập của học sinh.



Điều 2: Hỗ trợ thực hiện các kế hoạch và chương trình phát triển giáo dục của Chính phủ nhằm nâng cao chất lượng và sự phù hợp của giáo dục ở mọi cấp học từ giáo dục mầm non đến giáo dục đại học và giáo dục không chính quy.



Ưu tiên tiếp cận giáo dục cho các nhóm dễ bị tổn thương, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo kỹ năng là những ưu tiên chiến lược khi thực hiện Kế hoạch Chung LHQ tại Việt Nam. Trong những năm qua, UNESCO luôn chủ trì Nhóm Chương trình Chung LHQ (JPG) về Giáo dục. UNESCO cũng là Ban thư ký của JPG (hiện nay đổi tên thành Nhóm Công tác Chung).



Nhóm Công tác Ngành Giáo dục (ESG), một liên minh các tổ chức trong nước và quốc tế hoạt động trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam đã cải thiện công tác hỗ trợ giáo dục cho Việt Nam. UNESCO và Bộ GD&ĐT đồng chủ tọa ESG. Một số hoạt động tiêu biểu của ESG bao gồm: (i) sơ đồ hoá các thành viên của nhóm đối tác tại Diễn đàn Hiệu quả Viện trợ (Aid Effectiveness Forum) tại Việt Nam, (ii) hỗ trợ xây dựng Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội 2011-2015; (iii) báo cáo hiệu quả viện trợ trong ngành giáo dục; (iv) hỗ trợ cho công tác triển khai thực hiện dự án GPE-VNEN tại Việt Nam; v) chủ trì đề tài nghiên cứu “Đánh giá nhanh tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu đến giáo dục của Việt Nam”, trong đó xác định không có tác động tiêu cực, hoặc có nhưng rất nhỏ, đến ngành giáo dục của Việt Nam; và vi) cung cấp thông tin đầu vào cho các sản phẩm có liên quan của hoạt động Đánh giá Phối hợp Ngành Giáo dục (JSR).



Dự án hỗ trợ Bộ GD&ĐT thực hiện Phân tích Ngành giáo dục (ESA) được thực hiện vào đầu năm 2015 với mục tiêu cung cấp minh chứng cho đợt đánh giá giữa kỳ Chiến lược phát triển giáo dục, trong đó chú trọng đến giáo dục phổ thông thuộc 3 lĩnh vực đề xuất: (i) tiếp cận giáo dục của các nhóm đối tượng khó khăn, bao gồm dân tộc thiểu số và người khuyết tật; (ii) kỹ năng và năng lực cho học sinh; và (iii) phương pháp dạy và học, đánh giá mới nhằm thúc đẩy tính sáng tạo, đổi mới và năng lực tự học của học sinh. Dự án sẽ kết thúc vào tháng 8 năm 2016.



- **Ban Chỉ đạo, Nhóm Kỹ thuật và Nhóm Nghiên cứu đã chính thức được thành lập.** Ban Chỉ đạo gồm 10 thành viên do Thứ trưởng làm Trưởng ban, và các Phó Cục/Vụ/Viện trưởng của tất cả các đơn vị liên quan, bao gồm: Vụ Kế hoạch và Tài chính, Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ Giáo dục Trung học, Vụ Giáo dục Thường xuyên, Vụ Giáo dục Dân tộc, Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam và Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam.
- Nhóm Kỹ thuật gồm 13 thành viên, do Lãnh đạo Vụ Kế hoạch và Tài chính chủ trì. Thành phần nhóm bao gồm đại diện Viện KHGD Việt Nam, Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ Giáo dục Trung học, Vụ Giáo dục Thường xuyên, Vụ Giáo dục Dân tộc, Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Văn phòng Bộ, Ủy ban về Giới của Bộ GD&ĐT và UNESCO. Viện KHGD Việt Nam chủ trì Nhóm Nghiên cứu, gồm 5 cán bộ nghiên cứu, là đại diện của Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Phổ thông, Trung tâm Phân tích và Dự báo Nhu cầu Đào tạo Nhân lực, Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Không chính quy, Trung tâm Nghiên cứu Đánh giá Giáo dục và Học viện Quản lý Giáo dục.



Khung chỉ số Phân tích ngành Giáo dục và công cụ thu thập dữ liệu tại địa phương đối với học sinh, phụ huynh, giáo viên, các nhà quản lý giáo dục (Sở GD&ĐT và Phòng GD&ĐT) và thành viên cộng đồng được xây dựng và thống nhất trong các cuộc họp chuyên gia lần thứ nhất và lần thứ hai.

- Xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ GD&ĐT và UNESCO, Ban Chỉ đạo dự án Phân tích Ngành Giáo dục xác định lĩnh vực trọng tâm là giáo dục phổ thông với những khía cạnh cụ thể sau: (i) tiếp cận giáo dục của các nhóm đối tượng khó khăn, bao gồm dân tộc thiểu số và người khuyết tật; (ii) kỹ năng và năng lực cho học sinh; và (iii) phương pháp dạy và học, đánh giá mới nhằm thúc đẩy tính sáng tạo, đổi mới và năng lực tự học của học sinh. Chuyên đề nghiên cứu sâu tập trung vào kỹ năng và năng lực, nhằm đảm bảo cung cấp các thông tin phân tích định tính.
- **Khung chỉ số Phân tích ngành Giáo dục được xây dựng** xoay quanh 4 lĩnh vực chính sau: bối cảnh quốc gia (tình hình kinh tế - xã hội, nhân khẩu, chỉ tiêu cho giáo dục), tiếp cận giáo dục, kỹ năng và năng lực học tập của học sinh, và quản lý giáo dục. Hoạt động hồi cứu tư liệu cũng được thực hiện. Các công cụ thu thập số liệu thực địa được áp dụng tại 3 địa phương: Hà Nội, Gia Lai và Long An.
- **Tổng số 160 cán bộ thuộc Ban chỉ đạo, Nhóm kỹ thuật và Nhóm nghiên cứu dự án ESA, cũng như các cán bộ lãnh đạo thuộc các đơn vị trực thuộc Bộ GD&ĐT, các thành viên của ESG đã tham dự 3 cuộc họp chuyên gia và một hội thảo tham vấn rộng rãi, đồng thời nâng cao hiểu biết và áp dụng các phương pháp ESA theo cách đồng tham gia.** Cụ thể, 3 cuộc họp chuyên gia và hội thảo tham vấn đầu tiên đã đạt được những kết quả sau: Cuộc họp



chuyên gia 1: thảo luận các phương pháp ESA, bao gồm khung chỉ số, công cụ thu thập số liệu, tham vấn các đối tượng liên quan; xây dựng và thống nhất một kế hoạch hành động chi tiết để thực hiện ESA, trong đó chú trọng đến giáo dục phổ thông; Cuộc họp chuyên gia 2: chia sẻ các ý kiến đóng góp về Khung chỉ số ESA của các đơn vị trực thuộc Bộ GD&ĐT và các thành viên ESG để hoàn thiện bộ chỉ số ESA; thảo luận phương pháp khảo sát thực địa, bao gồm bảng hỏi, thông tin cần thu thập và cách thu thập; chuẩn bị kế hoạch công tác thực địa; thảo luận và thống nhất đề cương báo cáo ESA; Cuộc họp chuyên gia 3: chia sẻ và thảo luận số liệu thu thập được từ khảo sát thực địa và thống nhất về đề cương chi tiết của báo cáo ESA và báo cáo nghiên cứu; và Hội thảo tham vấn: thu thập ý kiến/khuyến nghị của các đơn vị chủ chốt của Bộ GD&ĐT, UNESCO, UNICEF, WB, GPE, đại diện của 6 tỉnh/thành phố và các Bộ, ngành có liên quan về phương pháp phân tích ngành và báo cáo phân tích; Bộ GD&ĐT chia sẻ kế hoạch đánh giá giữa kỳ Chiến lược phát triển giáo dục cùng lịch tiến độ.

Để hỗ trợ giám sát tiến độ thực hiện Chiến lược Phát triển Giáo dục, Dự án Đánh giá phối hợp ngành giáo dục (JSR) đầu tiên tại Việt Nam được tiến hành với kinh phí của Quỹ Kế hoạch Chung của LHQ tại Việt Nam. Dự án JSR nhằm mục đích tăng cường hiệu quả hoạt động của ngành giáo dục, hỗ trợ Bộ GD&ĐT chỉ đạo và điều phối cung ứng dịch vụ giáo dục chất lượng cao, đồng thời thể chế hóa JSR thành hoạt động thường niên của Bộ GD&ĐT, phối hợp với các cơ quan, ban ngành khác có liên quan. JSR là hoạt động thường niên được Chính phủ, các nhà tài trợ và các đối tác phát triển phối hợp thực hiện từ năm 2013 nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của ngành giáo dục, hỗ trợ Bộ GD&ĐT chỉ đạo và điều phối hoạt động đánh giá chất lượng cao hướng tới hiện thực hóa các sáng kiến và khuyến nghị chính sách, nâng cao năng lực của các bên liên quan trong lập kế hoạch và giám sát việc thực hiện JSR dựa trên minh chứng cũng như mở rộng hợp tác với các bên liên quan trong giáo dục, tăng cường đối thoại chính sách trong giáo dục.

- Thông tin đã được thu thập từ các nhà trường và cộng đồng trong các đợt đánh giá phối hợp tại Đắc Lắc, Thanh Hóa và Trà Vinh, và được đưa vào báo cáo JSR. Dự án JSR đã nâng cao năng lực của ngành giáo dục giám sát hiệu quả hoạt động và nâng cao năng lực cho các bên liên quan trong lập kế hoạch và giám sát dựa trên minh chứng, mở rộng hợp tác với các bên liên quan trong giáo dục, tăng cường đối thoại chính sách trong giáo dục.
- Báo cáo JSR được hoàn thiện và trình bày tại Diễn đàn Giáo dục Đánh giá Phối hợp Ngành Giáo dục (JSR) sau 2 vòng tham vấn các đơn vị trực thuộc Bộ GD&ĐT và Nhóm Công tác Ngành Giáo dục (ESG).
- Báo cáo JSR đưa ra 10 khuyến nghị, đó là: i) cải thiện động lực của giáo viên; ii) nâng cao chất lượng của công tác giám sát và quản lý tại tất cả các cấp; iii) tăng cường giáo dục cho các bạn phụ huynh; iv) chú trọng hơn đến những trẻ em có nguy cơ thất học; v) mở rộng cách tiếp cận của dự án VNEN; vi) huy động sự tham gia hơn nữa của các bên liên quan trong giáo dục ở cấp cơ sở; vii) nâng cao tính bền vững của chính sách và chiến lược; viii) tranh thủ sự tham gia của các Bộ, ngành khác trong giáo dục; ix) tăng cường dữ liệu và thông tin và tăng cường sử dụng để đổi mới chiến lược; và x) đảm bảo duy trì các JSR trong tương lai.
- Nâng cao khả năng tiếp cận báo cáo bằng việc in ấn và phổ biến tại nhiều sự kiện, chẳng hạn như Tuần lễ toàn cầu hành động GDCMN, và đăng tải báo cáo lên trang web của UNESCO để phổ biến rộng rãi, kể cả trong bản thân Nhóm Công tác Ngành Giáo dục (ESG). Báo cáo này là kết quả hợp tác giữa Bộ GD&ĐT và UNESCO được Thứ trưởng Bộ GD&ĐT và Trưởng Đại diện UNESCO Việt Nam vào phần Lời tựa của báo cáo.
- Tại Diễn đàn Đánh giá Phối hợp Ngành Giáo dục (JSR), các bài tham luận đã nêu bật công cuộc đổi mới giáo dục và đào tạo đang diễn ra, đồng thời đề xuất các định hướng nhằm nâng cao năng lực của học sinh. Diễn đàn là hoạt động lớn cuối cùng trong khuôn khổ Dự án JSR năm 2014.
- Tham dự diễn đàn có tổng số 70 đại biểu thuộc các đơn vị chức năng thuộc Bộ GD&ĐT, các Bộ, ngành liên quan, các cơ sở giáo dục và trường đại học, cán bộ quản lý giáo dục các tỉnh Lào Cai, Trà Vinh, Thanh Hóa, Đắc Lắc và Hà Nam, đội ngũ giáo viên và thành viên ban giám hiệu nhà trường, và các thành viên Nhóm Công tác Ngành Giáo dục, bao gồm UNICEF, Ngân hàng Thế giới, ILO, Save the Children, Action Aid, VCGDCMN, Oxfam và VVOB.

Nhân dịp kỷ niệm Ngày Nhà giáo Việt Nam năm 2013, UNESCO đã đề cao vai trò to lớn của giáo viên trong đổi mới giáo dục và đào tạo cũng như xây dựng xã hội học tập, những đóng góp của truyền thông và y tế trong việc huy động xã hội hỗ trợ đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp và cá nhân của giáo viên để hoàn thành vai trò trồng người. Tạp chí Giáo dục và Thời đại đã đăng bài về sứ mệnh và các lĩnh vực chuyên môn trong giáo dục của UNESCO cũng như những thông điệp chính về Ngày Nhà giáo. Ngoài ra, Bộ GD&ĐT phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam với sự hỗ trợ của UNESCO Việt Nam, doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức



khác đã thực hiện chương trình “Tri ân các thầy cô giáo” vào tháng 11 năm 2013, được truyền hình trực tiếp trên sóng Đài TH Trung ương. Chương trình là một sự tri ân đối với các thầy, cô giáo, đồng thời kêu gọi đào tạo giáo viên có chất lượng vì sự nghiệp giáo dục chất lượng và một xã hội giàu đẹp.



Bằng nguồn kinh phí của Chương trình Hoạt động Toàn cầu và Khu vực (GRA) thuộc Quỹ Đối tác Toàn cầu về Giáo dục (GPE), Viện Thống kê UNESCO (UIS) đã hỗ trợ Việt Nam tăng cường hệ thống báo cáo quốc gia về tài chính giáo dục, với mục tiêu chung là cải thiện chất lượng và tăng cường số liệu tài chính giáo dục đầy đủ phục vụ hoạch định chính sách quốc gia và báo cáo quốc tế, đồng thời xây dựng các phương pháp quốc tế về Khung Tài khoản Giáo dục quốc gia. Dự án, do một nhóm chuyên gia điều phối dưới sự chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, bao gồm Tổng cục Thống kê (GSO), Bộ Tài chính, Ngân hàng Thế giới và UNICEF, nhằm thu thập, tổng hợp và phân tích số liệu về chi tiêu công và tư cho giáo dục. Dự án nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật và hậu cần từ UNESCO Việt Nam.



Bộ GD&ĐT, với sự hỗ trợ của UIS và UNESCO Việt Nam đã tiến hành nâng cao năng lực về lập kế hoạch, đồng thời tổ chức một hội thảo khu vực tại Hà Nội với sự tham gia của đại biểu của 6 quốc gia để chia sẻ thông tin và phát triển năng lực. Dự án do UIS quản lý và UNESCO Việt Nam đã hỗ trợ dưới dạng tư vấn kỹ thuật, tham mưu cho Lãnh đạo Bộ GD&ĐT, xác định những thành viên của Ban Chỉ đạo và Ban Kỹ thuật, và tổ chức nhiều cuộc họp với các đối tác phát triển và đối tác trong nước.

Trong khuôn khổ đề án nghiên cứu khu vực về tài chính nhà trường do UNESCO Băng Cốc và Trường Đại học Kobe phối hợp quản lý, Bộ GD&ĐT đã tổ chức hội thảo quốc gia về tài chính nhà trường nhằm chia sẻ kết quả của báo cáo quốc gia Việt Nam về tài chính nhà trường và tiếp thu ý kiến góp ý về những phát hiện và khuyến nghị của báo cáo để giúp hoàn thiện báo cáo quốc gia và chuẩn bị báo cáo khu vực Châu Á – Thái Bình Dương cũng như Tài liệu hướng dẫn về tài chính nhà trường. Báo cáo gồm 9 khuyến nghị nhằm tăng cường hệ thống tài chính nhà trường. Có hơn 50 đại biểu của các đơn vị thuộc Bộ GD&ĐT, một số Sở GD&ĐT và các thành viên ESG đã tham dự Hội thảo. UNESCO Việt Nam đã có nhiều hỗ trợ, chẳng hạn, liên hệ với Bộ GD&ĐT, đóng góp xây dựng tài liệu hướng dẫn nghiên cứu cũng như chủ trì công tác tham vấn Nhóm Công tác Ngành Giáo dục về khung nghiên cứu.

Dự thảo Khung kiểm định và bảo đảm chất lượng dự thảo về giáo dục đại học đã được Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng thuộc Bộ GD&ĐT hoàn thiện, với sự hỗ trợ của Chương trình cải cách giáo dục cho phát triển khu vực châu Á-Thái Bình Dương (APEID), Phòng Giáo dục Đại học ở Pa-ri và UNESCO Việt Nam.

- Khung dự thảo này được xây dựng trên cơ sở phân tích hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và thực tiễn quốc gia, các thực tiễn tốt nhất quốc tế bởi Tổ Công tác Kiểm định và Đảm bảo Chất lượng của Việt Nam được thành lập từ khi bắt đầu triển khai dự án sau khi tham gia tập huấn nâng cao năng lực tại Băng cốc. Báo cáo quốc gia sơ đồ hóa tình hình kiểm định và đảm bảo chất lượng tại Việt Nam và nghiên cứu so sánh kiểm định và đảm bảo chất lượng tại các quốc gia liên quan đã cung cấp thông tin cho xây dựng khung dự thảo.
- **Tổ Công tác**, bao gồm đại diện của Bộ GD&ĐT và các trường đại học, tham dự tập huấn nâng cao năng lực kéo dài một tuần bao gồm tập huấn về kiểm định và đảm bảo chất lượng, hội nghị Mạng lưới chất lượng châu Á-Thái Bình Dương (APQN), Đại hội đồng thường niên của APQN và tham quan học tập tại Văn phòng Tiêu chuẩn quốc gia đánh giá chất lượng giáo dục (ONESQA) của Thái Lan. Tổ Công tác cũng tham gia Hội nghị thường niên năm 2010 với chủ đề “Nâng cao chất lượng giáo dục đại học tại các nước đang phát triển”, được tổ chức tại Băng Cốc, Thái Lan. Thông qua sáng kiến này, Tổ Công tác đã phối hợp chặt chẽ với các tư vấn quốc tế rà soát và sửa đổi khung dự thảo, đồng thời xây nâng cao năng lực của bản thân.
- **5 cán bộ của Bộ GD&ĐT, phụ trách công tác hoạch định chính sách về đảm bảo chất lượng giáo dục đại học đã nâng cao kiến thức kiểm định và đảm bảo chất lượng** sau khi tham dự hội thảo tập huấn thực hành kéo dài 4 ngày và đi thực tế tại địa bàn. Các hoạt động này do cơ quan kiểm định và đảm bảo chất lượng của Nhật Bản, Viện Quốc gia về Bằng học thuật và Đánh giá trường Đại học (NIAD-UE) ở Nhật Bản tổ chức với sự hỗ trợ của APQN. Mục tiêu của đợt tập huấn này là: (i) làm quen với các khái niệm, công cụ và các phương pháp xây dựng, phát triển và duy trì một hệ thống kiểm định và đảm bảo chất lượng quốc gia; (ii) nắm rõ ý nghĩa của các phương án khác nhau và tư duy về việc hiệu chỉnh từng phương pháp cho phù hợp với bối cảnh quốc gia; (iii) thảo luận các trường hợp ví dụ cụ thể về kinh nghiệm quốc tế liên quan đến các phương án kiểm định và đảm bảo chất lượng độc lập; và (iv) rút ra bài học về những kinh nghiệm về công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng độc lập.





- Với sự hỗ trợ của APQN, đã xây dựng đề xuất thiết kế cơ quan kiểm định và đảm bảo chất lượng theo hướng hội nhập quốc tế.
- Đầu tháng 9 năm 2013, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục của ĐH Quốc gia Hà Nội (VNU-CEA), là đơn vị kiểm định chất lượng giáo dục đầu tiên của Việt Nam được Bộ GD&ĐT thành lập. VNU-CEA được trao giấy phép kiểm định tất cả các sở sở giáo dục đại học và chương trình giáo dục đại học, ngoại trừ các trường, khoa và chương trình thuộc ĐH Quốc gia Hà Nội. Cuối năm 2013, Bộ GD&ĐT đã thành lập Trung Tâm Kiểm Định Chất Lượng Giáo Dục, Đại Học Quốc Gia TPHCM (VNU-HCM EAC), với chức năng tương tự. Đề án thành lập trung tâm kiểm định chất lượng ở miền Trung hiện đang trong quá trình xây dựng.



Điều 3: Tăng cường năng lực của tổ chức và năng lực chuyên môn ở cấp quốc gia và tỉnh thành nhằm theo dõi và đánh giá chất lượng giáo dục một cách hệ thống, bao gồm cả việc xây dựng và thực hiện các chương trình giảng dạy cũng như đánh giá kết quả của công tác xóa mù chữ.

Viện Thống kê của UNESCO (UIS), Văn phòng Giáo dục UNESCO khu vực châu Á-Thái Bình Dương và UNESCO Việt Nam đã hoàn tất công tác hỗ trợ Việt Nam trong giai đoạn chuẩn bị Chương trình Giám sát và Đánh giá Trình độ biết chữ (LAMP).

- Nhóm công tác LAMP Việt Nam đã hoàn tất thử nghiệm các công cụ LAMP được hiệu chỉnh cho phù hợp với bối cảnh của Việt Nam. Đợt khảo sát thử nghiệm giúp Nhóm công tác LAMP hiểu rõ và củng cố phương pháp khảo sát. Đề xuất chọn mẫu đối với khảo sát chính cũng đã được hoàn thiện.
- Nâng cao năng lực cho các chuyên gia trong nước thuộc Bộ GD&ĐT, Viện KHGD Việt Nam và Tổng cục Thống kê qua nghiên cứu các tài liệu và sổ tay hướng dẫn của LAMP, tham dự các đợt tập huấn do UIS tổ chức và trực tiếp thực hiện các hoạt động của chương trình trong đó có hợp phần đánh giá tâm lý là mới so với các phương pháp trước đây như các chỉ số thay thế về cấp trình độ hay các cuộc điều tra tự khai báo. UNESCO đã cung cấp trang thiết bị để tiến hành điều tra thực địa bao gồm máy ghi âm, máy tính xách tay, modem không dây, máy ảnh, máy quét, đồng hồ bấm giây, máy tính cầm tay, áo mưa, đèn pin, pin và văn phòng phẩm. Trong số những nhiệm vụ mà các thành viên của Nhóm công tác LAMP phải thực hiện bao gồm xây dựng phần mềm, thu thập dữ liệu, tập huấn điều tra viên cũng như mã hóa và chấm điểm kết quả điều tra.
- Thông qua tham gia tích cực, hoàn thiện và báo cáo các hoạt động khảo sát thực địa, toàn thể Nhóm công tác LAMP đã nắm rõ phương pháp triển khai LAMP cũng như các kỹ năng thu thập và phân tích số liệu. Trên cơ sở giai đoạn thử nghiệm ban đầu, Bộ GD&ĐT đã quyết định triển khai khảo sát chính, đây là bước tiến quan trọng cung cấp thông tin đầu vào cho xây dựng lộ trình hướng tới xã hội học tập. Nguồn kinh phí cho khảo sát chính cần được xác định để hoàn thiện quy trình quan trọng này đã bắt đầu từ năm 2007 và do Ban quản lý dự án trong nước bao gồm đại diện của Bộ GD&ĐT, Tổng cục thống kê và Viện KHGD Việt Nam tiến hành. Đề xuất huy động kinh phí đã được chuẩn bị cùng với sự phối hợp của Bộ GD&ĐT.

Các chuyên gia thống kê thuộc các quốc gia Đông Nam Á, trong đó có 2 chuyên gia của Bộ GD&ĐT Việt Nam, được tập huấn về cách áp dụng Danh mục Phân loại giáo dục theo tiêu chuẩn quốc tế (ISCED) sửa đổi, một công cụ thống kê được dùng để thu thập, tổng hợp và trình bày số liệu thống kê giáo dục cả ở cấp độ quốc gia và quốc tế khi tham gia hội thảo khu vực do Viện Thống kê UNESCO (UIS) tổ chức vào tháng 5 năm 2012 tại Băng Cốc.

Viện Thống kê UNESCO (UIS) đã hiểu rõ hơn về những thách thức hiện tại mà Việt Nam đang phải đối mặt khi tham gia công tác thu thập số liệu thống kê giáo dục quốc tế, và đã hỗ trợ Việt Nam tăng cường năng lực thống kê của Bộ GD&ĐT để xây dựng bộ số liệu giáo dục có tính so sánh quốc tế khi hợp tác với Bộ GD&ĐT. Tiếp sau hội thảo trong khu vực, tháng 9 năm 2012, Viện Thống kê UNESCO (UIS) đã phối hợp với Bộ GD&ĐT do Vụ Kế hoạch và Tài chính chủ trì và Tổng cục Thống kê nhằm tài liệu hóa và báo cáo về số liệu thống kê giáo dục, phù hợp với Danh mục Phân loại giáo dục theo tiêu chuẩn quốc tế (ISCED).

- Bộ GD&ĐT đã hoàn thiện 3 bảng hỏi của UIS về giáo dục mầm non và sau trung học, về tài chính giáo dục tiểu học và giáo dục đại học, để đưa số liệu mới nhất các ấn phẩm quốc tế của UIS. Đã thực hiện các bước cần thiết giải quyết những khó khăn mà UIS gặp phải khi xây dựng bộ số liệu quốc gia và quốc tế trong giáo dục, như phối hợp chặt chẽ với UNESCO Việt Nam dịch các tài liệu quan trọng nhất nhằm hỗ trợ cho công tác thu thập số liệu của UIS, trong đó có Sổ tay ISCED. Nhờ có sự hợp tác chặt chẽ này, Vụ Kế hoạch và Tài chính và UIS đã nhất trí chọn Việt Nam là một quốc gia thí điểm trong các mô-đun mới trong khu vực về giáo viên ở cấp địa phương được triển khai trong năm 2013.



Những kết luận chính của Hội thảo có chủ đề “Chính sách và thực hành chống tham nhũng trong ngành giáo dục ở Việt Nam: mở đường cho cung cấp kết quả và giám sát tiến độ” được tổ chức vào tháng 10 năm 2010 tại Hà Nội đã được trình bày tại Đối thoại chống tham nhũng lần thứ 8 vào tháng 10/2010. Đại biểu tham dự hội thảo bao gồm các đại diện Bộ GD&ĐT, Thanh tra Chính phủ, các đối tác phát triển, và các tổ chức xã hội dân sự tại Việt Nam. Hội thảo do Trung tâm Phòng chống tham nhũng (U4), Cơ quan Phát triển Bỉ (BTC) và IIEP đồng tổ chức. Mục tiêu chính của hội thảo là: (i) xác định nguyên nhân và hậu quả của các hình thức tham nhũng phổ biến nhất trong lĩnh vực này, (ii) chia sẻ các công cụ và chiến lược đã được áp dụng trên thế giới nhằm cải thiện tính minh bạch và trách nhiệm trong lĩnh vực này, và (iii) hướng tới một chương trình nghị sự chống tham nhũng đáp ứng nhu cầu của ngành giáo dục ở Việt Nam.



Điều 4: Tăng cường phân cấp quản lý hệ thống giáo dục và nâng cao năng lực của cán bộ quản lý giáo dục theo các cách tiếp cận mang tính hòa nhập trong việc lập kế hoạch giáo dục, thực hiện, giám sát và ra quyết định có cơ sở để đảm bảo chất lượng của các dịch vụ giáo dục, nhằm giảm những cách biệt, đạt được bình đẳng giới và mở rộng cơ hội cho những bộ phận dân cư bị thiệt thòi.



Nâng cao năng lực cho các nhà quản lý giáo dục thuộc Bộ GD&ĐT và các Sở GD&ĐT triển khai và quản lý chính sách và giáo dục toàn ngành mang tính nhạy cảm giới, hòa nhập, đảm bảo tiếp cận giáo dục bình đẳng thông qua việc xây dựng chương trình tập huấn lãnh đạo hoàn chỉnh và thiết thực.



Chương trình tập huấn về giới cho cán bộ lãnh đạo và quản lý giáo dục và bộ tài liệu tập huấn cho giảng viên cốt cán được xây dựng trong khuôn khổ Chương trình chung về Bình đẳng giới giữa Liên Hợp Quốc và Chính phủ Việt Nam (JPGE). Chương trình tập huấn kéo dài 3 ngày được xây dựng với sự hỗ trợ kỹ thuật của Văn phòng Giáo dục UNESCO khu vực Châu Á-Thái Bình Dương tại Băng Cốc và được các chuyên gia về giới điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Chương trình tập huấn nhằm nâng cao hiểu biết của cán bộ quản lý, lãnh đạo giáo dục ở cấp trung ương và địa phương về các khái niệm cũng như vấn đề về giới, khuyến khích các đại biểu cam kết thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao năng lực phân tích và lồng ghép giới.

- Chương trình tập huấn về giới được tổ chức thí điểm với 140 cán bộ lãnh đạo và quản lý giáo dục từ mọi miền đất nước. Kết quả phân tích từ bảng hỏi đánh giá trước và sau tập huấn cho thấy mức độ hiểu biết về các khái niệm và vấn đề giới trong giáo dục của những người tham gia đã tăng lên nhiều và đã có sự cam kết mạnh mẽ hơn về thúc đẩy bình đẳng giới trong môi trường giáo dục.
- 360 chuyên viên và cán bộ giáo dục (trong đó 36% là nam giới) đã nâng cao hiểu biết về các vấn đề giới, chương trình giáo dục và thực tiễn đào tạo giáo viên mới và sáng tạo thông qua những hoạt động kể trên (và cả những hoạt động thuộc Điều 8) được thực hiện trong khuôn khổ Chương trình chung về Bình đẳng giới giữa Liên Hợp Quốc và Chính phủ Việt Nam do 12 cơ quan của Liên Hợp Quốc cùng xây dựng.



Năm 2015, UNESCO và Bộ GD&ĐT đã thực hiện chương trình liên ngành: *Bình đẳng giới và giáo dục cho trẻ em gái tại Việt Nam: Trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái vì một xã hội bình đẳng hơn*. Chương trình này đáp ứng trực tiếp yêu cầu của Bộ GD&ĐT đề nghị UNESCO hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động về Bình đẳng giới của Ngành giáo dục giai đoạn 2011-2015 và hướng tới xây dựng Kế hoạch hành động sau 2015 thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020. Nguồn kinh phí cho chương trình này được huy động từ khu vực kinh tế tư nhân phối hợp với Trụ sở UNESCO. Trong số những sản phẩm mà Sáng kiến mang lại gồm có Kế hoạch hành động về Bình đẳng giới của Ngành giáo dục giai đoạn 2016-2020 được tham vấn rộng rãi, trong đó thành phần tham gia thực hiện bao gồm với các đơn vị trực thuộc Bộ GD&ĐT và đối tác thực hiện, như Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Hội Khuyến học Việt Nam. Sáng kiến đã được triển khai từ đầu năm 2015 và hiện đang được thực hiện.

Thông qua Sáng kiến bổ sung của Quỹ Kế hoạch Chung LHQ, với nguồn kinh phí huy động được vào tháng 11 năm 2015 và bắt đầu triển khai từ đầu năm 2016, Bộ GD&ĐT và UNESCO cũng sẽ nhận được UNFPA và Cơ quan Phụ nữ Liên Hợp Quốc (UN Women) hỗ trợ kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và giáo dục tình dục an toàn, bạo lực trường học trên cơ sở giới, bắt nạt học đường và phòng chống bạo lực gia đình.

- Sáng kiến này được khởi động tại buổi lễ trọng thể vào ngày 28 tháng 10 năm 2015 với sự tham gia của Lãnh đạo và chuyên viên của các đơn vị trực thuộc Bộ GD&ĐT, bao gồm Vụ Tổ chức Cán bộ, Vụ Kế hoạch và Tài chính, Bộ phận thường trực Đối mới chương trình - sách giáo khoa, Vụ Khoa học, Công nghệ, Môi trường và Vụ Hợp tác Quốc tế, Viện KHGD Việt Nam, Trường Thực nghiệm Hà Nội, Học viện Quản lý Giáo dục, Vụ Giáo dục Trung học, Hội Khuyến học Việt Nam và Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam.





- Hơn 100 đại biểu thuộc Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT các tỉnh, thành phố và các trường đại học, cao đẳng thuộc cả 3 miền: Bắc, Trung, Nam về lồng ghép giới vào chương trình và SGK đã nâng cao năng lực sau khi tham dự 2 hội thảo tập huấn được tổ chức tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh vào tháng 12 năm 2015. Các đại biểu gồm 27 nam và 63 nữ, bao gồm các chuyên gia biên soạn và thẩm định chương trình và SGK cũng như các nhà giáo dục học, đã tham gia các cuộc thảo luận sâu về những thách thức và cơ hội liên quan đến bình đẳng giới và giáo dục, đồng thời **tăng cường năng lực rà soát kỹ nội dung chương trình, để từ đó gợi ý các giải pháp thúc đẩy lồng ghép giới**. Sản phẩm của đợt tập huấn là **bản dự thảo các tiêu chí bình đẳng giới cho các chuyên gia biên soạn và thẩm định chương trình và SGK**. Một chuyên gia quốc tế của Trụ sở UNESCO, Trưởng phòng Học tập và Giáo viên thuộc Ban Giảng dạy, Học tập và Nội dung của UNESCO đã tham gia và hỗ trợ chuyên môn cho đợt tập huấn.
- Các nhà quản lý giáo dục và chuyên gia giáo dục đã **đẩy mạnh tiến độ xây dựng Tài liệu Hướng dẫn Lồng ghép Giới trong quá trình Biên soạn Chương trình và Sách Giáo Khoa của Bộ GD&ĐT-UNESCO**. Đây là tài liệu dựa trên dự thảo ban đầu được dự thảo trong 2 hội thảo hồi tháng 12/2015. Sau khi hoàn thiện, tài liệu này sẽ được sử dụng làm cơ sở để đảm bảo rằng nguyên tắc bình đẳng giới được lồng ghép vào chương trình, SGK, tài liệu dạy và học trên phạm vi toàn quốc.
- **Nâng cao năng lực cho hơn 30 đại biểu thuộc các đơn vị chức năng của Bộ GD&ĐT, các Sở GD&ĐT và các chuyên gia trong nước về cách lồng ghép nhạy cảm và đáp ứng giới vào phân tích, lập kế hoạch và quản lý bằng các ví dụ về GDPTBV** tại một hội thảo được Bộ GD&ĐT và UNESCO phối hợp tổ chức vào tháng 12 năm 2015. Theo đó, đã đưa ra các **khuyến nghị nhằm đảm bảo lồng ghép bình đẳng giới vào các chính sách và tích hợp yếu tố giới vào quy hoạch phát triển giáo dục** cũng như cải thiện công tác thu thập và sử dụng số liệu thống kê phân tách giới để thúc đẩy giới trong quy hoạch phát triển giáo dục.

Sẽ tổ chức 14 khóa bồi dưỡng cho các nhà lãnh đạo, quản lý của Bộ GD&ĐT. Quyết định này được đưa ra dựa vào quy định phẩm chất đối với các nhà quản lý giáo dục và dựa trên kết quả đánh giá thực tế công việc. Các nhà quản lý giáo dục phải có cách tiếp cận tích cực, chủ động của bản thân trong giải quyết vấn đề dựa trên phương pháp hiện đại, đồng tham gia.

Năng lực của 75 lãnh đạo Cục/Vụ trưởng thuộc Bộ GD&ĐT đã được nâng cao sau khi tham gia 5 khóa tập huấn Vụ Tổ chức Cán bộ, Bộ GD&ĐT và Học viện Quản lý Giáo dục phối hợp tổ chức trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2012. Cụ thể, các sự kiện tập huấn này đã nâng cao năng lực quản lý và lãnh đạo cho đội ngũ quản lý giáo dục về những lĩnh vực chính sau:

- I. Lập kế hoạch chiến lược và quản lý dựa vào kết quả,
 - II. Kỹ năng đàm phán và giao tiếp,
 - III. Quản lý tài năng,
 - IV. Quản lý lập kế hoạch đồng tham gia và phát triển tổ chức,
 - V. Giảm thiểu rủi ro thảm họa và giáo dục trong tình trạng khẩn cấp (xem thêm nội dung tại Điều 7).
- 60 Giám đốc và Phó Giám đốc Sở GD&ĐT thuộc 57 tỉnh, thành phố đã được tập huấn về 2 trong 5 mô-đun này, trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2011, đó là: Lập kế hoạch chiến lược và quản lý dựa vào kết quả và Kỹ năng đàm phán và giao tiếp.
 - Sau mỗi đợt tập huấn, các cán bộ quản lý giáo dục đã **xây dựng kế hoạch hành động tiếp theo/những thay đổi trong thực tiễn công việc của bản thân**. Các cán bộ quản lý, lãnh đạo các Cục, Vụ và tương đương của Bộ GD&ĐT cam kết thay đổi và thực hiện trong đơn vị mình với mục tiêu đạt được quy định về phẩm chất của người quản lý đồng thời tăng cường công tác quản lý trong thực tiễn hoạt động.
 - Học viện Quản lý Giáo dục, một đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ GD&ĐT có trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng tất cả các cấp quản lý giáo dục, đã nâng cao kỹ năng lãnh đạo và quản lý các lớp tập huấn khi tham gia đầy đủ và tích cực vào quy trình lập kế hoạch, triển khai và đánh giá tập huấn cho đội ngũ cán



bộ lãnh đạo, quản lý giáo dục cấp cao của trung ương và địa phương. Đội ngũ giảng viên cốt cán của Học viện Quản lý Giáo dục cũng đã luôn sát cánh với các chuyên gia của UNESCO, áp dụng các phương pháp tập huấn mới như làm việc nhóm đồng tham gia, hoạt động sắm vai, nghiên cứu trường hợp điển hình, quan sát thực tế, sử dụng các yếu tố xúc tác và phương pháp khuyến khích.

Nâng cao năng lực lập kế hoạch ngành giáo dục cho 25 cán bộ quản lý giáo dục của Việt Nam khi họ tham gia chương trình giáo dục từ xa của Viện quy hoạch giáo dục quốc tế (IIEP) của UNESCO được tổ chức tại HVQLGD tại Hà Nội, và Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh. UNESCO cũng đã đi thị sát trong kỳ thi giữa kỳ tại cả hai cơ sở trên để giám sát chương trình. Chương trình kéo dài 11 tháng này, dưới sự tài trợ của J.P.Morgan và được Khoa Sư phạm Trường Đại học Hồng Kông phối hợp tổ chức, đã được triển khai ở In-đô-nê-xi-a, Thái Lan và Việt Nam sau hai lần tổ chức ở Châu Phi. Chương trình sẽ cấp cho học viên hoàn thành khóa học Chứng chỉ cao cấp về lập kế hoạch giáo dục. Học viên tích lũy tín chỉ cho chuyên ngành lập kế hoạch và quản lý giáo dục của IIEP, tạo cơ hội cho họ được học lên cao tại IIEP. Hiện các học viên đang theo học 6 mô-đun, đó là: (i) Lập kế hoạch giáo dục: phương pháp, thách thức và khung tham chiếu quốc tế, (ii) Số liệu thống kê phục vụ công tác lập kế hoạch giáo dục, (iii) Chẩn đoán ngành giáo dục, (iv) Lựa chọn và xây dựng các mục tiêu và chiến lược chính sách nhằm cải thiện khả năng tiếp cận, bình đẳng và chất lượng trong giáo dục, (v) Dự báo và xây dựng kịch bản, và (vi) Giám sát và đánh giá kế hoạch toàn ngành giáo dục.

Tài liệu Chương trình đào tạo từ xa về lập kế hoạch ngành giáo dục của IIEP được dịch sang tiếng Việt, điều chỉnh và thí điểm nổi tiếp chương trình đào tạo từ xa về lập kế hoạch ngành giáo dục (ESP) do IIEP tổ chức vào năm học 2012-2013. Dự án này đã tăng cường năng lực của các tổ chức đối tác trong nước trong tổ chức đào tạo về lập kế hoạch và quản lý ngành giáo dục. Được Học viện QLGD và Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện, có sự tham mưu của Bộ GD&ĐT, chương trình đã đạt được 5 kết quả chính sau đây:

- I. Các mô-đun đào tạo ESP từ 1 đến 6 của IIEP bằng tiếng Việt;
- II. Sách bài tập hỗ trợ cho nội dung của khóa đào tạo ESP của IIEP đã được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh Việt Nam;
- III. Bản thuật ngữ kỹ thuật (tiếng Việt và tiếng Anh) về lập kế hoạch và quản lý ngành giáo dục;
- IV. Tài liệu hướng dẫn cho giảng viên về cách sử dụng tài liệu đào tạo ESP đã được thí điểm; và
- V. Cam kết quốc gia được tăng cường đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng về lập kế hoạch ngành giáo dục trong khuôn khổ dự án này.

Chương trình đào tạo từ xa về lập kế hoạch ngành giáo dục của IIEP, bản tiếng Việt do Học viện QLGD phối hợp với Viện ĐH Mở Hà Nội xây dựng, được áp dụng thực hiện thành công từ tháng 8 năm 2015 đến tháng 1 năm 2016, đào tạo cho 148 nhà lập kế hoạch và quản lý giáo dục thuộc 15 tỉnh, thành phố trên cả nước.

Tài liệu hướng dẫn vận động nhằm thúc đẩy công tác đào tạo giáo viên theo hướng hòa nhập đã phổ biến kiến thức về cách vận động chính sách trong đào tạo giáo viên tích hợp các nội dung chính của giáo dục hòa nhập vào những lĩnh vực chiến lược trong công tác đào tạo giáo viên, bao gồm chính sách, chương trình, tài liệu và phương pháp. Nằm trong khuôn khổ Sáng kiến khu vực, **Tài liệu hướng dẫn vận động nhằm thúc đẩy công tác đào tạo giáo viên theo hướng hòa nhập** được UNESCO Băng Cốc và 8 Văn phòng UNESCO quốc gia, trong đó có Việt Nam phối hợp xây dựng. **100 giảng viên và cán bộ quản lý của các trường cao đẳng và đại học sư phạm thuộc các tỉnh miền Bắc đã được tập huấn về Tài liệu này**, sau khi tài liệu đã được dịch sang tiếng Việt và điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh Việt Nam.



Việt Nam là một trong 7 trường hợp nghiên cứu về thử nghiệm sáng tạo do IIEP thực hiện. Các quốc gia khác bao gồm: Bra-xin, Campuchia, Ấn Độ, Pê-ru, Nam Phi, Mỹ. Các quốc gia được chọn làm trường hợp nghiên cứu theo các tiêu chí khác nhau có thể ảnh hưởng đến mức độ minh bạch và trách nhiệm giải trình (ví dụ như nhóm mục tiêu so với nhóm phổ quát, có điều kiện so với không có điều kiện). Dự án phân tích ở Việt Nam là “Dự án Giáo dục Tiểu học cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn” (PEDC). Bản phân tích so sánh và báo cáo tổng hợp xây dựng trên cơ sở 7 nghiên cứu đã được công bố vào năm 2013. Các kết quả chính của nghiên cứu đã được thảo luận trong một hội thảo tổ chức ở Brasilia (5-6 tháng 11 năm 2012).



Điều 5: Xúc tiến và tăng cường học tập suốt đời trong khuôn khổ Thập kỷ Xóa mù chữ của Liên Hợp Quốc 2003 - 2012 và chiến lược của chính phủ về xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam 2011 - 2020, nhằm xóa mù chữ thông qua các chương trình xóa mù chữ cho tất cả mọi người, huy động mạng lưới các trung tâm giáo dục thường xuyên và các trung tâm học tập cộng đồng.



Đã có nhiều khuyến nghị về các mô hình xã hội học tập, cơ chế hoạt động, phối hợp liên ngành, các vấn đề giới có liên quan, và mô hình tài chính để hỗ trợ nâng cao hiểu biết về khái niệm HTSD cũng như những thách thức hiện đang gặp phải tại Việt Nam. Những khuyến nghị này được đưa ra dựa trên kết quả phân tích tình hình học tập suốt đời ở Việt Nam do một chuyên gia của UNESCO thực hiện kết hợp với các cuộc tham vấn địa phương. Nghiên cứu được thực hiện giúp tăng cường Tổ thư ký Ban Chỉ đạo Quốc gia Xây dựng Xã hội Học tập của Bộ GD&ĐT.



UNESCO và các đối tác đã thiết kế và tổ chức **triển lãm về tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh và học tập suốt đời** được nhằm chia sẻ kết quả phân tích hiện trạng và nâng cao nhận thức cần tiếp tục phấn đấu thúc đẩy HTSD ngang tầm với các chiến lược, văn hóa và truyền thống quốc gia. Triển lãm này được tổ chức với sự hỗ trợ của Vụ Giáo dục Thường Xuyên, Bộ GD&ĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và Liên hiệp các hội UNESCO Việt Nam. Triển lãm trưng bày gần 300 tư liệu, vật trưng bày, phim, ảnh. Triển lãm được Tổng Giám đốc UNESCO khai mạc triển lãm và hơn 250.000 lượt người tham quan và được nhân rộng sang các bảo tàng ở tỉnh Cao Bằng, Nghệ An và Thành phố Hồ Chí Minh. **Triển lãm này được trưng bày một lần nữa khi phát động Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời lần đầu tiên ở Việt Nam** (2-8 tháng 10 năm 2011) tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám với sự tham gia của Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan, Thứ trưởng Bộ GD&ĐT và các đại biểu cấp cao. Trong Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời lần thứ hai vào năm 2012, **triển lãm được trưng bày ở Thành phố Huế do UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế chủ trì có bổ sung các chủ đề về các nỗ lực ở địa phương xây dựng xã hội học tập.**



Hội thảo *Xác định vai trò và trách nhiệm của các bộ, ngành trong việc xây dựng xã hội học tập*, được tổ chức với sự phối hợp của Ban Chỉ đạo Quốc gia Xây dựng Xã hội Học tập, Viện Học tập Suốt đời UNESCO (UIL) và UNESCO Việt Nam đã **hỗ trợ xây dựng Dự thảo Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020**, chia sẻ các khuyến nghị nâng cao vai trò và trách nhiệm của các ngành trong quá trình xây dựng xã hội học tập. Tại hội thảo, các quan chức cấp cao của Chính phủ, đại diện của các tổ chức xã hội, chính trị, đoàn thể và truyền thông đã trình bày về sự phát triển khái niệm học tập suốt đời trên hế giới và thảo luận những khuyến nghị về những tác động của nó đến hệ thống chính sách tại Việt Nam.



Ban Chỉ đạo Quốc gia Xây dựng Xã hội Học tập, Tổ thư ký và Bộ GD&ĐT được tiếp cận những kinh nghiệm xây dựngXHHT trong một nghiên cứu so sánh do UIL thực hiện về quá trình hình thành XHHT ở Nhật Bản, Singapore và Hàn Quốc. Nghiên cứu này đã được trình bày tại hội thảo liên ngành do Ban Chỉ đạo Quốc gia Xây dựng Xã hội Học tập và Tổ thư ký tổ chức nhằm thu thập những ý kiến đóng góp lần cuối để giúp hoàn thiện Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020. Hội thảo do Vụ GDTX, Bộ GD&ĐT và Hội Khuyến học Việt Nam đồng chủ trì, với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành hữu quan, bao gồm: Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Nội vụ; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Viện KHGD Việt Nam; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Đề án được chính thức phê duyệt vào tháng 1 năm 2013 và cuộc họp đầu tiên của Ban Chỉ đạo Quốc gia Xây dựng Xã hội Học tập được tổ chức vào tháng 4 năm 2013, làm tiền đề cho việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch công tác năm 2013.



Nhóm công tác gồm các nhà hoạch định chính sách cấp cao, các chuyên gia và các cán bộ giàu kinh nghiệm thuộc các Bộ, ngành, các cơ quan lãnh đạo của Đảng, các tổ chức đoàn thể hoạt động trong lĩnh vực HTSD và Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập ở cấp trung ương và địa phương do UNESCO Việt Nam và Tổ thư ký Ban Chỉ đạo Quốc gia xây dựng xã hội học tập thành lập. Nhóm công tác chuẩn bị nội dung kỹ thuật và phương pháp đồng tham gia cho Hội thảo cấp quốc gia và các Hội thảo cấp vùng về Xây dựng xã hội học tập: Từ Tầm nhìn đến Hành động để xây dựng và cụ thể hóa Kế hoạch hành động thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 – 2020”.

Một văn bản vận động chính sách thúc đẩy giáo dục cho mọi người, là sản phẩm của một hội thảo khoa học ASEAN do Vụ GDTX (Bộ GD&ĐT) và UNESCO phối hợp tổ chức (tại Hà Nội, 2013) được sử dụng làm chất liệu cho Hội nghị Hội đồng Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông-Nam Á (SEAMEO) lần thứ 37 do Việt Nam



đăng cai chủ trì cũng như các cuộc đối thoại chính sách cấp độ khu vực và quốc tế khác. Viện HTSD UNESCO đã ký hợp đồng với Trung tâm HTSD của SEAMEO (đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh) để thực hiện các hành động đề xuất trong văn bản vận động chính sách này (thông tin chi tiết được đăng tải tại: <http://www.uil.unesco.org/lifelong-learning/developing-lifelong-learning-policy-frameworks-asean-countries>)

Ban Chỉ đạo Quốc gia xây dựng xã hội học tập và Tổ thư ký với tài trợ của Quỹ Kế hoạch Chung LHQ, chủ trì một cuộc đối thoại chính sách, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý cấp trung ương và địa phương, và các cuộc tham vấn rộng rãi nhằm xây dựng các đặc trưng mong muốn của công dân học tập và xã hội học tập của Việt Nam, đồng thời xác định những giải pháp ưu tiên để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 – 2020” hướng tới tầm nhìn mong muốn về một xã hội học tập hòa nhập, sáng tạo và bền vững cho mọi người.

- Nhóm công tác của Ban Chỉ đạo Quốc gia Xây dựng Xã hội Học tập và UNESCO Việt Nam tiến hành rà soát tài liệu và so sánh thực tiễn trên thế giới phục vụ công tác xây dựng dự thảo đầu tiên về các đặc trưng mong muốn của công dân học tập và xã hội học tập của Việt Nam. Nhóm công tác và UNESCO phối hợp biên soạn và in ấn 1.000 tờ rơi bằng tiếng Anh và tiếng Việt quảng bá về những điểm nổi bật trong Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 – 2020” đã được Chính phủ phê duyệt, một trong chuỗi hoạt động chuẩn bị cho các cuộc thảo luận về đặc trưng mong muốn của công dân học tập và xã hội học tập của Việt Nam.
- Tại Hội thảo quốc gia với chủ đề “Xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam: Từ tầm nhìn đến hành động” tổ chức tại Hà Nội, đã tiến hành xây dựng tầm nhìn về một xã hội học tập, một hoạt động tầm cỡ quốc gia lần đầu tiên tại Việt Nam, áp dụng phương pháp đồng tham gia và liên ngành, huy động nỗ lực của các bên. Hơn 120 đại biểu, bao gồm đại diện các cơ quan lãnh đạo của Đảng và 23 bộ, ngành liên quan, các tổ chức đoàn thể, truyền thông, các cơ quan của LHQ và Ban thư ký ASEAN, các chuyên gia cao cấp trong nước và quốc tế, khối doanh nghiệp, chính quyền địa phương và nhiều đại biểu liên quan khác đã tham gia Hội thảo và các cuộc thảo luận.
- Đại diện của Ban chỉ đạo xây dựng XHHT các tỉnh Phú Thọ và Thừa Thiên – Huế và TP. Hồ Chí Minh đã tham dự hội thảo để chuẩn bị cho các hội thảo tương tự cấp vùng do Bộ GD&ĐT và UNESCO tổ chức vào năm 2014. Sau Hội thảo này, Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập đã thành lập một Tiểu ban về xây dựng các thành phố học tập tại Hải Dương. UBND TP. Hà Nội và Việt Trì (Phú Thọ) đã xung phong thí điểm dự thảo các đặc trưng mong muốn và bộ tiêu chí về thành phố học tập áp dụng đối với Việt Nam do UBND tỉnh Hải Dương xây dựng, với sự hỗ trợ của UNESCO và Trung tâm khu vực về học tập suốt đời của SEAMEO.
- Tại 3 hội thảo cấp vùng với cùng chủ đề: Xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam - Từ tầm nhìn đến hành động, các đại biểu tham dự đã đặc biệt chú trọng thảo luận và xây dựng những đặc trưng mong muốn của gia đình học tập, dòng họ học tập và cộng đồng học tập làm nền tảng cho một xã hội học tập, dựa trên vai trò của gia đình, dòng họ và cộng đồng tại Việt Nam để gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống hiếu học và trọng nhân tài. Những hội thảo này được Vụ GDTX và Tiểu ban chuyên trách về xây dựng xã hội học tập chuẩn bị và tổ chức để xây dựng dự thảo những đặc trưng mong muốn của xã hội học tập và công dân học tập. Những hội thảo này diễn ra sau Hội thảo Quốc gia được tổ chức tại Hà Nội vào tháng 12 năm 2013.
- Sau khi có Quyết định Thủ tướng về việc thành lập Ủy ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo, Kế hoạch thực hiện dự án ban đầu được điều chỉnh, theo đó một số Ban về giáo dục và phát triển nguồn nhân lực, bao gồm Ban Chỉ đạo quốc gia xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2011-2020 đã giải thể và được thay thế bằng một bộ máy khác. Theo Quyết định này, Bộ GD&ĐT là cơ quan chủ quản xây dựng xã hội học tập trong khuôn khổ của Ủy ban quốc gia, trong khi các Tiểu ban (bao gồm Tiểu ban xây dựng xã hội học tập) được thành lập theo đề nghị của các Bộ chủ quản và được Phó Chủ tịch Ủy ban là một Phó Thủ tướng phê chuẩn. Kế hoạch thực hiện được điều chỉnh để thích nghi với quá trình hoạt động và kết quả mong muốn của các thành viên Ủy ban mới được bổ nhiệm.
- Hội thảo cho khu vực phía Bắc được tổ chức tại tỉnh Phú Thọ vào tháng 10 năm 2014 song song với Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời. Hội thảo ở miền Trung và miền Nam được tổ chức vào tháng 12 năm 2014, tại Huế và TP. Hồ Chí Minh. Hội thảo nhằm xây dựng những đặc trưng mong muốn của xã hội học tập và công dân học tập ở cấp cơ sở, và đề ra những giải pháp chính để thực hiện những đặc trưng mong muốn này phù hợp với bối cảnh địa phương và cả nước. Các hội thảo đã góp phần xây dựng tầm nhìn, và các kế hoạch hành động dựa trên kết quả để thực hiện mục tiêu đến



năm 2020. **Tại các hội thảo cấp vùng** đại biểu xây dựng kế hoạch hành động địa phương, xác định vai trò và trách nhiệm của các cơ quan lãnh đạo của Đảng, chính quyền, đoàn thể, truyền thông, khu vực tư nhân, cộng đồng và từng cá nhân nhằm **tạo cơ hội cho mọi người tham gia và hưởng quyền học tập, đặc biệt trong quá trình đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục**. Tại các cuộc thảo luận chuyên gia, và các phiên làm việc nhóm và trao đổi cá nhân, các đại biểu đã thảo luận và xác định phương hướng, cơ chế và giải pháp thiết thực nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng xã hội học tập ở cấp địa phương.

- Hơn 360 đại biểu đại diện cho Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Khuyến học Việt Nam, các Sở GD&ĐT của 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam, các bộ, ngành, tổ chức đoàn thể, cơ quan báo chí trung ương và địa phương và khu vực tư nhân, và Tổng Giám đốc CISCO Việt Nam đã tham dự các hội thảo cấp vùng về xây dựng xã hội học tập. Các hội thảo này với tiêu đề: Xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam - Từ tầm nhìn đến hành động được Bộ GD&ĐT, Ban tuyên giáo các tỉnh, thành phố, Hội Khuyến học Việt Nam và UNESCO Việt Nam phối hợp tổ chức. Các cuộc tham vấn liên ngành đã xây dựng tầm nhìn về một xã hội học tập và công dân học tập dựa trên các giá trị truyền thống đặt nền móng vững chắc để xây dựng một Việt Nam thịnh vượng, hòa nhập và bền vững trong một thế giới toàn cầu hóa đang thay đổi nhanh chóng.

UNESCO, Bộ GD&ĐT và các chuyên gia của Viện KHGD Việt Nam phối hợp xây dựng **Cẩm nang giám sát công tác Xây dựng xã hội học tập ở cấp cơ sở- Cơ hội và trách nhiệm chung của mọi người cho các bên liên quan chủ chốt đến HTSD nhằm giúp tạo ra các cơ hội**. Các chuyên làm việc thực địa, tham vấn và các hội thảo được tổ chức ở cấp trung ương và địa phương đã giúp điều chỉnh cuốn Cẩm nang phù hợp với nhu cầu thực tế của đất nước. **30 cán bộ quản lý giáo dục cấp trung ương, cấp tỉnh và địa phương đã tham gia tập huấn thí điểm, và có thông tin phản hồi để hoàn thiện cuốn cẩm nang**. Tài liệu này sẽ giúp nâng cao nhận thức và năng lực của người dân và cơ quan quản lý giáo dục địa phương tiến hành giám sát và đánh giá kết quả của Ban chỉ đạo xây dựng XHHT cấp xã. Tài liệu đã được Bộ GD&ĐT chính thức phê duyệt để sử dụng làm tài liệu tập huấn và áp dụng cho các cán bộ quản lý giáo dục địa phương trên phạm vi toàn quốc.

Tháng 11/12 năm 2011, Bà Bùi Thanh Xuân, Trưởng phòng Nghiên cứu các vấn đề chung, Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Không Chính quy, Viện KHGD Việt Nam thuộc Bộ GD&ĐT, đã đến học tập và nghiên cứu tại Viện HTSD UNESCO với tư cách là thực tập sinh CONFINTEA. Trong quá trình tham gia thực tập, Bà Xuân đã xây dựng kế hoạch chiến lược góp phần thực hiện đề tài nghiên cứu của Bộ GD&ĐT Việt Nam có tiêu đề “Xác định khung tiêu chí xây dựng xã hội học tập ở cấp cơ sở xã, phường, thị trấn”. Gần đây, hệ thống tiêu chí này được đưa vào Thông tư hướng dẫn “Đánh giá, xếp hạng xã hội học tập cấp xã” (2014) của Bộ GD&ĐT.

Tháng 9 năm 2015, Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc (chuyên viên Bộ Giáo dục và Đào tạo) phối hợp với Viện HTSD UNESCO biên soạn **Cẩm nang Tính bền vững của trung tâm học tập cộng đồng ở Việt Nam trong khuôn khổ chương trình học bổng CONFINTEA của Viện HTSD UNESCO**. Trong thời gian làm việc tại Viện HTSD UNESCO, Bà Ngọc được truy cập kho nghiên cứu toàn cầu về TTHTCĐ và học tập suốt đời, nhằm hỗ trợ cho quá trình biên soạn Cẩm nang. **Cẩm nang này sẽ được áp dụng từ năm 2016 trở đi để tập huấn cho các cán bộ quản lý, hướng dẫn viên, và giáo viên của các TTHTCĐ ở Việt Nam**.

Trong khuôn khổ Chương trình chung của Liên hợp quốc hỗ trợ thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, Viện KHGD Việt Nam với tham vấn của Bộ GD&ĐT và Hội Khuyến học Việt Nam đã tiến hành **nghiên cứu có chủ đề “Xây dựng xã hội học tập cấp xã góp phần xây dựng nông thôn mới”**. Nghiên cứu cung cấp minh chứng cho các nhà hoạch định chính sách ở cấp trung ương và địa phương cho công tác hoạch định chính sách và ra quyết định liên quan đến xây dựng XHHT và xây dựng nông thôn mới, trong đó đặc biệt chú trọng đến sự hợp tác giữa các bên liên quan. Đồng thời, nghiên cứu cũng giúp nâng cao nhận thức cho các nhà lãnh đạo và quản lý thuộc ngành giáo dục, văn hóa, thông tin và các ban, ngành, tổ chức xã hội có liên quan ở tất cả các cấp về tác động của xây dựng XHHT ở cấp xã đến xây dựng nông thôn mới, đề xuất các chính sách và giải pháp thiết thực để phát triển nông thôn mới cũng như xây dựng XHHT ở cấp xã, và xây dựng một cơ chế hợp tác hiệu quả hơn, tăng cường mối liên kết giữa các nhà trường chính quy và các thiết chế văn hóa – giáo dục không chính quy trên địa bàn xã.



Tại “**Diễn đàn Việt Nam: Học tập suốt đời-Xây dựng xã hội học tập**”, do UNESCO phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu Học tập Suốt đời thuộc Diễn đàn hợp tác Á-Âu (ASEM) và Bộ GD&ĐT tổ chức, **97 chuyên gia quốc tế đã chia sẻ và thảo luận kinh nghiệm về học tập suốt đời với hơn 300 nhà hoạch định chính sách, nhà giáo dục, chuyên gia và nhà nghiên cứu từ trung ương đến địa phương của Việt Nam**. Tham gia đoàn chủ tọa Diễn đàn có Phó Thủ tướng kiêm Trưởng ban chỉ đạo quốc gia xây dựng xã hội học tập, Chủ tịch Hội Khuyến học Việt Nam, Thứ trưởng Bộ GD&ĐT, Đại sứ Đan Mạch tại Việt Nam, Giám đốc Văn phòng ILO tại Việt Nam, Giám đốc Văn phòng Giáo dục UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Trưởng Đại diện UNESCO tại Việt Nam. Báo cáo kết quả của diễn đàn được đưa vào phần tài liệu tham khảo trong kỷ yếu Diễn đàn và được chia sẻ với Ban chỉ đạo quốc gia xây dựng xã hội học tập. Kỷ yếu Diễn đàn cũng được trình bày tại Hội nghị Bộ trưởng Giáo dục ASEM lần thứ 3 tháng 5 năm 2011 ở Co-pen-ha-ghen và phân phát cho các tác giả, nhà tài trợ, các học giả và những người tham gia diễn đàn.

Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả hoạt động của 11.000 TTHTCĐ trên khắp cả nước đã được Bộ GD&ĐT, cụ thể là Vụ Giáo dục thường xuyên và Trung tâm nghiên cứu giáo dục không chính quy thuộc Viện KHGDVN xây dựng, với sự hỗ trợ của UNESCO. Đề xuất tự đánh giá này chứa đựng các chỉ số đánh giá dựa trên kết quả của các hội thảo tham vấn bao gồm các cuộc tham vấn cộng đồng và chuyển làm việc thực tế tới các trung tâm này. Bộ tiêu chí đã được Vụ Giáo dục thường xuyên thí điểm thêm ở 12 tỉnh được chọn lọc và một số tỉnh đã xây dựng các bộ tiêu chí riêng bằng nhiều phương pháp khác nhau. Vụ GDTX cũng đã tiến hành đánh giá các TTHTCĐ vào tháng 10 năm 2013, trên cơ sở kinh nghiệm và các bài học thu được từ đợt thí điểm.

Tại Hội thảo Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương có chủ đề “**Trung tâm Học tập Cộng đồng**” được tổ chức tại Băng Cốc, Thái Lan năm 2011, với hỗ trợ của UNESCO, Bộ GD&ĐT đã trình bày **tiến độ bước đầu trong đánh giá hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ**. Hội thảo, với sự tham gia của đại diện 27 quốc gia được Văn phòng Giáo dục UNESCO khu vực châu Á-Thái Bình Dương tổ chức, tạo điều kiện cho Việt Nam tiếp xúc với các quốc gia khác có kinh nghiệm về vấn đề này.

Trong khuôn khổ sáng kiến của Viện học tập suốt đời UNESCO (UIL) và Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, **15 nhà hoạch định chính sách của Bộ GD&ĐT do Thứ trưởng Bộ GD&ĐT làm trưởng đoàn đã thực hiện chuyến tham quan học tập kéo dài 3 ngày tại Hamburg, Đức**, qua đó **nâng cao hiểu biết về quan điểm toàn cầu, nghiên cứu, chính sách và kinh nghiệm về học tập suốt đời**. Trong chuyến tham quan học tập này, đoàn đã trao đổi với Viện học tập suốt đời UNESCO, các cơ quan của Chính phủ Đức, và các nhà trường địa phương về những điển hình học tập suốt đời có thể triển khai áp dụng ở Việt Nam trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, phát triển nhà trường, giáo dục không chính quy và các chương trình xóa mù chữ tới các gia đình. Trung tâm học tập suốt đời của ASEM với tài trợ của Dự án Giáo dục Phổ thông (Ngân hàng Thế giới) và Bộ Giáo dục Đan Mạch đã tổ chức cho Đoàn sang tham quan Đan Mạch ngay sau đó.

Với sự hỗ trợ của Văn phòng Giáo dục UNESCO khu vực châu Á-Thái Bình Dương và UNESCO Việt Nam tham vấn, được Vụ GDTX của Bộ GD&ĐT chủ trì xây dựng **Cẩm nang Giáo dục các bậc phụ huynh và Tài liệu hướng dẫn dành cho hướng dẫn viên đã được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng của công tác giáo dục và chăm sóc trẻ em tại các TTHTCĐ** của Việt Nam. Thông qua bảng câu hỏi áp dụng tại 5 tỉnh, bao gồm các tỉnh có tỷ lệ cao người dân tộc thiểu số và cộng đồng sinh sống ở các làng vạn chài, đã xác định được hiện trạng và nhu cầu đào tạo của các bậc phụ huynh. Vụ GDMN và Vụ GDTX của Bộ GD&ĐT đã phối hợp tổ chức hai lớp tập huấn giảng viên cốt cán, mỗi lớp kéo dài 4 ngày, về giáo dục các bậc phụ huynh tại các TTHTCĐ: 63 giảng viên cốt cán (35 nữ và 28 nam) đã tiếp thu kỹ năng thông qua tập huấn giảng viên cốt cán, trong khi đó 386 giảng viên cốt cán (228 nữ và 158 nam) đã tham dự các cuộc tập huấn tiếp theo. Các tỉnh đã sử dụng mô hình này để nhân rộng tập huấn trong tỉnh.

Tuần lễ học tập suốt đời tại Hà Nội, với sự tham gia tích cực của các cơ sở học tập suốt đời khác nhau, đã **thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho mọi người**, và nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của học tập suốt đời đối với các nhà hoạch định chính sách và những cán bộ công tác trên lĩnh vực học tập suốt đời. Tuần lễ **học tập suốt đời được chuẩn bị, tổ chức và phát động vào tháng 10 năm 2011** bởi Bộ GD&ĐT và các bên liên quan chủ chốt với sự hỗ trợ của UNESCO và Viện học tập suốt đời UNESCO. Phó Chủ tịch nước, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Thứ trưởng Bộ GD&ĐT và Phó ban thường trực Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập tham gia chủ trì lễ phát động, thể hiện cam kết mạnh mẽ cấp cao đối với sự nghiệp học tập suốt đời.



Trong khuôn khổ Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời, Diễn đàn *Cách chơi cùng con trẻ* do Bộ GD&ĐT, UNICEF và UNESCO phối hợp tổ chức với sự hỗ trợ của Văn phòng Giáo dục UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã **nâng cao nhận thức của các bậc phụ huynh về cách chơi cùng con trẻ, cách làm các đồ chơi tại nhà, ít hoặc không tốn kém và thân thiện với môi trường và khích lệ con cái**. Diễn đàn là một trong chuỗi hoạt động được thực hiện năm 2012 tại cả 63 tỉnh, thành trong cả nước - các địa phương đã tổ chức Tuần lễ học tập suốt đời dưới sự chỉ đạo và điều phối của Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập, Bộ GD&ĐT và Tổ thư ký.



Ngày Sách và Bản quyền Thế giới do Vụ Thư viện, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các trường đại học, hệ thống các thư viện quốc gia, cấp tỉnh và địa phương phối hợp tổ chức **đã nâng cao nhận thức của người dân về tác động của sách và khả năng biết đọc, biết viết đến việc cải thiện bản thân, sự tiến bộ xã hội và hưởng thụ quyền cơ bản của con người**. Đại diện của Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng Cộng sản Việt Nam, Bộ GD&ĐT, Bộ Thông tin và Truyền thông, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các nhà hoạch định chính sách, tác giả, nhà xuất bản, chuyên viên thư viện, nhà nghiên cứu và bạn đọc thuộc tất cả các lứa tuổi đã tham dự sự kiện này. Các trẻ em được khuyến khích đọc sách và coi sách như người bạn thân thiện để giáo dục bản thân.



Kỷ yếu của Đại hội thường niên lần thứ 5 về Gia đình, Dòng học và Cộng đồng học tập đã nêu gương hàng trăm cá nhân, gia đình, dòng học và cộng đồng học tập điển hình từ tất cả các tỉnh, thành phố trên cả nước. Đại hội do Hội Khuyến học Việt Nam tổ chức vào tháng 10 năm 2013 với sự hỗ trợ của UNESCO, và có ít nhất 400 gia đình, dòng họ tham gia, làm tăng thêm sự đa dạng và chiều sâu của các hoạt động học tập chất lượng.



Hội nghị khu vực lần đầu tiên trong lịch sử có chủ đề “KOMINKAN – Mô hình thành công của Nhật Bản về Trung tâm học tập cộng đồng và bài học kinh nghiệm” do Trung tâm Khu vực về Học tập suốt đời của Tổ chức Bộ trưởng Giáo dục các quốc gia Đông Nam Á (SEAMEO CELLL) tổ chức vào tháng 11 năm 2014, với sự hỗ trợ của UNESCO và phối hợp với Bộ GD&ĐT, Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (MEXT), và DVV International. UNESCO hỗ trợ xây dựng và phổ biến Kỷ yếu có chất lượng cao nhan đề “Trung tâm học tập cộng đồng: Hiện trạng và định hướng tương lai”. Cuốn kỷ yếu được hoàn thiện và phát hành vào đầu năm 2015.





Điều 6: Hỗ trợ thực hiện Thập kỷ Giáo dục vì Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (2005 - 2014) nhằm định hướng lại giáo dục chính quy và không chính quy cũng như các chương trình dạy và học ở mọi cấp và tăng cường năng lực tích hợp giáo dục vì sự phát triển bền vững nhằm giải quyết một cách có hiệu quả các vấn đề đang nổi lên liên quan đến phát triển bền vững, đặc biệt là sự thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu.

Bộ tài liệu đa phương tiện *Dạy và Học vì một Tương lai Bền vững của UNESCO (TLSF)* đã được dịch sang tiếng Việt và điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh của Việt Nam. Bản tài liệu tiếng Việt bao gồm 27 mô-đun với hơn 100 giờ thực hành về chuyên môn, bao gồm các trường hợp nghiên cứu điển hình và ví dụ cụ thể theo bối cảnh cho Việt Nam để sử dụng trong các khóa đào tạo giáo viên cũng như bồi dưỡng cho các đối tượng giáo viên, cán bộ xây dựng chương trình, các nhà hoạch định chính sách giáo dục và tác giả của các tài liệu về giáo dục.

- Nhóm kỹ thuật của dự án đã xây dựng tài liệu hướng dẫn bổ sung hỗ trợ các giảng viên sư phạm và giáo viên Việt Nam sử dụng tài liệu GDPTBV trong lớp học. Tài liệu được điều chỉnh, đặc biệt chú trọng đến lồng ghép giới trong bối cảnh của Việt Nam (chẳng hạn, kiến thức bản địa của phụ nữ dân tộc thiểu số), đồng thời cung cấp các công cụ để sử dụng các chỉ số nhằm xác định những thông tin có thể giúp giáo viên phối hợp tốt hơn với học sinh thực hiện sự công bằng và bình đẳng giới. Văn phòng Giáo dục UNESCO khu vực châu Á Thái Bình Dương, Chương trình cải cách giáo dục cho phát triển khu vực châu Á-Thái Bình Dương (APEID) và Tổ thư ký Thập kỷ vì sự phát triển bền vững (DGDPBV) tại UNESCO Pa-ri đã hỗ trợ cho công tác tài. Bộ tài liệu TLSF được Bộ GD&ĐT phê duyệt làm tài liệu đào tạo giáo viên chính quy.
- Năng lực của các giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục thuộc 5 tỉnh thí điểm đã nâng cao sau khi tham gia tập huấn tích hợp các chủ đề và phương pháp GDPTBV và *Dạy và Học vì một Tương lai Bền vững (TLSF)* vào kế hoạch bài giảng. TLSF đã được sử dụng làm công cụ chính để đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trong Giai đoạn 2 và Giai đoạn 3 của Chương trình “Khu dự trữ sinh quyển – An ninh kinh tế và môi trường” (BREES).
- Để bổ sung cho các nỗ lực thực hiện TLSF, hội thảo có chủ đề “Định hướng công tác đào tạo giáo viên hướng tới mục tiêu Giáo dục cho mọi người và Giáo dục vì sự phát triển bền vững tại Việt Nam” được UNESCO-APEID tổ chức vào năm 2011 tại Vịnh Hạ Long. Với sự hỗ trợ của JFIT, hội thảo đã được UNESCO Việt Nam, IBE, Bộ GD&ĐT và Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững (CEREPROD) phối hợp tổ chức.
- Tăng cường năng lực cho 70 giảng viên sư phạm và giáo viên phổ thông tích hợp các nguyên tắc GDCMN và GDPTBV vào chương trình và nội dung giảng dạy với các chuyên đề: bảo vệ môi trường; biến đổi khí hậu; giáo dục quyền con người; hiểu biết giữa các nền văn hóa; nhạy cảm giới; và giáo dục song ngữ tại Hội thảo nêu trên. 3 mô-đun do IBE chuẩn bị về biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và nhạy cảm giới được dịch sang tiếng Việt và chia sẻ với các đại biểu Hội thảo.

Chương trình tập huấn giáo dục vì sự phát triển bền vững cho giáo viên, học sinh, phụ huynh và các thành viên cộng đồng chung tay ứng phó các thách thức BĐKH tại địa phương và lồng ghép nội dung GDPTBV vào các hoạt động chính khóa và ngoại khóa, đã được tổ chức khi triển khai Giai đoạn 2 của Chương trình “Khu dự trữ sinh quyển – An ninh kinh tế và môi trường” (BREES) (được báo cáo tại Điều 14). Giai đoạn 3 của Chương trình BREES được thực hiện tại Đồng bằng châu thổ sông Hồng (được báo cáo tại Điều 14). Giai đoạn 3 sử dụng nguồn kinh phí tài trợ của Quỹ Tín thác Nhật Bản (JFIT), thông qua Chương trình BREES – chương trình tiên phong khu vực của UNESCO Jakarta – chú trọng đến công tác ứng phó biến đổi khí hậu và giảm nghèo bền vững trong khu vực.



UNESCO đã hỗ trợ kỹ thuật **chuyên môn quốc tế và trong nước nhằm hỗ trợ xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011 - 2015**, một kết quả to lớn ghi nhận tiềm năng của hệ thống giáo dục trong việc ứng phó các thách thức của biến đổi khí hậu. Cụ thể là cung cấp hỗ trợ cho Ban chỉ đạo kế hoạch hành động và Nhóm công tác kỹ thuật dự thảo kế hoạch. Các Bộ phận Khoa học Tự nhiên và Giáo dục ở UNESCO Pa-ri và các Văn phòng khu vực tại Băng Cốc và Jakarta đã cung cấp thông tin kỹ thuật trong quá trình này. Kế hoạch hành động được xây dựng theo tinh thần của Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó quy định “ứng phó biến đổi khí hậu là trách nhiệm của toàn thể hệ thống chính trị, xã hội, các ngành, các tổ chức ở tất cả các cấp và mọi cá nhân”, hướng tới phát triển bền vững. Theo đó, Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu yêu cầu tất cả các bộ ngành phải xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động.

UNESCO Việt Nam đã hỗ trợ xây dựng Khung chương trình giáo dục phòng chống và ứng phó thiên tai tại nhà trường, do Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì với sự hợp tác của các đơn vị khác nhau. Vụ KHCNMT đã thiết kế và hiện đang xây dựng công cụ duy nhất này nhằm xác định kiến thức, kỹ năng và thái độ cho các cấp lớp khác nhau trong nhà trường. UNESCO đặc biệt chú trọng đến xem xét các đặc điểm tình cảm, tâm lý và phát triển của học sinh.

Tại Hội nghị quốc gia về giáo dục ứng phó biến đổi khí hậu: “Chia sẻ kinh nghiệm và tăng cường hợp tác nhằm hỗ trợ công tác giáo dục ứng phó biến đổi khí hậu ở Việt Nam”, do Bộ GD&ĐT, các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế tổ chức, phối hợp với Liên Hợp Quốc tổ chức ở Hà Nội vào tháng 3 năm 2011, **Trợ lý Giám đốc UNESCO phụ trách giáo dục đã kêu gọi ứng phó biến đổi khí hậu bằng cách tiếp cận GDPTBV rộng hơn và liên quan mật thiết đến nhau hơn**. Tham dự Hội nghị quốc gia là một phần trong chuyến thăm của Trợ lý Tổng Giám đốc tới Bộ GD&ĐT, tới các nhà trường thuộc Mạng lưới các trường liên kết (ASPnet) cùng với Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, và các cán bộ của UNESCO Việt Nam.

Diễn đàn Giáo dục vì sự Phát triển bền vững (còn gọi là ESD-Forum), dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và UNESCO Việt Nam, với sự tham gia của một nhóm chuyên gia từ các lĩnh vực, cũng như các cơ quan, tổ chức thuộc khu vực nhà nước và tư nhân, **đã xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia Giáo dục vì Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2010-2014**. Nội dung của Kế hoạch bao gồm: i) xây dựng các khóa học trực tuyến về GDPTBV cho giáo viên, ii) tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức cho nhà trường và truyền thông; và iii) tăng cường sự hợp tác và liên kết giữa các bên liên quan ở địa phương.

- Kế hoạch hành động này được Ủy ban về Thập kỷ GDPTBV của Việt Nam gồm Bộ Ngoại giao, Bộ GD&ĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ và nhiều cơ quan liên quan khác phê duyệt, tạo môi trường thuận lợi tích hợp nội dung GDPTBV vào xã hội học tập đang được xây dựng ở Việt Nam.
- Tháng 9 năm 2012, Ủy ban về Thập kỷ GDPTBV của Việt Nam và Diễn đàn Giáo dục vì sự Phát triển bền vững đã tổ chức **hội thảo rà soát nhằm xác định tiến độ thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia Giáo dục vì Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2010-2014, đồng thời chia sẻ kiến thức và thực tiễn về GDPTBV của các bên liên quan, cũng như tăng cường hiểu biết toàn diện và triển khai các hoạt động GDPTBV trong nhiều lĩnh vực khác nhau**. Hội thảo quy tụ nhiều bên liên quan chủ chốt. Trung tâm Nghiên cứu và Giáo dục Môi trường (CERE), Đại học Sư phạm Hà Nội, và Ủy ban quốc gia chương trình con người và sinh quyển Việt Nam đã trình bày các cách thức tiếp cận sáng tạo đối với GDPTBV, dựa trên kinh nghiệm của Chương trình BRES tại Việt Nam, GDPTBV trong học tập suốt đời, cũng như những minh chứng về sự tham gia của cộng đồng hướng tới kinh tế xanh và xã hội xanh. Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Trung tâm Sống và Học tập đã chú trọng vai trò nòng cốt của thanh niên trong việc thúc đẩy và triển khai các hoạt động liên quan đến GDPTBV. Hội thảo, dưới sự chủ trì của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam đồng thời là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao đã nêu bật sự cần thiết phải lồng ghép GDPTBV vào cả giáo dục chính quy và không chính quy. Việc xây dựng tài liệu IEC (Thông tin, Giáo dục và Truyền thông), đặc biệt là thông qua truyền thông, được trình bày tại Diễn đàn coi đó là kênh quan trọng thúc đẩy GDPTBV.



- Một hội thảo của Diễn đàn Giáo dục vì sự Phát triển bền vững nhằm chia sẻ những phát hiện của Thập kỷ GDPTBV và kết quả của Hội nghị Thế giới về Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững được UNESCO Việt Nam và Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam phối hợp tổ chức, nhằm thảo luận về phương hướng triển khai Chương trình hành động toàn cầu (GAP) tại Việt Nam. Tham gia hội thảo có các thành viên của Nhóm công tác quốc gia thập kỷ giáo dục vì sự phát triển bền vững, các chuyên gia trong nước về GDPTBV và hiệu trưởng các trường thuộc Mạng lưới các trường liên kết (ASPnet). Bộ GD&ĐT trình bày những thành tựu đạt được về GDPTBV cả trên phương diện chính sách lẫn thực tiễn, những kết quả chính của Kế hoạch hành động trong giai đoạn 2 của Thập kỷ. Diễn đàn Giáo dục vì sự Phát triển bền vững đã quyết định: (i) xác định lại vai trò và trách nhiệm, đồng thời cập nhật danh sách các thành viên của Nhóm công tác; (ii) đáp ứng các nhu cầu hiện tại dựa trên những thành công của việc thực hiện Thập kỷ Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững; (iii) tăng cường chia sẻ kinh nghiệm để thực hiện một tầm nhìn toàn diện cả về chính sách lẫn thực tiễn GDPTBV; (iv) nâng cao năng lực cho các bên liên quan từ các nhà hoạch định chính sách đến đội ngũ giáo viên, nhằm đảm bảo hành động GDPTBV khả thi và hiệu quả.

Tăng cường năng lực cho hướng dẫn viên tại hơn 100 TTHTCĐ sử dụng học liệu nhằm nâng cao nhận thức về BDKH tại các TTHTCĐ. Theo đó, 2.075 hướng dẫn viên tại 105 trung tâm học tập cộng đồng thuộc 5 tỉnh đã được tập huấn về “hiểu biết và thích ứng biến đổi khí hậu”. Việc xây dựng học liệu về “Giáo dục thích ứng BDKH vì sự phát triển bền vững” cho giáo dục chính quy và không chính quy làm phương tiện nâng cao nhận thức cho người học lớn tuổi và người dân Việt Nam nói chung được các Văn phòng UNESCO tại Việt Nam, Jakarta, Băng Cốc và Diễn đàn Ứng phó Biến đổi Khí hậu của UNESCO (ED/UNP/DGDPTBV và Bộ phận Khoa học) hỗ trợ. Dựa trên thông tin phản hồi thu được trong các đợt tập huấn này, tài liệu hướng dẫn đã được biên soạn. Tài liệu này đã được xuất bản và sử dụng trong quá trình xây dựng Kế hoạch Hành động Cộng đồng ứng phó biến đổi khí hậu Khu Bảo tồn sinh quyển thế giới Cát Bà, và được sử dụng làm cơ sở để xây dựng các sáng kiến tương tự cho các cộng đồng ở Khu Bảo tồn sinh quyển Huế và Đồng bằng Sông Hồng (xem thêm nội dung Điều 16). Ngoài tài liệu hướng dẫn trên, hai phim tư liệu đã được sản xuất và phát sóng tới khán giả rộng rãi (i) một phim tư liệu dài 20 phút được phát sóng trên Đài truyền hình Trung ương có tựa đề “Biến đổi khí hậu và kế hoạch hành động cộng đồng” và (ii) một phim tư liệu về “Tuyên truyền về những hành động giảm nhẹ và thích ứng biến đổi khí hậu ở cấp cộng đồng tại Việt Nam”.

Sáng kiến Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững tại Việt Nam của Bộ GD&ĐT, UNESCO và Samsung đã đạt được nhiều kết quả trong GDPTBV cả về chính sách lẫn hoạt động thực tiễn do áp dụng cách tiếp cận tổng thể có sự tham gia của các nhà quản lý giáo dục cấp trung ương và địa phương, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên, thành viên cộng đồng, truyền thông, cộng đồng khoa học, đối tác phát triển và Ban quản lý các Khu Di sản Thế giới một cách sáng tạo và bền vững. Các đối tượng tham gia đã nâng cao năng lực hỗ trợ và cùng chung tay triển khai các hành động nhằm thúc đẩy hệ thống giáo dục của Việt Nam phát triển bền vững hướng tới cộng đồng và nhà trường xanh, sạch, đẹp và an toàn. Sáng kiến này với cách tiếp cận có sự tham gia của các bên liên quan tăng thêm ý nghĩa mới cho GDPTBV và thúc đẩy các hành vi mới tại Việt Nam.

- Trụ sở UNESCO và Samsung đã ký kết một Thỏa thuận Khung cho Việt Nam - quốc gia đầu tiên được hưởng lợi, do Việt Nam dễ bị tác động bởi thảm họa thiên tai và BDKH và bởi Việt Nam đã cam kết đổi mới chương trình giáo dục và phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Thông qua sự hợp tác chặt chẽ giữa UNESCO Việt Nam, Trụ sở UNESCO, và Bộ GD&ĐT, chương trình dự án được xây dựng và đã huy động được kinh phí thực hiện trong giai đoạn 24 tháng.
- Bộ GD&ĐT và UNESCO Việt Nam ký kết Bản thỏa thuận triển khai Sáng kiến GDPTBV, tăng cường sự chủ động của phía Việt Nam cũng như tạo điều kiện phổ biến tài liệu tập huấn, công cụ và kết quả trên phạm vi toàn quốc. Bản thỏa thuận thứ hai được ký giữa UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế và UNESCO nhằm hỗ trợ triển khai các hoạt động thí điểm trên địa bàn tỉnh. Áp dụng cách tiếp cận chiến lược, Sáng kiến GDPTBV được thực hiện trong khuôn khổ hợp tác giữa Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Thừa Thiên – Huế và UNESCO.
- Giáo viên Việt Nam hiện nay có thể tiếp cận các khóa học trực tuyến để học tập và giảng dạy cho học sinh về giảm nhẹ và thích ứng BDKH, phòng chống thiên tai và bảo tồn đa dạng sinh học. Để xây dựng các khóa học trực tuyến, đã đánh giá nhu cầu về GDPTBV và kỹ năng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) của giáo viên, đồng thời giáo viên được tập huấn về cách sử dụng các ứng dụng ICT. Nội dung của khóa học được xây dựng sử dụng các nguồn tư liệu trong nước và quốc tế. Các khóa học trực tuyến về thích ứng BDKH (3 mô-đun), bảo tồn đa dạng sinh học (gồm 6 khóa học)



và giảm thiểu rủi ro thảm họa (4 mô-đun) được xây dựng, thí điểm với đội ngũ giáo viên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên – Huế và được hoàn thiện dựa trên thông tin phản hồi từ các đợt thí điểm này. Bộ GD&ĐT đã thành lập Ban thẩm định tiếp nhận các khóa học trực tuyến để triển khai đại trà trên phạm vi toàn quốc.

- **Cha mẹ học sinh, hiệu trưởng, thành viên cộng đồng và các cán bộ quản lý giáo dục địa phương tại 5 cộng đồng tham gia thí điểm đã nâng cao nhận thức về GDPTBV tạo môi trường thuận lợi để thực hiện GDPTBV. Ngoài ra, giáo viên và truyền thông cũng đã tham gia các buổi nâng cao nhận thức này nhằm củng cố hiểu biết chung và xây dựng mạng lưới kết nối các đơn vị liên quan địa phương.** Hơn 190 lượt người đã tham gia các buổi nâng cao nhận thức ở địa phương cùng xây dựng và triển khai: (i) tài liệu nâng cao nhận thức và các đợt tập huấn về GDPTBV, giảm nhẹ và thích ứng BĐKH, giảm thiểu rủi ro thảm họa và bảo tồn đa dạng sinh học được xây dựng dựa trên nhu cầu của các đối tượng tham gia; (ii) các buổi nâng cao nhận thức về GDPTBV, giảm nhẹ và thích ứng BĐKH, giảm thiểu rủi ro thảm họa và bảo tồn đa dạng sinh học được tổ chức cho các thành viên cộng đồng và cán bộ nhà trường nhằm xây dựng môi trường thuận lợi để học sinh áp dụng những kiến thức các em học được trong nhà trường; (iii) các buổi nâng cao nhận thức về GDPTBV, giảm nhẹ và thích ứng BĐKH, giảm thiểu rủi ro thảm họa và bảo tồn đa dạng sinh học được tổ chức cho các nhà hoạch định chính sách và các cán bộ quản lý giáo dục.
- Thông qua các buổi nâng cao nhận thức về giảm thiểu rủi ro thảm họa, biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học, cũng như xây dựng Kế hoạch truyền thông **đã tăng cường kiến thức và hiểu biết cho các phóng viên, nhà báo về các chuyên đề liên quan đến GDPTBV và nâng cao năng lực đưa tin, bài về những chuyên đề này.** Ngoài ra, hơn 150 sản phẩm truyền thông có chất lượng đã được đăng tải, phát sóng đã tuyên truyền về kết quả của Sáng kiến và giúp nâng cao hình ảnh của Sáng kiến này.
- **Bộ công cụ đánh giá và lập kế hoạch trường học an toàn, phòng chống thiên tai và các rủi ro khác đã được xây dựng, thử nghiệm và phổ biến để góp phần nâng cao hiểu biết của cộng đồng, nhà trường về tầm quan trọng của công tác đánh giá rủi ro, lập kế hoạch và phòng chống thảm họa.** Bộ công cụ này được xây dựng theo phương pháp đồng tham gia và được thí điểm tại 5 trường tiểu học. Các trường đã huy động cộng đồng tiến hành đánh giá rủi ro thảm họa và xây dựng Kế hoạch phòng chống rủi ro thảm họa nhà trường. Qua đó, đã nâng cao năng lực tiếp nhận kinh phí và triển khai Kế hoạch phòng chống rủi ro thảm họa nhà trường với sự hỗ trợ của phụ huynh và thành viên cộng đồng. Bộ công cụ hiện đã được phổ biến trên phạm vi toàn quốc trên văn bản cũng như dưới dạng tài liệu học tập trực tuyến.
- **Hơn 130 cán bộ quản lý giáo dục cấp trung ương và địa phương đã nhận thức rõ giá trị của việc ứng dụng công nghệ không gian nhằm cải thiện công tác quản lý nhà trường** sau khi tham dự khóa tập huấn về cách sử dụng dữ liệu và hình ảnh vệ tinh trong phòng chống thảm họa, thích ứng biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học. Tham gia khóa học gồm các cán bộ quản lý giáo dục trung ương và địa phương, đội ngũ giảng viên của Học viện QLGD và thành viên cộng đồng địa phương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên – Huế. Đây là kết quả của việc xây dựng và tổ chức các khóa tập huấn về cách sử dụng dữ liệu và hình ảnh vệ tinh làm công cụ ra quyết định và lập kế hoạch dựa trên minh chứng.
- **Tăng cường năng lực cho các thành viên cộng đồng nhà trường và chính quyền địa phương để xây dựng Kế hoạch hành động cộng đồng theo phương pháp đồng tham gia nhằm nâng cao khả năng phòng chống và ứng phó thảm họa, đảm bảo an toàn cho cộng đồng địa phương.** Áp dụng phương pháp đồng tham gia này, 5 Kế hoạch hành động cộng đồng được xây dựng và chia sẻ với toàn thể cộng đồng địa phương nhằm nâng cao nhận thức và tiến hành những hành động cần thiết. Nhiều hoạt động giảm thiểu rủi ro và hiểm họa tại cộng đồng xung quanh nhà trường đã được thiết kế và được trình bày trước toàn thể cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức về những thách thức và những hành động cần phải xúc tiến để giải quyết những thách thức đó.
- **Tăng cường năng lực cho các cán bộ quản lý và chuyên viên kỹ thuật xác định những rủi ro và hiểm họa thiên tai, xây dựng và thực hiện Kế hoạch quản lý rủi ro thảm họa tại Hoàng thành Thăng Long, Phố cổ Hội An và Quần thể di tích Cố đô Huế.** Kết quả là Kế hoạch quản lý rủi ro thảm họa tại cho các Khu Di sản Thế giới Hoàng thành Thăng Long, Phố cổ Hội An và Quần thể di tích Cố đô Huế đã được xây dựng và thực hiện.



- Đã **giám sát, đánh giá và tài liệu hóa các hoạt động** của Sáng kiến GDPTBV. Kế hoạch giám sát và đánh giá, cơ chế giám sát định kỳ và các loại báo cáo khác nhau cho các đối tượng khác nhau được xây dựng. Đã có các khuyến nghị nhằm thúc đẩy áp dụng sáng kiến trên phạm vi toàn quốc cũng như nhân rộng trên phạm vi quốc tế. Những khuyến nghị này được đưa vào Báo cáo tổng kết của Sáng kiến được đăng tải trên trang web của UNESCO.
- Với sự hỗ trợ của UNESCO, Chính phủ Việt Nam đã chia sẻ **kết quả của Sáng kiến GDPTBV** tại các hội nghị và diễn đàn trong nước và quốc tế,. Bộ GD&ĐT đã trình bày Sáng kiến GDPTBV và những kết quả đạt được tại Hội nghị Thế giới về Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững tại Aichi-Nagoya và Hội nghị Quốc tế về Trung tâm học tập cộng đồng với sự nghiệp GDPTBV tại Nhật Bản. Sáng kiến GDPTBV là một thành công về GDPTBV có sự hợp tác công – tư, đảm bảo sự chủ động và sự tham gia của tất cả các bên liên quan.



Điều 7: Tăng cường năng lực sẵn sàng ứng phó của ngành giáo dục đối với thiên tai và các rủi ro khác cũng như năng lực ứng phó của ngành giáo dục trong những trường hợp khẩn cấp, bằng cách xây dựng chuẩn quốc gia và các hướng dẫn dựa trên chuẩn mực quốc tế, hỗ trợ việc tự đánh giá của các trường và thông qua việc tăng cường khả năng ứng phó của cộng đồng giáo dục.

Tài liệu Tiêu chuẩn giáo dục trong tình trạng khẩn cấp: Phòng chống, Ứng phó, Phục hồi của Liên minh Giáo dục trong tình trạng khẩn cấp (INEE) đã được dịch sang tiếng Việt và điều chỉnh chỉnh cho phù hợp với bối cảnh của Việt Nam, có tham khảo ý kiến của 50 đại diện thuộc các đơn vị chức năng của Bộ GD&ĐT và các ban ngành chủ chốt khác và các bên liên quan đến công tác phòng chống và ứng phó thảm họa, đại diện của các cơ quan Liên Hợp Quốc cũng như các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế. Quá trình thực hiện này do Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ GD&ĐT chủ trì, với sự hỗ trợ của UNESCO. Tài liệu hướng dẫn đã được soạn thảo hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn này vào Việt Nam

Những nỗ lực giảm thiểu rủi ro thảm họa và giáo dục trong tình trạng khẩn cấp (EiE) được tăng cường sau sự kiện vận động chính sách do Thứ trưởng Bộ GD&ĐT chủ trì và được UNESCO phối hợp với INEE, Bộ GD&ĐT, UNICEF và Tổ chức Cứu trợ Trẻ em (Save the Children) tổ chức với sự có mặt của hơn 90 đại biểu trong đó những cơ quan tham gia chính có bài trình bày tham luận về lĩnh vực tương ứng. Sự kiện này cũng trùng hợp với Hội nghị Nhóm Công tác Thường niên của INEE, giúp các thành viên của INEE có cơ hội tham dự sự kiện chia sẻ kinh nghiệm, chia sẻ các kinh nghiệm quốc tế, đồng thời được thông tin về nỗ lực của Việt Nam về giáo dục trong tình trạng khẩn cấp.

Năm 2012, đề xuất dự án liên ngành về phòng chống, ứng phó thảm họa và thích ứng biến đổi khí hậu, do UNESCO Việt Nam xây dựng đã huy động được 285.000 USD từ Diễn đàn liên ngành về hỗ trợ của UNESCO cho các quốc gia hậu xung đột và hậu thiên tai và Diễn đàn liên ngành về đóng góp của UNESCO cho công tác giảm nhẹ và thích ứng biến đổi khí hậu. Dự án này nhằm mục đích tăng cường năng lực liên ngành tại Việt Nam phòng chống và ứng phó thảm họa thiên tai toàn diện cũng như thích ứng biến đổi khí hậu thông qua các Kế hoạch hành động cộng đồng. Ngoài ra, Dự án còn góp phần xây dựng Đề án giảm thiểu rủi ro thảm họa tổng thể với các nội dung chính sau đây: (i) thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng vào xây dựng kế hoạch phòng chống thảm họa cho nhà trường; (ii) tăng cường năng lực của phóng viên, nhà báo truyền thông về phòng chống thảm họa; (iii) tăng cường khả năng chống chịu các thảm họa môi trường tại các khu di sản của UNESCO; (iv) thúc đẩy sử dụng dữ liệu vệ tinh cho công tác ra quyết định dựa trên minh chứng; (v) thúc đẩy công tác điều phối liên ngành để phòng chống thảm họa ở cộng đồng và; (vi) xây dựng Kế hoạch hành động cộng đồng để phòng chống, ứng phó thảm họa và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Tăng cường năng lực cho 62 thành viên cộng đồng chịu trách nhiệm xây dựng Kế hoạch hành động cộng đồng với các hoạt động theo phương pháp đồng tham gia nhằm ứng phó thảm họa thiên tai, BDKH và mất đa dạng sinh học sau khi tham gia tập huấn trong khuôn khổ Sáng kiến Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững tại Việt Nam của Bộ GD&ĐT, UNESCO và Samsung. 5 Kế hoạch hành động cộng đồng được 5 xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên – Huế xây dựng, với sự hỗ trợ của các chuyên gia địa phương trong các lĩnh vực tương ứng trong Kế hoạch, và dựa trên Mẫu Kế hoạch hành động cộng đồng và dự thảo Tài liệu hướng dẫn (xem thêm nội dung tại Điều 16). Kế hoạch của xã Hương Vinh và xã Phú Mậu đã được trình bày trước toàn thể cộng đồng tại các cuộc họp cấp xã được tổ chức tại 2 TTHTCĐ.
- 20 phóng viên, nhà báo tại Huế, sau khi được tập huấn về các chuyên đề thuộc Sáng kiến Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững, đã xây dựng kế hoạch tuyên truyền về thảm họa thiên tai, trình lên Ban lãnh đạo phê duyệt và triển khai thực hiện (xem thêm nội dung tại Điều 38).
- 20 nhà quản lý và chuyên viên kỹ thuật thuộc các Ban Quản lý của 3 Khu Di sản Thế giới quản lý rủi ro thảm họa thiên tai tại Khu di sản đã nâng cao năng lực sau khi tham gia hội thảo tập huấn dành cho các đối tượng mục tiêu. Theo đó, các kế hoạch phòng chống thảm họa thiên tai của Hoàng thành Thăng Long, Thành nhà Hồ và Quần thể di tích Cố đô Huế đã được soạn thảo (xem thêm nội dung tại Điều 27).
- Nâng cao hiểu biết của các đối tượng liên quan về khả năng ứng dụng công nghệ không gian vào công tác ra quyết định trong Ngành Giáo dục, góp phần vào nỗ lực tích hợp nội dung này vào lớp học để giúp các em học sinh hình thành thói quen sử dụng minh chứng khoa học chính xác. Đây là kết quả của các khóa tập huấn về cách sử dụng số liệu và hình ảnh vệ tinh trong công tác phòng ngừa thảm họa, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó BDKH cho các cán bộ quản lý giáo dục cấp trung ương và địa phương, giảng viên của Học viện QLGD và các thành viên cộng đồng trên địa bàn tỉnh



Thừa Thiên – Huế (xem thêm nội dung tại Điều 18). 26 cán bộ quản lý giáo dục trung ương thuộc Bộ GD&ĐT đã nâng cao hiểu biết về cách sử dụng hình ảnh vệ tinh làm công cụ ra quyết định sau khi tham dự khóa tập huấn dành cho các đối tượng mục tiêu; 23 giảng viên đào tạo cán bộ quản lý giáo dục thuộc Học viện Quản lý Giáo dục đã nâng cao hiểu biết về hình ảnh vệ tinh sau khi tham dự khóa tập huấn về các công nghệ không gian, đồng thời phát triển khả năng xây dựng chương trình đào tạo giảng viên sử dụng công nghệ không gian này; 31 cán bộ quản lý giáo dục địa phương của tỉnh Thừa Thiên – Huế đã nâng cao hiểu biết về lợi ích của việc ứng dụng công nghệ không gian theo cách đơn giản, thân thiện nhằm hỗ trợ các nhà quản lý giáo dục địa phương cải thiện công tác quản lý tổng thể của nhà trường tại địa phương sau khi tham dự khóa tập huấn; và 49 cán bộ nhà trường và thành viên cộng đồng địa phương (bao gồm hiệu trưởng, phụ huynh, đại diện các tổ chức cộng đồng, truyền thông và đại diện Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão địa phương) đã củng cố hiểu biết về cách sử dụng hình ảnh vệ tinh để nâng cao nhận thức cho người dân về thảm họa, biến đổi khí hậu và mất đa dạng sinh học sau khi tham gia khóa tập huấn.

Với sự hỗ trợ của UNESCO, năm 2012, Học viện Quản lý Giáo dục đã thành lập Trung tâm Nghiên cứu và đào tạo về biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro trực thuộc Học viện. Học viện Quản lý Giáo dục là đơn vị sự nghiệp duy nhất được Bộ GD&ĐT giao trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý giáo dục và hiệu trưởng ở tất cả các cấp trong ngành giáo dục (trên 10.000 lượt người), đồng thời đã và đang là đối tác trong nước chính của UNESCO trong lĩnh vực nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý giáo dục và giảm thiểu rủi ro thảm họa kể từ năm 2009. Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai của ngành giáo dục, giai đoạn 2011 – 2020, được thông qua hồi tháng 9 năm 2011, đã xác định sự cần thiết phải nâng cao năng lực là một ưu tiên nhằm triển khai tốt hơn Chiến lược quốc gia. Học viện Quản lý Giáo dục và Trung tâm Nghiên cứu và đào tạo về biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro chú trọng đến việc thể chế hóa các nỗ lực nghiên cứu và đào tạo nhằm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo mục tiêu cho các cán bộ quản lý giáo dục, sinh viên và hiệu trưởng nhà trường phổ thông về lĩnh vực biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thảm họa, tích lũy kinh nghiệm của Học viện trong lĩnh vực này.

Tháng 9 năm 2011, **với sự hỗ trợ của UNICEF và UNESCO, Bộ GD&ĐT đã thông qua Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai của ngành giáo dục, giai đoạn 2011 – 2020.**

Trong khuôn khổ Sáng kiến Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững, Bộ tài liệu *“Đánh giá và lập kế hoạch trường học an toàn trong phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu, mất đa dạng sinh học và các rủi ro khác”* bao gồm Công cụ đánh giá nhà trường, Tài liệu hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng chống thảm họa nhà trường, và quy trình giảm thiểu rủi ro thảm họa trong nhà trường và gia đình do học sinh làm chủ đã được xây dựng. Bộ tài liệu đã được Bộ GD&ĐT chính thức phê duyệt và được phổ biến trên phạm vi toàn quốc. UNESCO đã phối hợp chặt chẽ với Bộ GD&ĐT và các đối tác liên quan trong lĩnh vực giảm thiểu rủi ro thảm họa (bao gồm Save the Children, Tổ chức Plan International, UNICEF, Hội chữ thập đỏ Đức và một số tổ chức khác) để xây dựng Công cụ đánh giá nhà trường và tài liệu hướng dẫn kèm theo nhằm xác định rủi ro và hiểm họa thiên tai trong nhà trường và môi trường xung quanh. Các đối tác cùng phối hợp tổng hợp một số công cụ đánh giá trước thảm họa gần giống nhau đã và đang được các cơ quan khác nhau xây dựng một cách riêng rẽ để tránh trùng lặp, đồng thời tạo ra một công cụ hoàn chỉnh duy nhất. Bổ sung cho công cụ này là công cụ đánh giá sau thảm họa do Bộ GD&ĐT và UNICEF phối hợp xây dựng. Nội dung đánh giá trong công cụ này gồm: i) Hồ sơ lịch sử ghi lại những thảm họa xảy ra trước đây tác động đến nhà trường và cộng đồng xung quanh; ii) lịch hoạt động nhà trường và lịch chu kỳ thảm họa thiên tai trong năm thể hiện mối liên hệ và tác động của thảm họa đến các hoạt động của nhà trường, iii) bản đồ rủi ro thảm họa xác định những khu vực có nguy cơ xảy ra thảm họa, đồng thời cung cấp thông tin về những nơi an toàn và kém an toàn, cũng như đường sơ tán trong trường hợp khẩn cấp, iv) tham quan nhà trường, kết hợp với việc sử dụng bảng hỏi để xác định những rủi ro trong kết cấu và phi kết cấu trong trường và khu vực xung quanh, vi) ma trận kết quả đánh giá nhà trường, trên đó tổng hợp thông tin thu được từ các tài liệu trên làm cơ sở để xây dựng kế hoạch phòng chống thảm họa nhà trường. Bộ tài liệu còn có cả Mẫu kế hoạch phòng chống thảm họa nhà trường, ví dụ về các kế hoạch phòng, chống thảm họa hiện có, và quy trình giảm thiểu rủi ro thảm họa cũng như phương pháp cụ thể từng bước để chuẩn bị kế hoạch hành động cộng đồng nhằm đảm bảo an toàn và tâm lý của trẻ em và người lớn trong và xung quanh nhà trường khi có thảm họa xảy ra, thúc đẩy thực hiện các biện pháp bảo vệ thiên nhiên và môi trường cho học sinh, giảng viên, phụ huynh và cộng đồng trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày một nghiêm trọng.



Bộ tài liệu công cụ “Đánh giá và lập kế hoạch trường học an toàn trong phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu, mất đa dạng sinh học và các rủi ro khác” được áp dụng triển khai tại 10 nhà trường ở Hà Nội và Huế. Hoạt động thí điểm cung cấp nhiều thông tin hữu ích để chỉnh sửa bộ công cụ. Dưới sự chủ trì của Vụ Công tác học sinh, sinh viên và với sự hỗ trợ của UNESCO, các đơn vị trực thuộc Bộ GD&ĐT, chính quyền địa phương, các tổ chức trong nước và quốc tế, giáo viên, hiệu trưởng, học sinh và phụ huynh cùng tham gia thẩm định và thí điểm bộ công cụ, với sự tham gia của Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão địa phương, Hội phụ nữ và Đoàn thanh niên. Đại biểu đã sử dụng bộ công cụ, cung cấp thông tin phản hồi và khuyến nghị để cải tiến trong quá trình triển khai. Hiệu trưởng trường THCS Yên Sở của Hà Nội đã đề xuất vẽ bản đồ thảm họa bằng cách sử dụng Google-Map để tìm hiểu và đánh giá môi trường xung quanh nhà trường một cách hiệu quả hơn, theo đó xác định được những rủi ro tiềm ẩn đối với nhà trường. Đây được xem là phương pháp hiệu quả thu hút sự quan tâm của học sinh trong việc tìm hiểu về ICT vì các em phải thực hiện các bài tập để củng cố kết quả học tập. **Cả 5 trường hiện nay đều đã hoàn thiện kế hoạch phòng chống thảm họa** với sự hỗ trợ của UNESCO, Sở GD&ĐT Thừa Thiên – Huế và các chuyên gia địa phương thuộc các lĩnh vực chuyên môn trong bản kế hoạch.

90 đại biểu (gồm phụ huynh, thành viên cộng đồng, ban giám hiệu nhà trường) của 5 trường được tập huấn tham gia đánh giá rủi ro, giảm thiểu rủi ro thảm họa và xây dựng kế hoạch phòng chống thảm họa nhà trường. Họ là những người hỗ trợ nhà trường tại địa phương xây dựng kế hoạch phòng chống thảm họa (mỗi trường một kế hoạch) bằng việc áp dụng bộ công cụ.

Một mô-đun tập huấn về giảm thiểu rủi ro thảm họa (DRR) và quản lý rủi ro thảm họa dành cho hiệu trưởng nhà trường nhằm tích hợp nội dung phòng chống thảm họa vào các hoạt động nhà trường đã được UNESCO và Học viện Quản lý Giáo dục phối hợp xây dựng, qua đó nâng cao năng lực cán bộ học viện. Năm 2011, 36 hiệu trưởng và phó hiệu trưởng (18 nam và 18 nữ) tại Hà Nội và Thừa Thiên Huế đã được tập huấn về tài liệu này.

Tháng 9 năm 2012, 43 cán bộ lãnh đạo của các Cục, Vụ trực thuộc Bộ GD&ĐT và các cán bộ nghiên cứu, giảng viên của Học viện Quản lý Giáo dục đã nâng cao năng lực và hiểu biết về vai trò của các nhà hoạch định chính sách sau khi tham dự khóa tập huấn theo nhu cầu về giảm thiểu rủi ro thảm họa và giáo dục trong tình trạng khẩn cấp do UNESCO Việt Nam phối hợp với Bộ GD&ĐT, Học viện Quản lý Giáo dục, INEE và Văn phòng Giáo dục UNESCO khu vực châu Á-Thái Bình Dương tại Băng Cốc tổ chức,.

- Bộ GD&ĐT, UNESCO Việt Nam và Công ty Tư vấn Osman phối hợp xây dựng nội dung tập huấn. Công ty Tư vấn Osman được ông Moustafa Osman , chuyên gia quản lý thảm họa, đồng thời là một giảng viên thỉnh giảng về quản lý thảm họa tại Trường Đại học Birmingham thành lập và chỉ đạo. Ông đã tổ chức tập huấn trên 30 quốc gia. **Tại hội thảo tập huấn các đại biểu đã thảo luận Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai của ngành giáo dục giai đoạn 2011 – 2020 được thông qua một năm trước đó, và khả năng thể chế hóa công tác Giảm thiểu rủi ro thảm họa tại Việt Nam. Trong** bài tập thực hành, các đại biểu đã lựa chọn những lĩnh vực trọng tâm của Kế hoạch hành động và xây dựng kế hoạch công tác với kết quả mong đợi, hoạt động, nguồn lực cần thiết cũng như những thông tin chi tiết khác về thời gian, địa điểm và người chịu trách nhiệm cho các hoạt động. **Các đại biểu đã xây dựng các kế hoạch chi tiết và khả thi về hệ thống cơ sở hạ tầng ở Đồng bằng sông Mê Công, xây dựng Hệ thống thông tin quản lý giáo dục (EMIS), tích hợp kiến thức về giảm thiểu rủi ro thảm họa vào nhà trường, và nâng cao năng lực hoạch định chính sách, cùng nhiều kế hoạch khác.** Những kế hoạch này có khung thời gian với các chỉ số được lượng hóa, để đo lường.



Điều 8: Hỗ trợ việc rà soát và đổi mới chương trình giảng dạy, bao gồm tăng cường năng lực của cơ sở giáo dục nhằm cải tiến công tác đào tạo giáo viên trước và sau khi vào nghề nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng của giáo viên để thực hiện chương trình giảng dạy mới vào năm 2015.

Bộ GD&ĐT, Văn phòng Quốc tế về Giáo dục của UNESCO (IBE-Geneva) và UNESCO Việt Nam phối hợp thực hiện **hoạt động rà soát và phân tích định kiến và khuôn mẫu giới trong sách giáo khoa tiểu học**. Sau khi đã được trao đổi trực tuyến và qua một số hội thảo, hệ thống các khái niệm và phương pháp liên quan đến phân tích SGK theo quan điểm giới được áp dụng trong bối cảnh của Việt Nam. Những phát hiện của hoạt động rà soát này đã cung cấp thông tin cho Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 cũng như Báo cáo Đánh giá Giới của Ngân hàng Thế giới năm 2011. Tài liệu hướng dẫn về cách tổ chức các cuộc rà soát tương tự trong tương lai được xây dựng, với sự hỗ trợ của UNESCO sau quá trình rà soát sách giáo khoa này. **Sử dụng tài liệu hướng dẫn này, đội ngũ kỹ thuật của Bộ GD&ĐT đã nâng cao năng lực chủ trì các đợt rà soát và đánh giá về lồng ghép giới tiếp theo trong ngành giáo dục.**

Các mô-đun đào tạo giáo viên về lồng ghép giới vào giảng dạy và lớp học đã giúp nâng cao năng lực của các cơ sở đào tạo giáo viên để trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết giải quyết các vấn đề về giới và thúc đẩy bình đẳng giới trong nhà trường và lớp học. Các mô-đun đào tạo giáo viên này cũng như các mô-đun tạo ở cấp cộng đồng đã đề cập tới vấn đề giới cũng như tích hợp bình đẳng giới vào các chương trình đào tạo giáo viên tương ứng. Các mô-đun này, được xây dựng với sự hỗ trợ của Văn phòng Quốc tế về Giáo dục của UNESCO (IBE), đã cung cấp một khung khái niệm và phương pháp để các cơ sở đào tạo giáo viên thực hiện bình đẳng giới và tích hợp bình đẳng giới vào các chương trình đào tạo giáo viên. Văn phòng Giáo dục UNESCO khu vực châu Á-Thái Bình Dương và UNESCO Việt Nam đã hỗ trợ Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Bộ GD&ĐT triển khai các mô-đun đào tạo giáo viên được xây dựng phù hợp với Luật Bình đẳng giới và Luật phòng chống bạo lực gia đình của Việt Nam. Ngoài ra, các mô-đun này cũng đã được thử nghiệm thành công và được thẩm định tại 2 hội thảo tập huấn cho 58 giảng viên cốt cán cấp tỉnh (45 nữ, 13 nam).

Các mô-đun tập huấn đã được của Bộ GD&ĐT phổ biến rộng rãi để làm tài liệu tham khảo trong chương trình đào tạo giáo viên chuẩn của Bộ, đồng thời phát tới các cơ sở đào tạo giáo viên trên khắp cả nước. UNESCO, Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục và các tư vấn trong nước đã xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn cho tập huấn viên cũng như những khuyến nghị đẩy mạnh lồng ghép giới trong giáo dục. Một số khuyến nghị được đưa vào Dự thảo Kế hoạch hành động về bình đẳng giới Ngành Giáo dục 2011-2015. Những hoạt động này được thực hiện trong khuôn khổ Chương trình Chung của LHQ về Bình đẳng giới do 12 cơ quan của Liên Hợp Quốc thực hiện (vui lòng xem thêm nội dung Điều 4).

Với sự hỗ trợ của UNESCO, Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục thực hiện rà soát năng lực và kỹ năng sư phạm của giáo viên tiểu học trong các chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. Trên cơ sở một nghiên cứu các kinh nghiệm quốc tế và chuẩn giáo viên tiểu học của Việt Nam, Báo cáo rà soát đã đưa ra những khuyến nghị sau đây: (i) xây dựng các mô-đun đào tạo giáo viên chú trọng đến những kỹ năng sư phạm cần thiết mà hiệu trưởng và giáo viên xác định là còn “yếu” hay “hổng” để áp dụng phương pháp dạy và học tích cực nâng cao thành tích học tập của tất cả các em học sinh, (ii) xây dựng thêm tài liệu để trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ “đúng mực” trong việc tổ chức giáo dục hòa nhập, (iii) Bộ GD&ĐT phê duyệt và phổ biến bộ tài liệu tổng hợp bao gồm các bài học thành công về việc học ngôn ngữ thứ hai, toán thực hành và sử dụng các trò chơi trong dạy Toán, giáo dục hòa nhập, và áp dụng góc học tập và không gian học tập trong lớp học, (iv) xây dựng các mô-đun đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mới về các chủ đề như “Xây dựng nhà trường thành cộng đồng học tập” và “Thúc đẩy tính sáng tạo trong giảng dạy ở nhà trường và các cụm trường”, (v) xây dựng một trang web dành riêng cho việc đổi mới giảng dạy trên lớp nhằm chia sẻ các ý tưởng rộng khắp cả nước, tập hợp các nghiên cứu trên lớp ở trường đại học và đóng vai trò là nguồn tạp chí và sách báo để phổ biến các công trình hữu ích và chuyên sâu của giáo viên, (vi) hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong lớp học, (vii) hỗ trợ giảng dạy tiếng Anh bằng nhiều phương pháp khác nhau, (viii) cung cấp tài liệu, hướng dẫn và tập huấn về cách đánh giá quy trình nhằm cải thiện khả năng học tập của học sinh, và (ix) xây dựng một tài liệu hỗ trợ cho đội ngũ hướng dẫn viên trong trường để họ hỗ trợ cho những giáo viên mới khởi nghiệp.

Tại các các sự kiện hưởng ứng Ngày Nhà giáo Việt Nam với chủ đề “Giáo viên: Động lực của sự phát triển bền vững ở Việt Nam”, vai trò hết sức quan trọng của giáo viên, và sự cần thiết phải đảm bảo giáo dục có chất lượng trong xã hội đã được nhấn mạnh. UNESCO, UNICEF và Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) đã hỗ trợ Bộ GD&ĐT, dưới sự chỉ đạo của Thứ trưởng Bộ GD&ĐT, tổ chức sự kiện Ngày Nhà giáo Việt Nam với chủ đề “Giáo viên: Động lực của sự phát triển bền vững ở Việt Nam”, hưởng ứng Ngày Nhà giáo Quốc tế: “Sự phục hồi bắt đầu từ giáo viên”. Buổi lễ kỷ niệm này, do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 phối hợp tổ



chức tại tỉnh Vĩnh Phúc, có sự tham gia của các giáo viên, giảng viên sư phạm, sinh viên sư phạm và các đối tác ngành giáo dục để tỏ tri ân tất cả các nhà giáo vì học đã có vai cho nòng cốt trong định hình đời sống của trẻ em cũng như những đóng góp to lớn của họ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và tri thức. UNESCO đã tổ chức một cuộc thi ảnh, một cuộc triển lãm, nhằm khắc họa hình ảnh người nhà giáo trong đời sống sinh hoạt và công việc thường nhật. Sự kiện tôn vinh này cũng là dịp để Bộ GD&ĐT thể hiện cam kết tăng cường tuyển dụng giáo viên, tranh thủ sự tham gia của giáo viên trong công tác ra quyết định, duy trì mức độ đầu tư cho các chính sách và chương trình quốc gia, cũng nhưng có chính sách thu hút và giữ chân giáo viên trong nghề.

Việt Nam đã đăng cai hội thảo thẩm định của Nhóm Công tác Quốc tế về Giáo viên Giáo dục cho Mọi người tại Hà Nội, với sự tham gia của Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục thuộc Bộ GD&ĐT. Tại hội thảo, các trường hợp nghiên cứu của Băng-la-đét, In-đô-nê-xi-a và Việt Nam đã được thảo luận, cung cấp thông tin cho nghiên cứu khu vực mang tựa đề: “Giải quyết tồn tại về Giáo viên GDCMN: Đây là những yếu tố cần thiết để đảm bảo các chính sách và thực tiễn hiệu quả ở các quốc gia Châu Á?”. Các ý kiến phản hồi từ các quốc gia tham gia đã được thu thập để thẩm định báo cáo nghiên cứu. Tương tự như những phát hiện trong báo cáo nghiên cứu khu vực, báo cáo của Việt Nam đã chỉ ra rằng ngoài việc cung cấp đủ số lượng giáo viên, Việt Nam chú trọng đến việc tăng cường kỹ năng, năng lực và nâng cao trình độ của giáo viên, nhằm đảm bảo công tác dạy và học có chất lượng cho mọi người.

Sau khi tham dự 2 hội thảo do UNESCO Băng Cốc tổ chức về “Nâng cao năng lực học tập theo dự án và phối hợp công nghệ trực tuyến”, **đội ngũ giáo viên nhà trường và giảng viên sư phạm đã nâng cao năng lực tích hợp ICT vào thực tiễn giảng dạy, thiết kế và thực hiện các hoạt động dựa trên ICT lấy học sinh làm trung tâm, và xây dựng chiến lược hỗ trợ tích hợp ICT trong giáo dục toàn trường**. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Tổ chức Hợp tác Phát triển và Hỗ trợ kỹ thuật vùng Fla-măng, vương quốc Bỉ (VVOB), Hội đồng Anh tại Việt Nam là các đối tác trong nước. **Mối quan hệ giữa giảng viên sư phạm và giáo viên được củng cố, các giảng viên sư phạm tiếp tục hỗ trợ khi có nhu cầu và thực hiện các hoạt động giám sát sau tập huấn**, tổ chức hội thảo hoặc thành lập các nhóm hướng dẫn/hỗ trợ để thực hiện các dự án liên nhà trường hoặc liên môn. Một số nhóm dự án đã tham gia Cuộc thi xin kinh phí học tập theo dự án, trong đó 2 nhóm dự án của Việt Nam đoạt giải nhất. Ngoài ra, họ cũng tham gia Hội nghị khu vực về kinh nghiệm ICT mới trong giảng dạy và học tập.

Thông qua Hội nghị quốc tế: “Định hướng và hiện đại hóa chương trình và sách giáo khoa phổ thông nhằm nâng cao tính bền vững”, **công tác hợp tác trong nước và quốc tế về nghiên cứu sách giáo khoa được tăng cường**. Hội nghị do Viện Nghiên cứu sách và học liệu giáo dục, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội phối hợp tổ chức, với sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của UNESCO Băng Cốc và UNESCO Việt Nam. Hơn 120 nhà hoạch định chính sách và các nhà khoa học đã tham dự hội nghị.

Trong khuôn khổ một Sáng kiến khu vực, **Nghiên cứu trường hợp Việt Nam về Giáo dục cho Tương lai: Phương pháp sư phạm nào trong bối cảnh Châu Á – Thái Bình Dương? đã được thực hiện**, cung cấp nhiều thông tin phân tích sâu về các chính sách và thực tiễn giáo dục. Dự thảo báo cáo của nghiên cứu này được trình bày tại một hội nghị khu vực ở Băng Cốc vào tháng 10 năm 2013 và được hoàn thiện vào tháng 11 cùng năm. Báo cáo đưa ra nhiều khuyến nghị xây dựng phương pháp sư phạm sáng tạo cho tương lai, trong đó chú trọng đến việc phát triển kỹ năng nhận thức và phi nhận thức của người học.



Điều 9: Tăng cường đào tạo giáo dục kỹ thuật và dạy nghề (TVET), bao gồm việc phổ biến TVET trong học sinh và phụ huynh cũng như củng cố các mối liên kết giữa các doanh nghiệp và đào tạo để cải tiến chất lượng của các chương trình TVET.

45 đại biểu thuộc 7 quốc gia (Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Sri Lanka và Mông Cổ), bao gồm các cán bộ lãnh đạo và các nhà hoạch định chính sách, chuyên gia xây dựng chương trình, giảng viên sư phạm, các đối tác phát triển và các tổ chức xã hội dân sự cùng đại diện của các trung tâm quốc gia thuộc mạng lưới UNEVOC đã nâng cao hiểu biết về các vấn đề và kinh nghiệm phòng, chống HIV/AIDS trong khu vực, đồng thời cùng xem xét cách thức lồng ghép hiệu quả giáo dục phòng, chống HIV/AIDS vào chương trình Giáo dục kỹ thuật và dạy nghề (TVET). Đây là hội nghị tham vấn các Trung tâm quốc gia của mạng lưới UNEVOC tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương được Trung tâm Quốc tế về Đào tạo Nghề của UNESCO (UNESCO-UNEVOC), phối hợp với Bộ GD&ĐT và UNESCO Việt Nam tổ chức nhằm: (i) thu thập những thông tin mới nhất và những bài học kinh nghiệm về những phương pháp thành công được áp dụng trong việc tích hợp nội dung phòng chống HIV/AIDS vào công tác lập kế hoạch và quản lý dạy nghề; (ii) xác định những thực tiễn tốt nhất cho thấy những kinh nghiệm mới và sáng tạo đưa dạy nghề vào phòng chống HIV/AIDS trên toàn quốc; (iii) thiết lập khung phối hợp trong tương lai của mạng lưới UNEVOC để cung cấp các nguồn lực dạy và học và các công cụ mới; và (iv) rà soát và làm sáng tỏ vai trò và trách nhiệm của các trung tâm quốc gia thuộc mạng lưới UNEVOC trong khu vực.

- Đại biểu tham dự hội nghị đã có cơ hội xây dựng mối quan hệ đối tác giữa các đồng nghiệp hoạt động trong lĩnh vực TVET trong toàn khu vực, thúc đẩy vai trò của của các trung tâm UNEVOC, đồng thời đẩy mạnh cam kết tích hợp nội dung giáo dục phòng chống HIV vào chương trình dạy nghề. Ngoài ra, các đại biểu còn xây dựng và thông qua một loạt chiến lược nhằm tăng cường hiệu quả và chất lượng của các trung tâm UNEVOC ở từng quốc gia tương ứng.

Những cam kết hành động nhằm tăng cường ứng phó HIV/AIDS thông qua dạy nghề bao gồm: (i) nâng cao hình ảnh của các trung tâm dạy nghề quốc gia thuộc mạng lưới UNEVOC; (ii) tăng cường trao đổi và hợp tác với các bên liên quan ở cấp quốc gia, khu vực và thế giới; (iii) tổ chức và tham gia tích cực các hoạt động của mạng lưới ở cấp quốc gia và tiểu vùng về các vấn đề dạy nghề; (iv) thể hiện vai trò lãnh đạo ở cấp tiểu vùng về các chủ đề cụ thể; và (v) xác định những thực tiễn hiệu quả thông qua Cổng thông tin của mạng lưới UNEVOC và các dịch vụ trực tuyến khác của UNEVOC.

Dù rất nỗ lực huy động kinh phí, nhưng vẫn chưa có được nguồn tài trợ cho các hoạt động quan trọng thuộc Điều 9. Do đó, các mục tiêu của Điều 9 chưa được hoàn thành.



Điều 10: Tăng cường sự ủng hộ toàn diện của ngành giáo dục đối với công tác phòng chống HIV/AIDS, giảm thiểu sự kỳ thị thông qua việc cải tiến chương trình giảng dạy, đào tạo giáo viên, nâng cao nhận thức của công chúng và củng cố năng lực điều phối cũng như thông qua giám sát và đánh giá.

Việc tích hợp phòng, chống HIV/AIDS vào Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 là kết quả của công tác vận động chính sách mạnh mẽ của Ủy ban Liên Vụ/Cục về Phòng chống HIV/AIDS (ICHA) và Nhóm Phối hợp của LHQ về HIV (UNSHE) thông qua một số cuộc tham vấn, dưới sự chủ trì của Viện KHGD Việt Nam và Vụ Công tác học sinh, sinh viên. UNESCO, UNICEF, UNAIDS, thành viên Nhóm Phối hợp của LHQ về HIV, đã hỗ trợ Bộ GD&ĐT trong việc thành lập và hoạt động Ủy ban Liên Vụ/Cục về Phòng chống HIV/AIDS (ICHA). Sau khi công tác điều phối của ICHA được tăng cường, Nhóm Phối hợp của LHQ về HIV (UNSHE) đã hỗ trợ Bộ GD&ĐT triển khai Kế hoạch Hành động phòng, chống HIV/AIDS của ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2011-2015, trong đó cụ thể hóa chiến lược 5 năm để các đơn vị chức năng trực thuộc Bộ GD&ĐT xây dựng các hoạt động ứng phó giáo dục toàn diện về HIV/AIDS.

Kế hoạch Hành động phòng, chống HIV/AIDS của ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030 đã được Bộ GD&ĐT xây dựng với sự hỗ trợ của UNESCO và UNICEF. Mục tiêu chung của Kế hoạch hành động này là củng cố kiến thức và kỹ năng về công tác phòng chống HIV/AIDS cho các đối tượng người học, giáo viên và cán bộ công nhân viên khác trong giáo dục, đồng thời góp phần triển khai Chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Kế hoạch hành động cũng là một công cụ để huy động nguồn lực nhằm hỗ trợ Bộ GD&ĐT trong việc lồng ghép và tăng cường nội dung phòng chống HIV/AIDS trong hệ thống giáo dục. **Có 9 nhóm giải pháp thực hiện và 6 chương trình đã được đề xuất để đạt được mục tiêu đề ra trong Kế hoạch hành động.** Các chương trình lớn bao gồm: (i) tiến hành điều tra đánh giá và hoàn thiện các công cụ pháp lý và chính sách liên quan đến giáo dục phòng chống HIV/AIDS; (ii) biên soạn tài liệu và lồng ghép kiến thức phòng chống HIV/AIDS vào giáo dục nhà trường và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên trong việc thực hiện giáo dục phòng chống HIV/AIDS; (iii) cung cấp các dịch vụ thông tin, truyền thông và tư vấn về phòng chống HIV/AIDS tại các cơ sở giáo dục và cộng đồng; (iv) thu thập và tổng hợp thông tin về phòng chống kỳ thị và phân biệt đối xử trong nhà trường, xây dựng và nhân rộng các mô hình giáo dục giảm nhẹ kỳ thị và phân biệt đối xử đối với trẻ em và những người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; (v) xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá, cùng với các bộ công cụ và hệ thống các chỉ số để giám sát tình hình ứng phó ngành giáo dục với HIV/AIDS; và (vi) huy động sự tham gia của học sinh, sinh viên và toàn thể cộng đồng tham gia giáo dục phòng chống HIV/AIDS.

Tăng cường năng lực giảng dạy của đội ngũ nhà giáo dục của Bộ GD&ĐT và 454 hướng dẫn viên của TTHTCĐ (46% là nữ) thuộc 130 TTHTCĐ tại 23 tỉnh, thành phố về phòng chống HIV/AIDS và giảm kỳ thị trong các lớp tập huấn áp dụng nhiều phương pháp tương tác và đồng tham gia được trình bày trong Cẩm nang Giáo dục Phòng chống HIV/AIDS. **Cẩm nang Giáo dục Phòng chống HIV/AIDS của Văn phòng Giáo dục UNESCO khu vực châu Á-Thái Bình Dương đã được Bộ GD&ĐT điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh Việt Nam.** Tiếp đó, 35 người trong số những học viên tham gia tập huấn được lựa chọn làm cán bộ tập huấn cốt cán tiến hành phổ biến phương pháp mới này ở cấp huyện và cấp xã. Các vấn đề về giới được lồng ghép vào 5 mô-đun của Cẩm nang. Cùng với Vụ GDTX đã được mở rộng chương trình tập huấn cho 50 TTHTCĐ tại 5 tỉnh có đông người dân tộc thiểu số.

- Nghiên cứu định tính có chủ đề “Chống kỳ thị và phân biệt đối xử liên quan đến HIV/AIDS thông qua trung tâm học tập cộng đồng” tại 3 tỉnh (Điện Biên, Quảng Ninh và Tây Ninh), những nơi có đông các nhóm dân tộc thiểu số đã đánh giá thái độ và hành vi của người học đối với những người bị nhiễm HIV/AIDS trước và sau khi được tập huấn nâng cao nhận thức. Những phát hiện của nghiên cứu định tính này giúp cung cấp thông tin giá trị cho các đợt tập huấn về giảm thiểu kỳ thị và phân biệt đối xử thông qua giáo dục không chính quy.

Chương trình giáo dục về sức khỏe sinh sản và phòng, chống HIV/AIDS trong giáo dục trung học được Bộ GD&ĐT dự thảo, với sự hỗ trợ của UNESCO và UNICEF, và được thí điểm tại tỉnh Hải Phòng, nơi có tỷ lệ người lây nhiễm HIV cao nhất tại Việt Nam. Hơn 90 giáo viên và 85 cán bộ giáo dục đồng đẳng thuộc các Trường trung học và Trung tâm Giáo dục Thường xuyên đã tham gia đợt tập huấn thí điểm và triển khai chương trình giáo dục mới được xây dựng. Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng đã tích cực chủ trì dự án này nhằm đảm bảo rằng các hoạt động được triển khai theo đúng kế hoạch đề ra với mong muốn duy trì hoạt động dạy và học trong khuôn khổ chương trình giáo dục mới được xây dựng và triển khai này.



Việt Nam được đưa vào danh sách các quốc gia thí điểm trong Sáng kiến Khung Giám sát và Đánh giá HIV/AIDS Toàn cầu. Bộ GD&ĐT đã sử dụng Khung Giám sát và Đánh giá Toàn cầu về Ứng phó Toàn diện Ngành Giáo dục HIV/AIDS của UNESCO để xây dựng các công cụ phù hợp với bối cảnh quốc gia. Bộ phận Giáo dục của UNESCO tại Pa-ri, thông qua Đơn vị Giáo dục và Phòng chống HIV/AIDS của Phòng Giáo dục vì Hòa bình và Phát triển Bền vững đã hỗ trợ xây dựng nội dung tập huấn giảng viên cốt cán về cách sử dụng khung giám sát và đánh giá kể trên thông qua những minh chứng về bài học kinh nghiệm quốc tế.

Dự thảo Khung giám sát & đánh giá đã được xây dựng trong đó đề cập tới các nội dung hướng dẫn chi tiết để lập kế hoạch, triển khai, giám sát, đánh giá và báo cáo một cách hệ thống các hoạt động phòng chống HIV/AIDS trong giáo dục. Đây là kết quả của nỗ lực hợp tác giữa UNESCO, UNICEF, UNAIDS, Trường Đại học Mahidol (Thái Lan), Tổ chức Cứu trợ Trẻ em (Save the Children) và Bộ GD&ĐT. Khung giám sát và đánh giá này được thiết kế nhằm kết nối Khung Giám sát & Đánh giá Phòng chống HIV/AIDS quốc gia, Hệ thống Thông tin Quản lý Giáo dục (EMIS) và khung giám sát và đánh giá toàn cầu để đảm bảo một chiến lược ứng phó HIV/AIDS toàn diện ngành giáo dục. 3 chỉ số trong khung giám sát và đánh giá toàn cầu và 3 chỉ số đặc trưng của Việt Nam đã được thí điểm. Vụ Kế hoạch và Tài chính thuộc Bộ GD&ĐT chủ trì, phối hợp với Vụ Công tác học sinh, sinh viên thực hiện.

- Bộ GD&ĐT gửi một bản thuyết trình, được xây dựng với sự hỗ trợ của UNESCO Việt Nam, về việc thí điểm các chỉ số giám sát HIV/AIDS để chia sẻ với các bên liên quan quốc tế tại **Hội nghị Thẩm định Kỹ thuật và Lập kế hoạch Phổ biến Kết quả Thử nghiệm các Chỉ số Nhạy cảm HIV/AIDS trong hệ thống giám sát và đánh giá giáo dục quốc dân** được tổ chức tại Johannesburg, Nam Phi. Hội nghị này nhằm mục đích (i) cập nhật tình hình triển khai sáng kiến toàn cầu và khu vực, đồng thời đôn đốc tất cả các đối tác trong tiến trình thử nghiệm và quá trình rà soát và thẩm định những phát hiện cũng như các bài học thu được từ các cuộc thử nghiệm trong khu vực và quốc gia; (ii) đưa ra các khuyến nghị về: (a) danh sách chính thức các chỉ số ở cấp trường, (b) định nghĩa chính thức các chỉ số, và (c) các phương pháp thu thập dữ liệu khả thi đối với những chỉ số đề xuất (gồm hệ thống EMIS, các cuộc điều tra cấp trường, điều tra dân số); và (iii) xây dựng lộ trình để phổ biến các chỉ số đề xuất ở cấp độ toàn cầu và khu vực, cũng như hỗ trợ nhân rộng việc áp dụng các chỉ số đề xuất ở cấp quốc gia.
- Dự thảo đề xuất khung giám sát và đánh giá được trình bày tại Pa-ri trong **Hội nghị Kỹ thuật Quốc tế về Khung Giám sát và Đánh giá Toàn cầu về Ứng phó Toàn diện Ngành Giáo dục HIV/AIDS** và tại **Băng Cốc** trong **Hội nghị Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương của UNESCO về xây dựng chương trình phòng chống HIV/AIDS**. Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở Châu Á xây dựng một khung giám sát và đánh giá về giáo dục phòng chống HIV/AIDS.

Triển lãm giáo dục giới tính, sức khỏe tình dục vì một lối sống lành mạnh cho vị thành niên, thanh niên lần đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam. Triển lãm “Chuyện của người đang lớn” bắt đầu diễn ra vào tháng 11/2013 tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam và kéo dài trong 6 tháng cho tới tháng 4 năm 2014. Công tác tổ chức Triển lãm bao gồm những hoạt động sau đây:

- Với sự hỗ trợ của Tư vấn HIV/AIDS khu vực tại Văn phòng Giáo dục UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, 4 đại diện của Bộ GD&ĐT đã tham gia một chuyến tham quan học tập tại Thái Lan vào năm 2011 tham dự triển lãm mang tên: “**Tình dục lành mạnh: Câu chuyện tình yêu**” được tổ chức tại **Bảo tàng Khoa học Quốc gia Thái Lan**. Đoàn đại biểu đã kết luận rằng triển lãm là một cách hữu hiệu để huy động sự tham gia của học sinh, phụ huynh và giáo viên trong công tác giáo dục giới tính và giáo dục phòng, chống HIV/AIDS. Sau chuyến tham quan học tập, Vụ Công tác học sinh, sinh viên đã tổ chức một hội thảo lập kế hoạch với các bên liên quan chủ chốt để chia sẻ kinh nghiệm chuyến đi, đồng thời lên kế hoạch tổng thể để tổ chức một diễn đàn tương tự ở Việt Nam sử dụng cách tiếp cận giáo dục đồng đẳng và xem xét tình hình, văn hóa, phong tục tập quán, giá trị và chuẩn mực xã hội của nước nhà.
- Dự án nghiên cứu về kiến thức của vị thành niên và thanh niên về HIV/AIDS và sức khỏe tình dục được UNESCO và Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIHP) phối hợp thực hiện vào năm 2012. Dự án nghiên cứu này sử dụng nguồn kinh phí tài trợ của Cơ quan phát triển quốc tế Vương quốc Anh (DFID) được giải ngân thông qua Quỹ Kế hoạch Chung của LHQ tại Việt Nam. CCIHP đã tiến hành điều tra khảo sát trực tuyến toàn diện và tổ chức các cuộc thảo luận nhóm tập trung với thanh niên và vị thành niên, phụ huynh và giáo viên. Một hội thảo được Bộ GD&ĐT và Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam phối hợp tổ chức vào tháng 12 năm 2012 để phổ biến Báo cáo về kiến thức vị thành niên liên quan đến HIV/AIDS và sức khỏe tình dục, đồng thời tập huấn cho thanh niên nhằm chuẩn bị cho cuộc triển lãm đồng đẳng vào năm 2013. **70 đại biểu đại diện cho các Tổ chức phi chính**



phủ, các cơ quan của chính phủ, cơ quan chủ chốt của các nhà tài trợ song phương và 20 sinh viên đại học cùng có mặt tham dự hội thảo và được tập huấn về sức khỏe tình dục; phòng chống HIV/AIDS, giới, cũng như các phương pháp trở thành nhà giáo dục đồng đẳng bằng nhiều kênh khác nhau chẳng hạn như thông qua một cuộc triển lãm.

- Bộ GD&ĐT, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Đoàn Thanh niên và UNESCO đã ký kết Ban thỏa quy định trách nhiệm của mỗi bên phối hợp tổ chức triển lãm. Triển lãm được chuẩn bị với sự tham gia tích cực của thanh niên Việt Nam. 16 học sinh chủ chốt tham gia và hơn 60 thanh niên thuộc Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tham gia các hoạt động tương tác tại triển lãm với các chủ đề như Tuổi dậy thì, Tình bạn-Tình yêu, Tình dục an toàn. Triển lãm gồm một chương trình sống động với các hoạt động tương tác và các buổi thảo luận sâu diễn ra hàng tháng với thanh niên về các chủ đề liên quan. Giới là chủ đề xuyên suốt của triển lãm, gồm bản sắc giới, đa dạng và cảm nhận giới trong các mối quan hệ và tình dục an toàn. **Nhóm kỹ thuật, gồm đại diện của tất cả các bên liên quan, trong đó có Bộ GD&ĐT, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, UNESCO/UNFPA, tư vấn và học sinh, đã xây dựng nội dung và hình thức thiết kế của triển lãm duy trì trong suốt 6 tháng.**
- Triển lãm thu hút sự quan tâm của đông đảo thanh niên và được gọi là **Sáng kiến tiên phong về giới tính, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho thanh niên Việt Nam.** Triển lãm nêu bật những tấm gương tốt về ngành giáo dục đáp ứng giáo dục giới tính, sức khỏe tình dục, bao gồm phòng chống HIV/AIDS và giảm thiểu kỳ thị. Sự kiện này là kết quả nỗ lực chung của Bộ GD&ĐT, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, các tổ chức của Liên hợp quốc tại Việt Nam (trong đó UNESCO là tổ chức đầu mối, phối hợp với UNFPA, UNAIDS, UNWOMEN, UNODC và UNICEF), và các đối tác khác (gồm một số tổ chức phi chính phủ quốc tế và trong nước). Những hoạt động cho vị thành niên, thanh niên đã tạo cơ hội để thảo luận và trao đổi sâu giữa giới trẻ và chuyên gia, bác sĩ, các nhà tâm lý thanh niên. **Tại triển lãm, có 61 bài báo in và trực tuyến và 11 phóng sự phát thanh và truyền hình trên các kênh truyền thông lớn. Sau 6 tháng, triển lãm thu hút được 105.537 lượt khách thăm, khoảng 67.481 trong số đó là người Việt Nam. Trong số này, 24.171 người trong độ tuổi từ 11 đến 24, chiếm 36% tổng số lượt khách thăm. 24.810 người trong độ tuổi từ 25 đến 35, phản ánh mối quan tâm trong việc tìm hiểu về sức khỏe giới tính, tình dục an toàn của những đối tượng không thuộc nhóm tuổi mục tiêu. Giáo viên, phụ huynh trẻ tuổi, các cặp vợ chồng trẻ và nhiều đối tượng khác, trước đây khó tiếp cận được những thông tin, cũng đã có mặt trong nhóm này. Điều thú vị là, có 11.191 trẻ vị thành niên, chiếm 17% lượt khách thăm, có độ tuổi dưới 11.**

Từ những thành công của triển lãm giới tính, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục năm 2013-2014, UNESCO đã hỗ trợ thu thập các câu hỏi của vị thành niên và thanh niên tham gia triển lãm. Các câu hỏi được thu thập qua đường bưu điện, Facebook và các buổi thảo luận sâu tương tác trực tiếp với thanh niên diễn ra bên lề triển lãm. Có tới hàng trăm câu hỏi của các em liên quan đến Tuổi dậy thì, Tình bạn-Tình yêu, Tình dục an toàn.

- Cuốn sách “Hỏi – Đáp” được xây dựng dựa trên các câu hỏi trên, với sự hỗ trợ của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và được Bộ GD&ĐT phê duyệt. Sáng kiến Tiếp cận Y tế Clinton (CHAI) cũng hỗ trợ xây dựng Cẩm nang. Hai tài liệu hướng dẫn thí điểm Cẩm nang, một tại nhà trường và một tại Trung tâm học tập cộng đồng, lần lượt được Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục và Vụ Giáo dục Thường xuyên biên soạn. **600 trẻ vị thành niên và thanh niên (từ 11 tuổi trở lên) đã tham gia chuỗi các phiên thảo luận sâu tương tác trực tiếp bên lề triển lãm, mang tên “Cửa sổ tình yêu Offline” (phỏng theo tên của chương trình phát thanh ưa thích: “Cửa sổ tình yêu”), từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2014.** Các câu hỏi đặt ra tại các phiên này đã được tổng hợp vào Cuốn sách “Hỏi – Đáp”. Ngoài ra, các câu hỏi của học sinh còn được thu thập qua Facebook của triển lãm, nơi có tới hàng trăm lượt truy cập của các bạn trẻ. Dự thảo Cuốn sách “Hỏi – Đáp” sau đó được thí điểm với trẻ vị thành niên, thanh niên ở các nhà trường và trung tâm học tập cộng đồng từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2015.
- Từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2015, Cuốn sách “Hỏi – Đáp” và tài liệu hướng dẫn được thí điểm tại 3 trường ở Lào Cai, 2 trường và 8 trung tâm học tập cộng đồng ở Hòa Bình, gồm một trường dân tộc nội trú và các xã vùng sâu và khó khăn của tỉnh Hòa Bình. Có 100 giáo viên và hướng dẫn viên của các trung tâm học tập cộng đồng được tập huấn thí điểm. Sau khi được tập huấn, 93% người tham gia cho biết họ cảm thấy thoải mái hơn khi dạy về giới, sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục, và giờ họ có quan điểm cởi mở hơn về vấn đề này. Ước tính có khoảng 500 học sinh (độ tuổi từ 12 đến 18) tham gia các hoạt động diễn ra tại Lào Cai và Hà Nội, và 400 học sinh (độ tuổi từ 15 đến 18) tham gia các hoạt động tại Hòa Bình. Theo những



thông tin phản hồi từ đợt thí điểm, nội dung của tài liệu hướng dẫn khá rõ ràng, khoa học, gắn kết và dễ áp dụng. Nội dung của Cuốn sách “Hỏi – Đáp” phong phú, phù hợp với học sinh, với cách trình bày sinh động và hấp dẫn. Những tài liệu này mang tính giáo dục cao, đảm bảo kiến thức và kỹ năng cơ bản. Cuốn sách “Hỏi – Đáp” sẽ được ban hành để áp dụng rộng rãi không chỉ ở các nhà trường và trung tâm học tập cộng đồng mà còn ở các trung tâm y tế tư nhân cho người trẻ sống chung với HIV/AIDS trong khuôn khổ sáng kiến CHAI.

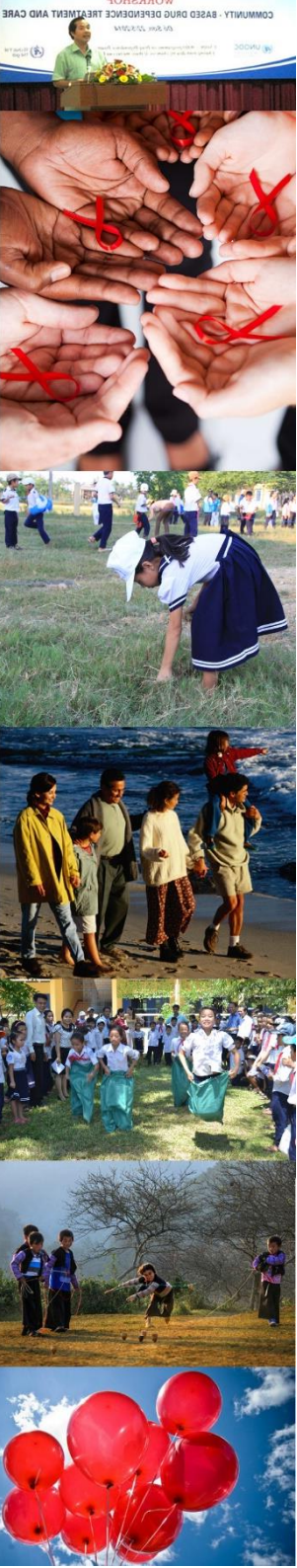
Cán bộ Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIHP) đã tham dự hội thảo tham vấn quốc tế của Liên Hiệp Quốc lần đầu tiên được tổ chức tại Rio de Janeiro, Bra-xin vào tháng 12 năm 2011, với sự hỗ trợ của UNESCO, nhằm giải quyết nạn bắt nạt trên cơ sở giới tại các cơ sở giáo dục.

Khung khái niệm nhằm thúc đẩy quyền của người LGBT tại Châu Á được xây dựng bởi UNESCO và Save the Children cấp độ khu vực đã cung cấp thông tin cho nghiên cứu do Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (ISEE) thực hiện bằng nguồn kinh phí của Save the Children Việt Nam trên 25 trẻ em LGBT đường phố ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu này, được xây dựng với sự hỗ trợ kỹ thuật của UNESCO, chỉ ra rằng trẻ em LGBT đường phố nằm trong nhóm rất dễ bị tổn thương nhưng lại bị xã hội bỏ qua.

3 đại biểu đại diện của Bộ GD&ĐT và các tổ chức xã hội dân sự đã tham dự Hội nghị bàn tròn khu vực Châu Á – Thái Bình Dương về Bạo lực trường học trên cơ sở giới (SRGBV) vào tháng 11 năm 2013 với sự hỗ trợ của UNESCO. Hơn 45 đại biểu từ Trung Quốc, Fiji, Ấn độ, In-đô-nê-xi-a (bao gồm tỉnh Papua), Mi-an-ma, Nê-pan, Pa-kit-xtan, Papua New Guinea, Phi-líp-pin, Thái Lan, Đông Ti-mo và Việt Nam đã tham dự hội nghị khu vực, do UNESCO, UNICEF EAPRO/UNGEI và Tổ chức Plan International tài trợ và đồng chủ trì. Những chủ đề chính của Hội nghị bao gồm tính sẵn có của số liệu SRGBV, nguyên nhân và hậu quả, các chính sách và thực tiễn hay nhằm giải quyết tình trạng SRGBV. Những hành động cấp khu vực và quốc gia được xác định, đồng thời hoạt động hồi cứu tư liệu cấp khu vực về những phương pháp tiếp cận, chính sách, chương trình nhằm ứng phó bạo lực trường học trên cơ sở giới trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương được xúc tiến làm tài liệu thảo khảo tại Việt Nam.

UNESCO đã hỗ trợ Bộ GD&ĐT tăng cường thu thập minh chứng và ứng phó bạo lực trường học trên cơ sở giới (SRGBV). Dự án này được UNESCO Băng Cốc hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật trong khuôn khổ Sáng kiến “Giáo dục và tôn trọng mọi người” qua Khung Ngân sách, Kết quả và Giải trình Tổng hợp (UBRAF). Ngoài ra, Vụ Công tác học sinh, sinh viên cũng được hỗ trợ và phối hợp với Việt Khoa học Giáo dục Việt Nam thực hiện nghiên cứu về bạo lực giới tại 6 tỉnh, thành phố của Việt Nam: Hà Nội, Hải Phòng, Khánh Hòa, Bình Định, Thành phố Hồ Chí Minh, và Bến Tre.

- Cụ thể, năm 2014 và 2015, được sự tài trợ của Bộ Giáo dục và Văn hóa Hà Lan thông qua Sáng kiến toàn cầu “Giáo dục và tôn trọng mọi người” và nguồn kinh phí bổ sung của UNESCO Băng Cốc từ UBRAF, những hạng mục hỗ trợ cho dự án nghiên cứu của Việt Nam bao gồm: i) phát hành Hồ sơ mời thầu và ký hợp đồng với đơn vị nghiên cứu thắng thầu để thực hiện nghiên cứu; ii) phối hợp với Vụ Công tác học sinh, sinh viên và Viện KHGD Việt Nam lập và triển khai nghiên cứu, hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các đối tác; iii) hỗ trợ xây dựng bộ công cụ (đề cương nghiên cứu và công cụ nghiên cứu, bao gồm phiếu điều tra cho từng nhóm đối tượng: học sinh, giáo viên và phụ huynh); iv) biên soạn tài liệu hướng dẫn thảo luận nhóm cho từng nhóm đối tượng: học sinh, giáo viên, người đồng giới, và song giới; v) biên soạn tài liệu hướng dẫn phỏng vấn sâu cho từng nhóm đối tượng: học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý nhà trường và phụ huynh, với sự hỗ trợ kỹ thuật bổ sung từ Trường Đại học Mahidol (Thái Lan) và UNESCO Băng Cốc thông qua cuộc họp 3 bên giữa UNESCO, Bộ GD&ĐT và Nhóm tư vấn của Viện KHGD Việt Nam vào tháng 10 năm 2014 để rà soát và cải tiến công cụ nghiên cứu; và vi) chuẩn bị thí điểm công cụ nghiên cứu. **Công cụ nghiên cứu được thí điểm vào tháng 1 năm 2015, sau đó công cụ được điều chỉnh thêm.**
- **Công tác nghiên cứu thực địa được thực hiện từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2015.** Đến tháng 5, dự thảo báo cáo được Nhóm nghiên cứu hoàn thành và được Bộ GD&ĐT và UNESCO Băng Cốc cùng xem xét. Đại diện Nhóm nghiên cứu đã trình bày kết quả sơ bộ tại Hội thảo tham vấn khu vực ở Băng Cốc vào giữa tháng 6 năm 2015. Báo cáo cung cấp những thông tin quan trọng cho Bộ GD&ĐT và các đối tác nhằm hỗ trợ thảo luận về những can thiệp và ứng phó bổ sung đối với SRGBV ở Việt Nam. Nghiên cứu đã thu thập đầy đủ minh chứng và quan điểm của các nhóm đối tượng khác nhau về bản chất, phạm vi và hệ quả của SRGBV, trong đó chú trọng đến các động cơ về giới và đa dạng giới, bắt nạt liên quan đến thiên hướng giới và



bản dạng giới trong các cơ sở giáo dục, nơi hiện nay có rất ít số liệu chính thức về vấn đề này. Đồng thời, nghiên cứu cũng giúp chia sẻ những can thiệp và phương pháp tốt nhất để đảm bảo Bộ GD&ĐT, các Sở GD&ĐT các tỉnh, thành phố cũng như các cơ sở giáo dục và cộng đồng tiếp cận toàn diện SRGBV, bao gồm việc đưa ra các khuyến nghị về xây dựng chính sách và chương trình hiệu quả về SRGBV.



Điều 11: Lồng ghép đa dạng văn hóa và ngôn ngữ vào các chương trình dạy và học nhằm tăng cường một nền văn hóa hòa bình và hiểu biết bằng cách khuyến khích sự tham gia của cộng đồng và học viên thông qua việc địa phương hóa chương trình giảng dạy và phát triển tài liệu học tập theo địa phương.

Tài liệu hướng dẫn tích hợp giáo dục di sản trong chương trình giáo dục nhà trường đã được Vụ Giáo dục Trung học (Bộ GD&ĐT) biên soạn với sự tham gia của các chuyên gia giáo dục và văn hóa cấp cao và hỗ trợ của UNESCO. Năm 2012, 2 nhà trường đã tổ chức thí điểm cung cấp thông tin đầu vào cho tài liệu hướng dẫn để củng cố chương trình giáo dục. Học sinh lớp 1 đã đến thăm một ngôi đền và học sinh lớp 7 đã đến thăm Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam. Tài liệu hướng dẫn này được thử nghiệm tại 6 tỉnh trên khắp cả nước trong học kỳ 2 của năm học 2012-2013 và sau đó được hoàn thiện lần cuối tại 6 hội thảo cấp vùng vào tháng 10 năm 2013 để đưa vào áp dụng chính thức.

Ấn phẩm tích hợp di sản văn hóa phi vật thể và các thực tiễn GDPTBV vào chương trình giáo dục trung học đã được xây dựng và phát hành, với hỗ trợ kinh phí của Quỹ Tín thác Nhật Bản và sự tham gia của Bảo tàng dân tộc học Việt Nam và Vụ Giáo dục Trung học. 3.000 bộ tài liệu, trong đó có 5 mẫu kế hoạch bài giảng chi tiết cùng với các đoạn video clip, đã được phân phát cho đội ngũ giáo viên trung học trên khắp cả nước. Ngoài ra, tài liệu này cũng được đăng tải trực tuyến và có thể truy cập qua cổng thông tin giáo dục trực tuyến do Bộ GD&ĐT xây dựng (xem thêm nội dung tại Điều 34).



Khoa học tự nhiên

Điều 12: Tham gia, thông qua các sáng kiến quốc gia, vào các Chương trình tiên phong khoa học khu vực với sự điều phối của các văn phòng Khoa học khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của UNESCO. Chương trình này tập trung vào: a) Nước cho các thành phố bền vững (SWITCH-in-Asia), b) Khu dự trữ sinh quyển – An ninh kinh tế và môi trường (BREES), c) Giáo dục Khoa học kết hợp với Giáo dục vì sự Phát triển (COMPETENCE), và d) Ứng phó với thiên tai của các trường học và cộng đồng.

Việt Nam đã xây dựng và triển khai các hợp phần đặc thù của Việt Nam thuộc các chương trình tiên phong khu vực của Văn phòng khu vực về Khoa học châu Á - Thái Bình Dương của UNESCO ở Jakarta, In-đô-nê-xi-a, đó là:

- Xây dựng một đề xuất dự án cho Chương trình SWITCH châu Á (SWITCH-in-Asia) **cải tạo, làm sạch hệ thống các hồ ở Hà Nội** (Quản lý tài nguyên nước bền vững giúp cải thiện sức khỏe đô thị mai sau), một chương trình tiên phong trong khu vực của UNESCO (xem thêm nội dung tại Điều 13).
- Dưới sự chủ trì của Chương trình Con người và Sinh quyển Việt Nam (MAB Việt Nam) và Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam triển khai thành công Giai đoạn 2 và Giai đoạn 3 Chương trình “Khu dự trữ sinh quyển – An ninh kinh tế và môi trường” (BREES) lần lượt tại Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà và Khu dự trữ sinh quyển Đồng bằng sông Hồng.
- Trong khuôn khổ chương trình Giáo dục Khoa học kết hợp với Giáo dục vì Sự phát triển (COMPETENCE), đã tổ chức khóa tập huấn nhằm tăng cường năng lực cho đội ngũ giảng viên Việt Nam về nội dung Năng lượng vì sự Phát triển Bền vững, là một phần cấu thành của Dự án hợp tác giữa Quỹ Tín thác Nhật Bản (JFIT) và UNESCO về Phối hợp Huy động Kiến thức Khoa học & Công nghệ ở Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.
- **Nâng cao năng lực của đội ngũ giảng viên của Việt Nam giảng dạy về Năng lượng vì sự Phát triển Bền vững** sau khi tham dự các khóa tập huấn, một phần cấu thành của Dự án hợp tác giữa Quỹ Tín thác Nhật Bản (JFIT) và UNESCO về Phối hợp Huy động Kiến thức Khoa học & Công nghệ ở Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương giai đoạn 2010-2012 trong khuôn khổ chương trình COMPETENCE (Chương trình toàn diện nhằm tăng cường giáo dục công nghệ, khoa học và kỹ thuật ở Châu Á), một chương trình tiên phong trong khu vực của UNESCO. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU) và Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội đã phối hợp xây dựng một khóa học trực tuyến về năng lượng vì sự phát triển bền vững cùng với Trường Đại học Kyoto, Diễn đàn Năng lượng và Môi trường Bền vững (SEEFForum) và UNESCO. Khóa học này, đã được tổ chức tại Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, hiện đang được hiệu chỉnh cho phù hợp với bối cảnh địa phương và sẽ được giới thiệu lần đầu tiên tại Việt Nam trong khuôn khổ chương trình COMPETENCE (xem thêm nội dung tại Điều 18).
- Thực hiện Chương trình Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững tại Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo và UNESCO đã phối hợp xây dựng bộ công cụ đánh giá và phòng ngừa rủi ro thảm họa thiên tai, đồng thời đã tập huấn cho nhà trường và cộng đồng địa phương (xem thêm nội dung tại Điều 6).



Điều 13: Xúc tiến các cơ hội phát triển, áp dụng và thực hiện một loạt giải pháp và phương pháp tiếp cận khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội đã được thử nghiệm để góp phần vào việc xây dựng cách thức quản lý nước một cách có hiệu quả và bền vững; tiếp tục tiến hành các dự án quản lý tài nguyên nước bền vững cho những cộng đồng dân cư dễ bị tổn thương bởi BĐKH, đặc biệt là ở vùng sâu vùng xa; xây dựng những cách tiếp cận nhằm quản lý có hiệu quả sông ngòi và các tầng ngậm nước quốc gia và xuyên biên giới, và thông qua đó tạo điều kiện cho sự phối hợp với các đối tác khác về nước của Liên Hợp Quốc.

Với sự hỗ trợ của Ngân hàng Phát triển Châu Á, Viện Đào tạo Tài nguyên Nước của UNESCO (UNESCO-IHE) chủ trì nghiên cứu nhằm xác định trữ lượng nước của 15 lưu vực sông lớn của Việt Nam, cũng như khu thượng nguồn các lưu vực sông bắt nguồn từ Trung Quốc, Lào, Thái Lan và Mi-an-ma. Nghiên cứu đề xuất bộ số liệu tiêu chuẩn của tất cả các lưu vực sông trong nước và quốc tế của Việt Nam, chủ yếu áp dụng hệ thống đo lường vệ tinh quan trắc trái đất mã nguồn mở và mô hình thủy văn học, được thẩm định bằng hệ thống đo lường địa phương chẳng hạn như lượng mưa, mực nước, dòng chảy sông, lượng nước xả bình quân từ các hồ chứa và các thực tiễn quản lý nước địa phương.

- UNESCO-IHE (Viện Đào tạo Tài nguyên Nước dạng 1 đặt tại Delft, Hà Lan) đang xây dựng cho Việt Nam bộ công cụ quản lý nước cho các nhà quy hoạch tài nguyên nước để hỗ trợ xây dựng kế hoạch đánh giá tài nguyên nước quốc gia. Bộ công cụ quản lý nước này, có tên gọi là Water Accounting+, tích hợp các chu trình thủy văn với việc sử dụng đất, dòng chảy được kiểm soát và các dịch vụ do tiêu dùng nước ở các lưu vực sông.

Ban Thư ký Liên minh Toàn cầu về Nước của Việt Nam (VNWP) được UNESCO hỗ trợ vào tháng 9 năm 2015 t huy động thêm một khoản kinh phí trị giá 10.000 USD từ ADB để tổ chức hội thảo với chủ đề “An ninh nguồn nước và phát triển bền vững” cho 100 nhà thủy văn học trẻ tuổi hiện đang công tác tại các Bộ và Viện nghiên cứu liên quan đến tài nguyên nước. Được sự tài trợ của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Liên minh Toàn cầu về Nước (GWP), hội thảo đã nghe bài thuyết trình về phương pháp viễn thám trong hệ thống Water Accounting+ của UNESCO-IHE để có thể áp dụng xây dựng kế hoạch đánh giá tài nguyên nước quốc gia.

Tháng 6 năm 2015, UNESCO tiến hành xây dựng tài liệu khái niệm tài nguyên nước xuyên biên giới trong đó đề xuất xây dựng các trạm cảnh báo sớm và hệ thống phân bổ lũ chung nhằm khắc phục rủi ro lũ lụt nghiêm trọng theo mùa tại địa bàn tỉnh An Giang và tỉnh Kandal của Cam-pu-chia được. Tài liệu này được xây dựng với sự hỗ trợ của Ban Thư ký Liên minh Toàn cầu về Nước của Việt Nam (VNWP), phối hợp với Văn phòng UNESCO tại Phnôm Pênh và dưới sự chủ trì của Văn phòng Khoa học Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của UNESCO ở Jakarta. Dự thảo đề xuất trị giá 4,8 triệu USD này có tiêu đề “Tăng cường khả năng của các cộng đồng dân cư dọc theo biên giới Việt Nam – Cam-pu-chia và biên giới Áp-ga-ni-xtan-Pa-kit-xtan trong việc thích nghi với tác động của BĐKH và lũ lụt xuyên biên giới” đã được chia sẻ với các nhà tài trợ tiềm năng, sau phần thảo luận sâu với các bên liên quan (xem thêm nội dung tại Điều 16).

Tháng 7 năm 2015, UNESCO Việt Nam đã phối hợp với Ban Thư ký Liên minh Toàn cầu về Nước của Việt Nam (VNWP) xây dựng văn bản sơ bộ nhằm thúc đẩy hợp tác tài nguyên nước xuyên biên giới song phương và đa phương trong việc đánh giá và quản lý bền vững hệ thống nước ngầm và các tầng ngậm nước khu vực sông Mê Công được. Văn bản sơ bộ gồm các quốc gia: Cam-pu-chia, Lào, Mi-an-ma, Thái Lan và Việt Nam đã được Văn phòng Khoa học Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của UNESCO ở Jakarta rà soát và thẩm định, để trình lên Bộ phận tài nguyên nước thuộc Quỹ Thích ứng BĐKH của UNFCCC, kèm theo văn bản ủng hộ của các cơ quan hữu quan trong nước. Kết quả của hoạt động này cho phép tìm hiểu khả năng hợp tác tài nguyên nước xuyên biên giới trong khu vực.



Hỗ trợ xây dựng các đề xuất dự án khu vực về nguồn nước quốc tế theo lời kêu gọi của Quỹ Thích ứng BĐKH vào tháng 9 năm 2015. Đề xuất dự án khu vực này, với tên gọi “*Tài nguyên nước ngầm ở Tiểu vùng sông Mê Công: Hợp tác quản lý tài nguyên để nâng cao khả năng chống chịu*” được nhiều đối tác quốc tế và khu vực soạn thảo, trong đó có Ủy ban Điều phối các Chương trình Khoa học Địa chất ở Đông và Đông Nam Á (CCOP), Viện Quản lý Nước Quốc tế (IWMI) và Trung tâm Đánh giá Tài nguyên Nước ngầm Quốc tế (IGRAC) cũng như các quốc gia trong khu vực, gồm: Cam-pu-chia, CHDCND Lào, Mi-an-ma, Thái Lan và Việt Nam.

Tại “**Hội thảo quản lý tổng hợp chu kỳ nước để giảm thiểu rủi ro thiên tai và nâng cao tính bền vững**” tổ chức nhân dịp Hội nghị quốc tế lần thứ 3 của Liên Hiệp quốc về Giảm thiểu rủi ro thảm họa (WCDDR) tại Thành phố Sendai, Nhật Bản, vào tháng 3 năm 2015, các đại biểu đã chia sẻ **kinh nghiệm của các quốc gia, trong đó có Việt Nam, về các phương pháp tiếp cận bền vững trong công tác quản lý nước đô thị để giảm thiểu rủi ro thảm họa và nâng cao tính ổn định về chu kỳ nước**. Sự kiện này còn tìm hiểu điểm cân bằng giữa các biện pháp tập trung và phi tập trung (tại địa bàn) cũng như tầm quan trọng của sự tham gia của cộng đồng, khẳng định mức độ tham gia của cộng đồng phụ thuộc vào trình độ nhận thức và lợi ích trực tiếp mà cộng đồng sở tại được hưởng. Hội thảo do Đại học Liên Hợp quốc tại Tokyo (UNU-IAS), Viện Đào tạo Tài nguyên Nước của UNESCO (UNESCO-IHE) phối hợp tổ chức. Tại Hội nghị bàn tròn dành cho các chuyên gia cao cấp có sự tham gia của Ông Nguyễn Hồng Quân, Phó Trưởng phòng Quản lý và bảo vệ nguồn nước, Viện Môi Trường và Tài Nguyên ra đời thuộc Đại Học Quốc Gia TP.HCM.

UNESCO đã chủ trì cuộc thảo luận về quan hệ đối tác với sự tham dự của các chuyên gia thủy văn đại diện cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và Cơ Quan Hợp Tác Quốc Tế Nhật Bản (JICA) tại Hội nghị báo cáo thường niên của Ban Thư ký Liên minh Toàn cầu về Nước của Việt Nam thuộc Chương trình Nước toàn cầu (GWP) vào tháng 12 năm 2014. 45 cán bộ của Ban Thư ký Liên minh Toàn cầu về Nước của Việt Nam đã tham dự, đại diện cho các cơ quan nghiên cứu của Việt Nam và các hiệp hội nghề nghiệp thuộc khu vực nhà nước và ngoài nhà nước. Mạng lưới GWP bao gồm 84 Đối tác về nước cấp quốc gia, 13 đối tác về nước cấp khu vực và hiện có hơn 2.800 đơn vị đối tác tại 169 quốc gia. GWP được thành lập vào năm 1996 dưới sự bảo trợ của Ngân hàng Thế giới (WB), Chương trình Phát triển LHQ (UNDP), và Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Thụy Điển (SIDA) nhằm thúc đẩy công tác quản lý tổng hợp tài nguyên nước (IWRM).

Các công ty cung cấp nước tại Đồng bằng sông Mê Công và Lưu vực Sông Đồng Nai đang phải đối mặt với nhiều thách thức được thảo luận tại Hội thảo kéo dài 3 ngày có chủ đề “**Hạ tầng nước và những thách thức của BĐKH ở Đồng bằng sông Mê Công**” do Viện Đào tạo Tài nguyên Nước (UNESCO-IHE) và các đối tác phối hợp tổ chức từ ngày 19-21 tháng 11 năm 2014. Báo Tuổi Trẻ đã đưa tin về sự kiện trong bài “*Nguy cơ nước mặn xâm nhập sâu sông Đồng Nai, sông Sài Gòn*”. Nội dung bài viết được đăng tải tại trang web: <http://tuoitre.vn/tin/chinh-tri-xa-hoi/moi-truong/20141119/ha-tang-nuoc-dbscl-gap-nhieu-thach-thuc/673983.html>.

- Đây là Hội thảo nằm trong khuôn khổ Dự án trị giá 10 triệu USD “Dự án “**BĐKH và Cấp nước ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long**”, do Quỹ Nước Bền vững của Hà Lan tài trợ. Dự án tập trung hỗ trợ thích ứng BĐKH trong các lĩnh vực cấp nước, lấy mẫu/phân tích mẫu nước, đánh giá các vấn đề về chất lượng nước liên quan đến lũ lụt. Dự án nâng cao năng lực cho các bên liên quan thông qua Liên minh Học tập và Hành động (LAA), đây là hệ thống diễn đàn mở cho các nhà nghiên cứu, các tổ chức và cá nhân thuộc khu vực nhà nước và tư nhân, nhằm cùng nhau giải quyết những thách thức liên quan đến chính sách và thực tiễn hiện nay về nước và quản lý rủi ro lũ lụt, trước tác động của BĐKH. Các đối tác trong nước bao gồm Viện Đào tạo Tài nguyên Nước của UNESCO (UNESCO-IHE), Công ty Vitens Evides International (Hà Lan), Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn (SAWACO), Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh, UBND tỉnh Sóc Trăng, UBND tỉnh Trà Vinh, Viện Nghiên cứu BĐKH - Đại học Cần Thơ (còn gọi là “Viện DRAGON”).



Hội thảo quốc tế với chủ đề “Phát triển thích ứng với BĐKH và cơ sở hạ tầng xanh đối với các thành phố quy mô trung bình theo các tỷ lệ khác nhau” được tổ chức từ ngày 23-25 tháng 7 năm 2014 dưới sự chủ trì của UBND thành phố Cần Thơ, phối hợp với Viện Đào tạo Tài nguyên Nước của UNESCO (UNESCO-IHE) và Trung tâm Quản lý nước và BĐKH (WACC) trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- 76 chuyên gia trong nước và quốc tế đã chia sẻ kiến thức về cách tích hợp, tổ chức và phát triển hạ tầng xanh, minh chứng về những chiến lược dài hạn trong đó tích hợp những thành tựu ngắn hạn, phương pháp tiếp cận phát triển đô thị do cộng đồng làm chủ, và những thực tiễn hay thông qua việc trao đổi kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu thí điểm. Hội thảo quốc tế này nêu bật sự cần thiết đối với các nhà hoạch định chính sách và các nhà tài trợ vượt ra xa khỏi các dự án có mục tiêu hẹp và theo cấu trúc khiên cưỡng để hướng tới cách tiếp cận tổng hợp, liên ngành và dài hơi hơn nhằm giải quyết các vấn đề, mang lại lợi ích tổng hợp và khích lệ sự tham gia của đủ các đối tượng. Các khái niệm như “xanh hóa” và cải thiện “khả năng sống” đã bắt đầu xuất hiện cùng với những thuật ngữ như “phát triển kinh tế”.

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và Trường Đại học Thủy lợi đã nâng cao năng lực tổ chức và quản lý về công tác đào tạo, nghiên cứu liên quan đến tài nguyên nước, phát triển và chia sẻ kiến thức cũng như thực hiện các chương trình nghiên cứu liên ngành, nhạy cảm giới về quản lý nước, BĐKH, phát triển nông thôn và đô thị ở Đồng bằng sông Cửu Long thông qua sự hỗ trợ của Viện Đào tạo Tài nguyên nước UNESCO-IHE (Delft, Hà Lan) kể từ năm 2012.

- Trong khuôn khổ Dự án này, Trung tâm Quản lý nước và BĐKH trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng cách tiếp cận liên ngành trong Quản lý Tổng hợp Tài nguyên Nước, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc tổ chức nghiên cứu và đào tạo về công tác quản lý, hoạch định chính sách và xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm tăng cường năng lực cho bộ máy hoạch định chính sách ở Đồng bằng sông Cửu Long. Dự án tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, từ các khóa ngắn hạn đến đào tạo Thạc sĩ, về quản lý nước và BĐKH, phù hợp với các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, nhạy cảm giới và đáp ứng nhu cầu về đội ngũ có trình độ/chuyên gia cao cấp, nhất là ở khu vực nhà nước.

Nghiên cứu so sánh khu vực về Quản lý nước ngầm ở khu vực ven biển thuộc các quốc gia Đông Nam Á được hoàn thành vào tháng 10 năm 2014 đã đưa ra những khuyến nghị nhằm hỗ trợ các cơ quan quản lý tài nguyên nước và chính quyền địa phương ở khu vực ven biển ưu tiên những chỉ tiêu khả thi nhất, lập kế hoạch tốt hơn cho những rủi ro trong tương lai, đồng thời tăng cường hợp tác trong và giữa các quốc gia về quản lý nước ngầm thông qua việc trao đổi kiến thức, chuyên môn và kinh nghiệm Nam - Nam. Kết quả nghiên cứu được thảo luận tại một hội thảo quốc tế về “Nghiên cứu so sánh quản lý nước ngầm ở vùng ven biển khu vực Đông Nam Á” được tổ chức từ ngày 25 tháng 3 đến 2 tháng 4 năm 2013 tại TP. Hồ Chí Minh, do Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra Tài nguyên Nước miền Nam chủ trì, và được Ngân hàng Phát triển Châu Á, cùng Chương trình hợp tác của UNESCO-IHE với Bộ Ngoại giao Hà Lan đồng tài trợ. Đề tài nghiên cứu đánh giá kéo dài 2 năm này cung cấp hệ thống khuyến nghị cho 4 thành phố lớn (có dân số trên 10 triệu người): Thiên Tân (Trung Quốc), Jakarta (In-đô-nê-xi-a), Thành phố Cebu (Phi-líp-pin) và Thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam).

Việt Nam đăng cai Hội nghị Quốc tế BẠN HỮU-Nước (Chế độ dòng chảy từ mạng lưới số liệu thực nghiệm quốc tế) lần thứ 7 tại Hà Nội vào tháng 2 năm 2014, với sự hỗ trợ của UNESCO, Ủy ban Chương trình Thủy văn Quốc tế/Chương trình Tài nguyên Nước và Thủy Văn (IHP/HWRP) của Đức và IRD. FRIEND-Water là một mạng lưới hợp tác quốc tế gồm các chuyên gia, ra đời cách đây hơn 25 năm, nhằm điều tra những biến đổi dài hạn trong các biến số thủy văn để có thể hiểu rõ hơn về đặc điểm khí hậu, lưu vực sông và kiểm soát của con người đối với việc phân bổ nguồn nước về mặt không gian và thời gian. Là một chủ đề xuyên suốt của Chương trình Thủy văn Quốc tế của UNESCO (UNESCO IHP), FRIEND-Water đóng góp vào công tác nghiên cứu về tài nguyên nước trong khu vực, biến đổi toàn cầu và chu kỳ nước, cũng như đào tạo và nâng cao năng lực về chuyên ngành tài nguyên nước.



- Chương trình xuyên suốt của Ủy ban quốc gia về Chương trình Thủy văn Quốc tế (IHP) mang tên FRIEND-Water đưa 8 lưu vực sông ở Việt Nam vào danh sách hỗ trợ, đó là: Sông Kỳ Cùng, Sông Thu Bồn, Sông Ba, Sông Sêrêpôk, Sông Cầu, Sông Trà Khúc, Sông Chày và Sông Hương.
- 23 nhà khoa học và cán bộ nhà nước của Việt Nam đã nâng cao năng lực về quản lý nước với sự hỗ trợ của UNESCO và trong khuôn khổ giáo dục về nước khi họ tham gia các khóa đào tạo Nagoya IHP được tổ chức thường niên tại Nhật Bản kể từ năm 1991.

36 đại biểu của Việt Nam thuộc các cơ quan của Chính phủ, các cơ quan nghiên cứu và các trường đại học đã được tập huấn về cách sử dụng hệ thống phân tích lũ tích hợp (IFAS), một hệ thống phân tích dòng chảy lũ tích hợp phục vụ công tác dự báo lũ lụt hiệu quả và chất lượng ở các quốc gia đang phát triển, vào tháng 6 năm 2012, với sự hỗ trợ của Quỹ Tín thác Nhật Bản. UNESCO Việt Nam, Văn phòng Khoa học Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của UNESCO ở Jakarta, cùng với ICHARM (Trung tâm Quốc tế về Quản lý thảm họa và rủi ro tài nguyên nước của Nhật Bản, là Trung tâm Dạng 2 của UNESCO đặt tại Tsukuba, Nhật Bản) đã tổ chức khóa tập huấn IFAS cho Việt Nam tại Hà Nội (xem thêm hợp phần truyền thông tại Điều 38).

Hơn 300 nhà khoa học trẻ của Việt Nam, các sinh viên cao học và các cán bộ nhà nước đã nâng cao năng lực thông qua các đợt tập huấn tại Việt Nam về các kỹ thuật khác nhau như bổ sung nhân tạo cho tầng chứa nước, sử dụng các chất đồng vị ổn định trong thủy văn, các phương pháp thủy văn và địa chất thủy văn trong các cuộc khảo sát thủy văn ở những vùng ven biển. Các đợt tập huấn này nằm trong khuôn khổ Chương trình quản lý bổ sung tầng chứa nước (MAR). Một nhà khoa học thuộc Liên đoàn Địa chất thủy văn-Địa chất công trình miền Nam (TP. Hồ Chí Minh) đã lấy bằng Tiến sĩ trong quá trình công tác tại Dự án của tỉnh Bình Thuận (2004-2011). Các bài viết và áp phích khoa học cũng đã được công bố, đồng thời một số nhà khoa học của Việt Nam thuộc ban quản lý dự án cũng đã tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế trên khắp thế giới (Ấn độ, Úc, Đức, Mê-hi-cô, Ý, Thái Lan, Mỹ và các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất). Qua đó, họ được trang bị các cơ hội để chia sẻ tri thức của dự án với các nhà khoa học hiện đang hoạt động trong các hoạt động tương tự từ khắp nơi trên khắp thế giới. Các đối tác của Việt Nam bao gồm Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra Tài nguyên Nước Miền Nam, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Thuận, Phòng thí nghiệm Thủy văn Đồng vị của Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân trực thuộc Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam.

Các Đề án đã được triển khai bao gồm cả hoạt động xây dựng năng lực và hoạt động thực địa (tìm hiểu đặc điểm địa chất, địa vật lý và địa chất thủy văn), đó là các Đề án: “Quản lý bổ sung tầng chứa nước tại Bình Thuận” và “Thích ứng BĐKH: các giải pháp giám sát sự xâm nhập của nước muối và quản lý bổ sung tầng nước chứa ở những vùng bị ảnh hưởng bởi nước biển dâng tại tỉnh Ninh Thuận”.

- Đề án Quản lý bổ sung tầng chứa nước tại Bình Thuận xây dựng vùng giếng cấp nước có khả năng cung cấp 220 m³/ngày nước chất lượng tốt phục vụ các mục đích tưới tiêu nông nghiệp và sinh hoạt của con người cho cộng đồng địa phương (khoảng 1.000 người) thường xuyên bị ảnh hưởng bởi hạn hán kéo dài. Đề án này chính thức được bàn giao cho tỉnh Bình Thuận vào năm 2011 và hiện đang được Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh quản lý.

Chính quyền địa phương tỉnh Ninh Thuận đã tìm hiểu đặc điểm địa chất thủy văn và các chiến dịch khoan cắt để lắp đặt giếng giám sát nước ngầm, làm cơ sở để: a) tiến hành đánh giá sự khô hạn của tài nguyên nước và các vùng khan hiếm nước, b) xác định những vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng nước, đặc biệt là sự xuất hiện phổ biến của nước nhiễm mặn ở các tầng ngầm nước và c) xem xét sự xâm nhập của nước biển vào các tầng ngầm nước này do nước biển dâng (sự BĐKH) và việc bơm nước không được kiểm soát vì các mục đích tưới tiêu nông nghiệp, thông qua dự án “Thích ứng BĐKH: các giải pháp giám sát sự xâm nhập của nước muối và quản lý bổ sung tầng nước chứa ở những vùng bị ảnh hưởng bởi nước biển dâng tại tỉnh Ninh Thuận”. Dự án giúp giải quyết tình trạng phức tạp hiện nay liên quan đến tài nguyên nước, đồng thời sẽ làm nền tảng cho các biện pháp ứng phó BĐKH được xây dựng bởi chính quyền địa



phương và các cơ quan sở tại cũng như các cộng đồng quan tâm. Để triển khai dự án từ năm 2009 đến năm 2011, Chính phủ Việt Nam đã phân bổ 2 tỷ đồng (xấp xỉ 100.000 USD). Dự án này cũng được hỗ trợ bởi Quỹ Tín thác I-ta-li-a trong khuôn khổ “Chương trình Nước vì sự Bền vững Môi trường”(WAP II).



Trong khuôn khổ Chương trình SWITCH Châu Á, Liên minh học tập (Learning Alliance) thuộc ngành nước đã được thành lập và được thực hiện sau lễ khởi động được tổ chức vào tháng 3 năm 2012 nhằm kết nối và tối ưu hóa các mối quan hệ để xây dựng các phương thức tiếp cận chung nhằm đảm bảo thực hiện thành công dự án thí điểm “Cải tạo và Làm sạch các hồ Hà Nội”. Mục tiêu đề ra là huy động các kỹ năng và kinh nghiệm bổ sung cho nhau từ nhiều tổ chức và triển khai mở rộng dự án. Liên minh này bao gồm đại diện của Trung tâm Nghiên cứu các Vấn đề về Nước, Viện Địa chất thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Viện Nam; Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường, Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội (thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội), Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh Môi trường Nông thôn thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Xây dựng Hà Nội, cũng như UNESCO Việt Nam.



Đã cử một cán bộ điều phối dự án (thuộc Viện Địa chất) và Ban thư ký giúp việc để triển khai dự án. Theo như được thống nhất trong hội nghị Liên minh học tập, các đối tác đã bắt đầu đánh giá Hồ Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội. Trung tâm Nghiên cứu các Vấn đề về Nước và Trung tâm Nghiên cứu Môi trường cùng phối hợp giám sát các đặc điểm địa chất thủy văn và phân tích các thông số về nước cũng như các điều kiện địa vật lý tại hồ nước được chọn này.





Điều 14: Tăng cường và đẩy mạnh vai trò của các Khu dự trữ sinh quyển trong việc bảo đảm môi trường và an ninh kinh tế ở Việt Nam; tăng cường các chính sách và năng lực quốc gia nhằm quản lý có hiệu quả Chương trình Con người và Sinh quyển; nâng cao quản lý các Khu dự trữ sinh quyển thông qua việc xây dựng các chính sách, kế hoạch quản lý thích hợp, nâng cao năng lực, nghiên cứu và thu hút sự tham gia của các cơ quan, tổ chức chính phủ, khu vực tư nhân, xã hội dân sự và các cộng đồng; đẩy mạnh các Khu dự trữ sinh quyển thành những nơi phục vụ cho giáo dục vì sự phát triển bền vững, cho các chương trình liên ngành và thành một hành lang cho các hoạt động chung của Liên Hợp Quốc.

Nghiên cứu khả thi tìm hiểu tiềm năng của các Khu Di sản Thế giới của UNESCO tại Việt Nam do UNESCO Việt Nam tiến hành vào tháng 8 năm 2015 thử nghiệm về tăng trưởng xanh và phát triển các-bon thấp (ví dụ: cô lập khí các-bon, giảm thiểu phát thải khí nhà kính, sử dụng năng lượng và đất hiệu quả, quản lý chất thải, du lịch sinh thái...) Các khuyến nghị trước hết được đưa ra đối với Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm – Hội An, nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện Chiến lược Tăng trưởng Xanh và các nỗ lực giảm nhẹ BĐKH cũng như các kế hoạch quản lý tổng hợp tại khu Di sản của Việt Nam. Đoàn đánh giá đã tiến hành tham vấn ở cấp trung ương, cấp tỉnh và cộng đồng với đại diện chính quyền, các nhà nghiên cứu, cơ quan nghiên cứu và đội ngũ chuyên gia. Nghiên cứu khả thi này phù hợp với Chiến lược quốc gia cũng như Kế hoạch Chung LHQ và các đề xuất dự án đã được hai bên cùng thống nhất hiện đang trong quá trình xây dựng liên quan đến thích ứng BĐKH, đa dạng sinh học, tăng trưởng xanh và phòng chống thảm họa tại các Khu dự trữ sinh quyển. Tại kỳ họp Đại hội đồng UNESCO lần thứ 38, đoàn đại biểu của Việt Nam đã tích cực vận động tất cả các quốc gia thành viên phát huy tiềm năng của các khu Di sản được UNESCO công nhận để khai thác cơ hội phát triển các-bon thấp.

- **Nghiên cứu khả thi này đề xuất 3 hoạt động thử nghiệm dựa trên ý kiến những quan ngại và cơ hội của các cơ quan quốc tế, quốc gia và địa phương**, trong đó có tổng cộng 17 khuyến nghị về kết quả. Cả 3 hoạt động thí điểm này đều đề xuất việc tích hợp các hành động liên ngành, lĩnh vực khác nhau, đồng thời kết nối với các sáng kiến hoặc ưu tiên phát triển triển hiện tại của các đối tác như UNDP, UN-REDD và Ngân hàng Phát triển Châu Á.

Theo đề nghị của UNDP và Bộ Tài nguyên và Môi trường và thông qua tham vấn Ủy ban Quốc gia MAB Việt Nam, **đề xuất dự án về du lịch sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học tại Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm – Hội An, Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai và Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên trị giá 8 triệu USD của Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF) được UNESCO Việt Nam đóng góp vào tháng 6 năm 2015 đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp**. Tháng 8 năm 2015, đề xuất sửa đổi này được GEF phê chuẩn để xây dựng thành văn bản khái niệm chính thức. Nhóm xây dựng Chương trình Chung của Liên hợp quốc về BĐKH đã xác định nghiên cứu khả thi của Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm – Hội An làm cơ sở để xây dựng dự án “đột phá” trong Chương trình Chung của LHQ về Tăng trưởng Xanh và Bền vững Đô thị.

UNESCO Việt và MAB Việt Nam phối hợp xây dựng và áp dụng Bảng hỏi tự đánh giá nhanh dành cho các nhà quản lý Khu dự trữ sinh quyển bao gồm 40 câu hỏi nhằm đánh giá tiến độ của các Ban Quản lý Khu dự trữ sinh quyển về các lĩnh vực như hoàn thành kế hoạch quản lý, sự tham gia của cộng đồng, và nhiều lĩnh vực có liên quan khác. Phiếu hỏi này đánh giá tiến độ, thành tựu cũng như những lĩnh vực cần được hỗ trợ thêm. Báo cáo dự thảo xác định “4 nhu cầu bức thiết và có mối liên hệ chặt chẽ với nhau”, đó là:

- I. Xây dựng tài liệu hướng dẫn và một khung tổng hợp cho các Kế hoạch Quản lý Tổng hợp Khu dự trữ sinh quyển trong đó bao trùm cả 3 vùng trong quần thể Khu dự trữ sinh quyển (đó là vùng lõi, vùng đệm và vùng chuyển tiếp) phù hợp với các mục tiêu xã hội;
- II. Khuyến khích các hoạt động Tăng trưởng Xanh và Phát triển bền vững trong vùng đệm. Nhìn chung, các nhà quản lý Khu dự trữ sinh quyển đều nhận thấy sự cần thiết phải phát triển du lịch sinh thái và sinh kế bền vững, song cần phải thí điểm và thử nghiệm thêm nhiều cơ hội nữa, dựa trên những thông lệ hay tại các Khu dự trữ sinh quyển trên thế giới;



- III. Thừa nhận và coi trọng lợi ích sinh thái của các Khu dự trữ sinh quyển, bao gồm đa dạng sinh học, phòng chống thảm họa thiên tai, và thích ứng BĐKH;
 - IV. Khắc phục tình trạng khủng hoảng để giúp ổn định và khôi phục sự tồn thất về dân số các loài, trong nhiều trường hợp các loài đã hao hụt hơn 90% dân số trong quần thể loài ngay trong chính các vùng lõi được bảo tồn.
- Dự thảo Báo cáo đánh giá này kêu gọi áp dụng các cách tiếp cận tổng thể trong công tác quản lý Khu dự trữ sinh quyển, nhấn mạnh rằng “một nguyên nhân chung dẫn đến sự thất bại trong quản lý Khu dự trữ sinh quyển là áp dụng cách quản lý chú trọng quá nhiều và một kết quả mong muốn nhưng lại làm phương hại đến những kết quả mong muốn khác”. Nhờ có sự đóng góp chuyên môn của MAB Việt Nam và của Trường Đại học Queensland (Úc), dự thảo báo cáo đánh giá khích lệ áp dụng phương pháp SLIQ (“ Tư duy hệ thống”, “Quy hoạch cảnh quan”, “Phối hợp liên ngành” và “Kinh tế chất lượng”), được hiệu chỉnh và sắp xếp lại cho phù hợp với bối cảnh của các Khu dự trữ sinh quyển tại Việt Nam. SLIQ là một khung lập kế hoạch, sử dụng phương pháp bảng kiểm (checklist), để đánh giá công tác quy hoạch phát triển trong tương lai cũng như kết quả đầu ra mong muốn trong khuôn khổ Kế hoạch Quản lý Tổng hợp Khu dự trữ sinh quyển.

Trong Giai đoạn 2 Chương trình “*Khu dự trữ sinh quyển – An ninh kinh tế và môi trường*” (BREES), do Quỹ Tín thác Nhật Bản (JFIT) tài trợ, MAB Việt Nam, Ban quản lý Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà, UBND thành phố Hải Phòng (đơn vị chịu trách nhiệm giám sát Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà) cùng Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng cùng UNESCO đã cùng phối hợp thực hiện và đạt được các kết quả sau:

- Ở Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà, 97 người dân địa phương thuộc các nhóm ngành chủ chốt (bao gồm các nhóm: du lịch, nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp) đã nâng cao nhận thức về BĐKH thông qua các đợt tập huấn tại các Trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ). Cuộc điều tra những người tham gia trước khi tập huấn cho thấy 96% học viên thừa nhận trước đây đã từng tham gia vào những hoạt động có ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Nội dung tập huấn được dựa trên bộ tài liệu giáo dục do UNESCO và Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp xây dựng, có tựa đề “Hiểu biết và ứng phó với Biến đổi khí hậu: Cộng đồng chung tay hành động” (xem thêm nội dung báo cáo tại Điều 16).
- 13 người dân cộng đồng, đại diện cho các lĩnh vực khác nhau, được lựa chọn tham gia các nhóm chủ chốt phụ trách xây dựng Kế hoạch hành động cộng đồng cho bốn nhóm ngành nghề trên tại Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà để ứng phó những tác động của BĐKH ở cấp địa phương. Kế hoạch hành động cộng đồng Ứng phó với BĐKH – Trường hợp Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà bao gồm 4 nhóm hành động cụ thể cho 4 nhóm ngành nghề tương ứng là:
 - I. “Tái trồng rừng để hấp thụ khí các-bo-nic và cải thiện khu vực rừng lá của Vườn Quốc gia Cát Bà” do nhóm lâm nghiệp phụ trách,
 - II. “Sử dụng phao nhựa thay cho phao xốp để nuôi cá lồng bè” do nhóm ngư nghiệp phụ trách,
 - III. “Tăng cường sử dụng các thiết bị thân thiện với môi trường trong nhà hàng và khách sạn” do nhóm du lịch phụ trách, và
 - IV. “Xây dựng một mô hình quản lý chất thải dựa vào cộng đồng ở xã Trân Châu” do nhóm nông nghiệp phụ trách.

Ngoài ra, trong Kế hoạch hành động cộng đồng, mỗi nhóm cũng xây dựng một danh sách các hoạt động “Nên làm và Không nên làm” cho cộng đồng mình, phù hợp với ngành nghề tương ứng. Sau khi được điều chỉnh theo ý kiến góp ý của các chuyên gia, chính quyền và cộng đồng địa phương, tài liệu này được tổng hợp thành một cuốn cẩm nang có thể dễ dàng sử dụng ở nhiều địa phương khác. Các dự án do cộng đồng xây dựng đã cung cấp một cơ sở quan trọng



cho những hành động đang được triển khai do cộng đồng tự khởi xướng. Các hoạt động này góp phần tăng cường đối thoại và thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau giữa các bên như các cơ quan quản lý, chính quyền địa phương, cộng đồng và nhà trường.



- **96 học sinh phổ thông đã học về Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà do các giáo viên xây dựng bao gồm 15 bài giảng sau khi họ được tập huấn về các sử dụng bộ tài liệu Dạy và Học vì một Tương lai bền vững của UNESCO (TLSF).** TLSF là một chương trình đa phương tiện đã được dịch sang tiếng Việt và hiệu chỉnh cho phù hợp với bối cảnh của Việt Nam do UNESCO và Bộ GD&ĐT phối hợp thực hiện (xem thêm nội dung báo cáo tại Điều 6). Nội dung tập huấn cho giáo viên chú trọng đến việc tăng cường năng lực giảng dạy các bài học liên quan đến môi trường và ĐBKH. Thông qua từng bài học tích hợp, học sinh sẽ nhận thức rõ hơn về điều kiện môi trường thực tế cũng như các hoạt động bảo vệ hiện nay tại Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà và các địa phương khác. Các bài học trong chương trình TLSF đã giúp học sinh tham gia vào nhiều hoạt động giải quyết vấn đề, theo đó các em tự hình thành phương pháp tiếp cận nhằm cải thiện môi trường tự nhiên theo như đã nêu trong báo cáo đánh giá nhu cầu của MAB Việt Nam và UNESCO Việt Nam. Nội dung đánh giá thông qua các bảng hỏi và thông tin phản hồi từ 96 học sinh này cho thấy các phương pháp dạy học có ảnh hưởng tích cực đến trình độ nhận thức, thái độ và hành vi của các em. Thông tin phản hồi được thảo luận với giáo viên nhằm cải thiện nội dung và phương pháp, đồng thời khích lệ học sinh tiếp tục tự tìm hiểu về ĐBKH và phát triển bền vững.
- **Thông qua Giải thưởng thanh niên vì sự phát triển bền vững của BREES, 150 học sinh có cơ hội tư duy sáng tạo về cách thức các em có thể đóng góp bằng những hoạt động cụ thể vào công tác bảo tồn môi trường, đồng thời nâng cao hiểu biết của các em về ĐBKH và các vấn đề môi trường (xem thêm nội dung tại Điều 17).** Cuộc thi có chủ đề “Phát triển bền vững Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà” được tổ chức cho các đối tượng thanh thiếu niên (độ tuổi từ 12 đến 18) đã trao giải thưởng nhằm khích lệ và công nhận thanh thiếu niên trong việc tạo nên sự khác biệt đáng kể, rõ nét và tích cực hướng tới một môi trường lành mạnh hơn, một cuộc sống tốt đẹp hơn và một cộng đồng Khu dự trữ sinh quyển vững mạnh hơn. Các đối tượng thanh thiếu niên nam và nữ, hợp thành 47 nhóm, đã nộp các đề xuất phát triển bền vững sáng tạo, đồng thời đã có các bài thuyết trình về cách thức triển khai đề xuất tương ứng. 5 trong số các nhóm này, với tổng cộng 23 thanh thiếu niên (20 nữ và 3 nam), được trao “Giải thưởng Dự trữ Sinh quyển” và số tiền trị giá 1.000 USD mỗi nhóm để thực hiện đề xuất trong thời gian 4 tháng. Các đề xuất đạt giải đã mang lại những sáng kiến sau:
 - I. Trồng 1.200 m² rừng ngập mặn ven biển ở xã Phú Long nhằm giảm thiểu xói mòn, ổn định đất bùn và giảm thiểu tác động gây hại của bão;
 - II. Tái chế rác thải thành những sản phẩm có ích như giấy dếp và đồ vật trang trí nhằm hạn chế sự ô nhiễm môi trường, đồng thời nâng cao nhận thức về việc bảo vệ môi trường;
 - III. Tìm hiểu về các đặc điểm nuôi ong lấy mật từ những người nuôi ong địa phương, làm tổ ong và phổ biến các hoạt động trong nhà trường;
 - IV. Bảo tồn Vọoc Cát Bà bằng việc nâng cao nhận thức về loài đặc hữu quý hiếm và kêu gọi bảo vệ loài động vật này;
 - V. Trồng và chăm sóc cây nhằm cải thiện môi trường nhà trường, đồng thời khích lệ sự nhận thức ở các bạn học sinh khác.
- Một kết quả quan trọng khác trong quá trình triển khai Chương trình BREES là việc **thành lập và phổ biến rộng rãi Quỹ Phát triển bền vững Khu dự trữ sinh quyển quần đảo Cát Bà nhằm tài trợ cho các sáng kiến phát triển bền vững.** Quỹ đã được UBND thành phố Hải Phòng thành lập nhằm hỗ trợ cho các hoạt động phát triển bền vững, ban đầu nhận được khoản tài trợ trị giá 17.000 USD từ các doanh nghiệp địa phương. Quỹ này là mục tiêu dài hạn của Ban quản lý Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà bao gồm cả Giải thưởng thanh niên vì sự phát triển bền vững của BREES.



- Nhằm bảo vệ tri thức truyền thống trong việc quan sát các hiện tượng tự nhiên để giúp phòng chống và ứng phó các hiểm họa thiên tai, người dân ở Cát Bà đã được các chuyên gia địa phương và các thành viên đồng đẳng cộng đồng tập huấn về cách nhận biết và suy luận các hiện tượng tự nhiên này trong cuộc sống thường ngày. Sau đây là một số ví dụ tiêu biểu:

- Quan sát số lượng và quy mô đốt của cỏ lác sẽ cho biết tần suất và cường độ bão trong năm tới;
- Quan sát hành vi và chuyển động của côn trùng nhằm xác định lượng mưa, bão lũ sắp tới.

- 18 nhà báo, phóng viên địa phương thuộc các cơ quan phát thanh, truyền hình và báo in khác nhau đã nâng cao năng lực truyền thông về BĐKH Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà thông qua hội thảo tập huấn do UNESCO tổ chức với sự hỗ trợ của các chuyên gia độc lập. Kết quả của lớp tập huấn bao gồm 5 bộ phim tư liệu ngắn, 5 phóng sự phát thanh và 3 bài báo đã được xây dựng và phát sóng, đăng tải trên qua các phương tiện truyền thông địa phương, nâng cao nhận thức của công chúng về vai trò của Khu dự trữ sinh quyển và tầm quan trọng của việc bảo tồn đa dạng sinh học và thích ứng với BĐKH. Những hoạt động này được thực hiện sau cuộc khảo sát những thành viên cộng đồng cùng tham gia xây dựng Kế hoạch hành động cộng đồng. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng 72% trong số họ thường xuyên sử dụng đài, TV hoặc báo in (xem thêm nội dung tại Điều 42).

Chương trình “Khu dự trữ sinh quyển – An ninh kinh tế và môi trường” (BREEES) được mở rộng sang Giai đoạn 3 tại Khu dự trữ sinh quyển châu thổ Sông Hồng do Quỹ Tín thác Nhật Bản hỗ trợ kinh phí thông qua Văn phòng Khu vực về Khoa học châu Á và Thái Bình Dương của UNESCO tại Jakarta. Đội ngũ giáo viên đã nâng cao năng lực, các thành viên cộng đồng đã nâng cao nhận thức và tham gia phát triển bền vững thông qua chương trình BREEES tại Khu dự trữ sinh quyển châu thổ Sông Hồng. Trong khuôn khổ Chương trình này, đã tổ chức một cuộc thi dành cho học sinh để các em cùng tư duy, xây dựng và thực hiện những sáng kiến mới nhằm bảo vệ môi trường và thích ứng BĐKH. Giai đoạn 3 được MAB Việt Nam, UNESCO Việt Nam và Văn phòng UNESCO tại Jakarta phối hợp xây dựng, với sự hỗ trợ của UBND tỉnh Nam Định, Phòng GD&ĐT huyện Giao Thủy, UBND huyện Giao Thủy, Ban Quản lý Khu dự trữ sinh quyển châu thổ Sông Hồng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau đây là những kết quả chính đạt được từ việc thực hiện Giai đoạn 3 Chương trình BREEES:

- Cha mẹ học sinh, cộng đồng và nhà trường đã và đang xúc tiến các hành động nhằm ứng phó thách thức biến đổi khí hậu tại địa phương và lồng ghép nội dung Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững vào các hoạt động chính khóa và ngoại khóa. Đây là mô hình gắn kết giáo viên, học sinh, thành viên cộng đồng trong một trải nghiệm học tập liên thế hệ mà ở đó giáo viên được tập huấn và tiến hành giảng dạy cho học sinh; phụ huynh và cộng đồng được tập huấn và nắm bắt được những nội dung con em mình đang học; học sinh xây dựng các dự án mà cộng đồng quan tâm cũng như mang lại lợi ích cho cộng đồng; phụ huynh và cộng đồng hỗ trợ thực hiện dự án. Đồng thời, mô hình này cũng đã thể hiện một phương thức khả thi và hữu hiệu trong việc nâng cao khả năng chống chịu của các đối tượng thanh niên và người lớn của Việt Nam trước các rủi ro và mối đe dọa mà biến đổi khí hậu, thảm họa thiên tai và mất đa dạng sinh học gây ra.
- 15 giáo viên thuộc 5 nhà trường tham gia, cùng với 5 hiệu trưởng/phó hiệu trưởng, đã nâng cao năng lực để giảng bài về biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học/môi trường, cũng như các phương pháp giảng dạy đồng tham gia và xây dựng kế hoạch bài giảng, sau khi tham dự một sự kiện tập huấn kéo dài 3 ngày do MAB Việt Nam tổ chức với sự hỗ trợ của Bộ GD&ĐT và UNESCO. Nội dung tập huấn cũng bao gồm mục đích và quy trình trao giải thưởng sinh quyển, vai trò của giáo viên trong việc hỗ trợ học sinh xây dựng và thực hiện các dự án thuộc giải thưởng sinh quyển với sự trợ giúp của cộng đồng địa phương. Giáo viên tiến hành giảng bài cho học sinh, đồng thời MAB Việt Nam, Bộ GD&ĐT và UNESCO đã cung cấp thông tin phản hồi cho các giáo viên sau khi dự giờ bài giảng của họ trong lớp học.



- 45 cha mẹ học sinh và thành viên cộng đồng của 5 TTHTCĐ đã được nâng cao năng lực và có khả năng x xúc tiến hành động để ứng phó những thách thức của biến đổi khí hậu và mất đa dạng sinh học sau khi được tập huấn về những lĩnh vực này và tiếp xúc với các dự án Giải thưởng Sinh quyển ở 5 nhà trường tham gia. Cha mẹ học sinh và các thành viên cộng đồng được tập huấn bởi 10 hướng dẫn viên 10 TTHTCĐ, bản thân họ là những người được MAB Việt Nam và UNESCO tập huấn bằng tài liệu được xây dựng riêng cho các buổi tập huấn. Một sách hướng dẫn cho hướng dẫn viên được xây dựng và sử dụng nhằm tăng cường tập huấn cho thành viên cộng đồng về công tác ứng phó biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học/môi trường. Trong quá trình tham gia tập huấn, các hướng dẫn viên đã xây dựng một kế hoạch bài giảng để họ sử dụng trong quá trình tập huấn cho phụ huynh và cộng đồng. Công tác giám sát tập huấn được thực hiện bởi Bộ GD&ĐT, MAB Việt Nam và UNESCO. Trong quá trình tham gia tập huấn, các thành viên cộng đồng đã xác định những thách thức cụ thể về biến đổi khí hậu và đa dạng sinh học/môi trường tại địa phương mình. Sau đó, những thách thức này được giới thiệu tới học sinh của 5 nhà trường địa phương làm những lĩnh vực tiềm năng cần giải quyết thông qua các dự án Giải thưởng Sinh quyển.
- Học sinh đã xây dựng và đang triển khai, với sự hỗ trợ của các thành viên cộng đồng địa phương, các dự án trong đó có những hành động cụ thể nhằm ứng phó biến đổi khí hậu nhờ có việc được nâng cao hiểu biết về biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học và bảo tồn môi trường. Năng lực của học sinh trong việc xây dựng dự án và hoạt động liên quan cũng được nâng cao thông qua một buổi tập huấn định hướng do MAB Việt Nam và UNESCO phối hợp tổ chức trong đó có giới thiệu về Giải thưởng Sinh quyển và quy trình xây dựng đề xuất dự án. 5 đề xuất dự án xuất sắc nhất trong tổng số 19 đề xuất được Bộ GD&ĐT, MAB Việt Nam và UNESCO cùng nhất trí lựa chọn (mỗi trường có một đề xuất được chọn). Mỗi dự án này được trao giải thưởng trị giá 500 USD nhằm hỗ trợ thực hiện dự án và đảm bảo rằng các dự án được xây dựng và theo dõi theo phương pháp có thể dẫn tới việc xây dựng tài liệu hướng dẫn cụ thể từng bước để chia sẻ rộng rãi với các nhà trường khác ở Việt Nam mong muốn nhân rộng dự án.

Các thành viên cộng đồng, phụ huynh, hợp tác xã nông nghiệp và Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp huyện đã đóng góp những ý kiến chuyên môn giúp đảm bảo cách tiếp cận khoa học trong quá trình triển khai dự án, và hỗ trợ triển khai dự án thành công. Các dự án của nhà trường đã tập trung vào những vấn đề ưu tiên do cộng đồng địa phương nêu lên. Học sinh sử dụng các phương tiện truyền thông địa phương để định kỳ thông tin tới cộng đồng về tiến độ thực hiện dự án và cung cấp cho người dân địa phương những thông tin cơ bản về các thách thức môi trường và cộng đồng sở tại đang phải đối mặt và những thay đổi cần thiết về hành vi nhằm khắc phục những thách thức đó. Các bản tin định kỳ này đã giúp nâng cao nhận thức của cộng đồng về những vấn đề môi trường căn bản, đồng thời thúc đẩy sự quan tâm của người dân địa phương đối với các dự án của nhà trường và thu hút sự tham gia của cộng đồng trong quá trình triển khai.

- Tổng Thư ký Chương trình Con người và Sinh Quyển Việt Nam (MAB Việt Nam) và Trưởng Đại diện UNESCO tại Việt Nam và các cán bộ kỹ thuật đã tiến hành đánh giá giữa kỳ 5 dự án và có những ý kiến phản hồi cũng như các hỗ trợ bổ sung cần thiết. Hiệu trưởng các trường cam kết duy trì dự án tại trường mình và đặc biệt củng cố mối quan hệ với phụ huynh và cộng đồng.
- Một bộ phim tài liệu đã được sản xuất về tất cả các hoạt động, kinh nghiệm và bài học thu được trong quá trình thực hiện dự án BREES thuộc Khu dự trữ sinh quyển châu thổ sông Hồng. Ý kiến của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phụ huynh và thành viên cộng đồng đã được ghi lại để chia sẻ kinh nghiệm quý báu này với các nhà trường khác. Bộ phim tư liệu được chia sẻ với các đối tượng hưởng lợi, và là dịp để các nhà trường thảo luận các dự án của mình về ý nghĩa cũng như bài học thu được. Hoạt động này diễn ra tại một sự kiện cuối cùng của Chương trình, do Giám đốc Sở Giáo dục và



Đào tạo tình chủ trì. Tính bền vững và khả năng nhân rộng sang các nhà trường khác trên địa bàn tỉnh cũng là những nội dung được thảo luận tại sự kiện cuối cùng này.

- 5 giáo viên thuộc 5 nhà trường hiện đang soạn thảo một tài liệu hướng dẫn ngắn gọn bao gồm các bước cần thiết trong quy trình triển khai dự án, đưa ra bí quyết để đạt được các kết quả tốt đẹp và gợi ý về cách thức gắn kết kế hoạch bài giảng với các hoạt động của dự án. 5 tài liệu hướng dẫn đã được phổ biến tới tất cả những giáo viên ở Việt Nam mong muốn nhân rộng dự án thông qua một diễn đàn trực tuyến.
- Tháng 5 năm 2012, 2 đại biểu của Việt Nam được Ủy ban Quốc gia Chương trình Con người và Sinh quyển và UNESCO Việt Nam và Văn phòng Khoa học Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của UNESCO ở Jakarta hỗ trợ đã tham dự một Hội thảo Khu vực về Hành động vì Nhà trường Xanh ở Đông Á được tổ chức tại Jakarta. Một đại biểu đại diện cho Trung tâm Nghiên cứu và Giáo dục Môi trường (CERE), Đại học sư phạm Hà Nội và đại biểu còn lại là một giáo viên của Trường Trung học Phổ thông Cát Bà, một trong những trường được trao giải thanh niên vì sự phát triển bền vững của BREES. 2 đại biểu này đã tham dự tất cả các phiên của hội thảo, đồng thời cũng có bài trình bày để chia sẻ kinh nghiệm của Cát Bà trong việc thúc đẩy các hoạt động nhà trường xanh với các giáo viên của In-đô-nê-xi-a và các đại diện của Bộ Giáo dục và Văn hóa In-đô-nê-xi-a.

Vai trò của các Khu dự trữ sinh quyển là nơi học tập liên quan đến giảm nhẹ và thích ứng BĐKH luôn được nhấn mạnh trong các sự kiện và các bài thuyết trình của UNESCO với chính quyền các cấp, các trường đại học, cộng đồng quốc tế và khu vực tư nhân, bao gồm tại Hội thảo quốc tế các nước tiểu vùng sông Mê Công tại TP. Hồ Chí Minh và tại các Lễ trao bằng công nhận Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm – Hội An, Mũi Cà Mau, Kiên Giang và Tây Nghệ An. 3 sự kiện này được truyền hình trực tiếp trên sóng truyền hình ở Việt Nam và nước ngoài.

- Chính quyền TP. Hải Phòng đã xây dựng, với sự hỗ trợ kỹ thuật của Chương trình Con người và Sinh quyển Việt Nam, một logo chính thức và quy trình cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa “xanh” do Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà sản xuất. Sáng kiến này, được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hải Phòng khởi xướng, nhằm mục đích hình thành một chuỗi các hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng “xanh” đảm bảo chất lượng mang logo của Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà logo, theo đó đề cao triết lý “bảo tồn để phát triển, phát triển để bảo tồn” trong toàn ngành du lịch và chuỗi cung ứng sản phẩm. Quy trình cấp giấy chứng nhận thúc đẩy các thực tiễn kinh doanh theo tiêu chuẩn do Sở Khoa học và Công nghệ Hải Phòng ban hành và đã được áp dụng với 7 sản phẩm sản xuất tại địa phương. Các sản phẩm này hiện đang sử dụng nhãn hiệu để quảng bá. Để được cấp giấy chứng nhận, một sản phẩm địa phương phải chứng minh rằng mô hình kinh doanh của nó đáp ứng một hệ thống các tiêu chí phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững của Khu dự trữ sinh quyển.
- Các ấn phẩm: “Con người và các Khu dự trữ sinh quyển”, “Mạng lưới Khu dự trữ sinh quyển Việt Nam” và “Các Khu dự trữ sinh quyển ở Việt Nam” đã được MAB Việt Nam xây dựng với sự hỗ trợ của UNESCO, nhằm cung cấp thông tin để nâng cao nhận thức về giá trị và vai trò của các Khu dự trữ sinh quyển ở Việt Nam.
- Tháng 9 năm 2012, Hội nghị khu vực ASEAN về “Vai trò của di sản thế giới, Khu dự trữ sinh quyển và công viên địa chất toàn cầu đối với sự phát triển bền vững” được Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam tổ chức, với sự hỗ trợ của UBND tỉnh Ninh Bình. Các cán bộ của Trụ sở UNESCO tại Pa-ri, Jakarta, UNESCO Phnôm Pênh và UNESCO Hà Nội, trong đó có Giám đốc Trung tâm Di sản Thế giới UNESCO, đã tham dự hội nghị. Ngoài ra còn có đại diện của các bên liên quan bao gồm các đại biểu quốc tế từ các quốc gia ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc và hơn 100 đại biểu từ các vùng miền khác nhau của Việt Nam. Tại Hội nghị, các đại biểu trong khu vực đã đưa ra tuyên bố hướng tới:



- I. Đảm bảo việc bảo tồn giá trị nổi bật toàn cầu của các di sản thế giới đã được công nhận cũng như điều chỉnh luật pháp quốc gia cho phù hợp với các hiệp định quốc tế; tăng cường bảo vệ khu Di sản và góp phần phát triển bền vững hiệu quả ở địa phương;
- II. Đảm bảo sự tham gia của cộng đồng địa phương trong việc khai thác và quản lý các di sản được UNESCO công nhận;
- III. Khuyến khích thế hệ trẻ tham gia bảo vệ di sản thông qua chương trình giáo dục và tiếp cận cộng đồng, qua đó góp phần nâng cao sự hiểu biết của họ về môi trường;
- IV. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và xã hội, đồng thời phổ biến kết quả tới các bên hữu quan địa phương nhằm cung cấp thông tin cho công tác ra quyết định; và,
- V. Đặc biệt chú trọng đến công tác giảm nhẹ và thích ứng BĐKH, phòng chống thảm họa và giảm nhẹ rủi ro.

Các quốc gia cũng cam kết thúc đẩy Sáng kiến “Mạng lưới Xanh” – một mạng lưới hợp tác khu vực có mục đích trao đổi kinh nghiệm về quản lý và bảo tồn các giá trị di sản giữa các khu Di sản được UNESCO công nhận.

- Vấn đề các Khu dự trữ sinh quyển là những vùng được hưởng lợi từ các dự án được thảo luận trong một cuộc gặp giữa Đội ngũ cán bộ của Văn phòng UNESCO Jakarta và UNESCO Việt Nam đã gặp gỡ Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO), Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) và Nhóm Điều phối Chương trình (PCG) về Môi trường và BĐKH. Đã tổ chức cuộc họp Văn phòng Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam, trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, để rà soát các Khu dự trữ sinh quyển và các khu Di sản Thiên nhiên trong các kế hoạch công tác tương lai.
- Ban quản lý của cả 8 Khu dự trữ sinh quyển đã trình bày nhu cầu nghiên cứu và áp dụng khoa học và công nghệ trong công tác bảo tồn và phát triển bền vững tại Hội thảo với chủ đề “Khoa học và công nghệ phục vụ bảo tồn và phát triển bền vững các Khu dự trữ sinh quyển thế giới tại Việt Nam” được tổ chức vào tháng 8 năm 2014. Sự kiện này do Ủy ban Quốc gia MAB Việt Nam, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp tổ chức. Có hơn 50 đại biểu đã tham dự Hội thảo, do lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì.
- Các đại biểu của Việt Nam đã tham gia trao đổi cấp tiểu vùng về những thách thức mà các Khu dự trữ sinh quyển đang phải đối mặt, trong đó đặc biệt chú trọng đến tác động của BĐKH, những vấn đề liên quan đến vai trò của người dân bản địa và kiến thức của họ trong việc quản lý các Khu dự trữ sinh quyển, cũng như tình trạng thiếu thông tin về hệ sinh thái, điều kiện kinh tế và đời sống của người dân tại Khu dự trữ sinh quyển tại Hội nghị lần thứ 6 Mạng lưới các Khu dự trữ sinh quyển khu vực Đông Nam Á (SeaBRnet), sự kiện diễn ra hai năm một lần, được tổ chức tại Khu dự trữ sinh quyển Cibodas của In-đô-nê-xi-a vào tháng 2 năm 2011. Những thách thức và cơ hội đối với các Khu dự trữ sinh quyển đã được đại diện của Ủy ban Quốc gia MAB Việt Nam, Đông Ti-mo và Phi-líp-pin thảo luận nhân chuyến tham quan Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà do Văn phòng UNESCO tại Jakarta và UNESCO Việt Nam phối hợp tổ chức. Qua đó, họ được tìm hiểu về quy trình triển khai chương trình BRES tại Cát Bà, đồng thời gặp gỡ cán bộ quản lý và những đối tượng hưởng lợi của Khu dự trữ sinh quyển. Ngoài ra, họ cũng gặp gỡ các cán bộ của UNESCO Việt Nam, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và Chương trình Con người và Sinh quyển Việt Nam.



Điều 15: Nâng cao nhận thức ở các cấp về vai trò cơ bản của biển trong BĐKH và phát triển bền vững, nâng cao năng lực quốc gia trong khoa học biển, quan trắc và dịch vụ vì sự quản lý thiên nhiên và nguồn lợi biển và đới bờ tốt hơn; tăng cường vai trò điều phối ở cấp quốc gia của Ủy ban Liên chính phủ về Hải dương học của Việt Nam trong các chương trình quốc gia, khu vực và quốc tế về khoa học biển, quan trắc và dịch vụ cũng như xây dựng năng lực.

Ủy ban Liên Chính phủ về Hải dương học (IOC) thuộc UNESCO đã và đang hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam, đồng thời đảm bảo Việt Nam tham gia trong các chương trình toàn cầu và khu vực về khoa học biển, quan trắc và nâng cao năng lực để phòng chống và giảm nhẹ tác động của thảm họa thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu, và nâng cao tính bền vững của các nguồn tài nguyên biển và các vùng duyên hải.

Nhằm **tăng cường kết nối chính sách và khoa học biển cũng như thúc đẩy phối hợp đa ngành** giữa các quốc gia trong khu vực, Việt Nam, thông qua Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Viện Hải dương học đã phối hợp đăng cai **Hội nghị Khoa học Quốc tế IOC/WESTPAC lần thứ 9** tại Nha Trang, từ ngày 22-25 tháng 4 năm 2014 với sự hỗ trợ của UBND tỉnh Khánh Hòa. Hội nghị Khoa học Quốc tế IOC/WESTPAC kéo dài 4 ngày thu hút nhiều sự quan tâm từ khắp nơi trên toàn cầu, với sự tham dự của gần 600 nhà khoa học và các quan chức chính phủ của 21 quốc gia trong và ngoài khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Trong khuôn khổ hội nghị, tổ chức IOC/WESTPAC đã trao giải thưởng “Nhà khoa học xuất sắc của WESTPAC” cho TS. Nguyễn Tác An của Việt Nam vì có những thành tích nổi bật, đóng góp lớn và lâu dài cho sự phát triển và hợp tác khoa học biển của khu vực. Bà Nguyễn Ngọc Tuyền (Việt Nam) được trao giải thưởng “Nhà khoa học trẻ tuổi nhất”, một chương trình giải thưởng được thành lập nhằm khích lệ và tôn vinh những nhà khoa học biển trẻ tuổi có những đóng góp tâm huyết cho sự nghiệp khoa học biển, quan trắc và các dịch vụ bền vững.

Việt Nam, thông qua Viện Hải dương học, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, đã luôn có những đóng góp to lớn cho công cuộc bảo tồn đa dạng sinh học biển và an ninh thủy hải sản ở cấp độ khu vực thông qua việc chủ trì và tham dự nhiều hội thảo khoa học và sự kiện tập huấn trong khu vực của IOC/WESTPAC. **Các nhà khoa học của Việt Nam được cung cấp kiến thức về tình trạng đa dạng sinh học biển**, nâng cao năng lực của quốc gia và khu vực giải quyết những thách thức đối với sức khỏe đại dương, nhất là trong việc xác định sự nở hoa tảo độc, các sinh vật biển độc hại và những loài sinh vật xâm lấn có nguy cơ đe dọa đến an ninh kinh tế và môi trường. Viện Hải dương học đã chủ trì và đồng tổ chức Hội thảo WESTPAC lần thứ 2 về “Sinh vật biển độc hại và độc tố của chúng” từ 4-6 tháng 11 năm 2011 và Khóa Tập huấn WESTPAC về “Các sinh vật biển độc hại và nở hoa tảo độc” từ 19-22 tháng 3 năm 2012 tại Nha Trang, Việt Nam. Ngoài ra, các nhà khoa học Việt Nam cũng đã nâng cao năng lực về xác định sự phân bố của các loài tảo độc sống đáy đặc biệt gây ra độc tố ciguatera trong cá thông qua việc tham gia tích cực vào một dự án nghiên cứu khu vực do Chương trình nghiên cứu khoa học quốc tế của Ủy ban Khoa học Nghiên cứu hải dương của IOC (IOC-SCOR) về Sinh thái học và Hải dương học toàn cầu của Hiện tượng Tảo độc Nở hoa Gây hại (GEOHAB) bảo trợ.

Các nhà khoa học biển trẻ của Việt Nam đã nâng cao năng lực, thông qua Chương trình dự báo hải dương các cơ hội tập huấn liên quan của Phân ban Tây Thái Bình Dương của Ủy ban Liên Chính phủ về Hải dương học (IOC/WESTPAC), hướng tới phát triển một hệ thống dự báo hải dương. Hệ thống dự báo hải dương có thể cung cấp thông tin dự báo quan trọng, như dòng chảy đại dương, nhiệt độ bề mặt nước biển, độ cao sóng biển, phục vụ nhu cầu của một loạt các hoạt động của con người liên quan đến giảm thiểu các nguy hiểm từ đại dương, thăm dò dầu khí, thủy sản, hàng hải, quản lý các công viên đại dương và các hoạt động giải trí ven biển. Kể từ năm 2010, IOC/WESTPAC đã định kỳ tổ chức các khóa đào tạo cấp khu vực về các mô hình biển và động lực học đại dương tại Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Khu vực về Động lực học và Khí hậu Đại dương của Ủy ban Liên Chính phủ về Hải dương học (gọi tắt là Trung tâm ODC), được đặt tại Viện Hải dương học thứ nhất, thuộc Cục Hải dương Nhà nước Trung Quốc, đồng thời tạo điều kiện cho các nhà khoa học cấp cao tham gia xây dựng Hệ thống Quan trắc Đại dương Toàn cầu trong khu vực Đông Nam Châu Á của WESTPAC (SEAGOOS).

Các chuyên gia Việt Nam được nâng cao năng lực về Quản lý Thông tin và Dữ liệu Hải dương, thông qua Chương trình Trao đổi Dữ liệu Hải dương Quốc tế (IODE) của IOC. Cụ thể, Viện Hải dương học, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam được 2 chuyên gia IOC hỗ trợ đánh giá bộ sách hiếm của Viện, bao gồm tình trạng vật lý và cơ hội bảo tồn, bảo quản và số hóa bộ sách, có xem xét các điều kiện khu vực. Các chuyên gia đã khuyến nghị Viện nên thành lập



một Thư viện số Hải dương Việt Nam. Viện cũng đã nhận các loại vật liệu bảo tồn phù hợp. Cán bộ của viện đã nâng cao năng lực về bảo quản và số hóa, cũng như trong việc viết đề cương nghiên cứu, thông qua các khóa Giảng viên Hải dương chính thức. Trong giai đoạn từ 2010 đến 2015, Chương trình IODE đã tổ chức các khóa tập huấn về quản lý số liệu đại dương và quản lý thông tin biển cho 12 chuyên gia của Việt Nam thông qua Chương trình Đào tạo Giáo viên Đại dương của mình.

Việt Nam đã và đang tích cực hỗ trợ xây dựng Hệ thống Cảnh báo Sóng thần Sớm ở vùng Biển Đông và các quy trình thực hiện chuẩn, với sự tham gia của đại diện Trung tâm báo tin động đất và cảnh báo sóng thần, Viện Vật lý Địa cầu, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam vào Nhóm Công tác Khu vực về Hệ thống Cảnh báo và Giảm nhẹ Thiên tai Sóng thần Khu vực Biển Đông (SCS-WG), được thành lập thuộc Hệ thống Cảnh báo và Giảm nhẹ Thiên tai Sóng thần Khu vực Thái Bình Dương (PTWS) do IOC chủ trì.

TS. Võ Sĩ Tuấn, Phó Viện trưởng Viện Hải Dương Học Nha Trang được nhất trí bầu làm Phó chủ nhiệm Phân ban Tây Thái Bình Dương của Ủy ban Liên Chính phủ về Hải dương học (IOC/WESTPAC) vào tháng 5 năm 2012.



Điều 16: Phát triển các chương trình hỗ trợ cộng đồng tự chủ dựa trên sự hiểu biết, nhận thức, sẵn sàng ứng phó và giảm thiểu rủi ro, tổn thương do thiên tai và BĐKH gây ra.

Với sự hỗ trợ của Ban Thư ký Liên minh Toàn cầu về Nước của Việt Nam (VNWP), Văn phòng Khoa học Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của UNESCO ở Jakarta chủ trì xây dựng một đề xuất dự án tài nguyên nước xuyên biên giới. Dự thảo đề xuất với tiêu đề “Tăng cường khả năng của các cộng đồng dân cư dọc theo biên giới Việt Nam – Cam-pu-chia và biên giới Áp-ga-ni-xtan-Pa-kit-xtan trong việc thích nghi với tác động của BĐKH và lũ lụt xuyên biên giới” có trị giá 4,8 triệu USD đề xuất xây dựng các trạm cảnh báo sớm và hệ thống phân bổ lũ chung nhằm khắc phục và rủi ro lũ lụt nghiêm trọng theo mùa tại địa bàn tỉnh An Giang và tỉnh Kandal của Cam-pu-chia. Hiện văn bản này đang được chia sẻ với các nhà tài trợ tiềm năng, sau phần thảo luận sâu với các bên liên quan (xem thêm nội dung tại Điều 13).

29 cán bộ quản lý giáo dục trung ương thuộc Bộ GD&ĐT (18 nam, 11 nữ), 24 giảng viên đào tạo cán bộ quản lý giáo dục thuộc Học viện Quản lý Giáo dục (10 nam, 14 nữ), 31 cán bộ quản lý giáo dục địa phương của tỉnh Thừa Thiên – Huế (23 nam, 8 nữ), và 49 cán bộ nhà trường và thành viên cộng đồng địa phương (bao gồm hiệu trưởng, phụ huynh, đại diện các tổ chức cộng đồng, truyền thông và đại diện Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão địa phương (29 nam, 20 nữ) đã nâng cao nhận thức về cách sử dụng số liệu và hình ảnh vệ tinh phục vụ công tác lập kế hoạch dựa trên minh chứng về phòng ngừa thảm họa, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó BĐKH thông qua 4 khóa tập huấn được tổ chức tại Huế và Hà Nội. Hoạt động này được thực hiện trong khuôn khổ Chương trình Liên ngành về Giảm thiểu Rủi ro Thảm họa và Thích ứng BĐKH. Chuyên gia dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực viễn thám, TS. Mario Hernandez, trực tiếp làm việc với Trung tâm Viễn thám Quốc gia, Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Khoa học Huế để xây dựng nội dung và tiến hành tập huấn cho các nhóm đối tượng mục tiêu (xem thêm nội dung tại Điều 18).

2.075 người ở 105 TTHTCĐ tại 5 tỉnh đã được tập huấn về “Hiểu biết và ứng phó BĐKH”. Dựa trên thông tin phản hồi thu được trong các đợt tập huấn, một Bộ tài liệu mang tên “Hiểu biết và ứng phó với Biến đổi khí hậu: Cộng đồng chung tay” đã được xây dựng làm công cụ hỗ trợ xây dựng Kế hoạch hành động cộng đồng ở Cát Bà (xem thêm nội dung tại Điều 6). Bộ tài liệu này trang bị cho học viên một sự hiểu biết chung về những nguyên nhân, tác động và hậu quả của BĐKH đến Việt Nam, cũng như hướng dẫn cách lập Kế hoạch hành động cộng đồng để giảm nhẹ và thích ứng BĐKH ở cấp địa phương. Bộ tài liệu đã được công bố và sẽ được sử dụng làm cơ sở để xây dựng các sáng kiến tương tự tại các cộng đồng ở Huế và Khu dự trữ sinh quyển đồng bằng sông Hồng (xem thêm nội dung tại Điều 6 và Điều 17).

- 45 phụ huynh và thành viên cộng đồng của 5 TTHTCĐ đã nâng cao năng lực và có khả năng trong việc xúc tiến hành động để ứng phó những thách thức của biến đổi khí hậu và mất đa dạng sinh học sau khi được tập huấn về những lĩnh vực này. Phụ huynh và các thành viên cộng đồng được tập huấn bởi 10 hướng dẫn viên của 10 TTHTCĐ, bản thân họ là những người được MAB Việt Nam và UNESCO tập huấn bằng tài liệu được xây dựng riêng cho các buổi tập huấn và bộ tài liệu giáo dục có tựa đề “Hiểu biết và ứng phó với Biến đổi khí hậu – Cộng đồng chung tay hành động”. Cuốn sách hướng dẫn cho hướng dẫn viên được xây dựng và sử dụng nhằm tăng cường tập huấn cho thành viên cộng đồng về công tác ứng phó biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học/môi trường (xem thêm nội dung tại Điều 14).
- 50 phụ huynh và các thành viên cộng đồng địa phương, 15 giáo viên, 10 hiệu trưởng và phó hiệu trưởng, 25 cán bộ quản lý giáo dục địa phương, 25 cán bộ quản lý giáo dục trung ương và 20 cán bộ truyền thông trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên – Huế đã tăng cường kiến thức và hiểu biết về những khái niệm cơ bản liên quan đến giảm nhẹ và thích ứng BĐKH, giảm thiểu rủi ro thảm họa và bảo tồn đa dạng sinh học trong một số sự kiện nâng cao nhận thức trong từng lĩnh vực nêu trên. Các hội thảo nâng cao nhận thức đã giúp đại biểu tham gia có thể phối hợp tốt hơn với nhau về các hợp phần tương ứng của Sáng kiến (xem thêm nội dung tại Điều 6).



62 thành viên cộng đồng chịu trách nhiệm xây dựng Kế hoạch hành động cộng đồng đã nâng cao năng lực xây dựng các hoạt động theo phương pháp đồng tham gia nhằm ứng phó thảm họa thiên tai, BDKH và mất đa dạng sinh học sau khi tham gia tập huấn trong khuôn khổ Sáng kiến Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững tại Việt Nam của Bộ GD&ĐT, UNESCO và Samsung. Có 5 Kế hoạch hành động cộng đồng được 5 xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên – Huế xây dựng, với sự hỗ trợ của các chuyên gia địa phương trong các lĩnh vực tương ứng của Kế hoạch. Các cán bộ xây dựng Kế hoạch của xã Hương Vinh và xã Phú Mậu đã trình bày Kế hoạch của xã mình trước toàn thể cộng đồng trong các cuộc họp cấp xã được tổ chức tại 2 TTHTCĐ (xem thêm nội dung tại Điều 6).

Trong khuôn khổ Chương trình Thủy văn Quốc tế giai đoạn 7, và thực hiện Chương trình xuyên suốt của IHP mang tên Chế độ dòng chảy từ mạng lưới số liệu thực nghiệm quốc tế (APFRIEND), dự án mang tên “Đánh giá Hệ thống Dự báo và Cảnh báo Lũ lụt cho Vùng Nhiệt đới Ấm ướt” đã được triển khai nhằm đánh giá tính chính xác và độ tin cậy của các hệ thống dự báo và cảnh báo lũ lụt hiện đang được áp dụng ở 4 địa bàn tiêu biểu là In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin và Việt Nam, đồng thời đưa ra các khuyến nghị để cải thiện các hệ thống này. Nghiên cứu của Việt Nam tại Sông Thu Bồn chỉ ra rằng lũ lụt đã trở nên ngày càng nghiêm trọng hơn do vùng hạ lưu đang có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội nhanh chóng và đáng kể. Nghiên cứu cũng đưa ra các khuyến nghị, bao gồm duy trì công tác quy hoạch, lắp đặt và vận hành hệ thống cảnh báo tự động cho lưu vực sông Thu Bồn, nơi thường xuyên xảy ra lũ lụt, hiện đại hóa hệ thống đo lường mưa lũ và trang bị hệ thống thông báo tự động hóa phục vụ công tác dự báo vào cảnh báo lũ lụt (xem thêm nội dung tại Điều 13).

- Nhằm nâng cao hiệu quả công tác dự báo, cảnh báo và các biện pháp giảm thiểu rủi ro thảm họa cho công chúng, IHP đã hỗ trợ Chính phủ Việt Nam trong đánh giá hệ thống và cơ chế dự báo, cảnh báo lũ hiện có ở Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.



Điều 17. *Đẩy mạnh việc sử dụng giáo dục khoa học như nền tảng cơ bản cho phát triển bền vững và thu hút thanh niên, các cơ sở giáo dục và chính phủ vào việc phát triển và sử dụng khoa học như là một nền tảng cơ bản cho phát triển bền vững.*

Tháng 6 năm 2015, UNESCO Việt Nam tham gia 2 nghiên cứu khả thi để thành lập 2 Trung tâm Dạng II tại Việt Nam – về các lĩnh vực Vật lý và Toán học – dưới sự bảo trợ của UNESCO và được đặt tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổng Thư ký Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và UNESCO, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và các Viện Vật lý và Toán học của Việt Nam cùng đóng góp vào các nghiên cứu khả thi, sau đó được trình tại Kỳ họp thứ 197 Hội đồng Chấp hành UNESCO xin phê duyệt vào tháng 10 năm 2015. Ngoài chi phí hoạt động, Chính phủ Việt Nam cũng đã cam kết khoảng 500.000 USD mỗi năm cho mỗi Trung tâm Dạng II nhằm hỗ trợ cho các hoạt động và sáng kiến. Sau khi Hội đồng Chấp hành UNESCO phê chuẩn nghiên cứu khả thi, **tại kỳ họp Đại hội đồng UNESCO lần thứ 38 đã phê duyệt thành lập 2 Trung tâm Dạng II của Việt Nam** vào tháng 11 năm 2015.

Các Trung tâm này sẽ đóng vai trò là các diễn đàn trao đổi, nghiên cứu và đào tạo, bồi dưỡng về Toán học và Vật lý trong khu vực ASEAN, qua đó ghi nhận thể mạnh của Việt Nam về các lĩnh vực này. Các chương trình quảng bá và giáo dục cho các nhà khoa học trẻ sẽ bao gồm hội thảo nghiên cứu, hội trại và hội nghị phù hợp với các chương trình của UNESCO và mối quan tâm về Khoa học và Toán học trong khu vực. Cả hai Trung tâm này sẽ thúc đẩy phụ nữ tham gia khoa học cơ bản, đồng thời hỗ trợ các nhà nghiên cứu của Châu Phi thông qua các chương trình trao đổi ngắn hạn được thành lập cùng với Chương trình Khoa học Cơ bản Quốc tế của UNESCO. Các Trung tâm này sẽ nỗ lực tìm cách xây dựng và củng cố mối quan hệ hợp tác giữa các nhà nghiên cứu của Việt Nam với các cơ quan hợp tác khoa học Nam – Nam như Trung tâm Vật lý lý thuyết quốc tế Abdus Salam (ICTP) (ICTP là Trung tâm Dạng I của UNESCO), Viện Hàn lâm Khoa học các nước thế giới thứ ba (TWAS), cũng như Trung tâm Khoa học Cơ bản Quốc tế UNESCO (IBSP), các Chương trình UNESCO và Trung tâm Dạng II về Toán học, Vật lý và Khoa học cơ bản.

Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong công tác nghiên cứu khoa học thông qua sự hỗ trợ của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, đơn vị đã cấp học bổng để nghiên cứu khoa học cho 12 nhà khoa học nữ xuất sắc của Việt Nam thông qua Chương trình Học bổng của L'Oréal-UNESCO dành cho Phụ nữ trẻ trong Khoa học Đời sống. Giải thưởng L'Oréal-UNESCO, với những người được vinh danh đầu tiên vào năm 1998, là một cam kết dài hạn trong việc thúc đẩy phụ nữ trong khoa học, theo đó trao giải thưởng khoa học ở cấp độ địa phương, quốc gia và quốc tế, đồng thời hỗ trợ mạng lưới quốc tế gồm hơn 2.000 nhà khoa học nữ tại hơn 100 quốc gia. Chương trình này đã có mặt tại Việt Nam kể từ năm 2008, từ đó nhận được sự phản ứng tích cực và rộng khắp của các nhà khoa học nữ cũng như của người dân trên toàn quốc.

- Ngày 18/3/2015, trong buổi lễ được tổ chức tại Pa-ri, TS. Trần Hà Liên Phương đã trở thành người phụ nữ Việt Nam đầu tiên được nhận giải thưởng Vì sự phát triển của phụ nữ trong khoa học do Quỹ L'Oréal-UNESCO trao tặng. Cùng với 14 nhà khoa học nữ khác đến từ khắp nơi trên thế giới, TS. Phương được trao giải thưởng “Nhà khoa học trẻ tài năng của thế giới” trị giá 40.000 USD. TS. Phương được ghi nhận vì công trình Công trình “Nghiên cứu hệ mixen chứa chất Fucoidan ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị ung thư”. Là một nhà nghiên cứu và giảng viên của Bộ môn Kỹ thuật y sinh, Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, TS. Phương là một trong 236 nhà khoa học trong danh sách chính thức được xem xét cho vinh dự này.

Một nghiên cứu mới nhất tại Việt Nam đan xen nhiều lĩnh vực, tập trung giải quyết vấn đề nghiên cứu và phát triển của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam hướng tới kỷ niệm Năm Tinh thể học Quốc tế (IYCr2014) dưới sự bảo trợ của UNESCO và Liên đoàn Quốc tế về Tinh thể học (IUCr), đã được trình bày tại một hội nghị khoa học do Trường Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức vào 14-15 tháng 11 năm 2014. Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc tuyên bố 2014 là Năm Tinh thể học Quốc tế để đánh dấu lễ kỷ niệm 100 năm khám phá tinh thể học tia X, đồng thời nêu bật tầm quan trọng trên quy mô toàn cầu của tinh thể học trong đời sống con người, từ y tế công



cộng và miễn dịch học, đến công nghệ nano, công nghệ sinh học, bức xạ synchrotrons quy mô lớn, cũng như khoa học về tính bền vững và bảo tồn di sản. Tính đến 2014, đã có 23 giải thưởng Nobel trong lĩnh vực Hóa học, Y học và Vật lý đã được trao cho các lĩnh vực có liên quan thuộc tinh thể học.

112 chuyên gia thuộc 84 Viện nghiên cứu và các trường đại học, bao gồm 12 vị khách mời quốc tế đến từ Thái Lan, Ma-lai-xi-a và Canada, đã nâng cao năng lực nghiên cứu và giảng dạy về tinh thể học thông qua một hội thảo về Sáng kiến Phòng thí nghiệm mở (OpenLab) Việt Nam của Liên đoàn Quốc tế về Tinh thể học và UNESCO, do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm nghiên cứu vật liệu cấu trúc phân tử và Nano (MANAR) tổ chức vào từ ngày 8-12 tháng 12 năm 2014.

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và Trường Đại học Thủy lợi đã nâng cao năng lực tổ chức và quản lý về công tác đào tạo, nghiên cứu liên quan đến tài nguyên nước, và năng lực phát triển và chia sẻ kiến thức cũng như thực hiện các chương trình nghiên cứu liên ngành, nhạy cảm giới về quản lý nước, BDKH, phát triển nông thôn và đô thị ở Đồng bằng sông Cửu Long thông qua sự hỗ trợ của Viện Đào tạo Tài nguyên nước UNESCO-IHE (Delft, Hà Lan) kể từ năm 2012. Trong khuôn khổ Dự án này, Trung tâm Quản lý nước và BDKH trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng một cách tiếp cận liên ngành trong Quản lý Tổng hợp Tài nguyên Nước, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc tổ chức nghiên cứu và đào tạo về công tác quản lý, hoạch định chính sách và xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm tăng cường năng lực cho bộ máy hoạch định chính sách ở Đồng bằng sông Cửu Long.

542 học sinh thuộc 5 nhà trường đã nâng cao hiểu biết về BDKH, đa dạng sinh học và các vấn đề về môi trường, đôi khi đóng góp những ý tưởng cụ thể trong việc xây dựng và thực hiện các hoạt động cùng với cộng đồng sở tại, phụ huynh và các thầy cô giáo trong nhà trường trong khuôn khổ Chương trình BREEES, với sự hỗ trợ của MAB Việt Nam, UNESCO và các chuyên gia địa phương. Những em học sinh đã đề xuất 19 ý tưởng mới và sáng tạo, trong đó có 5 đề xuất dự án xuất sắc nhất được trao “Giải thưởng Sinh quyển 2013”, mỗi giải trị giá 500 USD nhằm hỗ trợ thực hiện dự án, trong khuôn khổ Giải thưởng Sinh quyển BREEES. Chuyên môn địa phương do các thành viên cộng đồng, phụ huynh, hợp tác xã nông nghiệp và Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp huyện đóng góp giúp đảm bảo cách tiếp cận khoa học trong quá trình triển khai dự án, trong khi sự hỗ trợ đầy đủ của cộng đồng giúp đảm bảo việc triển khai thành công (xem thêm nội dung tại Điều 14). Các dự án của nhà trường đã đáp ứng những vấn đề ưu tiên do cộng đồng địa phương đề đạt, đó là:

- I. Trường THCS Giao Lạc: Ủ phân compost thân thiện với môi trường từ rơm rạ và rác thải hữu cơ nhằm giải quyết các vấn đề môi trường do tình trạng đốt rác thải nông nghiệp tràn lan gây ra;
- II. Trường TH Giao An: Trồng và chăm sóc cây với sự hỗ trợ của gia đình và cộng đồng nhằm thay đổi thái độ của người dân địa phương đối với công tác bảo tồn và bảo vệ thiên nhiên;
- III. Trường TH Giao Thiện A: Trồng một vườn rau hữu cơ để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc sử dụng phân bón tự nhiên thay cho phân bón hóa học;
- IV. Trường THCS Giao Thiện: Tổ chức chiến dịch vận động nhằm giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế túi nhựa trong nhà trường và cộng đồng;
- V. Trường THPT Giao Thủy: Thúc đẩy việc sử dụng lớp thấm hút bằng mùn cưa trong các trại chăn nuôi gia súc hộ gia đình quy mô nhỏ để xử lý chất thải động vật và giảm lượng nước thải, theo đó giúp giảm nhẹ ô nhiễm nước trong khu vực.



Năm 2011, với sự hỗ trợ của Ủy ban Quốc gia Chương trình Con người và Sinh quyển thuộc Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và UNESCO, **150 học sinh thuộc Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà, có độ tuổi từ 12 đến 18, đã xây dựng và triển khai các dự án nhằm tạo nên sự khác biệt đáng kể, rõ ràng và tích cực hướng tới một môi trường lành mạnh hơn, một cuộc sống tốt đẹp hơn và một cộng đồng Khu dự trữ sinh quyển vững mạnh hơn.** Các sáng kiến do thanh niên khởi xướng đã được trao Giải thưởng thanh niên vì sự phát triển bền vững của BREES. 5 nhóm (tổng cộng có 18 nữ và 5 nam) được trao giải thưởng trị giá 1.000 USD mỗi nhóm để triển khai đề xuất của mình trong thời gian 4 tháng. Những sáng kiến này, do Quỹ Tín thác Nhật Bản (JFIT) tài trợ, bao gồm Bảo tồn loại Voọc Cát Bà đang bị nguy cấp; nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của rừng phòng hộ, trồng và chăm sóc 1.200 m² rừng ngập mặn ven biển; nuôi giữ ong để lấy mật; tái chế rác thải làm các đồ dùng hữu ích trong lớp học và đưa trường học trở thành nơi thân thiện hơn về môi trường bằng việc trồng cây trong sân trường (xem thêm nội dung tại Điều 14).



Điều 18: Tăng cường và củng cố các hoạt động giới thiệu khoa học hiện đại và các công nghệ mới cùng với tri thức, cách thực hành và các sản phẩm bản địa và truyền thống.

Công ty TNHH Mitsubishi Heavy Industries (MHI) và Trường Đại học Bách khoa Hà Nội đã phối hợp thực hiện các hoạt động thông qua Chương trình UNESCO Chair, trong đó các nhà nghiên cứu của Việt Nam, Nhật Bản và các quốc gia khác trong khu vực đã trao đổi kiến thức và thông tin khoa học về các công nghệ tiên tiến, bao gồm công nghệ than sạch, bảo vệ môi trường, giáo dục kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển.

- Từ 2003, Trường ĐH Bách khoa thực hiện, với sự hỗ trợ của MH, nâng cao nhận thức về việc sử dụng bền vững về môi trường đối với các nguồn năng lượng ở Việt Nam và phát triển nguồn nhân lực qua các bài giảng lý thuyết và trao đổi thông tin giữa các nhà nghiên cứu của MHI và các đối tác của Việt Nam. Ngoài ra, các nhà nghiên cứu của Việt Nam cũng nghiên cứu và chia sẻ kinh nghiệm phát triển năng lượng sạch của Việt Nam khi tham dự hội thảo thường niên được tổ chức trong khuôn khổ Chương trình UNESOC Chair. Chương trình này là một cú hích cho sự hợp tác giữa Trường ĐH Bách khoa Hà Nội với khu vực kinh tế tư nhân.
- Khóa học trực tuyến về năng lượng vì sự nghiệp phát triển bền vững đã được Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường ĐH Bách khoa Hà Nội phối hợp xây dựng, cùng với Trường Đại học Kyoto, Diễn đàn Năng lượng và Môi trường Bền vững (SEEFForum) và UNESCO. Khóa học này, đã được tổ chức tại Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, hiện đang được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh địa phương và sẽ được giới thiệu lần đầu tiên tại Việt Nam trong khuôn khổ chương trình COMPETENCE (Chương trình Toàn diện nhằm Tăng cường Giáo dục Công nghệ, Kỹ thuật, và Khoa học ở Châu Á). Công việc điều chỉnh bao gồm: xác định nguồn nhân lực địa phương, nâng cao năng lực của đội ngũ giảng viên địa phương, thẩm định nội dung của tài liệu giáo dục, phổ biến và quảng bá chương trình và tài liệu giáo dục, và đánh giá nhằm đảm bảo chất lượng của hệ thống tài liệu.
- 26 cán bộ quản lý giáo dục trung ương thuộc Bộ GD&ĐT, 23 giảng viên đào tạo cán bộ quản lý giáo dục thuộc Học viện Quản lý Giáo dục, 31 cán bộ quản lý giáo dục địa phương của tỉnh Thừa Thiên – Huế, và 49 cán bộ nhà trường và thành viên cộng đồng địa phương (bao gồm hiệu trưởng, phụ huynh, đại diện các tổ chức cộng đồng, truyền thông và đại diện Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão địa phương đã nâng cao nhận thức về cách sử dụng số liệu và hình ảnh vệ tinh phục vụ công tác lập kế hoạch dựa trên minh chứng về phòng ngừa thảm họa, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó BĐKH thông qua 4 khóa tập huấn được tổ chức tại Huế và Hà Nội. Hoạt động này được thực hiện trong khuôn khổ Chương trình Liên ngành về Giải thiểu Rủi ro Thảm họa và Thích ứng BĐKH. Một chuyên gia dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực viễn thám, TS. Mario Hernandez, trực tiếp làm việc với Trung tâm Viễn thám Quốc gia, Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Khoa học Huế để xây dựng nội dung và tiến hành tập huấn cho các nhóm đối tượng mục tiêu.

Các khóa tập huấn nêu bật tầm quan trọng của việc sử dụng thông tin khoa học do hệ thống hình ảnh vệ tinh cung cấp để:

- I. Giới thiệu cho các nhà quản lý giáo dục cách sử dụng công nghệ không gian để cải thiện công tác quản lý tổng thể của nhà trường tại Việt Nam;
- II. Làm phong phú cho chương trình giáo dục của Việt Nam bằng việc giới thiệu vào lớp học một tập hợp các hình ảnh minh họa vệ tinh thể hiện các vùng miền trên Trái đất, các hệ sinh thái, đại dương và các hệ mặt trời, cùng nhiều thông tin khoa học bổ ích khác; và
- III. Sử dụng của các hình ảnh minh họa khoa học và công nghệ không gian để giúp thế hệ trẻ của Việt Nam ý thức và thói quen luôn sử dụng các minh chứng khoa học chính xác.



- UNESCO phối hợp với Trường Đại học Ghent (Vương quốc Bỉ) xây dựng một công cụ đơn giản trên giao diện web để xây dựng bản đồ tất cả các trường học ở Việt Nam bằng cách nhập tọa độ địa lý và tên của từng trường . Công cụ này hỗ trợ các cơ quan quản lý giáo dục tăng cường công tác phòng ngừa thảm họa thiên tai và biến đổi khí hậu tại các cơ sở giáo dục. Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục (gồm Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT), giáo viên và cộng đồng địa phương đều đánh giá phương pháp này rất đặc trưng và có ích vì trong bản đồ trên đó thể hiện vị trí các nhà trường. Đã xây dựng đề xuất tài trợ kinh phí nhằm triển khai thiết kế bản đồ này.
- Từ năm 2015, Bộ Khoa học và Công nghệ với tư cách Trưởng tiểu ban Khoa học Tự nhiên, đã hỗ trợ nghiên cứu vấn đề phát triển bền vững cho các khu dự trữ sinh quyển. Đến nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đã phê duyệt 06 đề tài KHCN cấp quốc gia để nghiên cứu cho các khu DTSQ Đồng Nai, Cù lao Chàm Hội An, Kiên Giang, Tây Nghệ An, Cát Bà và Lang Biang với kinh phí trung bình mỗi đề tài là 200.000 USD.



Điều 19: Góp phần nâng cao nhận thức, năng lực và xúc tiến du lịch địa chất tới các Công viên địa chất (Geopark) ở Việt Nam; củng cố Mạng lưới Công viên Địa chất của quốc gia, và hỗ trợ với Hội nghị Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương năm 2011 về Công viên địa chất.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Công viên Địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn 2030 đã tổ chức Hội nghị tìm hiểu những chiến lược quản lý bền vững dài hạn tại Công viên địa chất Cao nguyên đá Đồng Văn. Năm 2010, Công viên địa chất Cao nguyên đá Đồng Văn trở thành thành viên thứ 77 của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu của UNESCO, là danh thắng thứ hai được vinh danh ở Đông Nam Á. Cao nguyên đá Đồng Văn có tới ít nhất 80% diện lộ đá vôi, với cảnh quan đặc sắc về thẩm mỹ gồm nhiều mẫu hóa thạch của các loài đã được tìm thấy có niên đại từ 400 đến 600 triệu năm. Theo thống kê của các nhà khoa học, có tới 45 di sản địa mạo và 33 di sản kiến tạo và rất nhiều hóa thạch trong các tầng đá trầm tích ở Công viên Địa chất Cao nguyên đá Đồng Văn, tọa lạc tại địa bàn Hà Giang, một tỉnh thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam. Hội nghị này có sự tham gia của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang, cùng với các vị lãnh đạo của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam. Một số chuyến thực địa tới khu danh thắng Đồng Văn được tổ chức vào tháng 8 năm 2014 thông qua Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu của UNESCO cho các đoàn đại biểu của Ma-lai-xi-a, Pháp và Bra-xin để tiến hành một cuộc khảo sát về sự phát triển của khu danh thắng này.

Tháng 7 năm 2011, Hội nghị quốc tế về công viên Địa chất khu vực châu Á-Thái Bình Dương đã ra Tuyên bố Hà Nội về Công viên địa chất nhằm mục đích hướng dẫn quy trình xây dựng và quản lý công viên địa chất bằng việc thúc đẩy du lịch địa chất và phát triển cộng đồng. Tại Hội nghị, với sự có mặt của hơn 150 đại biểu thuộc 16 quốc gia Châu Á – Thái Bình Dương và Châu Âu, các đại biểu tham dự đã nêu bật những tiềm năng hết sức to lớn của các công viên địa chất trong việc thúc đẩy nghiên cứu khoa học và cho phép các cộng đồng địa phương chia sẻ tri thức truyền thống của họ về di sản thiên nhiên với toàn thể công chúng. Hội nghị nhấn mạnh tầm quan trọng của việc trao quyền năng cho các cộng đồng địa phương để tham gia quản lý công viên địa chất và quyền của các cộng đồng địa phương trong việc thực hành di sản phi vật thể ở các công viên địa chất Châu Á. Đây là sự kiện được Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Hà Giang, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và UNESCO phối hợp tổ chức. Tại Hội nghị, các nhà quản lý khu Di sản đã mở rộng mạng lưới nhằm cải thiện sự phối hợp giữa các thành viên của Mạng lưới Công viên Địa chất Toàn cầu, cũng như Mạng lưới Công viên Địa chất Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và Châu Âu.

- Tính đa dạng của di sản địa chất và đời sống sinh hoạt, văn hóa và tinh thần của người dân địa phương đã được đề cao trong triển lãm ảnh với chủ đề “Đối thoại với di sản địa chất” tại Nhà Hát Lớn Hà Nội, và được tổng hợp trong một cuốn sách có cùng chủ đề nhằm quảng bá những giá trị đặc trưng của các Công viên địa chất. 37 bức ảnh đã được lựa chọn thông qua một cuộc thi ảnh và giải thưởng đã được Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trao tại Hội nghị.

Các cán bộ quản lý khu Di sản đã nâng cao nhận thức về những tác động kinh tế – xã hội của du lịch địa chất thông qua một khóa tập huấn về “Sự tham gia của cộng đồng trong việc quản lý các Khu dự trữ sinh quyển, khu Di sản và công viên địa chất của UNESCO” được tổ chức tại tỉnh Hà Giang.

Ban Quản lý Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn và các cơ quan hữu quan địa phương đã được tập huấn về Phương pháp lập kế hoạch sử dụng công (PUP) của UNESCO (xem thêm nội dung tại Điều 30) để chuẩn bị cho quy trình xây dựng một kế hoạch quản lý du khách tham quan khu Di sản toàn diện theo phương pháp đồng tham gia. Kế hoạch này sẽ bao gồm xác định một danh sách các điểm thu hút khách du lịch, kế hoạch xây dựng các trung tâm thông tin và sắp xếp thứ tự ưu tiên các sản phẩm và dịch vụ trên cơ sở giá trị nổi bật toàn cầu về tự nhiên và văn hóa của công viên địa chất, nhất là các giá trị của các cộng đồng dân tộc thiểu số ở tỉnh Hà Giang. Kế hoạch quản lý du khách cũng sẽ có thêm một kế hoạch hành động kèm theo, trong đó xác định một hệ thống các chỉ số giám sát, đồng thời cung cấp một danh mục các hoạt động quản lý bảo tồn chủ chốt cần được thực hiện. Sự hỗ trợ này được cung cấp dựa trên kinh nghiệm thành công của việc xây dựng 3 kế hoạch quản lý khu Di sản ở tỉnh Quảng Nam (xem thêm nội dung tại Điều 30) và theo đề nghị của Ban Quản lý Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn. UNESCO Việt Nam đã hỗ trợ kỹ thuật cho dự án này và chi trả kinh phí cho 2 chuyên



gia tập huấn. Tỉnh Hà Giang đóng góp kinh phí chi trả tất cả các khoản cho học viên, các chuyến công tác và chi phí liên quan đến việc triển khai dự án tại địa phương, như tổ chức các cuộc họp ở cộng đồng.





Điều 20: Nâng cao hiểu biết về mối liên hệ giữa đa dạng văn hóa và đa dạng sinh học thông qua nghiên cứu dựa trên minh chứng và trao đổi thông tin.

Ban quản lý và cán bộ của 2 Khu Di sản Thiên nhiên thế giới và 8 Khu dự trữ sinh quyển ở Việt Nam đã được tập huấn về quyền sử dụng theo tập quán (xem thêm nội dung tại Điều 33). Nhằm xác định những xung đột giữa các thực tiễn sinh kế địa phương và quản lý di sản, 9 khu Di sản đã tiến hành nghiên cứu thực nghiệm về các lĩnh vực sau:

- I. Các hoạt động nuôi trồng, khai thác thủy hải sản truyền thống ở Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ;
- II. Việc sử dụng các lâm sản phi gỗ phục vụ sinh kế địa phương ở Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà;
- III. Áp dụng kiến thức địa phương của người Chơ Ro ở xã Phú Lý để cải thiện các lâm sản phi gỗ ở Khu dự trữ sinh quyển Cát Tiên;
- IV. Những lợi ích của du lịch Đảo Cù Lao Chàm đối với cộng đồng địa phương;
- V. Khả năng áp dụng kiến thức địa phương trong việc khai thác bạch tuộc bền vững ở Phú Quốc, thuộc Khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang;
- VI. Thúc đẩy các thực tiễn thu hoạch mật ong truyền thống ở Rừng U Minh Hạ (Khu dự trữ sinh quyển Mũi Cà Mau);
- VII. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng trong việc quản lý tài nguyên biển ở các vùng trọng yếu thuộc Khu dự trữ sinh quyển đồng bằng sông Hồng;
- VIII. Tích hợp các thực tiễn văn hóa của người Thái vào du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng ở Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An;
- IX. Áp dụng kiến thức địa phương của người Rục trong việc sử dụng và quản lý động vật hoang dã ở Khu Di sản Thiên nhiên thế giới Phong Nha - Kẻ Bàng.

Trong số 9 nghiên cứu thực nghiệm đề cập trên đây, có 4 nghiên cứu được lựa chọn và góp phần thực hiện các can thiệp thí điểm, bao gồm:

- I. Xây dựng và triển khai các thực tiễn thu hoạch mật ong truyền thống ở Rừng U Minh Hạ, Khu dự trữ sinh quyển Mũi Cà Mau;
- II. Xây dựng một mô hình du lịch dựa vào cộng đồng cho Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An, tỉnh Nghệ An;
- III. Xây dựng một cơ chế chia sẻ lợi nhuận để sử dụng bền vững lâm sản phi gỗ ở vùng đệm thuộc Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà;
- IV. Thử nghiệm mô hình sản xuất lâm sản phi gỗ dựa trên tri thức bản địa để phát triển du lịch và bảo tồn các giá trị văn hóa của người Chơ Ro ở xã Phú Lý tại vùng đệm thuộc Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai.



Điều 21: Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho Cơ quan Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia (NASTI) - cơ quan chính thức được trao nhiệm vụ thu thập số liệu thống kê khoa học ở Việt Nam, nhận rõ tầm quan trọng đối với Việt Nam trong việc tăng cường năng lực quốc gia cho nghiên cứu và sáng tạo là những động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và sáng tạo tri thức mới.

Với sự hỗ trợ của Viện Thống kê UNESCO (UIS), Việt Nam hiện đang thu thập và có thể cung cấp các số liệu thống kê về lĩnh vực khoa học cho khung thống kê và giám sát quốc tế lần đầu tiên.

- Phòng Đánh giá, Hệ thống Thông tin, Giám sát và Số liệu Thống kê thuộc Viện Thống kê UNESCO (UIS-AIMS) và Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia đã ký kế Biên bản ghi nhớ để thiết kế và triển khai một hệ thống số liệu thống kê về lĩnh vực khoa học ở Việt Nam.
- 150 đại biểu được tập huấn nâng cao hiểu biết về 4 lĩnh vực: Điều tra Nghiên cứu & Phát triển cấp quốc gia; đo lường Nghiên cứu & Phát triển, định nghĩa và các hướng dẫn thực thành; Hướng dẫn cách điền phiếu điều tra Nghiên cứu & Phát triển; và Quy trình điều tra khảo sát thông qua 3 hội thảo do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia và UIS phối hợp tổ chức. 3 hội thảo tập huấn cấp vùng được tổ chức vào tháng 7 năm 2012 tại Hà Nội, Đà Lạt và TP. Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ các Sở Khoa học và Công nghệ, những người phụ trách thực hiện điều tra Nghiên cứu & Phát triển cấp quốc gia lần đầu tiên.
- Hơn 30 nhà nghiên cứu hoạt động trong lĩnh vực chính sách và thống kê khoa học và công nghệ, đến từ 11 quốc gia và vùng lãnh thổ Đông Nam Á đã chia sẻ và thảo luận nhiều chủ đề, bao gồm xu hướng hiện tại và định hướng tương lai cũng như kinh nghiệm của quốc gia sở tại trong việc đo lường, thu thập, phân tích và trình bày số liệu thống kê về lĩnh vực khoa học, công nghệ và sáng tạo. Hội thảo 4 ngày với chủ đề “Hội thảo Khu vực Đông Nam Á về Các chỉ số Khoa học, Công nghệ và Sáng tạo năm 2011” được tổ chức tại Hà Nội do Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Bộ KH&CN) chủ trì, phối hợp với Viện Thống kê UNESCO và UNESCO Việt Nam.



Khoa học Xã hội và Nhân văn

Điều 22: Ủng hộ việc thiết lập và nâng cao Chương trình Quản lý Biến đổi Xã hội (MOST) nhằm củng cố và tăng cường nghiên cứu khoa học xã hội và xây dựng chính sách dựa trên minh chứng cũng như tăng cường hỗ trợ các mạng lưới mới để xúc tiến giáo dục và các chương trình giáo dục trong lĩnh vực khoa học xã hội.

Nâng cao năng lực xây dựng chính sách khắc phục tác động của biến đổi môi trường tới hòa nhập xã hội của cộng đồng cho lãnh đạo các bộ, ngành liên quan của ASEAN bằng cách gắn kết những lĩnh vực của biến đổi khí hậu với các hình thái hòa nhập và loại trừ xã hội đang diễn ra ở nhiều quốc gia Đông Nam Á.

- ASEAN hướng tới một giải pháp toàn cầu đối với thách thức biến đổi khí hậu và xây dựng một cộng đồng ASEAN có khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thông qua các hoạt động cấp quốc gia và khu vực. Nguyên vọng này đã được nêu lên tại Diễn đàn cấp cao đầu tiên của Việt Nam về quản lý biến đổi xã hội ở các nước ASEAN có chủ đề “Tính dễ tổn thương xã hội: Thách thức hòa nhập xã hội trong bối cảnh biến đổi môi trường”. Tham dự Diễn đàn có lãnh đạo các Bộ, ngành liên quan của các nước ASEAN (Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, Mi-an-ma, Singapore, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Vương quốc Brunei, và Đông Ti-mo); Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam; Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam; 8 cán bộ của UNESCO tại Pa-ri, Jakarta, Băng Cốc và Hà Nội; Nhóm nghiên cứu Khía cạnh Xã hội của Biến đổi Khí hậu của Liên Hiệp Quốc và Ủy ban Kinh tế Xã hội châu Á-Thái Bình Dương Liên Hiệp Quốc (UNESCAP); 3 cán bộ nghiên cứu về hòa nhập xã hội và biến đổi môi trường toàn cầu cùng các đại biểu trong nước khác có liên quan.
- Đại hội đồng Liên minh Nghị viện Thế giới lần thứ 132 (IPU-132) đã ra Tuyên bố Hà Nội đưa ra các khuyến nghị về những phương án chính sách thiết thực nhằm củng cố khung pháp lý và thể chế về giảm nhẹ và thích ứng biến đổi khí hậu, trong đó đặc biệt chú trọng đến các chính sách hòa nhập xã hội. Đồng thời, các chính sách liên quan đến biến đổi khí hậu cũng như các khía cạnh khác của thách thức môi trường cũng đã được các nhà lãnh đạo ASEAN ban hành. Các khuyến nghị bao gồm những ưu tiên về chính sách và nghiên cứu sau đây:
 - I. Hỗ trợ nghiên cứu khoa học xã hội và huy động các cộng đồng khoa học xã hội;
 - II. Tăng cường năng lực thu thập và phân tích số liệu quốc gia, đồng thời thúc đẩy hợp tác giữa các đơn vị thống kê và các cơ quan chính phủ trong tiểu vùng để cùng nhau thu thập số liệu về những mối đe dọa xã hội do biến đổi môi trường gây ra, trong đó chú trọng đến giới và xây dựng các chỉ số cũng như số liệu cơ sở phục vụ công tác hoạch định chính sách dựa trên minh chứng;
 - III. Hình thành một môi trường thể chế trong đó cho phép cả nam và nữ thanh niên đều được tiếp cận những nguồn lực cần thiết để phục vụ sinh kế và mưu cầu hạnh phúc, bao gồm quyền con người, tính minh bạch, và tham gia chính trị; các chuẩn mực chính trị, xã hội và văn hóa giúp thúc đẩy khả năng tiếp cận và bình đẳng; bảo trợ xã hội và dịch vụ chăm sóc và điều trị y tế; các chính sách thương mại, nông nghiệp, an ninh lương thực và sở hữu đất đai; thị trường và các thiết chế tài chính và tổ chức tín dụng;
 - IV. Hỗ trợ và chỉ định đội ngũ các nhà khoa học xã hội thuộc tất cả các chuyên ngành vào các cơ quan cố vấn khoa học, các ủy ban chuyên gia và các nhóm công tác để tham mưu về các khía cạnh xã hội của biến đổi môi trường và chính sách tương ứng;
 - V. Thúc đẩy việc tích hợp các khía cạnh đạo đức và xã hội vào chính sách môi trường;
 - VI. Tăng cường các chính sách và xây dựng kế hoạch quốc gia về những mối đe dọa xã hội do biến đổi môi trường gây ra, củng cố cơ chế ứng phó giảm thiểu rủi ro, trong đó chú trọng đến sự tham gia mang tính hòa nhập và bảo vệ những đối tượng dễ tổn thương của xã hội;



- VII. Tăng cường cơ chế phối hợp giữa chính quyền trung ương và địa phương, ghi nhận tầm quan trọng của việc xem xét những khác biệt về tính dễ tổn thương trong bản thân lãnh thổ quốc gia;
- VIII. Góp phần xây dựng cơ chế phối hợp cấp tiểu vùng cho Diễn đàn, bao gồm chỉ định cán bộ đầu mối thuộc các Bộ, ngành phụ trách về vấn đề phát triển xã hội để liên hệ với UNESCO và chính phủ các quốc gia khác;
- IX. Khuyến khích chính phủ các quốc gia trong tiểu vùng áp dụng cơ chế hoạch định chính sách dựa trên minh chứng;
- X. Vận động thành lập các Ủy ban liên lạc quốc gia thuộc Chương trình Quản lý Biến đổi Xã hội (MOST) và kiện toàn những Ủy ban hiện có;
- XI. Thành lập một mạng lưới nghiên cứu ASEAN về tính dễ tổn thương xã hội.

Củng cố nghiên cứu khoa học xã hội gắn với hoạch định chính sách, nâng cao vai trò của khoa học xã hội là chất xúc tác để chuyển biến xã hội tại Việt Nam để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế và giáo dục quốc gia.

- Hội thảo với chủ đề “Khoa học xã hội và UNESCO với sự nghiệp phát triển bền vững” được tổ chức tại Hà Nội vào năm 2011 đã nêu bật những **nỗ lực của Việt Nam và những đóng góp của khoa học xã hội cho phát triển bền vững tại Việt Nam**. Hội thảo giới thiệu các đề tài nghiên cứu khoa học xã hội tiên tiến, đồng thời tìm hiểu cơ hội hợp tác trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.
- Theo khuyến nghị đưa ra trong Tuyên bố Hà Nội, với sự phối hợp giữa Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và UNESCO Việt Nam, **Tiểu ban MOST - Việt Nam đang trong giai đoạn cuối của quá trình thành lập** nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu xã hội trong nước cũng như thúc đẩy đối thoại giữa các nhà hoạch định chính sách, cộng đồng khoa học và xã hội dân sự để giải quyết các vấn đề xã hội bức thiết và nâng cao chất lượng của hệ thống văn bản chính sách.

Đại diện các cơ quan chính phủ, cán bộ của các cơ sở nghiên cứu và tổ chức quốc tế đã nâng cao hiểu biết về các vấn đề giới trong loại trừ xã hội thông qua việc thúc đẩy các dự án nghiên cứu và đối thoại định hướng chính sách trên cơ sở kiến thức khoa học xã hội.

- Diễn đàn quốc tế với chủ đề “Các khía cạnh về giới của loại trừ xã hội: Hướng tới các chính sách hòa nhập hơn cho phụ nữ” đã nâng cao **năng lực xây dựng các chính sách xã hội nhạy cảm giới cho các chuyên gia trong nước và quốc tế**. Tham dự diễn đàn có 130 chuyên gia trong nước và quốc tế. Các đại biểu trao đổi kinh nghiệm và những thực tiễn hay về các chính sách xã hội giúp cho phụ nữ và nam giới hòa nhập xã hội và tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn lực xã hội như giáo dục, y tế, tín dụng hay đất đai.
- **Cuốn Kỷ yếu được hoàn thiện sau Diễn đàn bao gồm các nghiên cứu về khía cạnh giới trong loại trừ xã hội cũng như các bài thuyết trình tại Diễn đàn xác định những tồn tại và cơ hội khắc phục những tồn tại đó thông qua các chính sách dựa trên minh chứng và các dự án thúc đẩy hòa nhập phụ nữ trong các chính sách xã hội.**



Điều 23: Xúc tiến các cách tiếp cận thích hợp về văn hóa để hỗ trợ cho việc bảo vệ những người di dân tự nguyện và không tự nguyện và giúp chính quyền địa phương soạn thảo tỉ mỉ các chính sách đô thị hòa nhập.

Đã có những nỗ lực nhằm thúc đẩy các phương pháp tiếp cận phù hợp về văn hóa vào xây chính sách, đồng thời các đề tài nghiên cứu đã được triển khai nhằm áp dụng những phương pháp này trong xây dựng chương trình, song đến nay vẫn chưa có tiến bộ trong việc áp dụng các phương pháp này vào việc bảo vệ các đối tượng di cư tự nguyện và bắt buộc.

Do thiếu kinh phí, Điều 23 chưa được thực hiện xong và do đó các mục tiêu đề ra trong điều khoản này chưa được hoàn thành.





Điều 24: Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc cân bằng bảo tồn và phát triển trong các trung tâm đô thị có giá trị lịch sử.

Chính quyền cấp trung ương và địa phương đã nâng cao hiểu biết về tầm quan trọng của việc tích hợp bảo tồn di sản vào quy hoạch phát triển.

- Hội nghị quốc tế “Sự bền vững xã hội của các khu vực lịch sử tại Hà Nội” thúc đẩy công tác bảo tồn và phát huy các khu di tích lịch sử phù hợp với nhu cầu của người dân, nhất là ở Khu phố cổ Hà Nội, đưa ra những biện pháp cân bằng giữa lịch sử và di sản của thành phố, sức ép đô thị hóa và nhu cầu mưu sinh của người dân sống tại. Hội nghị do Liên minh về sự bền vững xã hội của các khu vực lịch sử của UNESCO (UNESCO Chair) do Trường Đại học Yonsei của Cộng hòa Hàn Quốc đứng đầu, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và Trường Đại học Xây dựng phối hợp tổ chức.

Tăng cường công tác vận động chính sách và nâng cao nhận thức về phát triển bền vững gắn với bảo tồn di sản.

- Văn bản vận động chính sách có tựa đề “Phát triển bền vững Thủ đô Hà Nội văn hiến, anh hùng, vì hoà bình” đề cập tới các vấn đề phát triển bền vững tại Hà Nội như kiểm soát dân số, quản lý giao thông, ô nhiễm, quy hoạch đô thị, hiệu quả và năng lực cạnh tranh kinh tế đã được trình bày tại Hội nghị khoa học nhân dịp chào mừng Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long Hà Nội. Văn bản vận động chính sách này chỉ ra rằng công tác bảo tồn di sản văn hóa không đối kháng với phát triển kinh tế đô thị, mà thay vào đó phải là một phần không tách rời của công tác quy hoạch phát triển.
- Các đại biểu đã thảo luận các nội dung xoay quanh việc tìm ra điểm cân bằng giữa phát triển bền vững và bảo tồn di sản lịch sử tại Hà Nội, nhấn mạnh rằng Hà Nội cần phải đảm bảo để di sản văn hóa của thành phố phải là một phần không tách rời của chiến lược phát triển bền vững. Quá trình này đòi hỏi phải thực hiện đồng thời 4 hợp phần: (i) nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của công tác bảo tồn và phục hồi di sản; (ii) nâng cao ý thức của thành viên cộng đồng đối với việc tham gia vào nỗ lực bảo tồn; (iii) xúc tiến các biện pháp bảo vệ dựa vào chính sách; và (iv) sử dụng các khu di sản theo cách bền vững và hiệu quả về kinh tế.

Công tác bảo tồn di sản văn hóa và đô thị được tăng cường sau một hội nghị và một số sự kiện.

- Nhận thức về những thách thức đối với công tác bảo tồn di sản đô thị cũng như hiểu biết về những sáng kiến của UNESCO trong lĩnh vực này được nâng cao sau Hội nghị các thành phố lịch sử thế giới lần thứ 13. Tại Hội nghị, các đại biểu đã thảo luận giá trị của Tuyên bố Vienna năm 2011 của UNESCO và Sáng kiến “Cảnh quan của các đô thị lịch sử”, coi đó là công cụ để tích hợp các chính sách và thực tiễn bảo tồn vào các mô hình phát triển đô thị trong đó trân trọng các giá trị, truyền thống và môi trường của các bối cảnh khác nhau.
- Lễ kỷ niệm Ngày Kiến trúc Thế giới đã giúp nâng cao tầm quan trọng của công tác bảo tồn di sản văn hóa và khuyến khích lệ sự tham gia của các bên liên quan ở các khu di sản đô thị. Sự kiện này được Hội Kiến trúc sư Việt Nam tổ chức với chủ đề “Kiến trúc sư là những người biến đổi đô thị”. Sáng kiến “Cảnh quan của các đô thị lịch sử” được trình bày tại hội nghị. Đây là một quy trình nhằm thuyết minh các tài liệu hướng dẫn quốc tế về bảo tồn đô thị trong khuôn khổ các chiến lược phát triển đô thị, phù hợp với khung tổng hợp trong đó ghi nhận mối liên hệ giữa các yếu tố văn hóa và thiên nhiên. Các kiến trúc sư và ngành kiến trúc nói chung được xem là những nhân tố chính có thể đảm bảo chất lượng cuộc sống tốt đẹp cho người dân tại nơi cư trú; áp dụng công nghệ tôn trọng nhu cầu xã hội, văn hóa và thẩm mỹ của người dân; thúc đẩy phát triển hài hòa và bền vững; và tạo ra một môi trường được xem vừa là tài sản vừa là trách nhiệm của mọi người.



- Con đường gốm sứ Hà Nội ven sông Hồng chạy dọc Đường Yên Phụ giúp nâng cao nhận thức của người dân về 4 Di sản Văn hóa Phi Vật thể của Việt Nam. Con đường gốm sứ tái hiện các giá trị văn hóa phi vật thể của Việt Nam đã được công nhận, gồm: Nhã nhạc cung đình Huế, Ca trù, Quan họ Bắc Ninh, và Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây nguyên. Công trình này được ghi danh vào kỷ lục Guinness là "bức tranh ghép gốm lớn nhất thế giới" trong một buổi lễ trọng thể.

Văn hóa hòa bình được quảng bá thông qua “Ngày hội văn hóa hòa bình” nhân dịp kỷ niệm 60 năm Ngày Giải phóng Thủ đô và 15 năm Thủ đô Hà Nội được UNESCO vinh danh là “Thành phố vì hòa bình”.



Điều 25: Phát triển các chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực và tạo điều kiện thuận lợi cho thanh niên tham gia vào đời sống dân sự và chính trị.

Tăng cường năng lực cho thanh niên tham gia vào đời sống dân sự thông qua một số diễn đàn và sự kiện về các vấn đề ảnh hưởng đến thanh niên ở cấp địa phương và toàn cầu, qua đó thúc đẩy sự tham gia của giới trẻ.

- Diễn đàn Tuổi trẻ Việt Nam thường niên lần thứ 4 đã tạo cơ hội cho thanh niên trong độ tuổi từ 16 đến 20 gặp gỡ và tìm hiểu những vấn đề ưu tiên mà cộng đồng địa phương và toàn cầu đang gặp phải và đã ra các khuyến nghị thiết thực để cộng đồng hành động. Được tổ chức với chủ đề “Tuổi trẻ - tìm ra giá trị và tạo lập lối đi riêng cho bản thân” và với sự có mặt của hơn 30 đại biểu, các hoạt động của diễn đàn bao gồm các bài trình bày của diễn giả, chiếu phim, thảo luận và một hoạt động sắm vai liên quan đến các chủ đề văn hóa, giáo dục, môi trường và kinh tế. Vai trò của thanh niên là những đầu tàu của sự tiến bộ cũng như trách nhiệm của thanh niên trong việc tham gia đầy đủ vào đời sống xã hội và chính trị đã được nêu bật tại Hội thảo biến đổi khí hậu được tổ chức trong khuôn khổ “Ngày Môi trường” của Diễn đàn.
- Diễn đàn Tuổi trẻ Việt Nam lần thứ 5 do UNESCO, UNICEF và UNV phối hợp tổ chức đã đề cập tới những vấn đề liên quan đến văn hóa, hành vi đạo đức và những ưu tiên toàn cầu như lợi ích và rủi ro của năng lượng hạt nhân và tình hình nghèo đói trên thế giới. Tại các **phiên hội thảo, các đại biểu được trang bị những kỹ năng cần thiết để xây dựng ý tưởng và dự án nhằm làm giàu cho quê hương. Trang web của Diễn đàn Tuổi trẻ Việt Nam đã được thành lập làm giao diện trực tuyến để thanh niên trao đổi ý tưởng và thông tin, tạo điều kiện để những thanh niên chưa có cơ hội trực tiếp tham gia sự kiện kéo dài 1 tuần cũng như những sự kiện thanh niên khác có thể tham gia và đóng góp qua diễn đàn trực tuyến này.**
- Hội nghị quốc gia cấp cao do các cơ quan của LHQ ((UNFPA, ILO, IOM, UNICEF, WHO, UNV và UNESCO) và Bộ Nội vụ phối hợp tổ chức vào năm 2012 với sự có mặt tham gia của các quan chức và chuyên gia cao cấp đã tập trung vào việc thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 trên các lĩnh vực cũng như những vấn đề trong quá trình thực hiện và liên quan đến thanh niên. Đây chính là tâm điểm của các hoạt động và đối thoại vận động chính sách tại Hội nghị.
- Vai trò của thanh niên trong công cuộc xây dựng và gìn giữ hòa bình được đề cao tại sự kiện với chủ đề “Nào ta cùng hát”, diễn ra tại Hà Nội vào tháng 10 năm 2012 với sự tham gia của hơn 50.000 trẻ em và đại diện của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Hà Nội, cùng nhiều đối tượng quan tâm khác.
- Lễ kỷ niệm Ngày Phát thanh Thế giới, do Đài Tiếng nói Việt Nam tổ chức năm 2015, kêu gọi thanh niên tham gia vào xây dựng xã hội học tập cho mọi người tại Việt Nam Ngày phát thanh thế giới được tổ chức nhằm nhấn mạnh vai trò của phát thanh và truyền thông.

Thanh niên đã nâng cao hiểu biết về biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thảm họa và bảo tồn đa dạng sinh học cũng như mối liên hệ của chúng với phát triển sinh kế sau khi tham gia vào các hoạt động sau:

- Học và thanh niên đã nâng cao hiểu biết về thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học và giảm thiểu rủi ro thảm họa thông qua việc nâng cao năng lực cho giáo viên xây dựng kế hoạch bài học sáng tạo trong khuôn khổ Sáng kiến Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững (thông tin chi tiết được trình bày tại Điều 6). Mỗi khóa tập huấn trực tuyến do giáo viên thực hiện gồm các hoạt động giáo dục nhằm giúp học sinh áp dụng kiến thức mới học được một cách thiết thực, cả trong nhà trường và cộng đồng, theo cách tiếp cận chiến lược của Sáng kiến Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững.



- Trong quá trình tham gia 2 hội nghị khu vực do Ban Khoa học Xã hội và Nhân văn Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (RUSHSAP), đại diện Đoàn thanh niên đã xây dựng các Kế hoạch hành động và đề xuất dự án nhằm cải thiện sinh kế, giảm thiểu rủi ro thảm họa và ứng phó biến đổi khí hậu. Văn phòng UNESCO Giáo dục Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tại Băng Cốc đã hỗ trợ cho đại biểu tham dự Hội thảo tập huấn Đại sứ Hòa bình Thanh niên UNESCO và Diễn đàn Thanh niên UNESCO: Vượt qua thảm họa (Looking Beyond Disaster).



Điều 26: Nâng cao nhận thức và hiểu biết về đạo đức trong khoa học và công nghệ thông qua việc tham gia vào

Sau khi tham gia Chương trình đạo đức khoa học và công nghệ (EST) của UNESCO, một cán bộ của Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ giáo Dục tại Hà Nội đã được lựa chọn đồng chủ trì Nhóm công tác Giáo dục Đạo đức Môi trường thuộc Dự án Nguyên tắc Đạo đức trong Biến đổi Khí hậu ở Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương của UNESCO. Một số chuyên gia của Việt Nam trở thành thành viên của Bộ phận nguyên tắc đạo đức khu vực châu Á Thái Bình Dương của UNESCO (Asia-Pacific School of Ethics).

Do thiếu kinh phí, Điều 26 chưa được thực hiện xong và do đó các mục tiêu đề ra trong điều khoản này chưa được hoàn thành.

Văn hóa

Điều 27: Tăng cường chính sách và năng lực quốc gia nhằm bảo vệ và quản lý có hiệu quả di sản vật thể và phi vật thể trước những thách thức hiện nay, theo các Công ước liên quan đến văn hóa của UNESCO (1972, 2003 và 2005).

Tăng cường xây dựng chính sách và nâng cao năng lực cán bộ quản lý và quảng bá 8 Khu Di sản Thế giới tại Việt Nam được cộng nhận là di sản thế giới .

Ở cấp trung ương, Cục Di sản Văn hóa trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTTDL) có trách nhiệm theo dõi, giám sát các Khu Di sản Thế giới tại Việt Nam. Cục Di sản Văn hóa phải đảm bảo tuân thủ yêu cầu báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện Công ước Di sản Thế giới năm 1972 và cập nhật bản Tuyên bố về giá trị nổi bật toàn cầu. Trong 5 năm qua, đã đạt được tiến bộ trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị các Khu Di sản Thế giới tại Việt Nam như sau:

- **Bảy (7) khu di sản đang tiến hành quy trình báo cáo định kỳ về Khu Di sản Thế giới in Châu Á - Thái Bình Dương giai đoạn 2 từ 2010-2012. Kết quả là, Bản tuyên bố chính thức về giá trị nổi bật toàn cầu đã được Ủy ban Di sản Thế giới phê chuẩn.** Kết quả báo cáo được tổng hợp thành báo cáo khu vực về tình hình bảo tồn Di sản Thế giới khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và, trên cơ sở đó, đã xây dựng một Kế hoạch hành động nâng cao năng lực trong khu vực (còn gọi là Kế hoạch hành động Suwon) làm tài liệu hướng dẫn nâng cao năng lực trong khu vực.
- **Đã xây dựng Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cho Việt Nam trên tinh thần chung của Kế hoạch hành động Suwon, phù hợp với tình hình thực tế của đất nước. Đã đầu tư thực hiện các giải pháp thiết thực nhất trong Kế hoạch này, đặc biệt là những giải pháp về bảo tồn và phát huy các khu di sản.**
- **Tăng cường và đẩy mạnh trao đổi và hợp tác giữa các khu di sản ở Việt Nam thông qua việc thành lập Câu lạc bộ các khu di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam.** Các Khu di sản luân phiên giữ chức danh chủ tịch Câu lạc bộ nhằm đảm bảo tham gia và lãnh đạo bình đẳng. Liên lạc được tiến hành bằng thư điện tử) giữa các đầu mối của Khu Di sản Thế giới tạo diễn đàn định kỳ chia sẻ thông tin và trao đổi kinh nghiệm. Ngoài ra, các đầu mối liên hệ của Khu Di sản Thế giới cũng bố trí gặp mặt vào các thời điểm khác nhau trong năm tại các hội thảo do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UNESCO triệu tập để thảo luận những vấn đề cụ thể có liên quan.
- **Các Ban Quản lý Khu Di sản đang xây dựng và điều chỉnh Kế hoạch Quản lý Khu Di sản.** Trong 5 năm qua, Vịnh Hạ Long, Hoàng thành Thăng Long, Quần thể di tích Cố đô Huế và Quần thể danh thắng Tràng An đã xây dựng Kế hoạch Quản lý Khu Di sản theo tiêu chuẩn quốc tế. Các Khu Di sản Hội An và Mỹ Sơn hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện kế hoạch. Kế hoạch Quản lý Quần thể danh thắng Tràng An đã được hoàn thiện và trình lên Ủy ban Di sản Thế giới vào tháng 12 năm 2015. Ngoài ra, các kế hoạch khác cũng đã được xây dựng và thực hiện tại một số khu di sản, bao gồm Kế hoạch Quản lý Du lịch được xây dựng cho Khu Di sản Hội An, Mỹ Sơn và Phong Nha – Kẻ Bàng, và Kế hoạch Quản lý Rủi ro Thảm họa được xây dựng cho Khu Di sản Hội An, Huế và Hoàng thành Thăng Long. Tất cả các kế hoạch sau khi xây dựng đã được chính quyền địa phương thông qua và bắt đầu được thực hiện.
- **Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế và Ban Quản lý Vịnh Hạ Long tiếp nhận khoản kinh phí từ Quỹ Di sản Thế giới hỗ trợ xây dựng Kế hoạch Quản lý Khu Di sản.**
- **Các tình nguyện viên quốc tế và trong nước đã góp phần quản lý và phát huy di sản thông qua kinh doanh, truyền thông và phát triển dịch vụ bảo tàng.** Đội ngũ tình nguyện viên này được cử đến các Khu Di sản Thế giới theo các chương trình ngắn hạn (10 ngày đến 2 tháng) và dài hạn (trên 6 tháng),



thông qua một thỏa thuận chính thức với các tổ chức phi chính phủ Tổ chức Tình nguyện vì Hòa bình Việt Nam (VPV), Tổ chức Solidarité Jeunesse Việt Nam (SJVN) và Tổ chức Austraining (đơn vị quản lý tình nguyện viên đến từ Chính phủ Úc).



Các tài liệu mới nhất liên quan đến những vấn đề Di sản thế giới được dịch sang tiếng Việt và chia sẻ rộng rãi thông qua Mạng lưới Di sản Thế giới. Trong số đó có Tài liệu hướng dẫn thực hiện Công ước di sản thế giới 1972 và Tài liệu Hướng dẫn đánh giá tác động môi trường của Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN).

05 chuyên viên trẻ thuộc Trung tâm bảo tồn Di sản Thăng Long – Hà Nội và UBQG UNESCO Việt Nam đã tích cực tham dự Diễn đàn tuổi trẻ với di sản thế giới.

Đã tiến hành nghiên cứu và khai quật tại các Khu Di sản khảo cổ học (bao gồm Hoàng thành Thăng Long, Thành nhà Hồ, và Thánh địa Mỹ Sơn), để thu thập cứ liệu nhằm củng cố các giá trị của khu di sản, đồng thời giúp xác định các biện pháp bảo tồn phù hợp cho từng khu di sản.



Quần thể nhóm tháp G khu di tích Mỹ Sơn đã được tu bổ và mở cửa cho du khách sau 10 năm đóng cửa. Đây là kết quả của quá trình sáng tạo sử dụng gạch Chăm và *dầu rái*, một loại hợp chất trong gạch để xây dựng tháp, có thể kết dính các viên gạch với nhau mà không cần dùng đến xi-măng, sau khi được nghiên cứu và thực nghiệm trên quy mô lớn. Phương pháp này, cùng với kinh nghiệm sử dụng dịch vụ của các đơn vị cung ứng vật liệu và công nhân địa phương, được tài liệu hóa và đã được chia sẻ để hỗ trợ các hoạt động tu bổ khác ở Khu di tích Mỹ Sơn.

Các Khu Di sản Thế giới tại Việt Nam phối hợp thực hiện các chiến dịch quảng bá với triển lãm ảnh Di sản Thế giới tại Việt Nam lần lượt được tổ chức tại cả 8 Khu Di sản Thế giới trong vòng 1 năm và thu hút hàng ngàn khách tham quan. Câu lạc bộ Di sản Thế giới và Tạp chí Heritage của Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam (Vietnam Airlines) phối hợp tổ chức các chuyến đi chụp ảnh nhằm tạo ra những bức ảnh có giá trị phục vụ cho các hoạt động quảng bá về sau. **Tạp chí Heritage cũng giới thiệu về các Khu Di sản Thế giới trong các số phát hành phục vụ trên máy bay.** Ngoài ra, đã tổ chức một chuỗi các hoạt động nhằm **quảng bá các Di sản thế giới và thu hút sự quan tâm của công chúng về công tác bảo tồn, bao gồm một chiến dịch quảng bá trên trang web của Bộ Ngoại giao, các ấn phẩm chung cũng như các chương trình mùa hè dành cho học sinh.**



Đẩy mạnh quan hệ đối tác với khu vực kinh tế tư nhân vì lợi ích bảo tồn và phát huy các Khu Di sản Thế giới. Hãng hàng không Asiana Airlines đã hỗ trợ xây dựng các tài liệu quảng bá giàu thông tin và sáng tạo, một dành cho Khu Di sản Mỹ Sơn và một cho Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, Huế, Hội An và Mỹ Sơn. Tập đoàn Panasonic đã hỗ trợ tổ chức Triển lãm ảnh Di sản Thế giới tại Việt Nam và các hoạt động giáo dục cho học sinh về các Khu Di sản Thế giới tầm quan trọng của Di sản thế giới cũng như sự cần thiết phải bảo vệ các giá trị di sản. Tập đoàn Mitsubishi đã hỗ trợ xây dựng một bộ phim về Mỹ Sơn và tăng cường truyền thông ở Mỹ Sơn, góp phần cung cấp cho du khách những thông tin chất lượng về khu di sản trong một môi trường chuyên nghiệp.



Các khu di sản đã tổ chức hội nghị về chủ đề Di sản thế giới, vừa kết hợp giữa cả 8 Khu di sản vừa tổ chức đơn lẻ tại từng khu di sản. Hai hội nghị thường niên về quản lý các Khu Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới, do Bộ VHTTDL chủ trì, diễn ra tại Hà Nội đề cập tới những thành tựu và thách thức của Khu Di sản, và các giải pháp để tăng cường hệ thống quản lý. Tháng 1 năm 2015, trong khuôn khổ một hội thảo quốc tế về dự thảo chính sách của UNESCO đối với Di sản Thế giới và Phát triển Bền vững, các cán bộ quản lý các Khu di sản của Việt Nam đã nêu lên những vấn đề tồn tại trong công tác quản lý Khu Di sản Thế giới, đồng thời thảo luận các nguyên tắc và chính sách với các chuyên gia quốc tế.

Các cán bộ quản lý Khu Di sản Thế giới của Việt Nam đã trao đổi kinh nghiệm và chia sẻ thông tin với các cán bộ quản lý Khu di sản đến từ các quốc gia khác trong khu vực tại một số hội thảo khu vực được tổ chức tại Trung quốc, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Hàn Quốc.



Cán bộ làm công tác bảo tồn và bảo tàng thuộc tỉnh Quảng Nam và Thành phố Huế, các chuyên gia quốc tế và UNESCO Việt Nam đã nâng cao nhận thức về vai trò của di sản văn hóa dưới nước thông qua một khóa tập huấn do Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam phối hợp với Viện Khảo cổ học, Viện Nghiên



Cứu Đông Nam Á, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức. Hội thảo đã thảo luận các chiến lược nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò và giá trị của di sản khảo cổ học dưới nước, Công ước về bảo vệ và phát triển di sản khảo cổ học dưới nước năm 2001 và sự cần thiết phải nâng cao năng lực và tập huấn kỹ năng nghiên cứu, bảo tồn và bảo vệ di sản khảo cổ học dưới nước.

- Sau đợt tập huấn này, Phòng Nghiên cứu Khảo cổ học dưới nước trực thuộc Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam được thành lập tiếp tục phối hợp với các chuyên gia quốc tế tập huấn về khảo cổ học dưới nước trên phạm vi toàn quốc.
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố đã tiến hành kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn, đồng thời xây dựng hồ sơ khoa học đề nghị đưa vào Danh mục Di sản Văn hóa Phi vật thể Quốc gia, theo hướng dẫn của Thông tư 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/6/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể. Việc ban hành Thông tư này đã mở ra hành lang pháp lý cho công tác bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa.
- Đã huy động tài trợ từ Quỹ Hỗ trợ Quốc tế của Công ước 2003 để xây dựng và phổ biến Tài liệu hướng dẫn thiết kế, thực hiện và đánh giá các dự án Di sản Văn hóa Phi vật thể. Hai (2) sáng kiến bảo vệ Di sản Văn hóa Phi vật thể cũng đã được thực hiện với kinh phí hỗ trợ của Quỹ. Đó là sáng kiến bảo vệ các tập quán bảo vệ rừng của dân tộc Hà Nhì và sáng kiến bảo vệ ngôn ngữ truyền thống của dân tộc Dao. Cả hai sáng kiến này đều được thực hiện trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
- Đã có nhiều nỗ lực thúc đẩy giáo dục Di sản Văn hóa Phi vật. Thông tin chi tiết được trình bày tại Điều 34.



Điều 28: Đưa các nguyên tắc về đa dạng văn hóa và đối thoại liên văn hóa vào trong các chính sách và chương trình phát triển của quốc gia.

Đã có nhiều nỗ lực lồng ghép các nguyên tắc về đa dạng văn hóa vào 2 Chương trình mục tiêu Quốc gia chính, đó là: (i) Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, và (ii) Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo, trong đó đặc biệt chú trọng hợp phần tiếp cận đồng bào dân tộc thiểu số, do Ủy ban Dân tộc điều phối.

- Đã có những khuyến nghị về chính sách cho giai đoạn 2 của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (giai đoạn 2016-2020) nhằm đảm bảo truyền thông phù hợp về văn hóa và dựa vào cộng đồng, đặc biệt là cộng đồng dân tộc thiểu số. Những khuyến nghị này được đưa ra dựa trên kết quả nghiên cứu phục vụ xây dựng và thực hiện các chiến lược truyền thông cho các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo tại Việt Nam. Nghiên cứu này đã xác định được những điểm mạnh và tồn tại của các chiến lược truyền thông hiện nay, ghi nhận những thực tiễn hay và có hiệu quả trong công tác truyền thông về giảm nghèo và chính sách nông thôn mới tới đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng thời xác định những đặc trưng của đồng bào dân tộc thiểu số ảnh hưởng đến việc thiết kế và thực hiện các chiến lược truyền thông.
- Đã tiến hành một nghiên cứu về các thiết chế tại các địa phương ở Việt Nam, đồng thời đưa ra các khuyến nghị cụ thể hóa tài liệu hướng dẫn phát triển các thiết chế địa phương trong khuôn khổ Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Nghiên cứu tập trung vào cải tiến các thiết chế địa phương, đặc biệt là các nhà văn hóa, sao cho phù hợp hơn về văn hóa. Thông qua các nghiên cứu điển hình, đã tìm hiểu hiện trạng của các thiết chế địa phương (chẳng hạn như nhà văn hóa, bưu điện và thư viện) nhằm xác định khả năng tích hợp các thiết chế địa phương vào một hệ thống để điều phối ở cấp xã một cách hiệu quả hơn. Ngoài việc tìm hiểu các đơn vị sử dụng vốn Ngân sách, nghiên cứu còn xem xét vai trò của các thiết chế truyền thống chẳng hạn như Nhà Rông, và Đền chùa trong bối cảnh địa phương cũng như cách thức xây dựng mối liên kết giữa những thiết chế này với các thiết chế văn hóa chính thức khác. Dựa trên kết quả phân tích hiện trạng, đã đưa ra các khuyến nghị tăng cường hoạt động của các thiết chế văn hóa địa phương. Hiện đang xây dựng hệ thống tài liệu tập huấn về quản lý và hoạt động của các thiết chế địa phương năm 2016.
- Ủy ban Dân tộc và UNESCO đã hợp tác tăng cường các nguyên tắc về đa dạng văn hóa và phương pháp tiếp cận phù hợp về văn hóa đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Hoạt động hợp tác này bao gồm 2 hợp phần riêng biệt với mục tiêu chung là chứng minh sự đóng góp của văn hóa và đa dạng văn hóa vào phát triển bền vững. Hợp phần thứ nhất bao gồm việc thu thập những thực tiễn hay về cách tiếp cận phù hợp về văn hóa trong phát triển, qua đó tập hợp các thực tiễn và bài học giá trị tiếp thu một cách có chọn lọc từ việc thực hiện chương trình về giảm nghèo, bảo vệ môi trường và giáo dục do nhiều bên liên quan phụ trách, bao gồm các cơ quan thuộc Chính phủ, xã hội dân sự và các tổ chức của Liên hiệp quốc. Đây cũng là một bước hết sức quan trọng hướng tới việc cụ thể hóa phương pháp tiếp cận phù hợp về văn hóa trong phát triển được UNESCO vận động trong bối cảnh Việt Nam. Hợp phần thứ hai cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho một nhóm các giảng viên của Trường Cán bộ Dân tộc thuộc Ủy ban Dân tộc trong việc xây dựng bộ tài liệu tập huấn cho các nhà hoạch định chính sách dân tộc ở cấp trung ương, cấp tỉnh và huyện theo cách tiếp cận nhân chủng học/phù hợp về văn hóa.

Dưới sự giám sát và hỗ trợ của UNESCO và các chuyên gia trong nước, nhóm giảng viên đã xây dựng tài liệu thuộc 5 lĩnh vực môn học, bao gồm: sự tham gia của cộng đồng địa phương; tri thức bản địa; đa dạng văn hóa; sử dụng nguồn lực địa phương cho phát triển; và truyền thông cho dân tộc thiểu số. Những tài liệu này được thử nghiệm trong 2 khóa tập huấn ở Hòa Bình và Đắk Lắk. Tài liệu hiện đang chờ Ủy ban Dân tộc thẩm định và phê duyệt và sau đó được sử dụng trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong tương lai của nhà trường.



UNESCO tiếp tục hỗ trợ cho Trường Cán bộ Dân tộc, Ủy ban Dân tộc xây dựng các mô-đun đào tạo, bồi dưỡng theo cách tiếp cận nhân chủng học/phù hợp về văn hóa trong phát triển bao gồm một mô-đun về truyền thông cho dân tộc thiểu số. Khóa tập huấn nâng cao năng lực đầu tiên cho Nhóm công tác của nhà trường nhấn mạnh các nguyên tắc cơ bản của truyền thông thay đổi hành vi và những thực tiễn hay trong công tác truyền thông cho dân tộc thiểu số.

UNESCO phối hợp với Ủy ban Dân tộc tiến hành hoạt động phân tích hiện tượng hôn nhân trẻ em và công tác truyền thông do các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương thực hiện về tình trạng hôn nhân trẻ em ở các tỉnh Hà Giang, Sơn La và Kon Tum. UNESCO và Ủy ban Dân tộc phối hợp thực hiện nghiên cứu thực địa vào cuối tháng 6 - đầu tháng 7. Báo cáo phân tích phác họa những nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng hôn nhân trẻ em ở đồng bào dân tộc thiểu số cũng như những thông điệp chủ chốt và các kênh cần được sử dụng trong truyền thông. Những phát hiện trong nghiên cứu này giúp cho Nhóm công tác của UNESCO xây dựng bộ công cụ cho hoạt động truyền thông dựa vào cộng đồng, làm cơ sở cho những can thiệp của UNESCO trong khuôn khổ chương trình xây dựng nông thôn mới trong năm tới.

- UNESCO đã vận động thành công ý tưởng lồng ghép “xây dựng chương trình phù hợp về văn hóa” thành chủ đề xuyên suốt vào Kế hoạch Chung LHQ tại Việt Nam, áp dụng cho các dự án và chương trình đang được trình xin kinh phí từ Quỹ Kế hoạch Chung LHQ tại Việt Nam. Mục tiêu là nhằm đảm bảo rằng các hoạt động phát triển phải thực sự có hiệu quả, tính đến bối cảnh địa phương, truyền thống, tín ngưỡng, ngôn ngữ và các giá trị khác của người dân Việt Nam nhằm giúp giảm thiểu những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế - xã hội đến các nhóm đối tượng, đặc biệt là dân tộc thiểu số và các nhóm dễ tổn thương.
- Sau đợt tập huấn, cán bộ Việt Nam đã nâng cao năng lực áp dụng “lăng kính đa dạng văn hóa trong xây dựng chương trình” của UNESCO vào việc lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá chương trình. Trong đợt tập huấn, các đại biểu thuộc các bộ ngành, xã hội dân sự và LHQ đã phân tích các chương trình hiện đang được thực hiện, đồng thời xác định những lĩnh vực trong chương trình lẽ ra có thể đã đạt được hiệu quả cao hơn nếu áp dụng lăng kính nêu trên trong lập kế hoạch để đánh giá các yếu tố văn hóa có thể hỗ trợ hay cản trở việc thực hiện mục tiêu đã đề ra trong chương trình.

Với sự hỗ trợ của UNESCO, UNDP đã thực hiện đánh giá những sáng kiến giảm nghèo ở địa phương trong khuôn khổ Chính sách và Chương trình Giảm nghèo của UNDP-Irish Aid trên địa bàn 2 xã, Trà Sơn và Trà Thanh, tỉnh Quảng Ngãi, qua đó khuyến khích các cơ quan của LHQ áp dụng phương pháp này trong các hoạt động của mình. Mục tiêu của việc đánh giá là xác định những biện pháp khả thi nâng cao hiệu quả chương trình bằng việc áp dụng phương pháp tiếp cận phù hợp về văn hóa. Kết quả của đánh giá được thông tin cho nhân viên của LHQ và các đối tác phát triển, cũng như tại Diễn đàn Chính sách Giảm nghèo của UNDP-UNESCO vào tháng 5 năm.... Tại Diễn đàn chính sách này, bản tiếng Anh và tiếng Việt tài liệu “Lăng kính đa dạng văn hóa trong xây dựng chương trình” của UNESCO được giới thiệu tới các đại biểu gồm các đối tác phát triển trong nước và quốc tế và các nhà hoạch định chính sách trung ương và địa phương.



Điều 29: Củng cố các mạng lưới chuyên môn và các quan hệ đối tác, tăng cường các hoạt động nâng cao năng lực và nhận thức cho sự phát triển hơn nữa của các bảo tàng.

UNESCO và Hội Di sản Văn hóa Việt Nam phối hợp thành lập Mạng lưới Bảo tàng Việt Nam, một diễn đàn trực tuyến chia sẻ thông tin và trao đổi kinh nghiệm giữa các bảo tàng và những người làm công tác bảo tàng trên phạm vi toàn quốc. Hiện nay mạng lưới đã có gần 1.000 thành viên. Mạng lưới cũng tổ chức các cuộc đàm thoại với các chuyên gia bảo tàng trong nước và quốc tế, do các bảo tàng thuộc mạng lưới chủ trì. Mỗi cuộc đàm thoại thu hút từ vài chục đến hàng trăm cán bộ bảo tàng.

Các cán bộ của 4 bảo tàng khu di sản: Hoàng thành Thăng Long, Thành nhà Hồ, Di sản Thế giới Mỹ Sơn và Bảo tàng Điều khắc Chăm đã nâng cao kiến thức và nghiệp vụ quản lý, bảo quản và khảo cổ sau một quá trình bồi dưỡng nhiều năm. Các đại biểu được tiếp cận một số mô-đun chính như hiểu rõ những thách thức, tăng cường khả năng thuyết minh diễn giải khu di sản và các bộ sưu tập, kết nối các bảo tàng khu di sản với cộng đồng địa phương, các chương trình giáo dục bảo tàng và cập nhật kiến thức về quản lý bộ sưu tập. Quá trình bồi dưỡng này, kết hợp cả hình thức giảng bài lý thuyết trên lớp và các hoạt động thực địa tại khu di sản. Một trong các kết quả là một cuộc triển lãm có tựa đề “Di sản chung của chúng ta” được trưng bày tại 4 khu di sản/bảo tàng, cùng với 5 khu di sản khác ở Campuchia và Lào, đề cao sự kết nối đa dạng và phong phú giữa các Khu Di sản Thế giới được UNESCO công nhận và người dân, bên cạnh vai trò của di sản/bảo tàng trong lịch sử thế giới. Mặc dù mục tiêu chính của quá trình bồi dưỡng nghiệp vụ này là nâng cao năng lực của các cán bộ bảo tàng thuộc các khu di sản và bảo tàng tham gia, nhưng qua đó cũng góp phần nâng cao khả năng thuyết minh diễn giải ở các khu di sản và tuyên truyền những giá trị của khu di sản tới công chúng.

Các cán bộ bảo tàng, nhân viên các tổ chức phi chính phủ, các giảng viên đại học và sinh viên đã nâng cao trình độ tổ chức triển lãm bằng nhiều phương tiện truyền thông khác nhau. Trong khuôn khổ kế hoạch của Viện Thụy điển (Swedish Institute) nhân rộng dự án triển lãm “Unstraight Perspectives”, chị Đinh Thị Nhung, thành viên ban biên tập nội dung triển lãm, được mời tham dự và chia sẻ về kinh nghiệm của Việt Nam với những chuyên gia thiết kế triển lãm LGBT tại Xéc-bi-a vào tháng 7 năm 2015 và tại Campuchia vào tháng 10 năm 2015.

Địa chỉ web trên Facebook (<https://www.facebook.com/nhungngantu.thecabinet>) được các thành viên ban biên tập quản trị và cập nhật, tiếp tục đăng tin, bài về cộng đồng LGBT tại Việt Nam. Số lượng người theo dõi trang đã tăng lên hơn 900.

Các cán bộ bảo tàng đã nâng cao năng lực tổ chức bảo tàng dựa vào cộng đồng và kết nối cộng đồng địa phương với các cán bộ bảo tàng thông qua các khóa tập huấn cho các đối tượng khác nhau đến từ các Khu Di sản Thế giới Mỹ Sơn, Hoàng thành Thăng Long và Thành nhà Hồ; Bảo tàng Điều khắc Chăm, Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam và Bảo tàng Hồ Chí Minh; và các tổ chức phi chính phủ, bao gồm Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIHP), Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học về Giới - Gia đình - Phụ nữ và Vị thành niên (CSAGA) và Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (ISEE). Đại biểu tham dự các khóa tập huấn này có thể áp dụng nghiên cứu định tính và các phương pháp nghiên cứu mới khác như phương pháp PhotoVoice vào công việc của mình. Kết quả là nhiều cuộc triển lãm được tổ chức như triển lãm ảnh *Hà Nội như tôi thấy* tại Hoàng thành Thăng Long, triển lãm ảnh *Từ nguồn xuống biển - Vết tích Chăm xứ Quảng* tại Mỹ Sơn và Đă Nẳng, triển lãm ảnh *Sống trong lòng Thành Nhà Hồ* tại Thành nhà Hồ hay triển lãm *Những ngăn tủ* tại Hà Nội

Các hoạt động giáo dục được tổ chức tại nhiều bảo tàng và trở thành một phần của các hoạt động của những bảo tàng này, do đó đã thu hút khách tham quan, đặc biệt là các thanh thiếu niên độ tuổi đến trường, đến với các khu di sản. Những hoạt động giáo dục bao gồm một không gian sáng tạo cho trẻ em tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, *Em là nhà khảo cổ* tại Hoàng thành Thăng Long, *Hãy cùng nhau khám phá Thành nhà Hồ được xây dựng như thế nào*, *Khám phá đền tháp Mỹ Sơn*, hay *Linh vật của em là gì* tại Bảo tàng Điều khắc Chăm.



Điều 30: Tạo cơ hội để phát triển và thể hiện sự đóng góp của văn hóa đối với sự phát triển và tầm quan trọng của việc cân bằng giữa bảo tồn, du lịch và phát triển, phù hợp với các Công ước liên quan đến văn hóa của UNESCO (1972, 2003 và 2005).

Tuần lễ Văn hóa và Phát triển năm 2012 tại Hà Nội và năm 2013 tại Quảng Nam đã nêu bật những thức đóng góp của văn hóa cho sự nghiệp phát triển bền vững. Những sự kiện này là diễn đàn để thảo luận về những vấn đề văn hóa và mối liên hệ giữa văn hóa và phát triển tại Việt Nam. Tại cả hai sự kiện đều diễn ra nhiều cuộc đối thoại chính sách, hội thảo kỹ thuật, hội nghị bàn tròn truyền thông, giới thiệu sách mới, triển lãm và các đêm chiếu phim, qua đó củng cố mối liên hệ nhiều mặt giữa văn hóa và phát triển.

- Nhiều cơ quan, ban, ngành liên quan đã tham dự các sự kiện trong Tuần lễ Văn hóa và Phát triển năm 2012, bao gồm Bộ VHTTDL, Bộ GD&ĐT, Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, và Bộ Thông tin và Truyền thông. Các chủ đề được thảo luận trong Tuần lễ Văn hóa và Phát triển năm 2012 bao gồm làm thế nào để huy động khu vực kinh tế tư nhân tham gia vào sự nghiệp phát triển, làm thế nào để cân bằng giữa bảo tồn và phát triển, giáo dục di sản, các chiến lược du lịch – văn hóa tích hợp vì sự phát triển bền vững, làm thế nào để tích hợp các tập quán bản địa vào công tác bảo tồn, phát triển sinh kế địa phương và kế hoạch hành động để thực hiện Công ước Di sản Thế giới của UNESCO tại Việt Nam. Đây chính là một dấu mốc quan trọng để UNESCO tiếp tục duy trì hỗ trợ cho Chính phủ Việt Nam trong việc củng cố lý luận về văn hóa và phát triển cũng như xây dựng các chính sách và chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Tuần lễ Văn hóa và Phát triển được quảng bá rộng rãi trên đài phát thanh và truyền hình trung ương, cũng như trên báo chí, góp phần nâng cao hình ảnh của UNESCO đồng thời nâng cao nhận thức của người dân về các hoạt động của UNESCO tại Việt Nam.
- Tuần lễ Văn hóa và Phát triển năm 2013, được tổ chức tại Quảng Nam trong khuôn khổ Lễ hội Festival di sản Quảng Nam lần thứ V, điểm lại những thành tựu đạt được thông qua hợp tác giữa Quảng Nam và UNESCO trong thập kỷ qua, cung cấp bằng chứng về những đóng góp của du lịch di sản và các ngành công nghiệp sáng tạo cho phát triển. Các bên đã chia sẻ kinh nghiệm đảm bảo cộng đồng địa phương tham gia và hưởng lợi từ phát triển du lịch, đồng thời làm phong phú thêm cho những trải nghiệm của du khách và bảo tồn di sản cho các thế hệ mai sau. Tổng Giám đốc UNESCO đã tham dự các sự kiện chính trong chuyến thăm tại Việt Nam.

Đã tiến hành nghiên cứu về nguyên nhân của sự mất cân bằng giữa công tác bảo tồn và hiện đại hóa nhằm tìm hiểu và thẩm định những nguyên nhân sâu xa dẫn đến tình trạng mất cân bằng giữa bảo tồn di sản và hiện đại hóa, đồng thời đưa ra những khuyến nghị và hướng dẫn đối với các chính sách phù hợp và thiết thực về văn hóa. Nghiên cứu này ủng hộ Chính phủ Việt Nam và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2010-2020.

Tại Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm đã thành lập các nhóm cung ứng dịch vụ du lịch cộng đồng theo đặc thù ngành nghề, bao gồm 74 hộ gia đình. Đây là kết quả của các cuộc họp cộng đồng nhằm xác định những ưu tiên của các cộng đồng và sự cần thiết phải tập huấn kỹ năng, thúc đẩy du lịch bền vững dựa vào cộng đồng - một cách thức hữu hiệu hỗ trợ cho các tài nguyên văn hóa địa phương, cải thiện sinh kế và khích lệ đối thoại liên văn hóa. Các nhóm cung ứng dịch vụ du lịch cộng đồng đã được thành lập bao gồm nhóm vận chuyển (xuồng, thuyền, xe máy), nhóm hướng dẫn viên du lịch địa phương và nhóm dịch vụ lưu trú tại nhà dân.

- Các nhóm cung ứng dịch vụ du lịch cộng đồng đã nâng cao năng lực cung ứng trang thiết bị, xây dựng tài liệu hướng dẫn an toàn thông qua các khóa tập huấn được tổ chức cho đội ngũ hướng dẫn viên. Chính quyền cấp xã, huyện, tỉnh cấp phép các nhóm này hoạt động, thể hiện cam kết của chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ du lịch dựa vào cộng đồng. Tại Hội An, nhóm các chủ tàu thuyền địa phương (62 hộ gia đình) đã được thành lập,



nhằm tổ chức các chuyến tham quan công phu hơn và có người dân địa phương hướng dẫn, đồng thời tăng số lượng khách du lịch để nâng cao thu nhập của cộng đồng. Cuốn sách thông tin cơ bản trong đó giới thiệu các phương án du lịch bằng đường thủy và mức phí tương ứng được xây dựng và phổ biến. Chính quyền thị xã Hội An, bao gồm Phòng Thương mại và Du lịch Hội An, đã công nhận quy chế nội bộ của nhóm. Các sáng kiến tương tự đã được thực hiện tại Khu dự trữ sinh quyển Mũi Cà Mau hay Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An theo đó ban quản lý khu di sản và cộng đồng địa phương sinh sống ở khu vực vùng đệm của khu bảo tồn đã thống nhất xây dựng cơ chế chia sẻ lợi nhuận thu được.

Người dân địa phương đã nâng cao vị thế và năng lực cung cấp các sản phẩm chất lượng tới du khách, năng lực thương thảo với các công ty lữ hành để tránh bị gây sức ép và đảm bảo du khách có hành vi có trách nhiệm sau khi tiếp cận bộ tài liệu hoàn chỉnh giới thiệu về Du lịch cộng đồng Làng nghề Triêm Tây, Quảng Nam và làng quê Thanh Toàn thuộc tỉnh Thừa Thiên – Huế. Ở mỗi làng này, đã thành lập các Hợp tác xã (HTX) du lịch để cung cấp các loại hình dịch vụ khác nhau cho du khách, các điểm đến hấp dẫn được xác định, cùng với các thông tin thuyết minh điển giải tương ứng; đã xây dựng kế hoạch quản lý du khách và nội quy hoạt động, đồng thời các công ty lữ hành được kết nối với các làng này. Việc thành lập các HTX ở Thanh Toàn (tỉnh Thừa Thiên – Huế) và Triêm Tây (tỉnh Quảng Nam) đã khẳng định lợi thế của thiết chế này tại cộng đồng có khả năng thực hiện giao dịch chính thức với các công ty lữ hành cũng như có tư cách pháp nhân để làm việc với các cơ quan của nhà nước. Với tư cách là những hội viên gần gũi của HTX, người dân địa phương cũng có được vị thế cao hơn để gây sức ép đối với các công ty lữ hành trong việc đảm bảo du khách có hành vi có trách nhiệm..

- Ở Huế, những khuyến nghị của UNESCO và Tổ chức Lao động Thế giới (ILO) liên quan đến những ưu tiên cho cộng đồng địa phương trong việc đánh giá và quản lý các công trình công cộng đã được chính quyền địa phương áp dụng. UBND huyện và xã đã quyết định trao bảo tàng Thanh Toàn và các tòa nhà ở những vị trí thuận lợi cho HTX cộng đồng quản lý theo đề xuất được xây dựng với sự hỗ trợ của LHQ. Trong kế hoạch hành động cộng đồng đã đề xuất cơ chế chia sẻ lợi nhuận giữa các hội viên của HTX và giữa HTX với các thành viên cộng đồng địa phương, những người không trực tiếp tham gia làm du lịch,
- Ở cấp tỉnh, diễn đàn quảng bá các sản phẩm địa phương và kết nối nghề thủ công với thị trường du lịch đã được tổ chức vào tháng 10 năm 2015 tại thành phố Huế, giúp Sở Công thương theo dõi việc thực hiện Kế hoạch hành động của tỉnh.

Ở làng Triêm Tây, Mỹ Sơn; các làng nghề Bờ Hồồng và Đhrồồng tỉnh Quảng Nam và làng Thanh Toàn ở Thừa Thiên – Huế, đã có nhiều hoạt động quan trọng chú trọng đến phát triển du lịch cộng đồng.

- Một nhóm 15 thành viên được lựa chọn từ cộng đồng Thanh Toàn đã tích cực tham gia phân loại, kiểm kê, làm vệ sinh và sắp xếp lại tất cả các công cụ và thiết bị canh tác trong Triển lãm công nghệ nông nghiệp, biến toàn bộ khu nhà này thành một mô hình về bảo tàng cộng đồng. Hoạt động này được thực hiện với sự hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và hỗ trợ kỹ thuật của UNESCO và tư vấn trong nước. Cùng với việc nâng cấp bảo tàng cộng đồng này, người dân địa phương cũng được tập huấn về quản lý và lập kế hoạch kinh doanh. Một Nhóm công tác được thành lập để tiến hành nghiên cứu và đi tìm hiểu các mô hình khác nhau về thu phí vào cửa và tăng doanh thu cho HTX cộng đồng.
- Đã hỗ trợ chi phí đi lại, lưu trú cho những người dân làng Thanh Toàn tham gia các hội thảo cộng đồng tại các làng Bờ Hồồng và Trà Quế của tỉnh Quảng Nam. Tại các hội thảo cộng đồng này, các nhóm cung ứng dịch vụ du lịch cộng đồng đã thảo luận những sáng kiến về tổ chức và kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ du lịch. Nội dung thảo luận tập trung vào tiêu chuẩn lưu trú tại nhà dân, các chuyến tham quan nấu ăn, dịch vụ hướng dẫn viên địa phương, và các phương pháp chia sẻ công việc giữa các thành viên cộng đồng. Việc trao đổi kinh nghiệm giữa các nhóm cung ứng dịch vụ du lịch cộng đồng cũng đã khích lệ mỗi nhóm xác định được những lợi thế cạnh tranh và bản sắc của mình để tạo sự khác biệt so với các địa chỉ du



lich cộng đồng khác, đồng thời xây dựng thương hiệu cho nhóm mình. Qua đó, một nhóm thành viên cộng đồng ở làng Thanh Toàn đã tiến hành nâng cấp nhà cửa, vườn tược để cung ứng dịch vụ tham quan ban ngày, trong đó đặc biệt chú trọng đến dịch vụ nấu ăn và làm vườn.

Đã thực hiện các hoạt động nhằm hoàn thiện Bản đồ du lịch cộng đồng, bảng thông tin và tài liệu để giới thiệu những điểm hấp dẫn chính và gợi ý 2 lộ trình tới các điểm hấp dẫn cùng với các dịch vụ cộng đồng và các điểm nghỉ chân.

- Ngày 23 tháng 9 năm 2015, đề xuất chính thức về thu phí ở làng Thanh Toàn được trình bày tại hội thảo tham vấn rộng rãi, với sự tham gia của 14 công ty lữ hành tư nhân, 32 thành viên cộng đồng và đại diện các cơ quan nhà nước. Đầu tháng 11 năm 2015, UBND huyện Hương Thủy và xã Thanh Toàn đã quyết định trao các công trình công cộng ở Làng Thanh Toàn cho HTX cộng đồng quản lý. Ngày 14 tháng 11 năm 2015, bảo tàng cộng đồng Thanh Toàn chính thức được mở cửa sau một thời gian nâng cấp. Ngay lập tức khu du lịch này trở thành điểm thu hút lớn, đón tiếp hơn 300 du khách ngay trong tuần đầu hoạt động.
- Các hội viên của HTX dịch vụ du lịch cộng đồng Thanh Toàn đã tham dự một khóa tập huấn về cách rà soát kế hoạch hoạt động và xây dựng các chỉ số giám sát để duy trì tiến độ thực hiện. HTX cũng được hướng dẫn và hỗ trợ để triển khai một số sáng kiến trong đó tận dụng tối đa các khuôn mẫu văn hóa và các kiểu thiết kế mới đối với bảo tàng để tạo ra các sản phẩm du lịch tiện lợi. Việc bày bán những sản phẩm thí điểm này trong 2 tuần đầu kể từ ngày khai trương đã khích lệ các hội viên HTX tái sản xuất các sản phẩm và dịch vụ mới.

Các nhà quản lý khu di sản, chuyên viên của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cán bộ lãnh đạo khác ở địa phương thuộc một số tỉnh được chọn, tiêu biểu nhất là Quảng Nam, đã tăng cường năng lực quy hoạch du lịch, thực hiện khảo sát, phân tích số liệu khảo sát, và xây dựng tài liệu quảng bá du lịch.

Đã xây dựng chiến lược phát triển văn hóa – du lịch tích hợp cho tỉnh Quảng Nam trong đó xác định những hành động bền vững và cụ thể để tích hợp di sản văn hóa vào phát triển du lịch với mong muốn duy trì phát triển du lịch nhưng vẫn bảo vệ di sản địa phương. Chiến lược này được chính quyền tỉnh Quảng Nam soạn thảo sử dụng bộ công cụ và tài liệu hướng dẫn của UNESCO thông qua một quy trình dân chủ với sự tham gia của các bên liên quan và thành viên cộng đồng. Chiến lược cũng đã xác định những khả năng tất cả các cơ quan ban ngành có liên quan của tỉnh cùng phối hợp theo cơ chế điều phối cấp vùng giữa tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận. Dựa trên chiến lược này, chính quyền tỉnh cũng đã rà soát các chỉ tiêu du lịch hiện nay, chuyển từ các chỉ tiêu số lượng sang chỉ tiêu chất lượng nhằm cân bằng giữa công tác bảo tồn di sản và tăng trưởng du lịch. Chiến lược này gắn với từng Kế hoạch Quản lý Du lịch của 3 khu bảo tồn quan trọng trên địa bàn tỉnh.

- Các sản phẩm du lịch được xây dựng phản ánh nguyên tắc bảo tồn cảnh quan truyền thống, yên bình đặc sắc và tạo cơ hội tối đa cho người dân địa phương được tham gia và cải thiện thu nhập từ du lịch. Việc xác định những lợi thế so sánh lớn nhất và những sản phẩm du lịch đã giúp xây dựng bản thuyết minh diễn giải với 4 thông điệp du lịch chính và một danh sách các điểm du lịch hấp dẫn. Trong đó đề xuất các hoạt động như thuê xe đạp, đi bộ du lịch, làm đồ thủ công, dịch vụ chèo thuyền, múc nước giếng Ngọc, cùng nhiều hoạt động khác hy vọng sẽ cung cấp cho du khách những trải nghiệm độc đáo tại một làng truyền thống với sự hướng dẫn và tham gia của cư dân địa phương.
- Bên cạnh việc nâng cấp trung tâm cộng đồng làm nơi diễn ra các hoạt động của cả người dân sở tại lẫn du khách người đến và trải nghiệm dịch vụ du lịch cộng đồng tại các địa điểm này, người dân địa phương còn được tập huấn về kỹ năng lập kế hoạch và quản lý buôn bán, kinh doanh.
- Tháng 8 năm 2015, đã hỗ trợ chi phí đi lại, lưu trú cho dân làng Triêm Tây tham gia các hội thảo cộng đồng tại các làng Bờ Hồông và Cẩm Thanh của tỉnh Quảng Nam. Tại các hội thảo cộng đồng này, các nhóm cung ứng dịch vụ du lịch cộng đồng đã thảo luận những sáng kiến tổ chức và kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ du lịch. Nội dung thảo luận tập trung vào tiêu chuẩn lưu trú, các chuyến tham quan nấu ăn, dịch vụ hướng dẫn viên địa



phương, và các phương pháp chia sẻ công việc giữa các thành viên cộng đồng. Các cuộc trao đổi kinh nghiệm giữa các nhóm cung ứng dịch vụ du lịch cộng đồng đã khích lệ từng nhóm xác định được những lợi thế cạnh tranh và bản sắc của mình để tạo sự khác biệt so với các địa chỉ du lịch cộng đồng khác, đồng thời xây dựng thương hiệu cho nhóm mình.

- Sau khi tham gia hội thảo và trao đổi thông tin và kinh nghiệm, họ đã triển khai nhiều sáng kiến để tạo ra sản phẩm và dịch vụ du lịch cộng đồng cho riêng địa phương mình.
- Đã tiến hành các hoạt động nhằm hoàn thiện Bản đồ du lịch cộng đồng, bảng thông tin và tài liệu để giới thiệu những điểm hấp dẫn chính và gợi ý 2 lộ trình tới các điểm đến hấp dẫn cùng với các dịch vụ cộng đồng và các điểm nghỉ chân.
- Tháng 9 năm 2015, đã tổ chức lễ khai trương các sản phẩm và dịch vụ du lịch cộng đồng, với sự tham dự của hơn 100 đại biểu đại diện cho các cơ quan nhà nước, các công ty lữ hành ở miền Trung và truyền thông. Đến tháng 12 năm 2015, HTX cộng đồng đã thiết lập quan hệ đối tác với 2 công ty lữ hành lớn ở Đà Nẵng cam kết đưa du khách về làng trong dài hạn.

Ban quản lý 2 Khu Di sản Thế giới Hội An và Mỹ Sơn và Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm đã xây dựng Kế hoạch Quản lý Du lịch với sự tham gia của cộng đồng địa phương, khu vực kinh tế tư nhân và các cơ quan nhà nước thông qua việc áp dụng phương pháp lập kế hoạch sử dụng công (PUP), một phương pháp đồng tham gia trong lập kế hoạch do cộng đồng làm chủ. Ban quản lý các Khu di sản Hội An, Mỹ Sơn và Đảo Cù Lao Chàm và 5 cán bộ quản lý cấp tỉnh đã tăng cường năng lực áp dụng phương pháp PUP sau khi tham gia các lớp tập huấn định kỳ và trở thành điều phối viên về PUP tại khu di sản. Phương pháp PUP được áp dụng để xây dựng Kế hoạch Quản lý Du khách ở Công viên Địa chất Đồng Văn tỉnh Hà Giang.

Các huyện A Lưới (Thừa Thiên –Huế), Đông Giang, Nam Giang và Tây Giang (Quảng Nam) đã ký kết Bản ghi nhớ hợp tác nhằm xây dựng mối liên hệ giữa các tỉnh và cam kết hài hòa hóa các quy định điều kiện về an ninh, trật tự áp dụng tại các huyện giáp biên giới quốc tế giữa Việt Nam và Lào, đồng thời xây dựng một bản sắc thương hiệu và các sản phẩm du lịch cạnh tranh do các làng nghề du lịch cộng đồng trên địa bàn các huyện sản xuất. Các làng Bờ Hồ đồng và Đhrồ đồng thuộc tỉnh Quảng Nam đã nhận được sự hỗ trợ trong khuôn khổ bản ghi nhớ hợp tác này.

Hệ thống thuyết minh diễn giải tại Khu Di sản Mỹ Sơn và Hội An đã được cải tiến sau đợt tập huấn cho đội ngũ hướng dẫn viên di sản, nâng cấp các biển hiệu và bảng thông tin, tân trang các trung tâm thông tin và xây dựng các sản phẩm thủ công dấu ấn gắn với văn hóa và lịch sử địa phương. Ở Mỹ Sơn, một hệ thống mới các biển hiệu thông tin cơ bản thể hiện các giá trị và bản đồ của toàn bộ khu di sản và của từng nhóm tháp tại khu vực trung tâm đã được xây dựng và lắp đặt nhờ có sự hỗ trợ kỹ thuật của các chuyên gia hàng đầu về văn hóa Chăm. Các lộ trình du lịch cũng đã được sắp xếp lại và hình ảnh của khu di sản đã được nâng lên thông qua một logo chính thức được lựa chọn từ một cuộc thi trên phạm vi toàn quốc. Nhằm củng cố các thành tựu đạt được trong khuôn khổ hợp tác với UNESCO, chính quyền địa phương và các nhà quản lý khu di sản Mỹ Sơn đã sử dụng một phần kinh phí thu được từ việc bán vé để mua sắm và duy trì 5 xe điện thân thiện với môi trường sử dụng làm phương tiện chuyên chở khách từ bãi đỗ xe đến khu di sản. Ở Phố cổ Hội An, 18 điểm tham quan và 7 quầy bán vé được nâng cấp bằng một hệ thống biển hiệu trên đó mô tả những giá trị nổi bật của từng địa điểm tham quan. Các thông điệp du lịch di sản quan trọng được tạo nên theo phương pháp đồng tham gia trong khuôn khổ kế hoạch quản lý du khách, cùng với biểu tượng di sản thế giới và logo của Hội An, đã được thể hiện trên các biển hiệu nâng cấp. Dự kiến các quầy bán vé được nâng cấp và những điểm tham quan có biển hiệu rõ ràng và trang bị thông tin đầy đủ sẽ giúp tăng doanh thu bán vé, và một phần số tiền thu được sẽ được đầu tư để bảo tồn khu di sản.

Gần 200 hướng dẫn viên du lịch của Khu Di sản Thế giới Hội An, Khu Di sản Thế giới Mỹ Sơn và Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm được nâng cao năng lực và kiến thức về phương pháp nâng cao nhận thức của khách tham quan về các giá trị cốt lõi của khu di sản cũng như ý thức trách nhiệm và chuẩn mực đạo đức; phương pháp tăng cường bảo tồn các Khu Di sản Thế giới và, quan trọng hơn, là phương pháp kết nối khách tham quan với người dân địa phương. UNESCO



đã hỗ trợ 6 khóa tập huấn kéo dài 5 ngày mỗi khóa, dựa trên Chương trình “Hướng dẫn viên chuyên về Di sản văn hóa” của UNESCO, là khóa đào tạo cấp chứng chỉ của Học viện Quản lý di sản Châu Á thuộc Trung tâm Quốc tế Nghiên cứu Bảo tồn và Trùng tu các Di sản văn hóa của UNESCO (ICCROM). Ngoài ra, khóa tập huấn còn sử dụng chất liệu từ Sổ tay Hướng dẫn viên chuyên về Di sản Văn hóa của UNESCO và được các giảng viên có trình độ cao, tốt nghiệp từ Khóa Đào tạo Giảng viên Cốt cán năm 2007 của UNESCO trực tiếp giảng dạy. UNESCO và Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch thuộc Tổng cục Du lịch Việt Nam đã hoàn thiện sổ tay tập huấn chính cho chương trình này, trong đó phản ánh các bài học thu được trong quá trình thí điểm vì mục đích hiệu chỉnh cho phù hợp hơn với bối cảnh thực tế. Một nhóm các giảng viên cốt cán cũng đã được thành lập, bao gồm giảng viên các trường cao đẳng du lịch ở khu vực miền Trung. Những giảng viên cốt cán này có thể thực hiện các lớp bồi dưỡng trong tương lai cho đội ngũ các hướng dẫn viên đang công tác, đồng thời lồng ghép nội dung của Sổ tay này vào các khóa đào tạo của cơ sở mình.



Điều 31: Tăng cường hướng dẫn, quy định và chuẩn mực quốc gia để phát triển du lịch di sản, các ngành công nghiệp văn hóa và Cơ cấu Du lịch Làng nghề thủ công.

Khung Cơ cấu Du lịch Làng nghề thủ công được xây dựng cùng với Bộ Công Thương và các bên liên quan khác, bao gồm đội ngũ cán bộ của các khu di sản, dựa trên kết quả hồi cứu tư liệu, phân tích tình hình và hội thảo tham vấn các bên liên quan thuộc 4 tỉnh có Khu Di sản Thế giới. Khung cơ cấu này giải quyết một số vấn đề kìm hãm quá trình phát triển, đồng thời đưa ra những khuyến nghị liên quan cho Chính phủ, các cơ quan của LHQ, các nhà sản xuất mặt hàng thủ công và nhiều chủ thể liên quan khác ở cấp trung ương, cấp tỉnh và địa phương. Ngoài ra, Khung cơ cấu này còn cung cấp những nội dung hướng dẫn tổng thể để tích hợp hiệu quả các nghề thủ công truyền thống, các Khu Di sản Thế giới và kinh tế du lịch. Trong khuôn khổ của Khung cơ cấu này, một số vấn đề xuyên suốt được giải quyết, chẳng hạn như đánh giá tính bền vững môi trường do khai thác tài nguyên thiên nhiên, ưu tiên phụ nữ và người khuyết tật khi lựa chọn các nhóm nghề nhân để hỗ trợ và tôn trọng truyền thống của đồng bào thiểu số. Có 10 cơ chế trong Khung Cơ cấu, mỗi cơ chế giải quyết một tập hợp các vấn đề liên quan mà các lĩnh vực khác nhau của nghề thủ công đang phải đối mặt hay các giai đoạn trong chuỗi giá trị hàng thủ công. 10 cơ chế này gắn kết với nhau và có sự liên quan mật thiết đến nhau; đầu ra của cơ chế này chính là đầu vào của cơ chế kia và ngược lại. Những cơ chế này bao gồm: i) Triển khai dự án lấy người dùng làm trung tâm; ii) Hiệp hội thủ công mỹ nghệ làng nghề; iii) Sản phẩm và dịch vụ bằng tri thức nghề thủ công; iv) Kế hoạch đảm bảo an ninh nghề thủ công; v) Tiêu chuẩn nghề thủ công; vi) Phát triển sản phẩm và sở hữu trí tuệ; vii) Kỹ năng đặc thù và can thiệp kỹ thuật; viii) Tái đầu tư vào vốn văn hóa; ix) Thương hiệu và bản sắc; và x) Lập kế hoạch marketing, tiếp cận và kết nối.

- Những người sản xuất đồ thủ công đã nâng cao năng lực thiết kế, đóng gói và tiếp thị, đồng thời các kênh phân phối sản phẩm đã được thiết lập sau khi áp dụng Khung Cơ cấu Du lịch Làng nghề thủ công ở các làng nghề: Thanh Hà (gốm sứ), Kim Bồng (chạm khắc gỗ) và Hội An (đèn lồng). 30 mẫu sản phẩm mới với đầy đủ kỹ thuật đóng gói đã được thiết kế để sản xuất và bày bán trong tương lai, và với những kỹ năng thiết kế mới, các nhà sản xuất sẽ tiếp tục phát triển các dòng sản phẩm cho riêng mình.
- Thương hiệu chung “Sản xuất tại Quảng Nam” cùng cơ chế hoạt động đầy đủ đã được xây dựng và được chính quyền tỉnh thông qua để tăng cường quảng bá các sản phẩm thủ công được sản xuất tại các làng nghề của Quảng Nam. Hiệp hội các nhà sản xuất đồ thủ công đã được thành lập nhằm hỗ trợ cho quy trình cấp bằng chứng nhận, với sự hỗ trợ của Hội liên hợp HTX Quảng Nam, đơn vị đã dựng phòng trưng bày ở Phố cổ Hội An làm một trong các kênh phân phối sản phẩm thủ công của Quảng Nam.

Việt Nam đã và đang xây dựng Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đầu tiên, với tầm nhìn đưa Việt Nam trở thành trung tâm đầu não và là quốc gia dẫn dắt thị trường về các ngành công nghiệp văn hóa trong khu vực Đông Nam Á, đồng thời là nền kinh tế sáng tạo được công nhận trên phạm vi toàn cầu. Các mục tiêu cụ thể của Chiến lược bao gồm tăng tỷ trọng đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa đối với GDP, tạo việc làm, từng bước trở thành một trong những mũi nhọn tăng trưởng kinh tế; tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa và dịch vụ văn hóa đa dạng, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa của nhân dân và xuất khẩu, xây dựng thị trường văn hóa cạnh tranh lành mạnh, phát triển hiện đại.

Bộ tiêu chuẩn mới đã được thiết lập cho đội ngũ các Hướng dẫn viên di sản, theo đó những hướng dẫn viên đưa khách tới các Khu Di sản Thế giới được trang bị những thông tin chuyên sâu và cập nhật về giá trị của khu di sản, Công ước 1972 và các nguyên tắc du lịch có trách nhiệm và bền vững. Các hoạt động thí điểm đã được xúc tiến ở tỉnh Quảng Nam và Huế, đồng thời cuốn sổ tay tập huấn cho các hướng dẫn viên di sản cũng đã được ban hành cho các đợt tập huấn trong tương lai trên địa bàn 2 địa phương này cũng như những địa phương khác có Khu Di sản Thế giới.



Điều 32: Tăng cường thu thập, theo dõi và sử dụng số liệu thống kê về văn hóa và các dữ liệu phân tích để phục vụ cho việc xây dựng chính sách và thực hiện các chương trình phát triển.

Đã thực hiện phân tích hiện trạng hệ thống dữ liệu văn hóa. Kết quả phân tích, sản phẩm của một quá trình tham vấn, đã đặc biệt chú trọng đến việc thu thập dữ liệu phân tích để có thể sử dụng cơ sở dữ liệu vào việc chuẩn bị các nghiên cứu nhạy cảm giới và văn hóa. Những tồn tại đã được phân tích nhằm xây dựng nền tảng cho khung thống kê văn hóa của Việt Nam dựa trên Khung Thống kê Văn hóa UNESCO 2009. Khung Thống kê Văn hóa UNESCO 2009 cũng đã được dịch sang tiếng Việt và giới thiệu tới các đối tác của Việt Nam. Kết quả là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tái khởi động quy trình thu thập dữ liệu cho mục đích thống kê văn hóa.

Đại diện của Bộ VHTTDL và Tổng cục Thống kê i) được giới thiệu về Khung Thống kê Văn hóa UNESCO 2009 và phạm vi, đối tượng áp dụng; ii) nâng cao hiểu biết về một số chủ đề chọn lọc về thống kê văn hóa; iii) chia sẻ kinh nghiệm và những thực tiễn tốt nhất trong lĩnh vực thống kê văn hóa; và iv) phát triển mạng lưới chuyên môn về thống kê văn hóa bằng việc tham gia Hội thảo Thống kê Văn hóa Khu vực Đông Nam Á được tổ chức tại Băng Cốc, Thái Lan.

Bộ chỉ số Văn hóa cho Phát triển của UNESCO đã được thử nghiệm tại Việt Nam dưới sự chỉ đạo của Ban Biểu đạt Văn hóa và Công nghiệp Sáng tạo của UNESCO tại Pa-ri. Bộ chỉ số này nhằm mục đích đo lường mức độ hỗ trợ của văn hóa trong một số lĩnh vực, bao gồm kinh tế, giáo dục, giới và công tác quản lý. Các số liệu của Việt Nam cho bộ chỉ số này được Tổng cục Thống kê tổng hợp, góp phần cung cấp thông tin cho các nhà hoạch định chính sách ở tất cả các cấp về mức độ đóng góp của văn hóa đến việc giải quyết những thách thức phát triển hiện nay cũng như những cơ hội phát triển bền vững mà văn hóa có thể mang lại cho xã hội. Đồng thời, bằng việc xác định những tồn tại lớn liên quan đến văn hóa trong cơ sở dữ liệu thống kê hiện nay, Bộ chỉ số đã thông tin cho các nhà hoạch định chính sách về sự cần thiết phải lồng ghép các chỉ số văn hóa vào (các) hệ thống thống kê quốc gia.

Một cuộc điều tra về hiện trạng các làng nghề thủ công ở 3 huyện của tỉnh Quảng Nam đã được tiến hành thu thập số liệu về sản xuất, nhân công, nguyên liệu thô và thị trường làm số liệu cơ sở trước khi có những can thiệp tại đây. Bảng hỏi điều tra sau khi hoàn thiện đã được chia sẻ với Sở Công thương Quảng Nam để phục vụ các đợt điều tra làng nghề thủ công của tỉnh trong tương lai.



Điều 33: Quảng bá cho tầm quan trọng của văn hóa trong phát triển bền vững ở Việt Nam bằng cách phổ biến tri thức, tập quán và sản phẩm truyền thống và bản địa vì lợi ích của các cộng đồng dân tộc thiểu số.

Đại diện của 2 Khu Di sản Thế giới Hội An và Mỹ Sơn và 8 Khu Dự trữ Sinh quyển của Việt Nam đã nâng cao nhận thức và hiểu biết về tầm quan trọng của công tác bảo vệ và tích hợp các tập quán vào mục tiêu bảo tồn, đồng thời xác định được các biện pháp dựa trên minh chứng để thúc đẩy các tập quán bản địa để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên Đây là kết quả của hợp tác giữa Bộ VH-TT-DL, MAB Việt Nam và UNESCO.

Chín (9) nghiên cứu thực nghiệm đã được thực hiện để xác định những xung đột giữa các thực tiễn sinh kế địa phương và công tác quản lý khu di sản. Nghiên cứu chú trọng đến 3 lĩnh vực, đó là: i) chuyển giao sinh kế bền vững (Cù Lao Chàm, Cần Giờ, miền Tây Nghệ An), ii) tri thức địa phương về đa dạng sinh học và sử dụng tài nguyên thiên nhiên (Đồng Nai, Cát Bà, Phong Nha Kẻ Bàng, Kiên Giang, Cà Mau) và iii) sự tham gia của địa phương trong công tác quản lý khu bảo tồn (Đồng bằng Sông Hồng). Các nghiên cứu này cũng đã giúp khẳng định rằng các nhóm mục tiêu phụ thuộc nhiều vào tài nguyên thiên nhiên về dinh dưỡng, sức khỏe, thu nhập, thực hành tâm linh và sinh kế. Đồng thời các nghiên cứu cũng chỉ ra một số phương án cho chiến lược sinh kế thay thế.

Trong số 9 nghiên cứu thực nghiệm nêu trên, có 4 nghiên cứu được lựa chọn để triển khai các can thiệp thí điểm. Cụ thể là:

- I. Các thành viên cộng đồng địa phương đã tăng cường năng lực nắm bắt các cơ hội sinh kế mới và bảo tồn di sản văn hóa của họ bằng việc tham gia các chương trình can thiệp thí điểm và tập huấn nhằm trang bị những kỹ năng mới. 25 người dân tộc Thái và cán bộ quản lý được tập huấn sâu về hình thức du lịch cộng đồng, chẳng hạn như dịch vụ lưu trú tại nhà dân. Hai đợt tập huấn riêng biệt về kỹ thuật dệt may và thủ truyền thống được tổ chức cho 14 người dân tộc Thái với sự hỗ trợ của các nghệ nhân thủ công dày dặn kinh nghiệm về các lĩnh vực này. 22 hộ gia đình tham gia ở Cà Mau được tập huấn về những kỹ thuật mới để nâng cao năng suất lao động và cải thiện độ an toàn trong kỹ thuật thu hoạch mật ong truyền thống.
 - II. 10 người dân tộc Chơ Ro, và 15 đại biểu thuộc các cơ quan văn hóa, bảo tàng tỉnh Đồng Nai, Khu bảo tồn thiên nhiên và văn hóa Đồng Nai đã nâng cao năng lực về công tác kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể dựa vào cộng đồng của đồng bào dân tộc Chơ Ro ở Khu bảo tồn thiên nhiên và văn hóa Đồng Nai sau khi tham dự hội thảo tập huấn 5 ngày do UNESCO Việt Nam phối hợp với Cục Di sản Văn hóa/Bộ VH-TT-DL tổ chức. Các đại biểu đã thu được kiến thức về khái niệm và kỹ thuật phỏng vấn và sắp xếp các phát hiện nghiên cứu. Nhờ đó, họ có khả năng xác định được một số di sản văn hóa phi vật thể, giải quyết được những thách thức liên quan đến sự tồn vong của di sản, đồng thời đề xuất các giải pháp bảo vệ. Các đối tượng tham gia tập huấn thuộc cộng đồng người Chơ Ro sau đó trở thành đầu mối liên lạc trong công tác kiểm kê.
 - III. Ban Quản lý Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An đã tiến hành kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể của đồng bào dân tộc Thái, đồng thời tiến hành các biện pháp để bảo vệ di sản này cũng như quảng bá di sản vì mục đích phát triển du lịch trong nỗ lực sử dụng di sản và tri thức văn hóa để phát triển kinh tế địa phương.
 - IV. Kết quả của những dự án trên đây được phổ biến rộng rãi thông qua các hội thảo và truyền thông tăng cường hiểu biết và sử dụng tri thức bản địa để cải thiện sinh kế cũng như thúc đẩy cơ chế chia sẻ lợi ích cho cộng đồng địa phương sinh sống ở các khu di sản. Ban Quản lý Khu dự trữ sinh quyển Mũi Cà Mau đã nhân rộng sáng kiến nuôi ong mật sang các địa phương khác trên địa bàn tỉnh.
- Trên cơ sở đó, một văn bản với những khuyến nghị cụ thể đã được trình lên Cục Bảo tồn đa dạng sinh học, Bộ Tài nguyên và Môi trường nhằm vận động xây dựng một cơ chế chia sẻ lợi ích tại các khu bảo tồn cũng như tích hợp kiến thức bản địa vào công tác quản lý các khu bảo tồn này.



Kiến thức bản địa trong công tác bảo vệ rừng của dân tộc Hà Nhì và ngôn ngữ truyền thống của dân tộc Dao trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã được bảo tồn bằng nguồn hỗ trợ tài chính của Quỹ Hỗ trợ Quốc tế.

Việt Nam tài trợ 60.000 USD để tổ chức về hội thảo quốc tế về văn hóa và phát triển bền vững tại Ninh Bình.





Điều 34: Hỗ trợ các sáng kiến lồng ghép di sản văn hóa và đa dạng văn hóa vào các hoạt động của trường học.

Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ra thông cáo chung nhằm vận động tích hợp di sản vào chương trình giáo dục nhà trường. Thông cáo chung đưa ra một cơ chế để các cán bộ thuộc ngành giáo dục và ngành văn hóa, đặc biệt là ở cấp tỉnh và cấp huyện phối hợp thúc đẩy giáo dục di sản. Theo thông cáo này, học sinh các trường có thể vào thăm các khu di sản và các thiết chế văn hóa mà không phải trả phí.

Đã biên soạn hai cuốn sổ tay hướng dẫn tích hợp di sản vào chương trình giáo dục nhà trường.

- I. **Sổ tay về cách sử dụng bảo tàng và các khu di sản trong giáo dục tiểu học và trung học được xây dựng phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu và Phát huy giá trị Di sản văn hóa (CCH), một tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực văn hóa ở Việt Nam, và được thẩm định tại một hội thảo quốc gia.** Sổ tay cho giáo viên, trong đó có các mẫu bảng hỏi, được xây dựng dựa trên kết quả của các chuyến thực địa thí điểm giáo dục di sản ở Chùa Láng và Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam. Đây là một kết quả quan trọng vì quy trình thí điểm này đã tăng cường năng lực cho đội ngũ giáo viên thuộc một số nhà trường chọn lọc và những cán bộ bảo tàng nhằm xây dựng các phương pháp tiếp cận thiết thực trong giáo dục di sản, đồng thời kết nối các hoạt động chính khóa và ngoại khóa với giáo dục bảo tàng, tạo tiền lệ cho kết hợp giáo dục giữa nhà trường, bảo tàng và các thiết chế văn hóa. Học sinh cũng được mở rộng kiến thức về văn hóa thông qua các hoạt động được tổ chức tại bảo tàng, chẳng hạn như thu thập số liệu, ghi chép, khám phá, thảo luận, trưng bày và trình bày những phát hiện trước, trong và sau mỗi chuyến tham quan học tập tới những cơ sở này.
- II. **Phối hợp với Bảo tàng dân tộc học Việt Nam xây dựng tài liệu hướng dẫn tích hợp di sản văn hóa phi vật thể vào chương trình giáo dục nhà trường sau khi thử nghiệm tại 2 nhà trường ở Hòa Bình và một trường ở Hà Nội.** Tài liệu hướng dẫn này đề ra những bước cụ thể về các sử dụng di sản văn hóa phi vật thể để giảng dạy các môn như vật lý, hóa học hay sinh học. Tài liệu cũng đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chính thức thông qua và được ban hành trên trang web của Bộ, cùng với tất cả các bài học thí điểm và tài liệu bổ trợ.

Tài liệu hướng dẫn này được xây dựng trong khuôn khổ dự án khu vực bao gồm Việt Nam, Pakistan, Uzbekistan và Quốc đảo Palau. Kể từ năm 2013-2014, các đối tác thực hiện dự án tại 4 quốc gia đã tìm hiểu cách thức tích hợp di sản văn hóa phi vật thể và phát triển bền vững vào chương trình giáo dục hiện có. Kết quả của dự án là việc xây dựng các bộ tài liệu hướng dẫn cấp quốc gia cũng như hơn 100 mẫu kế hoạch bài giảng.

Mặc dù từng quốc gia tự khởi xướng quy trình của riêng mình, nhưng bộ tài liệu hướng dẫn này tổng hợp các phương pháp và cách tiếp cận chung do các đối tượng tham gia thiết kế trong việc xây dựng các bài học lõi cuốn, lồng ghép các di sản địa phương vào chương trình giáo dục hiện có, đồng thời nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của phát triển bền vững.

Bộ tài liệu giáo dục dành cho giáo viên nhan đề “Di sản thế giới trong tay thế hệ trẻ” đã được thử nghiệm tại một số nhà trường gần Hoàng thành Thăng Long và Thành nhà Hồ trước khi hoàn thiện và ban hành. Bộ tài liệu bao gồm những nghiên cứu điển hình gắn với các Khu Di sản Thế giới của Việt Nam cũng như gợi ý một số hoạt động nên thực hiện tại các khu di sản này. Do số lượng bản in khá ít, tài liệu đã được phổ biến rộng rãi thông qua ứng dụng Listserv và trang web của các bên liên quan.

Các hoạt động giáo dục đã được tiến hành cho các Khu Di sản Thế giới Hoàng thành Thăng Long, Thành nhà Hồ, Thánh địa Mỹ Sơn và Phố cổ Hội An. Ở Hoàng thành Thăng Long, chương trình “*Em là nhà khảo cổ*” được thiết kế cho phép các em học sinh tiểu học đăng ký vào các buổi học thực hành và tìm hiểu về nghề khảo cổ học tại chỗ cũng như thông qua các trò chơi tương tác. Tại Thành nhà Hồ, chương trình giáo dục với chủ đề “*Hãy cùng nhau khám phá Thành nhà Hồ được xây dựng như thế nào*” được thiết kế trong một phòng giáo dục được chỉ định sẵn trong đó học sinh tìm hiểu về các kỹ thuật xây dựng Thành nhà Hồ và những giá trị của khu di sản thông qua các trò chơi “*bàn tay nặn bột*”. Ở Mỹ Sơn và Hội An, nhiều hoạt động được thiết kế và thực hiện định kỳ để



kết nối học sinh từ nhiều trường khác nhau trong khu vực với các Khu Di sản Thế giới, dưới sự hướng dẫn và chỉ đạo của các chuyên gia Di sản Thế giới. Kinh nghiệm thu được từ những sáng kiến này sẽ được tổng hợp thành cuốn cẩm nang hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục tại các Khu Di sản Thế giới.

Chính quyền tỉnh Phú Thọ, các nhà giáo dục và các bên liên quan đã thảo luận về các mô hình và kinh nghiệm giáo dục di sản ở Việt Nam và tỉnh nói riêng, những khía cạnh đặc thù về di sản có thể được tích hợp vào giáo dục, cũng như những khuyến nghị đưa di sản thiên nhiên và văn hóa vào nhà trường trong thời gian tới. Tại sự kiện này, Trưởng Đại diện UNESCO tại Việt Nam đã trình bày đề xuất về “Đưa giáo dục di sản vào nhà trường”.

Một mạng lưới gồm 83 thành viên, trong đó có các cán bộ quản lý khu di sản, chuyên gia kỹ thuật và đầu mối liên lạc của các cơ quan chính phủ hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn và văn hóa, được thành lập nhằm thúc đẩy cơ chế chia sẻ thông tin giữa các khu di sản.

Trong các hoạt động và chuyến tham quan được thực hiện với sự hỗ trợ của Chương trình Giáo dục Di sản Thế giới giá trị của Hoàng thành Thăng Long được quảng bá thông qua các cuộc đối thoại tích cực tại cộng đồng địa phương, nhà trường, Ban Quản lý Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long – Hà Nội, Bộ GD&ĐT, Tổ chức Tình nguyện vì Hòa bình Việt Nam (VPV) và Tổ chức Solidarité Jeunesse Việt Nam. Trong khuôn khổ Chương trình Giáo dục môi trường toàn cầu của Panasonic với UNESCO, Công ty TNHH Panasonic Việt Nam và UNESCO Việt Nam đã tổ chức một sự kiện 2 ngày có chủ đề “Giáo dục môi trường - Di sản thế giới” tại Hoàng thành Thăng Long. Các em học sinh trung học tìm hiểu và tham gia các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa và môi trường. Tại sự kiện, 393 em học sinh thuộc các trường trung học và giáo viên đã khám phá các giá trị văn hóa và lịch sử của Hoàng thành Thăng Long, cũng như mối quan hệ giữa việc bảo tồn văn hóa và bảo vệ môi trường.

Trong khuôn khổ Chương trình Tình nguyện vì Di sản Thế giới, UNESCO đã hỗ trợ tổ chức một hội trại giao lưu trong thời gian 12 ngày nhằm mục đích nâng cao nhận thức của thanh niên Việt Nam về các giá trị của Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội cũng như tầm quan trọng của công tác bảo tồn. 11 tình nguyện viên quốc tế thuộc Tổ chức Solidarité Jeunesse Việt Nam, 8 tình nguyện viên trong nước và 3 điều phối viên của Tổ chức Tình nguyện vì Hòa bình Việt Nam đã cùng tham gia hội trại. Những kết quả chính bao gồm: (i) người tham gia được nâng cao kiến thức về các giá trị của Hoàng thành Thăng Long và tầm quan trọng của các hoạt động thúc đẩy và bảo tồn thông qua một khóa tập huấn ngắn, bao gồm tham quan thực địa, một cuộc trò chuyện với Ban Quản lý và Trưởng Đại diện Văn phòng UNESCO tại Việt Nam và một cuộc thảo luận giữa những người tham gia về kiến thức họ lĩnh hội được; (ii) các trò chơi ngoài trời được tổ chức tại Hoàng thành Thăng Long làm phương tiện giáo dục để học sinh tìm hiểu về khu di sản; (iii) học sinh từ các nhà trường phổ thông/trường đại học địa phương được nâng cao nhận thức về các giá trị của khu di sản và tầm quan trọng của công tác bảo tồn thông qua các hội thảo được chính những người tham gia hội trại tổ chức; và (iv) một màn biểu diễn hát nhép tại Hoàng thành Thăng Long, trong đó huy động khoảng 100 thanh thiếu niên Việt Nam, đã được thực hiện và chia sẻ trên Internet để lan tỏa tác động.



Thông tin và truyền thông

Điều 35: Hỗ trợ việc mở rộng Chương trình Ký ức Thế giới ở Việt Nam thông qua nâng cao nhận thức và vận động chính sách cho chương trình và nâng cao năng lực thể chế trong việc xác định, chuẩn bị và đệ trình các hồ sơ đề cử Di sản Tư liệu Thế giới.



Nâng cao năng lực của cán bộ cấp trung ương và địa phương chuẩn bị hồ sơ đề cử và bảo tồn Di sản tư liệu thế giới trong khuôn khổ Chương trình Ký ức Thế giới. Công tác bảo tồn và phát huy di sản tư liệu có giá trị của Việt Nam đã được cải thiện đáng kể.

Ủy ban Quốc gia Chương trình Ký ức Thế giới Việt Nam đã được thành lập với Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà là cơ quan thường trực. Ủy ban Quốc gia thực hiện các mục tiêu của Chương trình Ký ức Thế giới thông qua công tác bảo tồn di sản tư liệu bằng công nghệ phù hợp, góp phần đẩy mạnh thông tin và nâng cao nhận thức về sự hiện diện và tầm quan trọng của di sản tư liệu.



Nâng cao năng lực của đội ngũ phóng viên, nhà báo đưa tin về di sản thế giới, UNESCO và Chương trình Ký ức Thế giới thông qua một hội thảo tập huấn cho đội ngũ phóng viên, nhà báo của hơn 20 tổ chức truyền thông về các Công ước Quốc tế và các chương trình của UNESCO. Nội dung tập huấn bao gồm Công ước bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới 1972; Chương trình Con người và Sinh quyển; Chương trình Ký ức Thế giới; Công ước bảo vệ di sản văn hóa dưới nước 2001; Công ước về việc bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể 2003; Công ước UNESCO 1970 về các biện pháp cấm buôn bán, xuất nhập khẩu và chuyển giao quyền sở hữu tài sản văn hóa; và Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hoá 2005.

Tăng cường vận động chính sách và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của di sản tư liệu thông qua các buổi lễ trao bằng chứng nhận những di sản tư liệu:

- **34.555 mộc bản Triều Nguyễn được công nhận là Di sản tư liệu thế giới** vào năm 2009 vì những đóng góp có giá trị bảo tồn lịch sử, nghệ thuật và kỹ thuật chế tác. Buổi lễ trao giấy chứng nhận diễn ra vào năm 2010.
- **82 bia đá các khoa thi Tiến sĩ triều Lê-Mạc (1442-1779)**, được công nhận là Di sản tư liệu thế giới khu vực Châu Á-Thái Bình Dương (MOWCAP) năm 2010 và Di sản tư liệu thế giới năm 2011. Những bia đá này khắc tên những Tiến sĩ trong các khoa thi dưới triều Lê và Mạc, hiện đang được đặt tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám, trường đại học đầu tiên của Việt Nam.
- **3.050 Mộc bản kinh Phật Chùa Vĩnh Nghiêm, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được công nhận là Di sản tư liệu Châu Á – Thái Bình Dương** vào năm 2012, là nguồn sử liệu quý giá về Phật giáo, đặc biệt là Phật Giáo Trúc Lâm Tây Thiên, bằng cả chữ Hán và chữ Nôm. Những mộc bản kinh Phật này chứa đựng kho tàng kiến thức về lịch sử Phật giáo Việt Nam, bao gồm thông tin về quá trình hình thành và phát triển, tư tưởng và triết lý của Phật Giáo Trúc Lâm Tây Thiên, khoa học và kỹ thuật, xã hội học và ngôn ngữ học.



Lễ đón Bằng công nhận **Di sản tư liệu Châu Á – Thái Bình Dương** đã được tổ chức tại tỉnh Bắc Giang với sự tham gia của hơn 600 khách mời, và các vị lãnh đạo cấp cao bao gồm các Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Quốc hội, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, cùng nhiều vị lãnh đạo khác, cũng như các vị tu sĩ Phật giáo. Việc sự kiện này được truyền hình trực tiếp trên toàn quốc và các bài phát biểu đã nêu bật những vấn đề liên quan tới mộc bản kinh Phật. Một số phim tư liệu cũng đã được trình chiếu thông tin tới khán giả truyền hình tầm quan trọng về văn hóa và lịch sử của mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm.





- **Châu bản triều Nguyễn**, được công nhận là Di sản tư liệu Châu Á – Thái Bình Dương năm 2014. Hơn 85.000 tư liệu đã giúp phác họa chi tiết hơn 150 năm lịch sử phát triển chính trị, kinh tế - xã hội và văn hóa và cho thấy sự cam kết thúc đẩy tiến bộ về văn hóa, khoa học và giáo dục cho đến tận ngày nay. Trung tâm Lưu trữ quốc gia được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị của những châu bản này, bao gồm việc **xây dựng một trang web để trưng bày châu bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh**. Buổi lễ trao bằng chứng nhận Di sản tư liệu Châu Á – Thái Bình Dương vào tháng 7 năm 2014 đã ghi nhận nỗ lực này. Tham dự buổi lễ có 500 khách mời trong đó có Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, và Chủ tịch Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam. Một cuộc triển lãm cũng được tổ chức bên lề buổi lễ, trưng bày bộ sưu tập Châu bản triều Nguyễn trong giai đoạn 1802-1945.

Các hội thảo được tổ chức nâng cao **sự hiểu biết của các bên liên quan về bảo tồn di sản tư liệu** :

- Hội thảo quốc tế, do Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước và Cơ quan Lưu trữ Quốc gia Cuba tổ chức với sự tham gia của các chuyên gia từ Cơ quan Lưu trữ quốc gia Hàn Quốc và Tổng Cục Lưu trữ Nhà nước Trung Quốc đã giúp nâng cao **nhận thức của các bên liên quan về tầm quan trọng của bảo tồn và phát huy di sản tư liệu** .
- Hội thảo quốc tế về Chương trình Ký ức Thế giới của UNESCO đã giúp nâng cao **năng lực của cán bộ cấp trung ương và địa phương chuẩn bị hồ sơ xin công nhận di sản tư liệu**. Hơn 100 đại biểu là đại diện của các cơ quan lưu trữ cấp trung ương và địa phương đã tham dự hội thảo, chia sẻ kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm trong quá trình đề cử công nhận di sản tư liệu. Các chuyên gia cao cấp như TS. Roslyn Russell, Chủ tịch Ủy ban Tư vấn quốc tế Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO, PGS.TS. Fook-Keung Simon Chu, Cố vấn của Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO; và TS. Rujaya Abhakorn, Đại sứ thiện chí của Ủy ban Chương trình Ký ức thế giới Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, đã hướng dẫn cách thức đảm bảo chất lượng, sự nhất quán và tính chính xác trong hồ sơ đề cử.
- **Mối quan hệ giữa bản sắc dân tộc và di sản tư liệu được tăng cường**, chú trọng tới việc sử dụng di sản tư liệu để nâng cao hiểu biết về văn hóa dân tộc, thông qua hội thảo “Tăng cường bản sắc dân tộc thông qua các di sản tư liệu được UNESCO công nhận” tổ chức tại Đà Lạt vào tháng 11 năm 2014.



Điều 36: Sử dụng công nghệ thông tin truyền thông (ICT) trong việc bảo tồn và phổ biến di sản văn hóa của Việt Nam trong khuôn khổ của Chương trình Ký ức Thế giới của UNESCO.



Năm 2012, UNESCO, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước và Công ty Digilis (là công ty của Bỉ chuyên cung cấp các giải pháp bảo tồn di sản bằng công nghệ số) đã thống nhất xây dựng đề xuất dự án bảo tồn và số hóa các mộc bản triều Nguyễn đang được lưu giữ tại Trung tâm lưu trữ quốc gia Đà Lạt và Kinh Phật chùa Vĩnh Nghiêm. Ngoài ra, đã có các chuyến công tác thực địa để thu thập thông tin, đánh giá nhu cầu xem xét tính khả thi bảo tồn di sản bằng công nghệ số. Các bên đề xuất hỗ trợ Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước thành lập một Trung tâm số hóa dựa trên kinh nghiệm và thực tiễn quốc tế bảo tồn di sản tư liệu, và cung ứng dịch vụ cho các đơn vị khác trên cơ sở thu phí nhằm hỗ trợ phần nào chi phí duy trì trung tâm:

- **Một đề xuất dự án bảo tồn di sản mộc bản kinh Phật bằng công nghệ số tại Chùa Vĩnh Nghiêm và mộc bản triều Nguyễn tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia Đà Lạt được Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Công ty Digilis và UNESCO Việt Nam phối hợp chuẩn bị.** Theo đó Công ty Digilis sẽ sử dụng trang thiết bị ghi lại nội dung mộc bản, và sẽ lên danh mục các mộc bản được dịch sang tiếng Việt và các ngôn ngữ khác và đưa vào thư viện hoặc thư viện trực tuyến. Hiện có hơn 31.000 mộc bản, đa số đều khắc 2 mặt, khoảng 500 mộc bản đã được dịch sang tiếng Việt cho thấy nhiều thông tin lịch sử quan trọng, ví dụ như Chiếu dời đô về Hà Nội 1.000 năm trước.



UNESCO Việt Nam và Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước hiện đang phối hợp tìm kiếm nguồn kinh phí để hỗ trợ Ủy ban Quốc gia Chương trình Ký ức Thế giới Việt Nam và tỉnh Bắc Giang bảo tồn và phát huy di sản mộc bản kinh Phật được UNESCO công nhận tại Chùa Vĩnh Nghiêm.



Để hoàn tất Điều khoản này, cần phải huy động thêm kinh phí để mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác bảo tồn, cũng như thúc đẩy việc trưng bày dưới dạng điện tử các mộc bản và các tài liệu di sản khác. Do đó, cần tiếp tục tìm kiếm sự hỗ trợ cho hoạt động này.





Điều 37: Tăng cường năng lực của các cơ quan chính phủ nhằm nâng cao khả năng tiếp cận của công chúng với các nguồn thông tin có chất lượng và các kênh truyền tin thông qua việc tham gia vào những chương trình liên chính phủ như Chương trình Quốc tế về Phát triển Truyền thông (IPDC).

Các chuyên gia soạn thảo Luật Báo chí (sửa đổi) đã nâng cao hiểu biết về luật, quy định và thực tiễn về báo chí trên thế giới. Năm 2015, Luật Báo chí (sửa đổi) đã được soạn thảo, xin ý kiến các Bộ, ngành, cơ quan báo chí và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để trình Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và trình Quốc hội cho ý kiến trong kỳ họp tháng 10/2015. Bản dự thảo cuối cùng đã được chỉnh sửa, hoàn thiện và sẽ trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp tháng 3/2016. Các cán bộ, chuyên viên quản lý nhà nước về truyền thông có thể tiếp cận những tài liệu mới nhất về lĩnh vực này thông qua 9 ấn phẩm nghiên cứu quan trọng về luật truyền thông quốc tế đã được dịch sang tiếng Việt. Các tài liệu này, sau khi được dịch thuật, đã được chuyên gia nội bộ hiệu chỉnh và chia sẻ với Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT) để hỗ trợ cho quá trình dự thảo Luật Báo chí (sửa đổi) của Việt Nam. Sau đây là danh sách những ấn phẩm đã được dịch sang tiếng Việt.

- I. *Luật Phát thanh Cộng đồng*, Nghiên cứu so sánh hệ thống luật pháp của 13 quốc gia,
- II. *Luật Phát thanh-Truyền hình Công mẫu*, tài liệu hướng dẫn dựa trên kinh nghiệm quốc tế bao gồm cả những phương thức có thể áp dụng văn bản luật để thúc đẩy phát thanh truyền hình công;
- III. *Phát thanh-Truyền hình công*, tài liệu nguồn kinh nghiệm phát thanh truyền hình hỗ trợ xây dựng xã hội tri thức từ việc phát sóng;
- IV. *Tự do Thông tin*, một cuộc điều tra so sánh về pháp luật và thực tiễn liên quan đến tự do thông tin;
- V. Báo cáo chính thức từ hội nghị chuyên gia tại Pa-ri về tự do thông tin và phát triển bền vững;
- VI. *Tác động của Quyền Thông tin và Phát triển*, một cách nhìn về những trải nghiệm gần đây của Ấn Độ liên quan đến thông tin và tự do biểu đạt;
- VII. *Chương trình khung về đào tạo báo chí*, chương trình mẫu về đào tạo báo chí, có thể dễ dàng hiệu chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của từng quốc gia;
- VIII. *Tài liệu hướng dẫn cho Phát thanh-Truyền hình thúc đẩy nội dung do người dùng sáng tạo ra và kiến thức thông tin và truyền thông*;
- IX. *Khung năng lực công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) cho giáo viên của UNESCO*.

Tăng cường năng lực cho báo chí, truyền thông sử dụng và tiếp cận thông tin có chất lượng thông qua áp dụng các công nghệ tiên tiến và truyền thông đa phương tiện:

- Các thành viên của Ban soạn thảo dự án Luật Báo chí (sửa đổi) và đại diện các tổ chức truyền thông nâng cao hiểu biết về vai trò của blog, cư dân mạng và Luật mạng toàn cầu trong truyền thông đương đại và toàn cảnh ICT thông qua 2 hội thảo do UNESCO và Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp tổ chức.
- Các đại biểu ngành thông tin và truyền thông được nâng cao hiểu biết về những tiến bộ công nghệ và truyền thông đa kênh, chẳng hạn như điện thoại di động và truyền thông xã hội, tại Hội nghị cao cấp báo chí Châu Á (Asia Media Summit) được tổ chức tại Hà Nội. Sự kiện này được Viện Phát triển Phát thanh và Truyền hình châu Á - Thái Bình Dương (thành lập năm 1977 dưới sự bảo trợ của UNESCO) tổ chức và do Đài Tiếng nói Việt Nam chủ



trì, có sự tham gia của đại diện Bộ TT&TT, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông Tấn xã Việt Nam, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước và Hội Nhà Báo Việt Nam.



Các đại biểu tham dự Hội nghị cao cấp báo chí Châu Á đã được thông tin về những sáng kiến của UNESCO nhằm giúp các Quốc gia thành viên giải quyết các thách thức toàn cầu hiện nay thông qua việc sử dụng truyền thông số tại cuộc họp báo do Trợ lý Tổng Giám đốc UNESCO phụ trách Thông tin và Truyền thông chủ trì. Trong các cuộc họp với Trợ lý Tổng Giám đốc UNESCO phụ trách Thông tin và Truyền thông, những vấn đề liên quan như **tiếp cận thông tin, sử dụng blog và Internet; áp dụng các nguyên tắc và quy định của truyền thông truyền thống vào truyền thông hiện đại; bãi bỏ lệnh cấm sử dụng blog; áp dụng các biện pháp phù hợp để giáo dục và hướng dẫn cho người dùng Internet cách áp dụng phương pháp sử dụng tới hạn; Khung năng lực công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) cho giáo viên của UNESCO; cũng như di sản và tư liệu bị hư hại do những hạn chế trong công tác bảo tồn các hồ sơ và hệ thống lưu trữ số hóa, đã được thảo luận.**



Tại hội thảo diễn ra trước Hội nghị cao cấp với tựa đề “Các chiến lược đào tạo và nâng cao năng lực trong bối cảnh truyền thông số”, các đại biểu cũng nâng cao nhận thức về tầm quan trọng cần giáo dục cho người sử dụng về cách thức áp dụng và sử dụng ICT một cách thông minh và có trách nhiệm để tiếp cận thông tin tốt hơn. ,

Nâng cao năng lực truyền thông và năng lực sử dụng công nghệ thông tin là kỹ năng chủ chốt trong giáo dục và đào tạo thông qua các sự kiện sau đây:

- Rà soát và chỉnh sửa chương trình đào tạo của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông do Bộ TT-TT đề nghị thành lập, cho các ngành đào tạo: Điện tử và Viễn thông, Kỹ thuật phát thanh, Công nghệ thông tin và Truyền thông đa phương tiện, qua đó đã nâng cao năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về truyền thông, soạn thảo và đánh giá chương trình ICT. Hoạt động rà soát này đã có những đóng góp to lớn vào giai đoạn đầu của quá trình hiện đại hóa công tác báo chí và truyền thông của Việt Nam.
- Các cán bộ và Nhóm Công tác của Bộ TT&TT, đại diện các cơ quan truyền thông và Đài Tiếng nói Việt Nam và Hiệp hội Doanh nghiệp Điện tử Việt Nam đã nâng cao nhận thức và hiểu biết về những thông lệ và chuẩn mực quốc tế trong đào tạo thông tin và truyền thông thông qua một hội thảo tập huấn về Chương trình Mẫu về đào tạo báo chí của UNESCO và Các chỉ số phát triển truyền thông của Chương trình Quốc tế Phát triển Truyền thông (IPDC).



Các cán bộ và Nhóm Công tác của Bộ TT&TT đã nâng cao năng lực thông qua tư vấn kỹ thuật về các tiêu chuẩn quốc tế và các kinh nghiệm quốc tế về hệ thống luật pháp công nghệ thông tin và truyền thông:

- Một bộ số liệu quốc tế hoàn chỉnh (đầu kỳ) về thực trạng sử dụng ICT trong hệ thống giáo dục ở các quốc gia Châu Á được xây dựng thông qua một hội thảo khu vực do Viện Thống kê UNESCO (UIS) tổ chức tại Seoul, Cộng hòa Hàn Quốc, trong đó một đại diện của Bộ GD&ĐT Việt Nam có mặt tham dự.



Đại diện các cơ sở đào tạo giáo viên, các đại biểu của Bộ TT&TT, Bộ GD&ĐT và Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam đã nâng cao nhận thức về vai trò của họ trong việc vận động chính sách nâng cao kiến thức thông tin và truyền thông (MIL) cũng như thúc đẩy MIL trong đội ngũ giáo viên. Đây là kết quả của hội thảo tập huấn về *Năng lực thông tin truyền thông cho giáo viên (MIL) của UNESCO*. Tài liệu này đã được dịch sang tiếng Việt:

- Nâng cao năng lực của giáo viên nhằm đưa đào tạo kỹ năng thông tin và truyền thông vào nhà trường thông qua tập huấn về *Năng lực thông tin truyền thông cho giáo viên (MIL) của UNESCO* và xây dựng kế hoạch bài giảng thực tế của giáo viên. Tài liệu *Năng lực thông tin truyền thông cho*





giáo viên (MIL) của UNESCO bao gồm các phương pháp sư phạm, nội dung, chương trình và nguồn lực cần thiết để phát triển kỹ năng tích hợp kiến thức về thông tin và truyền thông vào nhà trường theo phương pháp nhạy cảm giới, có sự tham gia của học sinh.

Tài liệu này đã được Nhóm kỹ thuật, do Cục Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục/Bộ GD&ĐT chủ trì, với thành phần gồm các chuyên gia của Bộ GD&ĐT, Bộ TT&TT, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Giáo dục thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

Đại diện các cơ quan chính phủ, các cơ sở giáo dục đại học, các cơ quan nghiên cứu, hội sinh viên, các tổ chức phi chính phủ, và các hiệp hội nghề nghiệp nâng cao năng lực áp dụng Tài liệu hướng dẫn về Tài nguyên giáo dục mở (OER) trong Giáo dục Đại học, hiểu rõ vai trò của mình trong việc vận động chính sách và phát triển OER tại Việt Nam, cũng như triển khai hiệu quả hơn nữa các chính sách OER thông qua một hội thảo tập huấn theo phương pháp đồng tham gia:

- **Tài liệu hướng dẫn được đăng tải trên Cổng thông tin Tài nguyên Giáo dục Mở của UNESCO, giúp tiếp cận dễ dàng.** Tài liệu này được một Nhóm kỹ thuật, do Vụ Giáo dục Đại học, Bộ GD&ĐT thành lập, điều chỉnh cho phù hợp với Việt Nam. Nhóm kỹ thuật gồm các chuyên gia giáo dục thuộc Bộ GD&ĐT, Bộ TT&TT, Hiệp hội Internet Việt Nam (một tổ chức phi chính phủ trong nước) và đại diện của Đại học Quốc gia Hà Nội.
- **Đại diện của các cơ quan chính phủ, các cơ sở giáo dục đại học, các cơ quan nghiên cứu, hội sinh viên, các tổ chức phi chính phủ, và các hiệp hội nghề nghiệp đã cam kết xây dựng và thực hiện các chính sách OER** thông qua một hội thảo tập huấn về cách sử dụng Tài liệu hướng dẫn này.
- **Nhận thức về giá trị của việc đầu tư vào xây dựng, hiệu chỉnh và sử dụng OER một cách hệ thống trong giáo dục chính quy được nâng lên** thông qua việc phổ biến Tài liệu hướng dẫn về Tài nguyên Giáo dục Mở (OER) trong Giáo dục đại học của UNESCO và Khối thịnh vượng chung về học tập (COL) tại hội thảo tập huấn về OER và các bên liên quan thuộc lĩnh vực giáo dục đại học do Vụ Giáo dục Đại học của Bộ GD&ĐT và UNESCO Việt Nam đồng tổ chức.
- **Việc áp dụng ICT trong giáo dục tại Việt Nam được nâng lên** với việc dịch thuật và hiệu chỉnh hệ thống các tài liệu sau:
 - I. Giáo trình Kiến thức thông tin truyền thông cho giáo viên (MIL) của UNESCO,
 - II. Tài liệu hướng dẫn về tài nguyên Giáo dục Mở (OER) trong Giáo dục đại học của UNESCO và Khối thịnh vượng chung về học tập (COL),
 - III. Khung năng lực công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) cho giáo viên và Tài liệu hướng dẫn cho Phát thanh - Truyền hình thúc đẩy nội dung do người sử dụng sáng tạo ra của UNESCO.



Điều 38: Tăng cường năng lực của các cơ quan báo chí truyền thông chuyên nghiệp, các cơ sở đào tạo truyền thông, báo chí và các nhà báo/cán bộ truyền thông; hỗ trợ việc phát triển và sử dụng các phương tiện thông tin mới (internet, blog và các địa chỉ kết nối xã hội trực tuyến).

Tăng cường xây dựng và sử dụng các phương tiện truyền thông mới thông qua việc điều chỉnh chương trình đào tạo báo chí của Bộ TT-TT (gồm cả đào tạo và dạy nghề), kể cả hoạt động đánh giá các cơ sở đào tạo. Báo cáo đánh giá bao gồm thông tin về các loại hình trường và phân bố địa lý trên toàn quốc, giáo trình, đội ngũ, tình hình nhập học, cơ sở vật chất trang thiết bị, phương pháp dạy và học, các loại văn bằng, chương trình đào tạo nghề phát thanh và truyền hình, và hợp tác quốc tế.

Qua đó có các khuyến nghị đối với các chương trình đào tạo báo chí hiện nay tại Việt Nam trong đó đặc biệt chú trọng tới các chương trình đào tạo có văn bằng và đào tạo đại học dựa trên việc so sánh giữa các chương trình đào tạo báo chí của Việt Nam với các chương trình đào tạo báo chí trên thế giới, bao gồm phạm vi, phương pháp, chương trình, cấu trúc khóa học, yêu cầu hoàn thành khóa học, cùng một số tiêu chí khác. **Đại diện các cơ quan báo chí và các cơ sở truyền thông đã tăng cường nhận thức về quy định và vi phạm quyền tác nghiệp báo chí.**

Phóng viên, nhà báo đã nâng cao năng lực tư vấn và hướng dẫn tác nghiệp an toàn cho đồng nghiệp thông qua Mạng lưới Tư vấn Bảo vệ tác nghiệp, được thành lập với sự hỗ trợ của Chương trình Quốc tế về Phát triển Truyền thông (IPDC) vào tháng 8 năm 2014. **Mạng lưới tư vấn này hỗ trợ các nhà báo, phóng viên trong các trường hợp cản trở tác nghiệp hoặc bị hành hung:**

- Các nhà báo, phóng viên có thể tiếp cận tư vấn bảo vệ tác nghiệp thông qua mạng lưới, do Trung tâm Nghiên cứu truyền thông phát triển (RED) trực thuộc Liên hiệp các tổ chức khoa học và kĩ thuật Việt Nam (VUSTA) điều phối.
- Các nhà báo, phóng viên đã nâng cao nhận thức về hệ thống luật pháp và quy định của Việt Nam liên quan đến sự an toàn tác nghiệp, và hỗ trợ tư vấn qua *Tài liệu hướng dẫn về hỗ trợ bảo vệ tác nghiệp ở Việt Nam* do RED soạn thảo trong khuôn khổ dự án “Đảm bảo an toàn cho nhà báo, phóng viên ở Việt Nam” do Chương trình Quốc tế về Phát triển Truyền thông (IPDC) của UNESCO tài trợ. Một diễn đàn tương tác trực tuyến về đã được xây dựng và tích hợp vào trang web của RED, là nơi chia sẻ những thực tiễn và kinh nghiệm về sự an toàn tác nghiệp báo chí giữa các hội viên của mạng lưới và các phóng viên, nhà báo tại Việt Nam.

Diễn đàn Chính sách và Thể lệ lần thứ 11 của Liên minh Viễn thông Châu Á – Thái Bình Dương (APT), do Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với APT tại Việt Nam phối hợp tổ chức vào tháng 5 năm 2011 đã khẳng định **Công nghệ thông tin và truyền thông là phương tiện để hiện thực hóa các Mục tiêu Phát triển Thiên Niên Kỷ** tại. Điều đó hỗ trợ ông tác xây dựng và ứng dụng phương tiện truyền thông mới:

- Các đại biểu tham dự Diễn đàn đã nâng cao hiểu biết về sự cần thiết phải khai thác lợi ích của ICT, đặc biệt cho khu vực nông thôn, đồng thời tăng cường kiến thức và năng lực của phóng viên, nhà báo và các cán bộ truyền thông về ICT và xu hướng công nghệ thông tin. Tại diễn đàn, các đại diện đến từ khu vực nhà nước và khu vực tư nhân đã trao đổi quan điểm về chủ đề Ngày Xã hội thông tin và Truyền thông thế giới 2011, “Nông thôn tươi đẹp hơn với công nghệ thông tin truyền thông”.
- Diễn đàn cũng đã đề cập tới những vấn đề về quản lý và chính sách được quan tâm tại khu vực Châu Á -Thái Bình Dương. Đồng thời, Diễn đàn cũng giúp Việt Nam có thêm kinh nghiệm và các biện pháp thiết thực đẩy mạnh thực hiện các chính sách mở rộng hạ tầng viễn thông và thông tin và mạng lưới băng thông rộng trên khắp cả nước.



Các nhà báo, phóng viên và các cán bộ truyền thông đã nâng cao hiểu biết và năng lực về ICT cũng như xu hướng công nghệ thông tin thông qua một khóa tập huấn. Tại hội thảo, các học viên đã dự thảo kế hoạch phát triển năng lực ITC của bản thân, xác định những tồn tại cần giải quyết. Tài liệu của khóa tập huấn được cung cấp cho các học viên để tập huấn cho đồng nghiệp và các cán bộ truyền thông khác.

Các nhà báo, phóng viên và các cán bộ truyền thông đã tăng cường năng lực truyền thông về biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học và giảm thiểu rủi ro thảm họa thiên tai thông qua các khóa tập huấn theo mục tiêu:

- Nâng cao năng lực diễn giải và trình bày số liệu do Hệ thống phân tích dữ liệu tích hợp (IFAS) và diễn giải dữ liệu của Hệ thống cảnh báo lũ (FFWS) thu thập trong một khóa tập huấn về IFAS và FFWS, cũng như sau khi tham vấn các chuyên gia dự báo lũ. Với sự hỗ trợ từ Quỹ Tín thác Nhật Bản, khóa tập huấn do Ban Chỉ đạo khu vực Đông nam Á và Châu Á - Thái Bình Dương (RSC-SEAP) thuộc Chương trình Thủy văn quốc tế UNESCO (IHP) và Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường Việt Nam tổ chức trong khuôn khổ Dự án hệ thống cảnh báo lũ.
- Các nhà báo, phóng viên tại tỉnh Thừa Thiên – Huế nâng cao kỹ năng truyền thông giảm thiểu rủi ro thảm họa, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học và lồng ghép giới thông qua hội thảo 6 ngày do Đài TNVN và Bộ TT&TT tiến hành.

Các nhà báo, phóng viên đã sản xuất 30 sản phẩm truyền thông chất lượng được phát sóng trên đài phát thanh, truyền hình toàn quốc và địa phương và đăng tải trực tuyến về giảm thiểu rủi ro thảm họa, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học và lồng ghép giới, thể hiện trình độ chuyên môn đã được nâng cao. Các học viên cũng xây dựng 18 kế hoạch truyền thông được các cơ quan truyền thông địa phương ở Thừa Thiên – Huế phê duyệt và triển khai.

- Các giảng viên thuộc các đài phát thanh trung ương, tỉnh và huyện hiểu rõ được tầm quan trọng của việc phải có một kênh thông tin, liên lạc hiệu quả giữa cơ quan truyền thông và cơ quan cảnh báo sớm thiên tai ở miền Trung Việt Nam cũng như phải có những kiến thức về rủi ro thiên tai và những loại hình thiên tai phổ biến nhất ở miền Trung Việt Nam.

Quy trình tác nghiệp chuẩn (SOP) mà phóng viên cần phải tuân thủ trước, trong và sau thảm họa đã được xây dựng, đảm bảo rằng họ phải nắm được ý nghĩa của vấn đề về giới, đặc biệt là vai trò của phụ nữ, trong thảm họa thiên tai, vì họ là những đối tượng dễ bị tổn thương hơn.

20 Kế hoạch hành động tập huấn cho phóng viên trong các đài phát thanh, truyền hình địa phương miền Trung về giảm thiểu rủi ro thảm họa đã được xây dựng và trình lên Ban Giám đốc/Tổng biên tập các cơ quan truyền thông địa phương phê duyệt và triển khai.

Vai trò của truyền thông trong việc nâng cao nhận thức của người dân đối với Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu đã được đề cập thảo luận tại hội thảo về vai trò của địa phương trong việc thúc đẩy một xã hội học tập do Đài Tiếng nói Việt Nam tổ chức phối hợp với Hiệp hội Phát thanh truyền hình châu Á – Thái Bình Dương (ABU), là hiệp hội nghiệp vụ và phi lợi nhuận gồm 200 tổ chức thành viên tại 57 quốc gia khác nhau trên thế giới với gần 3 tỷ khán, thính giả.



Internet offering benefits to Mường ethnic pe



The story is about a woman of the Mường ethnic minority in Viet Nam who got from radio, television and the internet to improve her life. Listening to the radio, watching TV and surfing the internet to do research applied for a loan, with her basic knowledge she consulted she found a way out for her family.



Điều 39: Củng cố kiến thức và kỹ năng của các nhà báo thuộc tất cả các loại hình báo chí để thực hiện việc đưa tin thích hợp về vấn đề giới và các vấn đề nhạy cảm về văn hóa, quan tâm đặc biệt đến các cộng đồng dân tộc và các nhóm thiểu số khác.

Cán bộ quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông và phóng viên ở cấp trung ương và địa phương đã tăng cường năng lực lồng ghép giới trong truyền thông, thúc đẩy nhạy cảm giới trong và thông qua truyền thông, đồng thời nâng cao nhận thức về quyền của phụ nữ, trẻ em gái và người khuyết tật trong truyền thông, ICT, giáo dục và việc làm:

- Cán bộ thuộc Bộ TT&TT đã tăng cường năng lực lồng ghép giới trong truyền thông ở cấp trung ương và địa phương tại hội thảo được tổ chức trong khuôn khổ hợp tác với Viện Phát triển Truyền thông Châu Á – Thái Bình Dương (AIBD).

Với sự tham gia tích cực của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Báo Thanh niên, Báo điện tử và các cơ quan phát thanh, truyền hình và thông tin báo chí cấp trung ương và địa phương khác, các tài liệu **dưới đây về truyền thông có nhạy cảm giới đã được xây dựng và thử nghiệm.**

- I. “*Truyền thông cho mọi người: Chú trọng về giới*” (*Broadcasting for All: Focus on Gender*) hướng dẫn tuyên truyền theo hình thức nhạy cảm về giới, được Tổ chức Friedrich-Bbert Stiftung và AIBD đồng xuất bản, với sự phối hợp của các chuyên gia của Việt Nam nghiên cứu và biên tập để đưa vào làm tài liệu tập huấn;
- II. Một chương trình tập huấn về giới cho cán bộ truyền thông.

- Các cán bộ truyền thông đã được nâng cao hiểu biết về cách áp dụng các khái niệm giới, thuật ngữ, khung pháp lý về bình đẳng giới và bạo lực gia đình thông qua hội thảo tập huấn, qua đó họ đã nâng cao các kỹ năng phân tích và đưa tin có nhạy cảm giới. Sự kiện này được tổ chức trong khuôn khổ Chương trình hợp tác chung giữa chính phủ Việt Nam và Liên Hợp Quốc về thúc đẩy bình đẳng giới (JPGE) do Quỹ hỗ trợ Mục tiêu Phát triển Thiên Niên Kỳ (MDG-F) tài trợ, trong đó Chương trình Chung LHQ tại Việt Nam hỗ trợ nâng cao năng lực và tham mưu cho các cơ quan nhà nước cấp trung ương và địa phương để triển khai, giám sát, đánh giá và báo cáo có chất lượng về bình đẳng giới và phát triển. Hội thảo tập huấn diễn ra trong 02 ngày tại Hà Nội với chủ đề “Nâng cao năng lực lồng ghép giới vào công tác truyền thông ở cấp trung ương và địa phương”, do Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và UNESCO phối hợp tổ chức, với thành phần gồm một số các cán bộ của các cơ quan thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, một số Sở Thông tin và Truyền thông thuộc khu vực lân cận thành phố Hà Nội. Ngoài ra, các thành phần tham dự khác bao gồm các phóng viên, biên tập viên thuộc: báo in, báo điện tử, đài phát thanh truyền hình trung ương và địa phương thuộc khu vực lân cận thành phố Hà Nội.

- **Bình đẳng giới trong và thông qua truyền thông được đẩy mạnh** thông qua thảo luận và thúc đẩy các giải pháp trong Sáng kiến “Phụ nữ Làm Tin tức” (Women make the news) năm 2012, phối hợp với Liên minh Toàn cầu về Truyền thông và Giới (GAMAG) và Sáng kiến năm 2015 được phát động nhân Ngày Quốc tế Phụ nữ (8 tháng 3). Hưởng ứng Sáng kiến này tại Việt Nam, năm 2012, Đài Tiếng nói Việt Nam đã phát sóng bài phóng sự ngắn với tiêu đề “*Internet mang lại nhiều lợi ích cho phụ nữ dân tộc Mường*” trên mục “Phụ nữ Làm Tin tức” trên trang web của UNESCO. Sáng kiến này chủ yếu nhằm:

- I. Phần đầu nâng tỷ lệ phụ nữ được phỏng vấn trong các bản tin lên tối thiểu 30%;
- II. Mời các tổ chức phát triển quốc tế cũng như các doanh nghiệp tư nhân cam kết tài trợ nhằm hỗ trợ cho các hoạt động của Liên minh Toàn cầu về Truyền thông và Giới;



III. Tăng cường hợp tác với các đối tác truyền thông của UNESCO và vai trò của họ trong GAMAG;

IV. Nêu bật sự cần thiết phải xây dựng các mối quan hệ đối tác để hiện thực hóa các mục tiêu trong lĩnh vực truyền thông và giới.

- **Nâng cao năng lực cho phóng viên đại diện cho Đài Tiếng nói Việt Nam trong công tác tự đánh giá lồng ghép giới** do Hiệp hội Phát thanh truyền hình châu Á – Thái Bình Dương thực hiện nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong và thông qua truyền thông. Bản tổng hợp nội dung tự đánh giá được đưa vào Bộ chỉ số về Giới trong truyền thông (GSIM) của UNESCO.
- **Quyền của phụ nữ, trẻ em gái và người khuyết tật về truyền thông, ICT, giáo dục và việc làm được thúc đẩy** thông qua Diễn đàn Phụ nữ với Làn sóng (Women with Waves Forum). Diễn đàn này được UNESCO hỗ trợ và do Hiệp hội Phát thanh truyền hình châu Á – Thái Bình Dương (ABU), Tổ chức Frederic Ebert-Stiftung và Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU) đồng tổ chức. Thông qua diễn đàn này, một kế hoạch hành động, **Tuyên bố Cam kết Hà Nội, được các chuyên gia truyền thông cấp cao trong khu vực xây dựng.**
- Các tổ chức, cơ sở đào tạo và hiệp hội truyền thông tăng cường khả năng đánh giá mức độ tích hợp bình đẳng giới vào các hoạt động của mình thông qua việc áp dụng Bộ chỉ số về Giới trong truyền thông cho Việt Nam. Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng Bộ chỉ số về Giới trong truyền thông cho Việt Nam vào năm 2014.
- Bộ chỉ số về Giới trong truyền thông cung cấp cho Đài Tiếng nói Việt Nam nhiều thông tin giá trị, chi tiết, hoàn chỉnh và dễ sử dụng. **Việc áp dụng Bộ chỉ số về Giới trong truyền thông giúp Đài Tiếng nói Việt Nam xác định được những tồn tại về bình đẳng giới trong các hoạt động của mình, đồng thời góp vào Báo cáo về Bình đẳng giới hàng năm của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ của Đài:**

Bộ chỉ số về Giới trong truyền thông (GSIM) của UNESCO được dịch sang tiếng Việt và điều chỉnh bởi một nhóm kỹ thuật gồm các chuyên gia về giới và truyền thông, Oxfam và UNESCO Việt Nam.

Sau khi hoàn thiện, Bộ chỉ số về Giới trong truyền thông được Bộ TT&TT thẩm định và công bố vào tháng 10 năm 2014 nhân dịp kỷ niệm 84 năm Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20/10/1930 – 20/10/2014). Đây là Bộ chỉ số về Giới trong truyền thông đầu tiên được xây dựng tại Việt Nam và được cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông phê duyệt đã đánh dấu một bước tiến quan trọng hướng tới bình đẳng giới trong truyền thông.

Phóng viên, nhà báo đã nâng cao năng lực truyền thông tới đồng bào dân tộc thiểu số bằng tiếng dân tộc, như được trình bày tại Điều 40.



Điều 40: Mở rộng phạm vi hoạt động của các phương tiện truyền thông tới các vùng xa xôi hẻo lánh và nông thôn để khuyến khích hơn nữa việc tạo ra những sản phẩm truyền thông bằng ngôn ngữ địa phương.



Các cộng đồng nông thôn và các đồng bào dân tộc thiểu số trong được tiếp cận các sản phẩm truyền thông chất lượng cao. Đây là kết quả của đợt tập huấn cho các nhà báo và cán bộ truyền thông:

- Các nhà báo đã nâng cao năng lực truyền thông bằng các thứ tiếng dân tộc thông qua một dự án do Chương trình Quốc tế về Phát triển Truyền thông (IPDC) tài trợ.
- Đội ngũ phóng viên, biên tập viên thuộc các chương trình phát thanh tiếng dân tộc thiểu số (Khơ-me, Chăm, Ê-đê, Cơ Tu, Thái, H'Mông, Dao, Tày, Nùng và Gia Rai) đã nâng cao kỹ năng và kiến thức về kỹ năng ghi âm số, kỹ thuật biên tập số và khai thác Internet để xây dựng các chương trình phát thanh tiếng dân tộc, thông qua hội thảo tập huấn 5 ngày do Đài Tiếng nói Việt Nam tổ chức với sự hỗ trợ của UNESCO. Phương pháp và nội dung tập huấn trong hội thảo được những chuyên gia phát thanh dày dặn kinh nghiệm của Đài Tiếng nói Việt Nam xây dựng. Mục tiêu của lớp tập huấn này là đảm bảo các cộng đồng dân tộc thiểu số sinh sống tại các vùng nông thôn ở miền Bắc, miền Nam và Tây Nguyên có thể dễ dàng tiếp cận thông tin chất lượng thông qua các phương tiện truyền thông, phù hợp với Chương trình mục tiêu quốc gia “Đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo”.



Một nghiên cứu về Truyền thông chiến lược đã đưa ra những khuyến nghị về truyền thông nhằm tăng cường công tác xây dựng và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ “Chương trình chung của Liên hợp quốc hỗ trợ thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới”.



Những phát hiện và khuyến nghị được đưa ra dựa trên kết quả nghiên cứu liên quan đến truyền thông chiến lược khu vực nông thôn, trong đó có nêu, mặc dù có sự đầu tư vào các kênh truyền thông gián tiếp như biển pano và các chương trình truyền hình, thì giao tiếp trực tiếp vẫn là kênh quan trọng nhất tới các cộng đồng. Theo đó, những người đứng đầu thôn/xã chính là những người thúc đẩy sự tham gia của các thành viên cộng đồng, song, họ lại là những người được hưởng lợi ít nhất từ các hoạt động nâng cao năng lực. Hơn nữa, có nhiều bằng chứng cho thấy sự tham gia của cộng đồng trong các sáng kiến xây dựng nông thôn phụ thuộc chủ yếu vào khả năng của những người đứng đầu thôn/xã kết nối và huy động các thành viên cộng đồng. Một phát hiện quan trọng khác là công tác truyền thông ở khu vực nông thôn diễn ra theo chu kỳ lặp đi lặp lại và không nhất thiết diễn ra trong các bối cảnh trang trọng hay chính thức mà có thể thông qua các kênh giao tiếp truyền thống.



Nghiên cứu liên ngành này đã thúc đẩy công tác truyền thông chiến lược và nâng cao năng lực xây dựng chính sách, chiến lược và đầu tư công tại khu vực nông thôn cho chính quyền địa phương và người dân nói chung. Đặc biệt, các khuyến nghị đã giúp các dân tộc thiểu số tăng cường truyền thông cấp cơ sở.





Điều 41: Tiếp tục chương trình “Tầm nhìn UNESCO” của Đài tiếng nói Việt Nam (VOV) với trọng tâm là phổ biến thông tin về UNESCO nói chung và hoạt động của UNESCO ở Việt Nam nói riêng.

Các hoạt động của UNESCO, đặc biệt là ở Việt Nam, được thường xuyên cập nhật trong **chương trình phát thanh “Tầm nhìn Việt Nam” của Đài Tiếng nói Việt Nam**. UNESCO Việt Nam đã đưa Đài Tiếng nói Việt Nam vào danh sách những đối tác truyền thông nhằm mục đích cung cấp cho Đài những thông tin và các hoạt động liên quan đến UNESCO để có thể đăng tin chất lượng về các giá trị, sứ mệnh và các chương trình của UNESCO. Chương trình phát thanh "Tầm nhìn UNESCO" được khởi xướng từ 1998 với sự hỗ trợ tài chính và kỹ thuật của UNESCO và phát sóng hàng tuần trên Đài Tiếng nói Việt Nam. Là một chương trình được ưa thích nên vẫn tiếp tục được duy trì phát sóng và được Đài Tiếng nói Việt Nam chi trả toàn bộ chi phí.

Các chuyên gia thông tin và truyền thông của UNESCO tại Trụ sở và Trường Đại diện UNESCO tại Việt Nam đã tham dự các buổi phỏng vấn được phát sóng trên phạm vi toàn quốc nhân **Ngày Phát thanh Thế giới** vào các năm 2013, 2014 và 2015:

- **Ngày Phát thanh Thế giới 2015 thúc đẩy vai trò của thanh niên trong xã hội và truyền thông**, vừa là người sử dụng vừa là người sản xuất các sản phẩm truyền thông, tại thời điểm khi mà thanh niên chiếm gần 40% dân số Việt Nam. Do đó, các cơ quan truyền thông, nhất là đài phát thanh, cần phải đảm bảo rằng thanh niên sẽ tiếp tục nghe và theo dõi đài phát thanh, coi đó là nguồn tri thức và giải trí đáng tin cậy.
- **Các hoạt động của Liên hợp quốc và UNESCO về giới và trao quyền cho phụ nữ tại Việt Nam và ý nghĩa của Ngày Phát thanh Thế giới được đề cao** trong các bài phỏng vấn với Trường Đại diện UNESCO tại Việt Nam nhân Ngày Phát thanh Thế giới 2014, trong đó chú trọng đến “Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ”. Các tài liệu thông tin và truyền thông cũng được phát cho giới truyền thông trước khi diễn ra lễ kỷ niệm.

Trang web "VOV Giao thông" của Đài Tiếng nói Việt Nam đã được khai trương nhân dịp kỷ niệm Ngày Phát thanh Thế giới 2014, và hiện đang là một trong những kênh phát thanh phổ biến nhất tại Việt Nam.



Điều 42: Nâng cao năng lực của các phương tiện truyền thông nhằm tăng cường sự tham gia của công chúng vào việc quản trị nhà nước và cải cách, và nâng cao nhận thức về các vấn đề xã hội, kinh tế và môi trường của quốc gia, khu vực và quốc tế như thách thức của biến đổi khí hậu và nỗ lực thích nghi và giảm thiểu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

Các nhà báo, phóng viên địa phương thuộc các cơ quan phát thanh, truyền hình và báo in đã tăng cường năng lực đưa tin bài liên quan đến vai trò của các khu dự trữ sinh quyển, các vấn đề môi trường và nỗ lực ứng phó biến đổi khí hậu thông qua hội thảo tập huấn và chuyến đi thực địa tới Khu Dự trữ sinh quyển Cát Bà và Chương trình Con người và Sinh quyển Việt Nam (MAB).

Các bộ phim tư liệu ngắn, phóng sự phát thanh và bài báo do các học viên thực hiện và được phát sóng, đăng tải trên các phương tiện truyền thông địa phương đã giúp nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của các khu dự trữ sinh quyển và tầm quan trọng của công tác bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó biến đổi khí hậu:

- Một tài liệu truyền thông bao gồm tất cả các sản phẩm truyền thông được trình bày tại Hội nghị thượng đỉnh Rio+20 nhằm nêu bật các hoạt động của UNESCO trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học và thích ứng biến đổi khí hậu, các hoạt động tại Khu Dự trữ Sinh quyển Cát Bà và những bài viết được đăng tải trên trang web của UNESCO là một phần trong chuỗi phóng sự về Giáo dục vì sự phát triển bền vững tại các Khu Dự trữ Sinh quyển và được phổ biến tới Hội nghị Các bên tham gia Công ước Đa dạng Sinh học lần thứ 11.

Một bộ tài liệu tập huấn cho chương trình tập huấn 6 ngày về giảm thiểu rủi ro thảm họa, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học và lồng ghép giới đã cung cấp cho Bộ TT&TT. Mô-đun này bao gồm hướng dẫn cho giảng viên, Bảng hỏi trước và sau tập huấn, các bài thuyết trình, các đoạn video, hướng dẫn, bài tập nhóm và tài liệu phát tay. Tài liệu của chương trình tập huấn được xây dựng có tham khảo cuốn “Biết về thảm họa, đưa tin bài về giảm thiểu rủi ro thảm họa”, cuốn cẩm nang tập huấn cho cán bộ truyền thông do Tổ chức Seeds Asia xây dựng với sự hỗ trợ của Liên minh Châu Âu và Chiến lược quốc tế về giảm nhẹ thiên tai của Liên Hợp Quốc (UNISDR):

- Tài liệu hướng dẫn về lồng ghép giới “Truyền thông cho mọi người: Chú trọng đến Giới được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh của Việt Nam và được chuyên gia tập huấn áp dụng để xây dựng chương trình tập huấn về giới. Tài liệu hướng dẫn này ban đầu được Tổ chức Friedrich-Ebert Stiftung của Đức (FES) và Viện Phát triển Truyền thông Châu Á – Thái Bình Dương (AIBD) xây dựng làm tài liệu hướng dẫn trong khu vực. Tài liệu tập huấn nhận được những góp ý để Bộ TT&TT điều chỉnh cho phù hợp với Việt Nam.

Báo cáo rà soát tài liệu tập huấn quốc gia và quốc tế về các chủ đề Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững do một chuyên gia nội bộ thực hiện đã được gửi cho các tư vấn và chuyên gia tập huấn làm tài liệu tham khảo. Chất lượng tin bài truyền thông về giảm thiểu rủi ro thảm họa, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học được nâng cao sau đợt tập huấn cho các phóng viên, nhà báo tại tỉnh Thừa Thiên – Huế và phóng viên, biên tập viên ở 6 tỉnh duyên hải miền Trung. Các cơ quan truyền thông địa phương trên địa bàn thành phố Đà Nẵng cũng được tập huấn về truyền thông về giảm thiểu rủi ro thảm họa.

PROJECT IDENTIFICATION	
PROJECT TITLE	MINI-PROFESSIONAL CAPACITY BUILDING FOR FARMERS AND POULTRY BREEDERS THROUGH THE RURAL LEARNING GROUP APPROACH
NUMBER	
SECTOR DEVELOPMENT SUB-PROJECT NUMBER	Component
SUB-PROJECT AREA	MINI-RESOURCE DEVELOPMENT
REGION	NATIONAL
FORM OF ASSISTANCE REQUESTED	EQUIPMENT/STAFFING SUPPORT
THAL CODE OF PROJECT	TR02/AN
APPROVED REQUESTING PROGRAM	TR02/AN
MEMORANDUM AGENCY	Ms. Tran Quynh Thuy Hoa (Chief of Mission) Ms. Tran Thi Thanh (Chief of Mission) Ms. Tran Thi Thanh (Chief of Mission) Ms. Tran Thi Thanh (Chief of Mission)
IMPLEMENTING AGENCY	
PROJECT LOCATION	BA NAI
PROJECT PREPARED BY	Ms. Tran Thi Thanh (Chief of Mission) Ms. Tran Thi Thanh (Chief of Mission) Ms. Tran Thi Thanh (Chief of Mission) Ms. Tran Thi Thanh (Chief of Mission)

Điều 43: Phát triển nội dung và dịch vụ của các phương tiện truyền thông phục vụ công tác bảo tồn bản sắc và đa dạng văn hóa nhằm góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa của các nhóm sắc tộc và các nhóm ngôn ngữ, kể cả thông qua việc xây dựng nội dung truyền thông kỹ thuật số, sử dụng cả chữ viết tiếng Việt và các hệ thống chữ viết của các dân tộc khác.

Tăng cường sự tham gia và đóng góp tích cực của các đối tác Việt Nam trong dự án “Tăng cường tiếp cận thông tin và kiến thức thông qua thúc đẩy truyền thông dân tộc bằng công nghệ số.” Đài TNVN với vai trò là cơ quan điều phối, phối hợp với các đại diện của các cơ quan, ban, ngành, bao gồm Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông, Báo Dân tộc và Phát triển, Viện Xã hội học, Hội Văn Nghệ Dân Gian Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa Học về Giới – Gia Đình – Phụ Nữ và Vị Thành Niên (CSAGA) (một tổ chức phi chính phủ trong nước về giới, gia đình, phụ nữ và vị thành niên), thực hiện dự án đạt được những kết quả sau đây:

- **Lên một bảng kiểm để xây dựng cuốn Sổ tay Truyền thông dân tộc, tính tới các khía cạnh liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số như ngôn ngữ, thói quen, văn hóa, sự phù hợp và khả năng áp dụng, có xét đến các xu hướng công nghệ và số hóa trong truyền thông hiện nay cũng như hệ thống quy phạm pháp luật về thông tin và truyền thông ở Việt Nam.**
- **Tăng cường khả năng tiếp cận thông tin bằng tiếng dân tộc của dân tộc thiểu số** thông qua việc xây dựng tài liệu hướng dẫn theo bảng kiểm nội bộ.
- **Tại hội thảo tham vấn về cuốn Sổ tay Truyền thông dân tộc, các ý kiến đóng góp nêu rõ nội dung kỹ thuật số nêu trong Sổ tay cần thân thiện với người dùng, phù hợp về văn hóa, thúc đẩy truyền thông bằng tiếng dân tộc thiểu số, đồng thời đảm bảo khả năng tiếp cận tri thức và thông tin của người dân nông thôn, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.**
- Tháng 6 năm 2015, đề cương Sổ tay Truyền thông dân tộc được các tư vấn dự thảo với hỗ trợ của UNESCO và Đài Tiếng nói Việt Nam. Các tư vấn sau đó đã hoàn thiện nội dung tài liệu để hoàn tất dự thảo đầu tiên vào cuối tháng 7. Có 21 cơ quan truyền thông và các tổ chức về vấn đề dân tộc tham dự hội thảo tư vấn tài liệu này. Dự thảo được gửi tới 8 chuyên gia được chỉ định thuộc 8 cơ quan và tổ chức kể trên để đóng góp ý kiến.

Hội thảo tham vấn được tổ chức vào tháng 9 năm 2015 với sự tham gia của 41 đại biểu (22 trong số họ là nữ) thuộc 21 cơ quan truyền thông và các tổ chức liên quan. Các đại biểu đã đóng góp 50 ý kiến và khuyến nghị cho Dự thảo tài liệu, trong đó có 50% là nữ, từ các cơ quan truyền thông, dân tộc và giới được sử dụng hoàn thiện cuốn Sổ tay. Các nữ đại biểu cam kết áp dụng tài liệu này trong công việc của mình. Sau hội thảo, 3 tổ chức (Kênh truyền hình tiếng dân tộc thuộc Đài Truyền hình Việt Nam, Đài phát thanh - truyền hình Yên Bái và Hội Bảo vệ Quyền trẻ em Việt Nam), chủ động thí điểm Tài liệu từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2015. Tài liệu đã được Nhóm kỹ thuật hoàn thiện với sự hỗ trợ của UNESCO và được Đài Tiếng nói Việt Nam phê duyệt. Tài liệu được in ấn và ban đầu được phát cho 40 cơ quan, đơn vị truyền thông.





Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam

Điều 44: Tăng cường năng lực và khả năng nghiên cứu nhằm hỗ trợ việc chuẩn bị các hồ sơ đề cử mới đệ trình UNESCO công nhận là di sản vật thể và phi vật thể thế giới, thành viên của Mạng lưới các Công viên địa chất toàn cầu, chương trình Ký ức Thế giới, và cuối cùng là các cơ quan hoặc các nhóm UNESCO.

Tăng cường năng lực của chính quyền cấp tỉnh hỗ trợ quy trình đề cử và nỗ lực của địa phương bảo tồn và phát huy di sản có giá trị của Việt Nam. Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam đã hướng dẫn các nhóm chuyên gia cấp tỉnh và các nhóm công tác liên ngành chuẩn bị và đệ trình các hồ sơ đề cử lên UNESCO. Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam hướng dẫn về mặt kỹ thuật và đảm bảo đáp ứng các tiêu chí và tuân thủ các thủ tục cần thiết.

Các Khu dự trữ sinh quyển sau đây đã được chính thức công nhận:

- Khu dự trữ sinh quyển Mũi Cà Mau được công nhận là thành viên Mạng lưới khu dự trữ sinh quyển thế giới năm 2009, gồm 3 vùng lõi và nhiều hệ sinh thái đặc trưng điển hình như: Hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái rừng tràm trên đất ngập nước than bùn, hệ sinh thái biển. Vườn quốc gia Mũi Cà Mau, một trong 3 vùng lõi, được xem là rừng ngập mặn lớn nhất cả nước và là nơi cư trú của hơn 100 loài quý hiếm. Khu dự trữ sinh quyển này được đưa vào danh sách các ưu tiên vùng biển quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành và là một trong những khu vực trọng điểm để bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững đa dạng sinh học trong “Kế hoạch hành động quốc gia về đa dạng sinh học và Chiến lược thực hiện Công ước đa dạng sinh học đến năm 2020” năm 2010. Điều này khiến cho vị thế của Khu dự trữ sinh quyển càng trở nên ý nghĩa đối với công tác bảo tồn di sản thiên nhiên của đất nước.

Lễ đón Bằng chứng nhận được tổ chức vào tháng 10 năm 2010, nhằm vinh danh những nỗ lực to lớn của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, của chính quyền và người dân địa phương. Nhằm nêu bật vai trò của các Khu dự trữ sinh quyển trong việc thúc đẩy du lịch bền vững, Lễ đón Bằng chứng nhận diễn ra trùng với sự kiện “Tuần lễ Văn hóa - Du lịch Đất Mũi” đang diễn ra - một cơ hội duy nhất nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cân bằng giữa bảo tồn và phát triển kinh tế - xã hội. Có mặt tham dự buổi lễ, một Phó Thủ tướng đã nhấn mạnh vai trò của du lịch sinh thái trong bảo vệ môi trường và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần vào phát triển bền vững của Việt Nam.

Tại Buổi lễ đón Bằng chứng nhận, Trưởng Đại diện UNESCO tại Việt Nam đã nhấn mạnh rằng cần đặc biệt chú trọng đến công tác giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu đến Khu dự trữ sinh quyển, Có thể thực hiện được điều này bằng cách bảo vệ các rừng ngập mặn và khích lệ sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, cả hai đều đòi hỏi sự tham gia của cộng đồng cũng như giáo dục.

- Khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang thuộc Đồng bằng Sông Cửu Long được chính thức công nhận là thành viên Mạng lưới khu dự trữ sinh quyển thế giới năm 2006. Kiên Giang là Khu dự trữ sinh quyển rộng lớn nhất khu vực Đông Nam Á, gồm hai (2) Vườn Quốc gia, một (1) Khu Bảo tồn thiên nhiên và một (1) Khu bảo tồn biển, đồng thời là môi trường chứa đựng rất nhiều hệ sinh thái, từ rừng núi đá vôi và rừng ngập mặn, đến thềm bùn và rạn san hô. Đặc biệt, loài Cá Cúí (Đu-gông) nguy cấp trên toàn cầu, một loài động vật biển có kích cỡ trung bình, cư trú ở các thềm cỏ biển được tìm thấy ở Khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang, cũng như một số loài rùa biển nguy cấp.

Lễ đón Bằng công nhận Khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang là thành viên Mạng lưới khu dự trữ sinh quyển thế giới được tổ chức vào tháng 6 năm 2010 nhằm ghi nhận những nỗ lực của chính quyền địa phương, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và người dân cho sự nghiệp bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững, hợp tác xây dựng một mối quan hệ hài hòa giữa con người và thiên nhiên. Sự hợp tác giữa các bên liên quan là yếu tố hết sức quan trọng trước tình hình



biến đổi khí hậu, hiện tượng thiên nhiên vốn sẽ có những hậu quả nghiêm trọng đối với Đồng bằng Sông Cửu Long và các khu vực lân cận nếu như không có hành động phối hợp để giảm nhẹ tác động và thích ứng với những hệ lụy của nó. Với vị thế là Khu dự trữ sinh quyển, Kiên Giang được kỳ vọng sẽ giúp khu vực thí điểm phát triển bền vững và tăng cơ hội thu nhập và việc làm thông qua du lịch sinh thái.

- Miền tây Nghệ An được công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thuộc Mạng lưới khu dự trữ sinh quyển thế giới vào năm 2009 về tính đa dạng sinh học của nó, gồm một (1) Công viên quốc gia và hai (2) Khu dự trữ thiên nhiên, là nơi sinh sống của hàng nghìn loài thực vật và hàng trăm loại động vật. Ngoài ra, Khu dự trữ sinh quyển miền tây Nghệ An còn là nơi cư trú của một số đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm dân tộcƠ Đu, với dân số khoảng dưới 500 người hiện vẫn đang sinh sống trong khu dự trữ sinh quyển này.

Tại buổi lễ đón Bằng công nhận được tổ chức vào tháng 4 năm 2011, những nỗ lực của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, chính quyền tỉnh và người dân địa phương, sự đa dạng sinh học, văn hóa và truyền thống của Khu dự trữ sinh quyển miền tây Nghệ An được ghi nhận, đóng góp vào tiềm năng to lớn của khu vực về du lịch sinh thái, nghiên cứu, nâng cao nhận thức và giáo dục môi trường. Việc công nhận chính thức Miền tây Nghệ An là Khu dự trữ sinh quyển sẽ tạo điều kiện cho người dân, đặc biệt là người dânƠ Đu được hưởng lợi từ phát triển, cũng như sử dụng tri thức truyền thống của họ để cải thiện sinh kế và bảo vệ hệ sinh thái của khu dự trữ sinh quyển sở tại.

- Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai, gồm hai (2) vùng lõi mới được bổ sung, được chính thức công nhận vào năm 2011 là Khu dự trữ sinh quyển dưới dạng mở rộng trên cơ sở những thách thức mà khu vực này phải đối mặt do tốc độ phát triển kinh tế - xã hội. Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai trước đây có tên gọi là Khu dự trữ sinh quyển Cát Tiên, lần đầu tiên được công bố là Khu dự trữ sinh quyển của UNESCO vào năm 2001. UBND tỉnh Đồng Nai thực hiện mục tiêu hài hòa giữa công tác bảo tồn và phát triển cho Khu dự trữ sinh quyển này bằng cách tăng cường quy trình quản lý và điều phối thông qua việc huy động sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm 11 nhóm dân tộc thiểu số khác nhau. Khu dự trữ sinh quyển này là nơi sinh sống của 1.700 loài động vật quý hiếm, trong đó có 40 loài được liệt vào Danh mục các loài cực kỳ nguy cấp theo Sách đỏ IUCN.

Lễ đón Bằng công nhận nhằm tôn vinh những nỗ lực to lớn của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và chính quyền địa phương trong việc bảo vệ sinh học phong phú và văn hóa của Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai được tổ chức vào tháng 5 năm 2012. Bằng công nhận được trao cho Chủ tịch UBND tỉnh thay mặt cho chính quyền địa phương. Chủ tịch tỉnh Đồng Nai đã nhấn mạnh ý nghĩa của việc được công nhận là Khu dự trữ sinh quyển, đánh dấu một sự kiện ý nghĩa về mặt khoa học tự nhiên và xã hội, đồng thời ghi nhận những nỗ lực quý báu của Tỉnh ủy và nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tại lễ đón Bằng công nhận, Trưởng Đại diện UNESCO tại Việt Nam nhấn mạnh rằng Khu dự trữ sinh quyển là nơi cộng đồng địa phương tích cực tham gia vào công tác quản lý, nghiên cứu, giáo dục, đào tạo và giám sát để phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với bảo tồn. Ở đây, các thực tiễn phát triển bền vững được thí điểm và nghiên cứu, theo đó đóng góp vào những nỗ lực toàn cầu trong việc sống hài hòa với thiên nhiên.

Sau đây là những Di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận:

- Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc, những sự kiện vốn đã ăn sâu vào tâm trí của các cộng đồng thuộc khu vực Đồng bằng sông Hồng, được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại năm 2010. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng một kế hoạch hành động quốc gia để bảo tồn và phát huy giá trị của Hội Gióng, lễ hội văn hóa cổ truyền tái hiện diễn biến các trận đấu của Thánh Gióng và nhân dân Văn Lang vào thời Vua Hùng Vương thứ 6. Hội Gióng được tổ chức ở khắp miền Bắc, song lễ hội lớn nhất diễn ra ở Đền Phù Đổng và Đền Sóc, Hà Nội. Các nghi lễ truyền thống như lễ rước, lễ dâng hương, lễ khai quang - tắm cho pho tượng Thánh Gióng, lễ dâng hoa tre lên đền Thượng, nơi thờ Thánh Gióng, là



những nghi lễ không thể thiếu trong Hội Gióng để tưởng niệm và ca ngợi chiến công của người anh hùng truyền thuyết. Lễ đón Bằng công nhận được tổ chức vào ngày 22 tháng 1 năm 2011 tại Xã Phù Đổng, với sự tham dự của đại diện UBND Thành phố Hà Nội, Bộ VH-TT-DL, và UBQG UNESCO Việt Nam. Tại buổi lễ, đại diện Bộ VH-TT-DL đã bày tỏ cam kết thực hiện Chương trình hành động quốc gia giai đoạn 2011-2015 về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa.

- **Hát Xoan Phú Thọ được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp tại Hội nghị lần thứ 6 của Ủy ban Liên chính phủ về Bảo tồn Di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO vào năm 2011.** Các nghệ nhân Hát Xoan trước đây thường biểu diễn trong những không gian linh thiêng, như đình, chùa, miếu mạo. Có 3 hình thức Hát Xoan: hát thờ cúng các Vua Hùng và thần thành hoàng làng, hát nghi lễ cầu mùa tốt tươi, cầu sức khỏe và hát lễ hội là hình thức để nam nữ hát trao duyên. Hiện nay, toàn tỉnh chỉ còn lại 4 phường Xoan, song trong những năm gần đây số lượng câu lạc bộ và nhóm biểu diễn đã phục dựng làn điệu hát Xoan. Với việc được chính thức công nhận là di sản văn hóa phi vật thể, hình thức biểu diễn nghệ thuật này được kỳ vọng sẽ phát huy làn điệu âm nhạc này tiến xa hơn nữa, một làn điệu được truyền khẩu qua các trường phường Xoan – phần lớn trong số họ giờ đây đã ngoại lục tuần.

Lễ đón Bằng công nhận được tổ chức vào năm 2012 tại tỉnh Phú Thọ, với sự hiện diện của một vị Phó Thủ tướng, người đã có những đóng góp hết sức giá trị cho kế hoạch của tỉnh trong việc bảo tồn làn điệu hát Xoan và phát huy hình thức nghệ thuật này. Bằng công nhận được Trưởng Đại diện UNESCO tại Việt Nam trao cho tỉnh, đồng thời nêu bật tầm quan trọng của việc tiếp tục chuyển giao di sản văn hóa phi vật thể để đảm bảo rằng cả thế hệ những nghệ nhân đương đại và các thế hệ mai sau luôn có trách nhiệm duy trì sự trường tồn của nét đẹp truyền thống này.

- **Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở tỉnh Phú Thọ được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại** vào tháng 12 năm 2012. Giỗ Tổ Hùng Vương (hay còn gọi là Lễ hội đền Hùng) là một lễ hội lớn mang tầm vóc quốc gia ở Việt Nam, tưởng nhớ và tỏ lòng biết ơn công lao lập nước của các vua Hùng, những vị vua đầu tiên của dân tộc, được tổ chức tại Đền Hùng thuộc tỉnh Phú Thọ, trong đó người dân địa phương ăn mặc trong trang phục lộng lẫy, các đoàn rước kiệu theo nghi thức rất trọng thể và dâng hương hoa, lễ vật, các sản vật địa phương vào ngày chính hội. Một số lễ hội có quy mô nhỏ diễn ra trên toàn tỉnh và thậm chí ở các vùng lân cận. Lễ hội đền Hùng bao gồm các lễ hội dâng cúng, biểu diễn nghệ thuật dân gian, đánh trống, hát Xoan và cầu nguyện.

Lễ đón nhận danh hiệu Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại diễn ra tại một buổi lễ dâng hương vào năm 2013, được tổ chức tại Đền Thượng thuộc Quần thể di tích đền Hùng, với sự tham dự của Chủ tịch Quốc hội và Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cùng nhiều lãnh đạo khác. Việc công nhận này ghi nhận những nỗ lực của chính quyền địa phương trong việc bảo tồn và phát huy đạo lý, truyền thống thờ cúng các vua Hùng.

- **Đờn ca tài tử Nam Bộ được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại** vào năm 2013. Loại hình nghệ thuật dân gian đặc trưng này là một phần không tách rời của di sản văn hóa và tâm linh của người dân sinh sống ở miền Nam Việt Nam, biểu trưng cho cuộc sống thường nhật trên vùng đất và các con sông thuộc Vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Đờn ca tài tử Nam Bộ thường trình diễn trong các lễ hội, tại đám cưới, đám giỗ, sinh nhật. Người biểu diễn sẽ diễn tả ý nghĩ, tình cảm bằng việc phát triển và vận hành giai điệu và tiết tấu, sử dụng các loại hình nhạc cụ khác nhau. Loại hình diễn xướng này được dạy truyền khẩu từ nghệ nhân sang học trò, đòi hỏi phải theo học trong nhiều năm.

Lễ đón nhận Bằng chứng nhận Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại diễn ra vào tháng 2 năm 2014 nhằm ghi nhận nỗ lực của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, chính quyền địa phương thuộc 21 tỉnh, thành cũng như người dân địa phương trong việc bảo tồn và phát huy loại hình diễn xướng quan



trọng này. Buổi lễ đón Bằng công nhận được Thủ tướng Chính phủ chủ trì, với sự tham dự của các quan chức cấp cao bao gồm Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng như đại diện của UBND TP Hồ Chí Minh và các địa phương lân cận.

- **Dân ca Ví, giặm Nghệ Tĩnh được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại năm 2014.** Dân ca Ví, giặm Nghệ Tĩnh là hai lối hát dân ca không có nhạc đệm, được thực hành trong lao động và đời sống thường nhật: lúc ru con, khi làm ruộng, chèo thuyền hay làm nón lá. Ví, giặm có đặc tính địa phương về thang điệu, điệu thức, tiết tấu, giai điệu và giọng hát, trong đó đặc biệt chú trọng đến các giá trị cốt lõi, chẳng hạn như sự tận tụy và chu đáo, kính trọng bố mẹ, chung thủy và thật thà. Loại hình diễn xướng này được truyền dạy từ nghệ nhân sang học trò. Các sự kiện biểu diễn và sinh hoạt cộng đồng là dịp để các nghệ nhân học hỏi lẫn nhau và trình diễn các bài hát của họ.

Những nỗ lực của chính quyền tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh trong việc bảo tồn dân ca ví, giặm, như hỗ trợ các nghệ nhân địa phương và giáo dục cho thế hệ trẻ về loại hình nghệ thuật này thông qua nhà trường và truyền thông, đã được ghi nhận tại Lễ đón Bằng công nhận Di sản văn hóa phi vật thể vào năm 2015. Hiện nay, loại hình diễn xướng dân gian này quy tụ 260 làng, thôn ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, 51 câu lạc bộ dân ca Ví, Giặm và hơn 800 nghệ nhân đang tích cực bảo tồn nghệ thuật âm nhạc dân gian này, đồng thời thể hiện tình yêu cuộc sống, thể hiện khí chất, cốt cách của người dân Nghệ An và Hà Tĩnh.

Những di sản tư liệu sau đây được công nhận là Di sản tư liệu thế giới:

- **3.050 Mộc bản kinh Phật Chùa Vĩnh Nghiêm, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được công nhận là Di sản tư liệu Châu Á – Thái Bình Dương** vào năm 2012, là nguồn sử liệu quý giá về Phật giáo, đặc biệt là Phật Giáo Trúc Lâm Tây Thiên, bằng cả chữ Hán và chữ Nôm. 3.050 mộc bản ghi lại giáo lý, tư tưởng hành đạo, nghệ thuật châm cứu, và cách chữa bệnh bằng thuốc nam của nhà Phật. Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, chùa Vĩnh Nghiêm được chọn là một trong những trung tâm đào tạo của giáo hội Phật giáo Việt Nam, nơi cất giữ hồ sơ của tăng ni toàn quốc; đồng thời là trung tâm ấn hành, xuất bản lớn của Phật giáo Việt Nam. Đáng tiếc, hầu hết các mộc bản đều đã bị phá hủy hoặc bị mất do chiến tranh hoặc điều kiện thời tiết, khiến cho việc công nhận các mộc bản này là Kỳ ức Thế giới trong buổi lễ được long trọng tổ chức vào năm 2014, thời điểm mà ngôi chùa này được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, càng trở nên ý nghĩa hơn. Lễ đón nhận này được tổ chức tại Chùa Vĩnh Nghiêm, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với sự tham dự của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang, Đại diện của UNESCO và nhiều vị lãnh đạo cao cấp khác.
- **34.555 mộc bản Triều Nguyễn, giúp lưu lại những tác phẩm chính văn, chính sử do triều Nguyễn biên soạn, các sách kinh điển và sách lịch sử, đánh dấu sự phát triển của nghề khắc gỗ in ở Việt Nam, được công nhận là Di sản tư liệu thế giới vào năm 2009 do có những đóng góp giá trị của vào bảo tồn lịch sử, nghệ thuật và kỹ thuật chế tác.** Theo các chuyên gia, các mộc bản này được coi là kho báu quốc gia dưới thời phong kiến, chỉ những người có thẩm quyền và những người của quốc sử quán mới được phép làm việc với những mộc bản này. Hiện nay, các mộc bản triều Nguyễn được trưng bày tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV, TP Đà Lạt. **Buổi lễ công nhận diễn ra vào năm 2010**, tăng thêm trách nhiệm đối với quốc gia trong việc bảo tồn và phát huy di sản quý báu của dân tộc.
- **Châu bản triều Nguyễn được công nhận là Di sản tư liệu Châu Á – Thái Bình Dương năm 2014.** Hệ thống 85.000 văn bản có con dấu của 11 triều vua nhà Nguyễn; khối tài liệu này bao gồm văn bản do Hoàng đế ban hành, văn bản có bút tích phê duyệt của các Hoàng đế bằng mực son, một số văn kiện ngoại giao và thơ văn ngự chế, giúp phác họa một cách chi tiết bề dày 150 năm lịch sử phát triển chính trị, kinh tế - xã hội và văn hóa. Đó còn là những minh chứng cho thấy sự cam kết không ngừng đối với sự tiến bộ về văn hóa, khoa học và giáo dục vốn vẫn trường tồn đến tận ngày nay. Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước đã giao Trung tâm Lưu trữ quốc gia xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị của hệ thống các văn bản này, bao



gồm việc xây dựng một trang web để trưng bày hệ thống các văn bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh. **Những nỗ lực này được chính thức ghi nhận tại buổi lễ trao bằng chứng nhận di sản vào tháng 7 năm 2014.**

- **82 bia đá các khoa thi tiến sỹ triều Lê và Mạc (1442-1779) tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội, trường đại học đầu tiên của Việt Nam, được công nhận là Di sản tư liệu thế giới năm 2011.** Các bia đá này lưu danh những tiến sỹ đã thi đỗ trong các kỳ thi tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội, đồng thời ghi lại lịch sử trải dài suốt hơn 300 năm nền giáo dục và đào tạo của Việt Nam. Mỗi bia đá có khắc các thông tin chi tiết, như ngày tháng, họ và tên và chức danh của người tổng hợp nội dung bản khắc, người chỉnh sửa, nghệ nhân thư pháp, và người chạm khắc. Các tấm bia đá từ triều Lê và triều Mạc khác nhau về kiểu dáng thiết kế, hoa văn trang trí và loại chữ Hán, khiến cho chúng trở thành một di tích văn hóa độc đáo và có giá trị. Các tấm bia đá này được công nhận là Di sản tư liệu Châu Á – Thái Bình Dương vào năm 2009.

Những Khu di sản thế giới sau đây được công nhận:

- **Thành nhà Hồ tỉnh Thanh Hóa được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới** vào năm 2011. Thành được xây từ thế kỷ 14, tuân theo các nguyên tắc phong thủy. Việc xây thành cũng thể hiện một ví dụ đặc trưng về một kiểu hoàng thành mới ở khu vực Đông Nam Á, tại thời điểm khi vương quyền và giá trị Phật giáo truyền thống đã nhường chỗ cho xu hướng mới trong công nghệ, thương mại và quản trị tập trung. Đây là kinh đô nước Việt Nam từ năm 1398 đến 1407, đồng thời là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của Trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa của khu vực Bắc Trung Bộ Việt Nam từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18.

Lễ đón Bằng công nhận Di sản văn hóa thế giới được tổ chức vào năm 2012 để ghi nhận nỗ lực to lớn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, chính quyền tỉnh Thanh Hóa và người dân địa phương trong việc bảo tồn di sản cũng như quảng bá du lịch, bao gồm một chương trình nghệ thuật, trò chơi dân gian và buổi triển lãm được mở ngay trong dịp tổ chức Lễ đón Bằng công nhận.

- **Quần thể danh thắng Tràng An được công nhận là Khu di sản thế giới năm 2014, đưa địa danh này trở thành di sản thế giới kép đầu tiên của Việt Nam.** Qua khảo sát, nghiên cứu, các nhà khoa học đã xác định được những dấu tích của con người có niên đại khoảng 30.000 năm trước. Những dấu tích khảo cổ quan trọng này minh chứng cho sự thích nghi của những đội thợ săn theo mùa với sự biến đổi khí hậu và môi trường, trong đó có tình trạng lũ lụt lặp đi lặp lại ở khu vực ven biển.

Bằng công nhận chính thức được trao cho lãnh đạo tỉnh Ninh Bình vào tháng 1 năm 2015 nhằm ghi nhận những nỗ lực quý báu của Chính phủ Việt Nam, cụ thể là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, địa phương có liên quan, trong việc bảo tồn và phát huy di sản, dự kiến số lượng du khách đến thăm sẽ tăng đáng kể. Tỉnh Ninh Bình được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch bảo tồn khu di sản, trong đó đặc biệt chú trọng phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và nghiên cứu về giá trị văn hóa và lịch sử, cũng như các hoạt động du lịch theo định hướng ưu tiên bảo vệ môi trường.

Công viên địa chất toàn cầu sau đây được công nhận:



- Cao nguyên đá Đồng Văn được tái công nhận là thành viên Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu với việc UNESCO trao Bằng công nhận cho Lãnh đạo tỉnh Hà Giang năm 2014. Cao nguyên đá Đồng Văn lần đầu tiên được công nhận là thành viên của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu vào năm 2010 để ghi nhận những giá trị địa chất độc đáo của di sản này, và theo thống kê của các nhà khoa học, thì có tới 45 di sản địa mạo và 33 di sản kiến tạo. Tính trung bình, Cao nguyên đá Đồng Văn nằm trên độ cao trung bình từ 1.400 - 1.600m so với mực nước biển, với những dãy núi đá vô kỳ vĩ. Công viên địa chất được coi trọng ở cả tầm quốc gia lẫn quốc tế nhờ mức độ đa dạng sinh học dồi dào, tiềm năng du lịch to lớn, cũng như di sản văn hóa của nó. Vì vậy, việc công nhận địa danh là Công viên địa chất sẽ giúp quảng bá cho khu di sản này hơn nữa.

Điều 45: Hỗ trợ việc xây dựng năng lực chuyển thể các tài liệu và những sách tham khảo cơ bản khác có giá trị của UNESCO sang tiếng Việt và phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

Việt Nam được tiếp cận các văn bản và tài liệu hướng dẫn của UNESCO. UNESCO Việt Nam đã hỗ trợ Việt Nam dịch sang tiếng Việt và hiệu chỉnh hệ thống các văn bản, tài liệu sau:

- Công ước liên quan đến bảo vệ di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới 1972, trong đó xác định những di sản thiên nhiên và văn hóa cũng như tài liệu hóa quy trình chính thức bắt buộc phải tuân thủ để được công nhận là Di sản thế giới.
- Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể 2003, trong đó xác định di sản văn hóa phi vật thể là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kĩ năng được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác. Công ước cam kết đảm bảo sự tôn trọng đối với tất cả các loại hình di sản văn hóa phi vật thể; nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể; và quy định về hợp tác và hỗ trợ quốc tế.
- Công ước về bảo vệ và phát triển sự đa dạng của biểu đạt văn hóa 2005, trong đó nêu bật những lợi ích của đa dạng văn hóa, đồng thời ghi nhận và cung cấp các biện pháp bảo vệ. Công ước cũng kêu gọi các quốc gia thành viên cần phải thúc đẩy sự cởi mở đối với các nền văn hóa khác trên thế giới.
- Công ước về các biện pháp ngăn cấm nhập khẩu, xuất khẩu và chuyển giao quyền sở hữu trái phép tài sản văn hóa 1970, yêu cầu các quốc gia thành viên cần phải tiến hành các biện pháp bảo vệ để ngăn cấm nhập khẩu, xuất khẩu trái phép tài sản văn hóa; trả lại tài sản văn hóa cho chủ sở hữu hợp pháp; và xây dựng một khung hợp tác quốc tế để thắt chặt sự gắn kết giữa các bên.
- Tài liệu hướng dẫn thực hiện Công ước di sản thế giới, đề ra các chỉ dẫn cho các quốc gia thành viên của Công ước liên quan đến bảo vệ di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới.



Điều 46: Hỗ trợ Mạng lưới Dự án các trường liên kết của UNESCO.

Chương trình Giáo dục Không gian của UNESCO thúc đẩy các hoạt động hợp tác trong khoa học và ngoại giao, thông qua việc trao tặng 100 kính thiên văn cho 23 nhà trường trong khuôn khổ Mạng lưới Dự án các trường liên kết của UNESCO tại Hà Nội, giúp tăng cường năng lực nghiên cứu và giáo dục chất lượng cho mọi người. Cá nhân Bà Irina Bokova, Tổng giám đốc UNESCO, đã trao tặng kính thiên văn cho một trong những trường học nhân chuyến thăm chính thức của Bà tới Việt Nam vào tháng 10 năm 2010 nhân dịp Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã trao tặng thêm 30 kính thiên văn cho các nhà trường khác.

Ba (3) trường học của Việt Nam đã tăng cường năng lực cung cấp các bữa ăn dinh dưỡng thông qua Chương trình Sáng kiến Hoàng gia của Công chúa Thái Lan Maha Chakri Sirindhorn. Chương trình này, do Văn phòng UNESCO Băng Cốc phụ trách, nhằm mục đích cải thiện chất lượng cuộc sống của trẻ em và thanh niên ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Thông qua Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, Công chúa Thái Lan đã tài trợ cho 3 nhà trường ở Việt Nam, đó là: Tiểu học và Trung học Cơ sở Hùng Thắng (Quảng Ninh), Trường Trung học Cơ sở Cao Sơn (Hòa Bình) và Trường Tiểu học Ninh Mỹ (Ninh Bình). Nhà bếp được xây dựng, rau sạch được tự trồng và gà tự nuôi nhằm cải thiện chất lượng thực phẩm, dinh dưỡng và các điều kiện vệ sinh đối với học sinh. Các nhà trường đã xây dựng cơ chế tiếp tục huy động kinh phí bổ sung nhằm đáp ứng nhu cầu.

Tháng 4 năm 2011, các đại diện của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và Trường Đại diện UNESCO Việt Nam đã tháp tùng Công chúa trong chuyến thăm giám sát tới các nhà trường tại Vịnh Hạ Long, và đã nghe các hiệu trưởng, giáo viên và học sinh báo cáo về những kết quả của Chương trình.

Tháng 5 năm 2015, được Trường Đại diện UNESCO tại Việt Nam tháp tùng Công chúa Maha Chakri Sirindhorn đến thăm Trường Tiểu học Ninh Mỹ (Ninh Bình), một trong 3 nhà trường được hưởng lợi từ Chương trình Sáng kiến Hoàng gia. Trong chuyến thăm này, Công chúa được nghe các em học sinh, giáo viên và cán bộ quản lý nhà trường trình bày về những thay đổi tích cực diễn ra trong nhà trường và trong bản thân các em học sinh nhờ có sự tác động và hỗ trợ của Chương trình, đồng thời được đi tham quan các dự án bữa ăn dinh dưỡng, sức khỏe và vệ sinh, dạy nghề, nông nghiệp và bảo vệ môi trường đang được triển khai tại nhà trường trong khuôn khổ Sáng kiến này.

Thể hiện nghĩa cử đoàn kết, tương thân, tương ái và động viên người dân Nhật Bản, tháng 3 năm 2011, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và 30 nhà trường khởi xướng sáng kiến nhằm hỗ trợ cho các nạn nhân của Nhật Bản trong trận động đất và sóng thần Tohoku bằng việc các em học sinh viết thư và biểu ngữ ủng hộ để gửi sang Nhật Bản.

Học sinh và giáo viên các trường trung học ở tỉnh Quảng Ninh đã nâng cao nhận thức về công tác bảo tồn di sản, các hoạt động của UNESCO và Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam khi tham gia cuộc thi giải đố của UNESCO, được tổ chức nhân kỷ niệm 35 năm Ngày thành lập Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh).



Điều 47: Tăng cường hợp tác giữa Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam và các Ủy ban quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới, tăng cường trao đổi thông tin và kinh nghiệm điển hình cũng như các chương trình thực tập dành cho cán bộ của Ủy ban.

Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam đã hỗ trợ tổ chức một hội nghị tham vấn của Tổng Giám đốc UNESCO với các Quốc gia Thành viên và các Ủy ban Quốc gia UNESCO của các nước thuộc khu vực Châu Á – Thái Bình Dương trong quá trình xây dựng Chiến lược trung hạn giai đoạn 2014-2021 của UNESCO (37 C/4), Chương trình hành động và Kế hoạch ngân sách giai đoạn 2014-2017 (37 C/5), phối hợp với tỉnh Thanh Hóa và UNESCO Việt Nam. Các đoàn đại biểu đến từ 30 Quốc gia Thành viên khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (trong tổng số 46 quốc gia) đã đến tham dự hội nghị tham vấn và Lễ kỷ niệm 35 năm Ngày thành lập Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam diễn ra tại Hà Nội cũng như Lễ đón bằng công nhận Thành Nhà Hồ là Di sản văn hóa thế giới do UNESCO trao tặng tại tỉnh Thanh Hóa. Các cuộc thảo luận của đại biểu đã mang lại những thông tin rất giá trị cho Vụ kế hoạch chiến lược của UNESCO (BSP) để lập kế hoạch cho chu kỳ thực hiện tiếp theo của UNESCO là 37 C/5 và 37 C/4.

Nâng cao nhận thức của người dân về Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và UNESCO thông qua Lễ kỷ niệm 35 năm Ngày thành lập Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam tại Hà Nội vào tháng 6 năm 2012, với sự tham gia của Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Phó Tổng Giám đốc UNESCO phụ trách về quan hệ đối ngoại và hợp tác, Chủ tịch Ủy ban quốc gia UNESCO thuộc các quốc gia Châu Á – Thái Bình Dương. Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam đón nhận Huân chương Độc lập Hạng Ba do Phó Chủ tịch nước, thay mặt Đảng và Nhà nước, trao tặng. Sự kiện này đã nâng cao hình ảnh của Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam cũng như UNESCO.

Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, với sự hỗ trợ của UBND tỉnh Ninh Bình và UNESCO, đã tổ chức “**Hội nghị khu vực ASEAN về vai trò của các Khu di sản thế giới, Khu dự trữ sinh quyển và Công viên địa chất đến sự nghiệp phát triển bền vững**” (nội dung này cũng đã được báo cáo tại Điều 14), với sự tham gia của các đại biểu quốc tế đến từ các quốc gia ASEAN, Trung Quốc, Cộng hòa Hàn Quốc, Trưởng Đại diện UNESCO tại Hà Nội, Jakarta và Phnom Penh, và hơn 100 đại biểu trong nước. Trong Tuyên bố Ninh Bình, các đại biểu đều coi Công ước Di sản Thế giới là một công cụ quan trọng và nhất trí đưa ra những tuyên bố sau đây:

- I. Chính quyền, đoàn thể và các nhà quản lý khu di sản thế giới cần phối hợp chặt chẽ để đảm bảo công tác bảo tồn các Giá trị Nổi bật Toàn cầu của các Khu di sản thế giới cũng như sự thống nhất giữa hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong nước với các hiệp ước quốc tế và thông lệ tốt nhất, song đồng thời phải xét đến những đặc trưng cơ bản của từng di sản, để tăng cường công tác bảo vệ di sản và góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững;
- II. Sự tham gia của cộng đồng địa phương trong việc quản lý Di sản thế giới và các khu di sản được UNESCO công nhận cần phải được đảm bảo sao cho họ có thể áp dụng những tri thức, kỹ năng và thực tiễn truyền thống vào việc bảo tồn các khu di sản, đồng thời được hưởng lợi kinh tế - xã hội từ những khu di sản ấy, đảm bảo rằng di sản văn hóa phi vật thể của các cộng đồng địa phương phải được trân trọng và chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác;
- III. Người dân, và giới trẻ nói riêng, cần được khích lệ học hỏi nhiều hơn nữa từ các khu di sản được UNESCO công nhận và tham gia vào quá trình bảo vệ khu di sản. Cần phải tổ chức các chương trình giáo dục tại chỗ và tiếp cận các đối tượng mục tiêu, qua đó người dân có thể củng cố kiến thức về môi trường xung quanh cũng như nâng cao nhận thức của họ về sự cần thiết phải bảo tồn di sản;



- IV. Các khu di sản cần phải đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho công tác nghiên cứu khoa học và nghiên cứu xã hội, từ đó những kết quả nghiên cứu cần được phổ biến tới các bên liên quan trên địa bàn nhằm thông tin cho quá trình ra quyết định. Mỗi liên hệ giữa các khu di sản và các cơ quan nghiên cứu cần được tăng cường;
- V. Công tác giảm nhẹ và thích ứng biến đổi khí hậu, cũng như phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro thảm họa cần được đưa thành nội dung không tách rời của các chương trình truyền thông, giáo dục, tiếp cận các đối tượng mục tiêu và nghiên cứu tại các khu di sản.

Các đại biểu thuộc Chương trình Con người và Sinh quyển (MAB) Đông Ti-mo và Phi-líp-pin đã được thông tin về các hoạt động của UNESCO Việt Nam tại các Khu dự trữ sinh quyển, nhân chuyến thăm Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà do UNESCO Jakarta và Việt Nam phối hợp tổ chức, qua đó giới thiệu tới các đại biểu tình hình thực hiện Chương trình BREES tại Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà và các nhà quản lý khu di sản cũng như các đối tượng hưởng lợi. Đoàn đại biểu cũng đã gặp gỡ đội ngũ cán bộ của UNESCO Việt Nam, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và Chương trình Con người và Sinh quyển Việt Nam để thảo luận về những thách thức và đề xuất các giải pháp khả thi cho các Khu dự trữ sinh quyển ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

Kinh nghiệm của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam trong việc thực hiện Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững và tăng cường năng lực cho các cơ sở giáo dục đã được chia sẻ với đoàn đại biểu Ủy ban Quốc gia UNESCO Lào nhân chuyến thăm của đoàn tới Việt Nam.

Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và Ủy ban Quốc gia UNESCO Hàn Quốc đã tăng cường hợp tác thông qua việc tổ chức một số hoạt động phối hợp, bao gồm:

- **Hội thảo quốc tế: “Tính bền vững xã hội của các quận, huyện lịch sử ở Hà Nội”**, được tổ chức phối hợp với Trường Đại học Yonsei và Trường Đại học Xây dựng Hà Nội để chia sẻ kinh nghiệm về công tác bảo tồn các khu di tích lịch sử (nội dung này cũng đã được báo cáo tại Điều 24);
- **Khởi xướng các dự án du lịch văn hóa ở Khu Di sản Thế giới Mỹ Sơn và Khu Di sản Thế giới Hội An**, trong khuôn khổ Chương trình Hợp tác Công – Tư (PPP) với Quỹ Tín thác Hàn Quốc và Hãng hàng không Asiana Airlines (được mô tả cụ thể tại Điều 30). Nhờ có tài trợ, hai (2) khu di sản thế giới này đã lắp đặt được hệ thống đèn chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời, theo đó giúp giảm đáng kể lượng phát thải các-bon, tương đương với việc phải trồng hơn 80 cây xanh.
- **Hội thảo quốc tế: “Thúc đẩy tính sáng tạo trong ngành công nghiệp”** nhằm chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghiệp sáng tạo và thiết kế. Thành phần đại biểu bao gồm đại diện các trường đại học thiết kế, các cơ quan chính phủ và khu vực kinh tế tư nhân;

Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam đã hỗ trợ đoàn đại biểu đến từ Viện Khoa học xã hội Việt Nam tham gia Diễn đàn quốc tế về hòa giải lịch sử khu vực Đông Á 2011 (“2011 International Forum on Historical Reconciliation in East Asia”) do Ủy ban Quốc gia UNESCO Hàn Quốc tổ chức tại Băng Cốc, Thái Lan. Lần đầu tiên trong lịch sử, Diễn đàn mở rộng phạm vi đối thoại học thuật về việc hòa giải lịch sử bằng việc tính cả khu vực Đông Nam Á trong một nỗ lực nhằm tìm ra di sản văn hóa và lịch sử chung trong khu vực cũng như góp phần xây dựng một tầm nhìn chung cho tương lai.



Điều 48: Tiếp tục tăng cường năng lực của Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam, Ban thư ký của Ủy ban và các Tiểu ban, các Ủy ban và cơ quan chuyên môn trực thuộc.

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam đã giúp tăng cường năng lực của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam. Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam có chức năng tư vấn, giúp Thủ tướng chỉ đạo, phối hợp các hoạt động của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về những hoạt động sau:

- I. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động của các Bộ, ngành và địa phương có liên quan và Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam trong việc hợp tác với UNESCO, và
- II. Phối hợp và điều hòa hoạt động của các Bộ, ngành và địa phương có liên quan trong công tác UNESCO. Theo Quyết định này, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam được kiện toàn bằng việc thành lập các tiểu ban tương ứng với từng lĩnh vực hoạt động của UNESCO dưới sự chỉ đạo của Thứ trưởng của các Bộ chủ quản ứng với ngành đó.

Để thi hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam đã xây dựng và thông qua quy chế hoạt động mới, tăng cường chức năng cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và từng tiểu ban chuyên môn của mình. Kết quả là đã tăng cường và mở rộng các mối quan hệ hợp tác, không chỉ giữa Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, mà còn giữa các đơn vị chuyên môn trong chính tổ chức.

Đại diện của 5 tiểu ban chuyên môn thuộc Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, đầu mối liên lạc của Chương trình Ký ức Thế giới và Ban thư ký của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam đã tham gia đoàn đại biểu tham dự Đại hội đồng UNESCO lần thứ 36 và các cuộc họp liên quan, tăng cường năng lực và củng cố mối quan hệ với UNESCO. Một số cuộc họp được tổ chức giữa Tổng thư ký và cán bộ của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, UNESCO Việt Nam và các phòng, ban thuộc các lĩnh vực tương ứng của UNESCO trong thời gian diễn ra Đại hội đồng để thảo luận công tác xây dựng kế hoạch và phối hợp thực hiện trong giai đoạn 2 năm tiếp theo.



United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization

Tổ chức Giáo dục,
Khoa học và Văn hóa
của Liên Hợp Quốc

Ha Noi Office

Office of the Representative to
the Socialist Republic of Viet Nam
Member of United Nations Team

Văn phòng Hà Nội

Văn phòng Đại diện tại nước
Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Thành viên của Liên Hợp Quốc



United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization

Tổ chức Giáo dục,
Khoa học và Văn hóa
của Liên Hợp Quốc

Viet Nam
National Commission
for UNESCO

Ủy ban Quốc gia
UNESCO Việt Nam